



# THÔNG TIN CHUYÊN ĐỀ

TRUNG TÂM THÔNG TIN KHOA HỌC - HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

**VAI TRÒ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM  
TRONG THỜI KỲ ĐỔI MỚI**

**HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN**

**ACADEMY OF JOURNALISM & COMMUNICATION**

**Địa chỉ: 36 Xuân Thủy, Dịch Vọng Hậu, Cầu Giấy, Hà Nội**



# THÔNG TIN CHUYÊN ĐỀ

TRUNG TÂM THÔNG TIN KHOA HỌC - HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN



## BAN CHỈ ĐẠO

PGS, TS Phạm Minh Sơn  
PGS, TS Lưu Văn Quảng  
TS Nguyễn Đức Toàn

## BAN BIÊN TẬP

PGS, TS Vũ Thanh Vân  
ThS Vũ Thị Hồng Luyện  
ThS Nguyễn Việt Hà  
Phạm Thị Hằng  
Nguyễn Thị Kiều Trinh

Địa chỉ: 36 Xuân Thủy - Cầu Giấy - Hà Nội

## PHẦN I - CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ VAI TRÒ LÃNH ĐẠO, CẦM QUYỀN CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

### • ĐOÀN MINH HUẤN

Đảng Cộng sản Việt Nam: một đảng hiện thân “là đạo đức, là văn minh”

3

### • MẠCH QUANG THẮNG

Đảng Cộng sản Việt Nam "Đảng của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam"

19

### • TRẦN ĐÌNH HUỖNH

Đảng Cộng sản Việt Nam quang vinh, sứ mệnh trước giai đoạn lịch sử mới

29

### • BÙI ĐÌNH PHONG

Sự độc đáo, sáng tạo, trí tuệ, bản lĩnh của Đảng Cộng sản Việt Nam

37

### • NGUYỄN MẠNH HÀ - VŨ THỊ HỒNG DUNG

Lý do Nguyễn Ái Quốc và Đảng Cộng sản Việt Nam chọn con đường xã hội chủ nghĩa

51

### • PHẠM VĂN HỒ

Vai trò của Nguyễn Ái Quốc đối với sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam

64

• **NGUYỄN VĂN QUANG - NGUYỄN HẢI THANH**

Khẳng định tính chính đáng trong cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam **79**

• **LÊ MINH QUÂN**

Những giá trị cơ bản trong đường lối chính trị của Đảng Cộng sản Việt Nam thời kỳ đổi mới **93**

• **ĐỖ NGỌC NINH**

Một số vấn đề lý luận chung về năng lực cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam **107**

• **TRƯƠNG NGỌC NAM**

Nhận thức chung về vấn đề giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản trong xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam và hiện đại hóa mô hình chủ nghĩa xã hội đặc sắc Trung Quốc **114**

**PHẦN II - VAI TRÒ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM TRONG THỜI KỲ ĐỔI MỚI**

• **LÊ HỮU NGHĨA**

Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương thức lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đáp ứng yêu cầu mới **136**

• **TRẦN VĂN PHÒNG**

Giải pháp nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam **147**

• **ĐẶNG QUANG ĐỊNH**

Đảng Cộng sản Việt Nam kiên định, vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong quá trình lãnh đạo công cuộc đổi mới đất nước **159**

• **NGUYỄN T. THU HUYỀN - PHẠM MINH HOÀNG**

Đảng Cộng sản Việt Nam vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh trong xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa **176**

• **TRẦN THỊ THU HƯƠNG**

Đảng Cộng sản Việt Nam nâng cao năng lực cầm quyền qua 35 năm đổi mới - thực tiễn và kinh nghiệm **193**

• **LÊ KIM VIỆT**

Đảng Cộng sản Việt Nam vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh về cán bộ và công tác cán bộ trong giai đoạn phát triển mới **209**

• **PHẠM TẮT THẮNG**

Các yếu tố cấu thành thể chế Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, cầm quyền **225**

• **TRẦN T. KIM NINH - VŨ T. THANH MAI**

Tinh gọn bộ máy của hệ thống chính trị: Từ chỉ dẫn của Chủ tịch Hồ Chí Minh đến định hướng của Đảng Cộng sản Việt Nam hiện nay **241**

• **NGUYỄN QUỲNH ANH**

Vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam trong thực thi các công ước quốc tế về quyền con người **255**

• **HOÀNG VĂN TÚ - TRẦN VĂN TÀI**

Những biểu hiện tham nhũng - Từ quan điểm của Hồ Chí Minh đến quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam **269**

## LỜI GIỚI THIỆU

Trong tiến trình lịch sử cách mạng Việt Nam, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn giữ vai trò lãnh đạo, là nhân tố hàng đầu quyết định mọi thắng lợi của sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Bước vào thời kỳ đổi mới, trước những biến đổi sâu sắc của tình hình thế giới và yêu cầu phát triển nhanh, bền vững của đất nước, vai trò lãnh đạo và năng lực cầm quyền của Đảng tiếp tục được khẳng định, đồng thời đặt ra nhiều vấn đề mới cần được nghiên cứu, làm rõ cả về phương diện lý luận và thực tiễn.

Trên cơ sở kế thừa và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, Đảng Cộng sản Việt Nam không ngừng đổi mới phương thức lãnh đạo, nâng cao năng lực cầm quyền, đáp ứng yêu cầu của thực tiễn trong bối cảnh toàn cầu hóa và cách mạng khoa học - công nghệ. Những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử đạt được sau hơn 35 năm đổi mới là minh chứng sinh động cho vai trò lãnh đạo đúng đắn, sáng tạo của Đảng.

Để giúp bạn đọc có tài liệu nghiên cứu sâu hơn, làm rõ những vấn đề cơ bản về cơ sở lý luận, lịch sử hình thành và phát triển vai trò lãnh đạo của Đảng, chúng tôi sưu tầm, tuyển chọn một số bài viết của các học giả, nhà nghiên cứu uy tín trên các tạp chí khoa học chuyên ngành, biên soạn ấn phẩm Thông tin chuyên đề số 1/2026 với chủ đề ***“Vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam trong thời kỳ đổi mới”***. Kết cấu thông tin chuyên đề gồm hai phần:

**Phần I:** *Cơ sở lý luận về vai trò lãnh đạo, cầm quyền của Đảng*

---

*Cộng sản Việt Nam*

**Phần II:** *Vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam trong thời kỳ đổi mới*

Trong quá trình biên soạn ấn phẩm, chúng tôi có sử dụng một số tài liệu từ các tạp chí và internet mà chưa có điều kiện xin phép trực tiếp tác giả. Ấn phẩm chỉ sử dụng với mục đích làm tài liệu tham khảo nội bộ, không vì mục đích kinh doanh. Chúng tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành đến các tác giả. Mặc dù Ban Biên tập đã hết sức cố gắng, song trong quá trình biên tập, không tránh khỏi khiếm khuyết. Rất mong nhận được ý kiến đóng góp của bạn đọc.

**Trân trọng cảm ơn!**

**BAN BIÊN TẬP**

**PHẦN I**  
**CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ VAI TRÒ LÃNH ĐẠO,**  
**CẦM QUYỀN CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**

---

**ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM: MỘT ĐẢNG HIỆN THÂN**  
**“LÀ ĐẠO ĐỨC, LÀ VĂN MINH”**

**PGS, TS. ĐOÀN MINH HUẤN**  
**Ủy viên Trung ương Đảng,**  
**Tổng Biên tập Tạp chí Cộng sản**

Luận điểm “Đảng ta là đạo đức, là văn minh” theo tư tưởng Hồ Chí Minh đã được cắt nghĩa từ những chiều cạnh, phương diện khác nhau. Bài viết góp phần làm rõ hơn phẩm cách “đạo đức”, “văn minh” của toàn Đảng và mỗi đảng viên; qua đó, khẳng định tính tiên phong, gương mẫu, vai trò lãnh đạo và trách nhiệm cầm quyền cũng như bản chất của một đảng mác-xít chân chính.

“**Đ**ạo đức”, “văn minh” là những khái niệm của triết học, văn hóa học, đạo đức học,... bên cạnh những giá trị chung mang tính xã hội còn có những giá trị riêng do quy định của tính giai cấp và điều kiện lịch sử - cụ thể. Đối với Đảng ta, khi nói “xây dựng Đảng về đạo đức” thì đạo đức ở đây chính là đạo đức cách mạng, phân biệt với đạo đức phong kiến, đạo đức tư sản... Đạo đức cách mạng bao gồm các nguyên tắc, chuẩn mực phản

ánh bản chất của Đảng, có tác dụng điều chỉnh hoạt động trong toàn Đảng và mỗi đảng viên, có tính lan tỏa, định hướng đạo đức xã hội nhằm thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, lý tưởng cao đẹp đã đề ra. Đạo đức cách mạng là cốt lõi của văn hóa chính trị, văn hóa cầm quyền. Nói tới “văn minh” trong trường hợp này là nói tới trình độ lãnh đạo, quản lý của một chính đảng, một nhà nước, rộng hơn là các chủ thể quản trị quốc gia, mà thước đo được đánh giá ở tính ưu việt, tiến bộ, vượt qua cái thoái bộ, lạc hậu. Khi nói “Đảng ta là đạo đức, là văn minh” là bao hàm cả đạo đức, văn minh của toàn Đảng và đạo đức, văn minh của mỗi đảng viên; thể hiện ở bản chất, mục tiêu, sứ mệnh, tổ chức và hoạt động, phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng, tư cách, nghĩa vụ và hành động của người đảng viên.

1- Bản chất chính là phần “lõi” làm nên phẩm cách “đạo đức”, “văn minh” của một đảng chính trị, mà nếu xa rời phần “lõi” ấy thì cũng đồng nghĩa với suy thoái đạo đức và đi ngược lại văn minh. Đây là xem xét mặt đạo đức, văn minh từ mục đích hướng tới, đối tượng phục vụ, nhờ đó minh định hoạt động của một đảng chính trị thúc đẩy cái tiến bộ, văn minh hay duy trì, bảo vệ cái thoái bộ, phản văn minh; vì lợi ích công hay lợi ích tư; vì quyền lợi của đa số nhân dân hay vì “lợi ích nhóm” của thiểu số lực lượng cầm quyền.

Đảng Cộng sản Việt Nam là Đảng của giai cấp công nhân, đội tiên phong của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam; đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của dân tộc. Bản chất của Đảng được khẳng định không chỉ qua tuyên ngôn chính trị, mà quan trọng hơn là bằng hành

động chính trị, với sự thống nhất giữa tri và hành, giữa lời nói và việc làm. Ngay từ khi mới ra đời và trong suốt tiến trình cách mạng, Đảng Cộng sản Việt Nam đã công khai tuyên bố bản chất của mình gắn với mục đích xây dựng một nước Việt Nam độc lập, dân chủ, giàu mạnh, xã hội công bằng, văn minh, không còn tình trạng người bóc lột người, thực hiện thành công chủ nghĩa xã hội và cuối cùng là chủ nghĩa cộng sản. Bản chất, mục đích đó khẳng định sứ mệnh của Đảng là phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân, vì lợi ích tối cao của quốc gia - dân tộc, vì tiến bộ xã hội, kết hợp chặt chẽ giữa chủ nghĩa yêu nước chân chính với chủ nghĩa quốc tế trong sáng của giai cấp công nhân, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội của nhân dân thế giới. Giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng xã hội, giải phóng con người là một sự nghiệp cao cả, hiện thân cho đạo đức, văn minh, đối lập với thực dân, bóc lột, áp bức, bất công, chà đạp lên phẩm giá con người là phi đạo đức, phản văn minh. Hiện thân “là đạo đức, là văn minh”, bởi ngoài lợi ích của quốc gia - dân tộc, đem lại cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc cho nhân dân, vì tiến bộ xã hội, văn minh cho nhân loại, Đảng ta không có lợi ích nào khác.

Công khai tuyên bố bản chất, mục đích, sứ mệnh không chỉ có ý nghĩa tạo dựng ngọn cờ dẫn lối, soi đường, thống nhất hành động trong Đảng, tập hợp lực lượng dân tộc, đoàn kết quốc tế, mà còn là cơ sở cho nhân dân giám sát Đảng qua hành động thực tế. Đó là phẩm chất đạo đức, tính chính đáng của một đảng mác-xít chân chính. Điều này khác biệt hoàn toàn với không ít đảng phái trên thế giới, dù mang

tên Đảng Công nhân (Labour Party) hoặc Đảng Dân tộc (Nation Party),... nhưng trên thực tế lại không hề phản ánh bản chất giai cấp công nhân, không đại diện cho lợi ích của dân tộc và nhân dân lao động. Rất phổ biến trong các nền dân chủ đa nguyên phương Tây là mỗi chính đảng đại diện cho lợi ích của một phe nhóm, tập đoàn người cụ thể, mà trong nhiều trường hợp vì lợi ích ích kỷ của phe nhóm sẵn sàng hy sinh lợi ích của đa số nhân dân lao động.

2- “Đạo đức”, “văn minh” của Đảng thể hiện trước hết ở sự kiên định chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa trí tuệ của nhân loại, nắm vững quy luật khách quan, xu thế của thời đại và thực tiễn đất nước để đề ra Cương lĩnh chính trị, đường lối cách mạng đúng đắn, phù hợp với nguyện vọng của nhân dân. Đây là đạo đức, văn minh xét từ phương diện hoạch định đường lối chính trị trung thành với nền tảng tư tưởng đã lựa chọn và ý thức, trách nhiệm kế thừa, phát huy các giá trị truyền thống dân tộc và tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại.

Kiên định với lòng trung thành và tinh thần sáng tạo “là đạo đức, là văn minh”, khác biệt hoàn toàn với bảo thủ, giáo điều hoặc cơ hội chính trị. Phải trong những hoàn cảnh khó khăn, thử thách mới biết đâu là kiên định, đâu là thói xu thời, cơ hội chính trị, nhất là vào thời điểm chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và các nước Đông Âu sụp đổ, không ít Đảng Cộng sản từ bỏ lời thề ban đầu, phản bội chủ nghĩa Mác - Lê-nin. Trên tinh thần kiên định và sáng tạo, ngay từ khi bắt đầu khởi động công cuộc đổi mới, Đảng ta khẳng định dứt khoát, đổi mới tư duy là nhằm khắc phục những quan niệm không đúng, làm

phong phú những quan niệm đúng về thời đại, về chủ nghĩa xã hội, vận dụng sáng tạo và phát triển, chứ không phải xa rời những nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lê-nin. Đổi mới không phải là thay đổi mục tiêu xã hội chủ nghĩa, mà là làm cho mục tiêu ấy được thực hiện có hiệu quả bằng những quan niệm đúng đắn về chủ nghĩa xã hội, những hình thức, bước đi và biện pháp thích hợp<sup>(1)</sup>. Đây là những tư tưởng đổi mới được thực hiện bằng động cơ đạo đức, thể hiện tinh thần kiên định và sáng tạo, chống cả bảo thủ, giáo điều và cơ hội chính trị.

Coi trọng, phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa trí tuệ nhân loại thể hiện phẩm chất đạo đức, trình độ tư duy của Đảng cách mạng luôn vươn tới tầm cao trí tuệ bằng tinh thần biện chứng, kế thừa giá trị lịch sử dân tộc và học hỏi văn minh nhân loại. Đó là thái độ khoa học với di sản quá khứ của ông cha và di sản văn hóa nhân loại bằng tinh thần kế thừa, đổi mới và phát triển. Nó xa lạ với bệnh giáo điều, rập khuôn mô hình bên ngoài mà không tính đến đặc điểm quốc gia - dân tộc, tuyệt đối hóa tính phổ biến mà xem nhẹ tính đặc thù. Nó cũng đối lập với những quan niệm phi đạo đức, theo đuổi chủ nghĩa dân tộc cực đoan, dân tộc hẹp hòi. Tiếp thu trí tuệ, tinh hoa văn hóa, thành tựu văn minh nhân loại chính là biết “đứng trên vai người khổng lồ” để Đảng cầm quyền và dân tộc ta trưởng thành hơn, lớn mạnh hơn. Điều này khác với chủ nghĩa biệt lập, tách dân tộc khỏi thế giới, không những cản trở khả năng tiếp thu tinh hoa văn hóa, văn minh nhân loại, mà còn đánh mất cơ hội hội nhập quốc tế, phát huy sức mạnh mềm của văn hóa Việt Nam trên thế giới.

Nắm vững quy luật khách quan, xu hướng vận động thực tiễn để

đề ra Cương lĩnh, đường lối phù hợp với nguyện vọng của nhân dân vừa là đạo đức, vừa là văn minh. Tính đúng đắn, sáng suốt của đường lối chính trị được bảo đảm bằng trình độ tư duy và phẩm chất đạo đức. Nếu trình độ tư duy là điều kiện “cần” thì động cơ đạo đức là điều kiện “đủ” cho hoạch định đường lối và phương pháp lãnh đạo đúng đắn, sáng suốt. Nói cách khác, đạo đức “chí công vô tư”, vì lợi ích quốc gia - dân tộc, vì hạnh phúc của nhân dân, loại bỏ mọi lợi ích cục bộ, cá nhân không chính đáng,... có tác dụng phòng ngừa bệnh chủ quan duy ý chí, tránh được sai lầm, nhờ đó hoạch định được đường lối và phương pháp cách mạng đúng đắn, sáng tạo. Chủ tịch Hồ Chí Minh có một nhận xét hết sức sâu sắc về vấn đề này: Người có đạo đức thường tiếp thu chân lý dễ hơn, “Mình đã chí công vô tư thì khuyết điểm sẽ càng ngày càng ít, mà những tính tốt... ngày càng thêm”(2). Kinh nghiệm lịch sử cho thấy, không ít sai lầm về đường lối và phương pháp lãnh đạo thường xuất phát từ bệnh chủ quan duy ý chí, thoát ly thực tế, không quan tâm đầy đủ nguyện vọng của nhân dân. Trong điều kiện kinh tế thị trường, sai lầm trong lãnh đạo - quản lý còn có thể do cài đặt “lợi ích nhóm” khi hoạch định chính sách, từ đó làm méo mó, biến dạng bản chất, mục đích chính sách công, gây ảnh hưởng, tổn hại đến lợi ích quốc gia - dân tộc. Những trường hợp nêu trên đều là những hành vi thiếu đạo đức, đi ngược lại cách thức tổ chức quản lý xã hội văn minh, phải được phòng ngừa, ngăn chặn, kiên quyết đấu tranh loại bỏ.

**3-** “Đạo đức”, “văn minh” của Đảng còn thể hiện ở trình độ tổ chức chặt chẽ, thống nhất ý chí và hành động, lấy nguyên tắc tập trung

dân chủ làm nguyên tắc tổ chức cơ bản. Đây là điểm khác biệt căn bản giữa một đảng cách mạng chân chính với những đảng phái đại diện cho từng nhóm lợi ích trong các thể chế dân chủ đa nguyên. Nói cách khác, đây chính là đạo đức, là văn minh xét từ chiều cạnh khoa học tổ chức của một đảng chính trị kiểu mới.

Tổ chức chặt chẽ, thống nhất ý chí và hành động, kỷ luật nghiêm minh làm nên sức mạnh của Đảng, phản ánh trình độ, năng lực của một đảng chính trị kiểu mới. Trước khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, trên đất nước ta, không ít tổ chức chính trị đã xuất hiện, theo các lập trường tư tưởng khác nhau, tổ chức thiếu chặt chẽ, thậm chí lỏng lẻo, để cho cả mật thám Pháp chui vào phá hoại nội bộ; các thành viên thiếu thống nhất về tư tưởng, không nhất quán về hành động;... nên dần rơi vào suy yếu, phân liệt, tan rã. Trên thế giới, nhiều đảng chính trị được tổ chức không khác gì câu lạc bộ, phường hội, kết nạp thành viên theo kiểu “đánh trống ghi tên”, thiếu sức mạnh của nguyên tắc tổ chức, kỷ luật, làm cho đảng viên dễ ngã nghiêng, dao động, thay đổi lập trường khi gặp khó khăn, thậm chí còn sẵn sàng “trở cò” gia nhập đảng phái khác. Ngược lại, Đảng Cộng sản Việt Nam được tổ chức chặt chẽ, dựa trên nguyên tắc tập trung dân chủ, toàn Đảng là một khối thống nhất ý chí và hành động, triệu người như một, tạo nên sức mạnh vô địch, không chỉ đề kháng, đấu tranh có hiệu quả với sự tấn công phá hoại từ bên ngoài, mà còn phòng ngừa, ngăn chặn, triệt tiêu từ sớm, từ xa các nguy cơ suy thoái từ bên trong.

Sức mạnh của Đảng được tạo nên bởi tổ chức chặt chẽ, dựa trên các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của một đảng mác-xít chân

chính, lấy nguyên tắc tập trung dân chủ làm nguyên tắc cơ bản. Tổ chức chặt chẽ phản ánh trình độ khoa học tổ chức của một chính đảng kiểu mới, cho phép tối ưu hóa việc thực hiện các quyết sách chính trị, thống nhất giữa đường lối tổ chức và đường lối chính trị, làm cho “dọc ngang thông suốt”, “trên dưới đồng lòng”, bảo đảm sự thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Nguồn gốc của sức mạnh tổ chức chính là dựa vào các nguyên tắc tổ chức, cơ chế vận hành, kỷ luật tự giác, bảo đảm chuyển hóa sức mạnh cá nhân thành sức mạnh tập thể, sức mạnh bên ngoài thành sức mạnh bên trong, sức mạnh từng thành tố thành sức mạnh tổng hợp. Thực hành nguyên tắc tập trung dân chủ một cách thực chất, nghiêm túc khiến trí tuệ, năng lực của mỗi tổ chức đảng và đảng viên được khơi dậy, tôn trọng, phát huy đầy đủ; quyền lực chính trị được tập trung một cách chính đáng, có trách nhiệm, đủ quyền năng để ra quyết định và tổ chức thực hiện thắng lợi mọi quyết sách; phòng ngừa khả năng tập trung quan liêu, chuyên quyền, độc đoán cũng như loại bỏ nguy cơ tự do vô chính phủ, đẩy Đảng tới chỗ phân liệt. Tuân thủ nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ còn đặt ra yêu cầu giữ vững kỷ cương, kỷ luật. Mọi đảng viên không được nói, viết và làm trái với Cương lĩnh, Điều lệ, quy định của Đảng; mọi vi phạm đều phải bị xử lý nghiêm từ trên xuống dưới, không có ngoại lệ. Kỷ luật nghiêm minh của Đảng là cơ sở cho giữ vững kỷ cương, phép nước, xây dựng xã hội văn minh.

“Đạo đức”, “văn minh” của Đảng còn thể hiện ở việc giữ gìn đoàn kết thống nhất trong Đảng, thực hành tự phê bình và phê bình, mọi tổ chức đảng và đảng viên hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp

và pháp luật, thắt chặt mối quan hệ gắn bó máu thịt giữa Đảng với nhân dân. Đoàn kết thống nhất dựa trên nhận thức sâu sắc và hành động nhất quán theo Cương lĩnh, đường lối chính trị, thực hiện nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ. Khi xây dựng đường lối, chủ trương phải thực hành dân chủ rộng rãi, phát huy trí tuệ tập thể, nhưng khi đã thành quyết định chính trị thì mọi tổ chức đảng và đảng viên đều phải phục tùng, nghiêm chỉnh thực thi, không cho phép ai nói và làm trái nghị quyết. Nghịch chiều với đoàn kết thống nhất là chia rẽ, bè phái, “lợi ích nhóm”, nguy hại khôn lường, đẩy Đảng rơi vào suy yếu, phân liệt. Tự phê bình và phê bình là một cơ chế phòng ngừa, tự phát hiện lỗi và sửa chữa lỗi khi còn mới manh nha, ngăn chặn khả năng biến thành khuyết điểm nghiêm trọng. Điều này phân biệt với các biểu hiện chủ quan, tự mãn, thiếu nghiêm khắc với chính mình và đồng chí của mình, từ đó mà phát sinh khuyết điểm. Quản trị xã hội văn minh đặt ra yêu cầu nghiêm cần đối với mọi công dân phải tuân thủ Hiến pháp và pháp luật; trong đó, tổ chức đảng và đảng viên phải làm gương, không cho phép bất cứ ai đứng trên pháp luật và đứng ngoài pháp luật. Quy định pháp luật là đạo đức tối thiểu, nếu công dân được làm những gì pháp luật không cấm thì cán bộ, đảng viên chỉ được làm những gì pháp luật cho phép. Gắn bó máu thịt với nhân dân, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, dựa vào nhân dân để xây dựng Đảng không chỉ là yêu cầu, mà còn là nghĩa vụ đạo đức của mọi tổ chức đảng và đảng viên khi đã xác định sứ mệnh phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân, lấy sự đồng tình, ủng hộ của nhân dân làm cơ sở chính trị cho tồn tại và hoạt động của Đảng.

4- “Đạo đức”, “văn minh” của Đảng còn thể hiện ở nội dung quan trọng là tư cách, nghĩa vụ, trách nhiệm của đảng viên. Mỗi đảng viên khi nhận thức và hành động đúng theo các chuẩn mực “đạo đức”, “văn minh” thì sẽ trở thành nhân tố quan trọng nhất cho xây dựng Đảng thật sự trong sạch, vững mạnh. Nói cách khác, đây chính là xem xét phẩm cách “đạo đức”, “văn minh” của Đảng qua đảng viên - nhân tố “động” cấu thành tổ chức đảng.

Tư cách người đảng viên cộng sản thể hiện tập trung ở phẩm chất đạo đức, trình độ, tính tiên phong để xứng đáng với vai trò lãnh đạo, trách nhiệm cầm quyền. Tư cách đó giúp người đảng viên làm tròn vai trò tiên phong, gương mẫu, “đảng viên đi trước, làng nước đi sau”; suốt đời phấn đấu cho mục đích, lý tưởng của Đảng, đặt lợi ích của Tổ quốc, của giai cấp công nhân và nhân dân lao động lên trên lợi ích cá nhân; định hình chế độ kỷ luật tự giác, chấp hành nghiêm Cương lĩnh, Điều lệ, các nghị quyết của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Để hoàn thành sứ mệnh lãnh đạo và trách nhiệm cầm quyền, người đảng viên phải nỗ lực phấn đấu, rèn luyện suốt đời về mọi mặt, được chế định thành tiêu chuẩn cụ thể về trình độ học vấn, trình độ lý luận, năng lực lãnh đạo, phẩm chất đạo đức, lối sống, gắn bó máu thịt với nhân dân, phục tùng tổ chức, giữ nghiêm kỷ luật, giữ gìn đoàn kết thống nhất trong Đảng. Là đảng viên của Đảng cầm quyền, nắm giữ cương vị càng cao thì càng phải nêu gương học tập, rèn luyện để hội đủ tiêu chuẩn cao cả về trình độ, năng lực và phẩm chất đạo đức. Tư cách đảng viên đòi hỏi mỗi đảng viên phải tự giác tuân thủ kỷ luật, tu dưỡng đạo đức cách mạng suốt đời, rèn luyện phong cách, lối sống

hằng ngày, cả trong hoạt động công vụ và sinh hoạt đời thường, thường xuyên “tự soi”, “tự sửa”, phòng ngừa nguy cơ suy thoái.

Nghĩa vụ đảng viên là sự cụ thể hóa bản chất, mục đích, sứ mệnh của Đảng thành những công việc cụ thể mà đảng viên phải thực hiện bằng tất cả lương tâm, danh dự, tình cảm và trách nhiệm. Nhìn vào nghĩa vụ đảng viên có thể lượng hóa được đạo đức cách mạng, trình độ và năng lực lãnh đạo, cầm quyền của Đảng. Điều lệ Đảng của các kỳ đại hội Đảng đã thao tác hóa nghĩa vụ đảng viên thành các nhiệm vụ đảng viên gắn với trách nhiệm chính trị cụ thể, như Điều lệ Đảng (do Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng thông qua vào tháng 1-2011) đã nêu 4 nhiệm vụ đảng viên<sup>(3)</sup>. Ngoài quy định của Điều lệ Đảng, nghĩa vụ, nhiệm vụ, trách nhiệm đảng viên còn được cụ thể hóa trong các quy định cá biệt, nhất là Quy định về những điều đảng viên không được làm (19 điều), hay nhận diện những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ (27 biểu hiện). Từ phương diện đạo đức cầm quyền, nghĩa vụ đạo đức đảng viên bao gồm những công việc đảng viên phải làm bằng lương tâm, danh dự, trách nhiệm tự giác, thể hiện qua xử lý các mối quan hệ cơ bản, như với chính mình, với Đảng, với nhân dân, với công việc. *Với chính mình*, đó là nghĩa vụ, trách nhiệm phải thường xuyên tự học tập, nâng cao trình độ, năng lực mọi mặt; tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, phong cách, lối sống để xứng đáng với vai trò lãnh đạo, cầm quyền, phòng ngừa, đấu tranh với mọi cám dỗ, các biểu hiện, hành vi làm xói mòn bản chất của một đảng cách mạng chân chính, trước hết là đấu tranh với chủ nghĩa cá nhân, tham nhũng,

tiêu cực. *Với Đảng*, đó là phẩm chất trung thành tuyệt đối, thể hiện ở tinh thần kiên định chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; chấp hành, phục tùng Cương lĩnh, Điều lệ, đường lối của Đảng; thực hiện nghiêm các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng; thấy đúng phải bảo vệ, thấy sai phải kiên quyết đấu tranh, nhất là bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch. *Với nhân dân*, chính là thắt chặt mối quan hệ gắn bó máu thịt giữa Đảng với nhân dân, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, dựa vào nhân dân để xây dựng Đảng, mọi hoạt động đều vì nhân dân phục vụ, làm tốt công tác dân vận, công tác xã hội, đấu tranh với các biểu hiện quan liêu, xa dân. *Với công việc*, phải phục tùng mọi nhiệm vụ được phân công; toàn tâm, toàn ý với công việc; dũng cảm đối mặt với mọi khó khăn, thách thức; năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung; nỗ lực, quyết tâm cao nhất để hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao.

5- Đảng luôn nhận thức rõ, muốn lãnh đạo sự nghiệp cách mạng thành công thì bản thân Đảng phải trong sạch, vững mạnh. Muốn vậy, Đảng phải thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn, mà sâu xa chính là đấu tranh giữa cái tiến bộ với cái thoái bộ, giữa đổi mới với bảo thủ, trì trệ, giữa tính cách mạng với những lực cản níu kéo. Đây chính là đạo đức, văn minh nhìn từ chiều cạnh nắm vững quy luật vận động nội tại của một đảng cách mạng để không ngừng vươn tới hoàn thiện năng lực lãnh đạo, giữ gìn và thúc đẩy các phẩm chất tốt đẹp, khẳng định tính chính đáng của sự cầm quyền.

Tự đổi mới, tự chỉnh đốn trước hết xuất phát từ nhu cầu tự thân của Đảng nhằm tăng cường tính chính đáng, nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền và sức chiến đấu của Đảng, xứng đáng với niềm tin yêu của nhân dân, phù hợp với bối cảnh mới của đất nước và thời đại. Nhu cầu khách quan đòi hỏi Đảng cầm quyền phải không ngừng hoàn thiện chính mình thông qua tự đổi mới, tự chỉnh đốn, nếu không sẽ bị thực tiễn vượt qua, không bắt kịp với sự vận động của thế giới, thay đổi của thời thế. Tự đổi mới, tự chỉnh đốn Đảng còn xuất phát từ yêu cầu kế thừa, phát huy truyền thống tốt đẹp của một Đảng “là đạo đức, là văn minh” được Chủ tịch Hồ Chí Minh và các lãnh đạo tiền bối nhiều thế hệ dày công gây dựng, vun đắp, kể cả hy sinh xương máu của các bậc tiên liệt. Đi vào kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, hội nhập quốc tế và tiếp cận cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, nếu Đảng không tự đổi mới, tự chỉnh đốn thì không thể đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp cách mạng với những đòi hỏi cao hơn, thách thức lớn hơn. Không ít nguy cơ, thách thức với tính chất phức tạp hơn, mối đe dọa nguy hiểm hơn vẫn xuất hiện hằng ngày, hằng giờ, vì thế, nếu không thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn thì sẽ dẫn đến những hậu quả khôn lường, nhất là các mối đe dọa đối với nguy cơ tồn vong của chế độ từ tình trạng tham nhũng, tiêu cực, suy thoái, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ.

Đổi mới là phủ định cái lạc hậu, khắc phục các khiếm khuyết, kiến tạo nên giá trị mới, không ngừng vươn tới cái tiến bộ, ưu việt, hoàn thiện hơn, dựa trên kiên định lập trường, nguyên tắc. Vào giữa

thập niên 80 của thế kỷ trước, khi đất nước rơi vào khủng hoảng kinh tế - xã hội, đổi mới trở thành mệnh lệnh đạo đức tối cao để tháo gỡ rào cản cơ chế kế hoạch hóa tập trung bao cấp, giải phóng mọi tiềm năng, sức mạnh của nhân dân, làm cho đất nước phát triển. Đổi mới là một quá trình liên tục, không có điểm kết thúc, làm cho Đảng hoàn thiện hơn cả trong nhận thức lý luận và hành động thực tiễn, tổ chức bộ máy và con người, phong cách lãnh đạo và phương pháp làm việc... Đổi mới tư duy lý luận đóng vai trò quan trọng hàng đầu nhằm bảo đảm cho lý luận đủ sức vươn lên dẫn đường và đồng hành cùng thực tiễn, làm cho đường lối chính trị luôn sáng suốt, có khả năng dự báo cao, có tầm nhìn dài hạn. Không dừng lại ở nhận thức lý luận, đổi mới còn thể hiện bằng hành động thực tế và chính trong hành động mới bộc lộ một cách đầy đủ, chân thật đạo đức cách mạng, bảo đảm nói đi đôi với làm, đường lối, chủ trương được tổ chức thực hiện có hiệu quả. Chính vì vậy, Đại hội XIII của Đảng đã nhấn mạnh yêu cầu phải đổi mới mạnh mẽ khâu tổ chức thực hiện nghị quyết, gắn mỗi quyết sách chính trị với chương trình, kế hoạch, biện pháp và huy động, phân bổ nguồn lực thực thi hiệu quả.

Chỉnh đốn là uốn nắn, chấn chỉnh, sửa sang, sắp đặt lại cho quy củ, nền nếp, đúng trật tự, phép tắc; sàng lọc, loại bỏ những yếu tố thoái hóa, hư hỏng, biến chất; nhờ đó làm cho Đảng vững mạnh, trong sạch hơn. Chỉnh đốn Đảng được tiến hành toàn diện từ tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, tổ chức đến cán bộ. Trong lịch sử cách mạng Việt Nam, sau mỗi thắng lợi, Đảng ta đều tiến hành chỉnh đốn để tránh tư tưởng chủ quan, tự mãn, say sưa với thắng lợi, không lường

được khó khăn phía trước, phòng ngừa bệnh “kiêu ngạo cộng sản”; những lúc cách mạng thoái trào thì càng phải chỉnh đốn nội bộ để xúc lại tinh thần, củng cố đội ngũ, kiện toàn tổ chức,... làm cho mỗi tổ chức đảng và đảng viên có thêm bản lĩnh, sức mạnh vượt qua khó khăn và thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ. Trong điều kiện kinh tế thị trường, hội nhập quốc tế, nguy cơ, thách thức bên trong và bên ngoài đan xen nhau, diễn biến phức tạp, đòi hỏi xây dựng Đảng phải gắn chặt với tăng cường chỉnh đốn Đảng. Những nhiệm vụ nổi lên cấp bách trong chỉnh đốn Đảng hiện nay là đấu tranh với tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyên hóa”; tinh gọn bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị; giữ nghiêm nguyên tắc, siết chặt kỷ cương, kỷ luật, từ kỷ luật chính trị, kỷ luật tổ chức đến kỷ luật phát ngôn; xử lý nghiêm mọi vi phạm nguyên tắc tổ chức, kỷ luật, tiến hành sàng lọc, kiên quyết đưa ra khỏi Đảng những trường hợp tha hóa, biến chất, làm cho Đảng vững mạnh hơn, trong sạch hơn.

Dưới ngọn cờ chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, 93 năm qua, Đảng đã lãnh đạo dân tộc ta, nhân dân ta đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác, làm nên một sự nghiệp vĩ đại - sự nghiệp vì dân tộc trường tồn, nhân dân hạnh phúc, đất nước phát triển, vì lương tâm và phẩm giá con người. Thắng lợi đó là kết quả hội tụ của nhiều nhân tố, mà trước hết và trên hết là phẩm cách của Đảng Cộng sản Việt Nam - một Đảng cách mạng hiện thân “là đạo đức, là văn minh” như Bác Hồ đã đúc kết□

---

(1) Xem: *Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VI* (tháng 3-1989), trong: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2007, t. 49 (1988 - 1989), tr. 591

(2) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, t. 5, tr. 291

(3) Bốn nhiệm vụ của đảng viên là:

1. Tuyệt đối trung thành với mục đích lý tưởng cách mạng của Đảng, chấp hành nghiêm chỉnh Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị của Đảng, pháp luật của Nhà nước; hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; phục tùng tuyệt đối sự phân công và điều động của Đảng.

2. Không ngừng học tập, rèn luyện, nâng cao trình độ kiến thức, năng lực công tác, phẩm chất chính trị, đạo đức cách mạng, có lối sống lành mạnh; đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, cơ hội, cục bộ, quan liêu, tham nhũng, lãng phí và các biểu hiện tiêu cực khác. Chấp hành quy định của Ban Chấp hành Trung ương về những điều đảng viên không được làm.

3. Liên hệ chặt chẽ với nhân dân, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần và bảo vệ quyền lợi chính đáng của nhân dân; tích cực tham gia công tác quần chúng, công tác xã hội nơi làm việc và nơi ở; tuyên truyền vận động gia đình và nhân dân thực hiện đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

4. Tham gia xây dựng, bảo vệ đường lối, chính sách và tổ chức của Đảng; phục tùng kỷ luật, giữ gìn đoàn kết thống nhất trong Đảng; thường xuyên tự phê bình và phê bình, trung thực với Đảng; làm công tác phát triển đảng viên; sinh hoạt đảng và đóng đảng phí đúng quy định.

**Nguồn: Tạp chí Cộng sản.- 2023.- Số 1.007.- Tr.27-33.**

**ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**  
**“ĐẢNG CỦA NHÂN DÂN LAO ĐỘNG**  
**VÀ CỦA DÂN TỘC VIỆT NAM**

**GS, TS. MẠCH QUANG THẮNG**

**Viện Lịch sử Đảng, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh**

Ngày nhận: 5-2-2023 Ngày thẩm định, đánh giá: 20-2-2023 Ngày duyệt đăng: 10-3-2023

**Tóm tắt: Có một số ý kiến cho rằng, Đảng Cộng sản Việt Nam chỉ là tổ chức của bản thân Đảng, cùng lắm là của giai cấp công nhân mà thôi, chứ không thể là Đảng của nhân dân lao động và toàn dân tộc Việt Nam. Thực chất, đây là ý kiến muốn hạ thấp vai trò lãnh đạo, cầm quyền của Đảng, hoặc cho rằng, Đảng không xứng danh với trách nhiệm lãnh đạo đất nước. Vấn đề này liên quan tới lý luận về Đảng và thực tế hoạt động của Đảng đã diễn ra, nhất là liên quan đến quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh về vấn đề “Đảng của ai”. Bài viết khẳng định: Đảng Cộng sản Việt Nam hoàn toàn xứng đáng là Đảng cầm quyền, lãnh đạo giai cấp công nhân, nhân dân lao động và toàn dân tộc, không một tổ chức chính trị nào khác thay thế được.**

*Từ khóa: Đảng Cộng sản Việt Nam; nhân dân lao động; dân tộc; Hồ Chí Minh*

**T**ừ khi ra đời đến nay, trải qua hơn 93 năm (1930-2023) hoạt động, nhận thức của Đảng Cộng sản Việt Nam về vấn đề “đảng của ai” được thể hiện bằng nhiều cách diễn đạt khác

nhau. Sự thể hiện vấn đề “Đảng của ai?” gắn với hoàn cảnh cụ thể của từng thời kỳ. Trước hết, Chủ tịch Hồ Chí Minh diễn đạt trong các văn kiện ở Hội nghị thành lập Đảng đầu năm 1930, cho rằng: “Đảng là đội tiên phong của vô sản giai cấp”<sup>(1)</sup>, “Đảng là đội tiên phong của đạo quân vô sản”<sup>(2)</sup>. Cách nêu này là sự diễn đạt quan điểm của C.Mác, Ph.Ăngghen, V.I.Lênin.

Về sau, Chủ tịch Hồ Chí Minh đưa ra quan điểm “đảng của ai” với phạm vi rộng hơn: Đảng Cộng sản Việt Nam là Đảng của giai cấp công nhân, của nhân dân lao động và của toàn dân tộc. Điển hình cho quan điểm này của Người được nêu trong Đại hội II của Đảng, tháng 2-1951: “Đảng Lao động Việt Nam phải là người lãnh đạo sáng suốt, kiên quyết, trung thành của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, của nhân dân Việt Nam, để đoàn kết và lãnh đạo dân tộc kháng chiến đến thắng lợi hoàn toàn, để thực hiện dân chủ mới. Trong giai đoạn này, quyền lợi của giai cấp công nhân và nhân dân lao động và của dân tộc là một. Chính vì Đảng Lao động Việt Nam là Đảng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, cho nên nó phải là Đảng của dân tộc Việt Nam”<sup>(3)</sup>.

Trước đó, tháng 1-1946, trả lời các nhà báo nước ngoài, Chủ tịch Hồ Chí Minh nói: “Trong một nước dân chủ thì mọi người đều có tự do tin tưởng, tự do tổ chức. Nhưng vì hoàn cảnh và trách nhiệm, *tôi phải đứng ra ngoài mọi đảng phái*. Nay tôi chỉ có một tin tưởng vào *Dân tộc độc lập*. Nếu cần có đảng phái thì sẽ là Đảng dân tộc Việt Nam. Đảng đó sẽ chỉ có một mục đích làm cho dân tộc ta hoàn toàn độc lập. Đảng viên của đảng đó sẽ là tất cả quốc dân Việt Nam, trừ

những kẻ phản quốc và những kẻ tham ô”<sup>(4)</sup>.

Tại sao vậy? Cần phải thấy rõ hoàn cảnh cụ thể thời gian cuối năm 1945 khi nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa vừa mới giành được độc lập. Lúc này, nước ta đang ở vào hoàn cảnh khó khăn rất lớn: giặc ngoài thù trong, kinh tế tài chính kiệt quệ, cả ba thứ giặc đều hoành hành dữ dội, đó là giặc đói, giặc dốt và giặc ngoại xâm. Đất nước lâm vào tình thế “ngàn cân treo sợi tóc”. Bọn phản động cả trong và ngoài nước, cả người Việt Nam lẫn ngoại bang, luôn luôn đả kích vào sự lãnh đạo của Đảng đối với chế độ mới, chúng tìm mọi cách phá vỡ khối đại đoàn kết toàn dân tộc của Việt Nam, không từ một thủ đoạn nào để nói xấu và chống lại Đảng. Sự thực là lúc này Đảng Cộng sản Đông Dương đang ở thế “thượng phong” vì Đảng đang ở vị trí vai trò cầm quyền còn các đảng phản động khác, đặc biệt là Việt Cách (Việt Nam Cách mệnh đồng minh), Việt Quốc (Việt Nam Quốc dân đảng) đang yếu thế, trở thành những đảng đối lập, dựa vào quân đội Trung Hoa dân quốc (quân Tưởng Giới Thạch) để chống phá cách mạng Việt Nam. Trong khi đó, một yêu cầu được đặt ra lúc này là lực lượng cách mạng Việt Nam cần được mở rộng hơn nữa, phải được củng cố và phát triển mạnh hơn trong giai đoạn mới, đồng thời cần tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế - vốn chưa được nhiều, chưa được rộng trong cuộc vận động Cách mạng Tháng Tám năm 1945. Mặt trận Việt Minh, tuy là rộng rãi, nhưng giai đoạn cách mạng mới, khi có nhiều đảng phái, kể cả đảng đối lập, đang hoạt động mạnh ở trong nước dưới sự ủng hộ của quân đội Trung Hoa dân quốc vào Việt Nam theo sự phân công quốc tế của Hội nghị Potsdam, thì cách mạng cần tập hợp lực lượng rộng rãi hơn nữa.

Do đó, ngày 11-11-1945, Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương ra Nghị quyết “tự động giải tán Đảng” với những lý do: “Muốn hoàn thành nhiệm vụ dân tộc giải phóng vĩ đại ấy, sự đoàn kết nhất trí của toàn dân không phân biệt giai cấp, đảng phái là một điều kiện cốt yếu; để tỏ rằng: những đảng viên cộng sản là những chiến sĩ tiên phong của dân tộc, bao giờ cũng hy sinh tận tụy vì sự nghiệp giải phóng của toàn dân, sẵn sàng đặt quyền lợi quốc gia lên trên quyền lợi của giai cấp, hy sinh quyền lợi riêng của đảng phái cho quyền lợi chung của dân tộc; để phá tan tất cả những điều hiểu lầm ở ngoài nước và ở trong nước có thể trở ngại cho tiền đồ giải phóng của nước nhà”<sup>(5)</sup>. Việc tuyên bố tự giải tán Đảng lúc này tuy có một số người trong bộ phận Đảng Cộng sản Đông Dương không đồng tình, nhưng xét về tổng thể lâu dài của Đảng thì đây là việc làm rất cần thiết. Nó là một biện pháp giải quyết tình huống. Thực ra, việc tuyên bố tự giải tán Đảng chẳng qua là để làm mất dấu mục tiêu đánh phá của các thế lực thù địch, vì chúng luôn luôn tuyên truyền rằng, Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là Chính phủ của Đảng Cộng sản, đã tiếm quyền lãnh đạo đất nước. Chính đó là một trong những âm mưu và hành động của các thế lực thù địch đi theo quân Trung Hoa dân quốc vào Việt Nam nhằm âm mưu “Diệt cộng cầm Hồ” (tức là tiêu diệt cộng sản, bắt Hồ Chí Minh).

Bản chất vấn đề ở đây là không phải là tự giải tán Đảng, mà là Đảng rút vào hoạt động bí mật. Trong các văn bản công khai, Đảng mang tên là Đoàn thể (chữ Đoàn viết hoa), ngầm báo tin rằng, Đoàn thể là tên gọi quy ước, bí mật của Đảng Cộng sản Đông Dương. Còn

tên công khai của Đảng được đặt là *Hội Nghiên cứu chủ nghĩa Mác ở Đông Dương*, có tổ chức từ Trung ương xuống đến địa phương, Tờ báo của Hội là *Sự thật*. Hội tuyên truyền, phổ biến chủ nghĩa Mác, phổ biến đường lối cách mạng của Đảng cho nhân dân.

Tại Phiên họp ngày 31-10-1946 của Kỳ họp thứ hai Quốc hội khóa I, sau khi được Quốc hội nhất trí giao trách nhiệm thành lập chính phủ mới, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc Lời tuyên bố, trong đó viết: “Giờ tôi xin tuyên bố trước Quốc hội, trước quốc dân và trước thế giới rằng: Hồ Chí Minh không phải là kẻ tham quyền cố vị, mong được thăng quan phát tài. Chính phủ sau đây phải là một Chính phủ toàn dân đoàn kết và tập hợp nhân tài không đảng phái. Tôi xin tuyên bố trước Quốc hội, trước quốc dân, trước thế giới: Tôi chỉ có một đảng, Đảng Việt Nam”<sup>(6)</sup>.

Sau Đại hội II (1951) của Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: Đảng ta “là đảng của giai cấp lao động, mà cũng là đảng của toàn dân”<sup>(7)</sup>; “Đảng là đội tiên tiến của nhân dân lao động”<sup>(8)</sup>. Năm 1956, Chủ tịch Hồ Chí Minh nói: “Đảng ta là Đảng của giai cấp, đồng thời cũng là của dân tộc, không thiên tư, thiên vị”<sup>(9)</sup>.

Từ việc gọi Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp vô sản hoặc của giai cấp công nhân đến việc gọi Đảng là Đảng của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam là một quá trình phản ánh tư duy mới của Chủ tịch Hồ Chí Minh ứng với hoàn cảnh cụ thể của đất nước Việt Nam - một nước vốn thuộc địa và phong kiến, một nước nông nghiệp lạc hậu, nơi có số lượng công nhân rất ít so với dân cư, số công nhân đại công nghiệp lại càng ít. Trong lý

luận C.Mác, đảng vô sản là bộ phận tinh túy của giai cấp vô sản đại công nghiệp. Điều này thể hiện rõ trong tác phẩm *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* do C.Mác và Ph.Ăngghen công bố tháng 2-1848 (Tác phẩm này được coi là đánh dấu cho sự ra đời chính thức của lý luận về chủ nghĩa xã hội khoa học): “Những người cộng sản là bộ phận kiên quyết nhất trong các đảng công nhân ở tất cả các nước, là bộ phận luôn luôn thúc đẩy phong trào tiến lên về mặt lý luận, họ hơn bộ phận còn lại của giai cấp vô sản ở chỗ là họ hiểu rõ những điều kiện, tiến trình và kết quả chung của phong trào vô sản”<sup>(10)</sup>.

Chủ tịch Hồ Chí Minh tuân theo lý luận Mác - Lênin, cho rằng bản chất giai cấp của Đảng Cộng sản Việt Nam là bản chất giai cấp công nhân. Đây là vấn đề mấu chốt trong quan niệm về bản chất giai cấp và cơ sở xã hội của Đảng trong tư tưởng Hồ Chí Minh. Đừng nên nhầm lẫn bản chất Đảng trên câu chữ “đảng của ai”. Trong *Điều lệ Đảng* được thông qua tại Đại hội IX (2001), đã diễn đạt vấn đề “đảng của ai” tương tự quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Đại hội II (2-1951) của Đảng. Điều lệ ghi rõ: “Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam; đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của dân tộc”.

Một lưu ý nữa trong cách thể hiện “của ai” là nhà nước mà hiện nay nhân dân đang xây dựng: “Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo”. Nhưng không ai nói rằng, đó là nhà nước phi giai cấp, là “nhà nước toàn dân” như quan niệm của Đảng Cộng sản Liên Xô thời

Nikita Khrushchev cuối những năm 50 đầu những năm 60 của thế kỷ XX. Việc Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ cơ sở xã hội của Đảng như trên hoàn toàn phù hợp với hoàn cảnh Việt Nam, là bước sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin. Những cách nhìn tuyệt đối hóa từng mặt riêng biệt trong quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh đều không đúng với tính biện chứng vốn đặc tính có thường trực trong tư duy của Người. Quá nhấn mạnh và tuyệt đối hóa Đảng “của dân tộc” thì sẽ làm méo mó vấn đề bản chất giai cấp công nhân của Đảng. Mặt khác, không thấy yếu tố nhân dân, yếu tố dân tộc thì cũng không đúng với quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh về cơ sở xã hội của Đảng. Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, ngoài việc khẳng định bản chất giai cấp công nhân của Đảng Cộng sản Việt Nam, Người rất coi trọng cơ sở “nhân dân lao động” và “toàn dân tộc”. Ở Chủ tịch Hồ Chí Minh, có sự kết hợp khéo léo và tùy từng lúc, từng nơi mà Người thể hiện diễn đạt nhấn mạnh mặt này, mặt khác. Trong quan điểm về biên độ tập hợp lực lượng cách mạng rất rộng của Chủ tịch Hồ Chí Minh là bao gồm tất cả những người yêu nước, những giai tầng yêu nước, dù ít dù nhiều, có cái lõi, cái nền rất chắc là sự lãnh đạo của giai cấp công nhân mà đội tiên phong là Đảng Cộng sản Việt Nam.

Đảng Cộng sản Việt Nam do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập, rèn luyện là một đảng chính trị tồn tại và phát triển theo những quan điểm của V.I. Lênin về đảng kiểu mới của giai cấp vô sản. Tất cả những bài nói, bài viết của Chủ tịch Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam: “Đảng cách mạng”, “Đảng cách mạng chân chính”, “Đảng của chúng ta”, “Đảng của nhân dân lao động và toàn dân tộc”,... thì đều phản ánh *bản chất duy nhất của Đảng: bản chất giai cấp công*

*nhân*. Đảng đã nhiều lần đổi tên: Đảng Cộng sản Việt Nam (từ khi thành lập đầu năm 1930 đến tháng 10-1930), Đảng Cộng sản Đông Dương (từ tháng 10-1930 đến tháng 11-1945), Hội Nghiên cứu chủ nghĩa Mác ở Đông Dương (từ tháng 11-1945 đến tháng 2-1951), Đảng Lao động Việt Nam (từ tháng 2-1951 đến tháng 12-1976) và trở lại tên lúc đầu khi thành lập là Đảng Cộng sản Việt Nam (từ tháng 12-1976 trở đi). Dù hình thức, cách gọi tên như thế nào đi chăng nữa, Đảng ấy vẫn là một Đảng tuân thủ những nguyên tắc hoạt động cơ bản của đảng kiểu mới của giai cấp vô sản, khác hẳn với đảng của Quốc tế II trước đó (đảng kiểu cũ). Trong Báo cáo chính trị tại Đại hội II của Đảng (2-1951) do Hồ Chí Minh trình bày, có 5 điểm đáng chú ý nhất<sup>(11)</sup>: *về thành phần*, Đảng có công nhân, nông dân, lao động trí óc, thật hăng hái, thật giác ngộ cách mạng; *về lý luận*, Đảng theo chủ nghĩa Mác - Lênin; *về tổ chức*, Đảng theo chế độ dân chủ tập trung; *về kỷ luật*, Đảng phải có kỷ luật sắt đồng thời là kỷ luật tự giác; *về quy luật phát triển*, Đảng dùng lối phê bình và tự phê bình để giáo dục đảng viên, giáo dục quần chúng.

Tóm lại, về bản chất giai cấp của Đảng, theo tư tưởng Hồ Chí Minh, những biểu hiện sau đây nói lên điều đó:

- 1- Đảng là đội tiên phong của giai cấp công nhân.
- 2- Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lênin làm cơ sở lý luận và chỉ đạo hành động, diễn đạt như từ Đại hội VII của Đảng là “nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động của Đảng”.
- 3- Đảng được xây dựng theo các nguyên tắc xây dựng Đảng Mác - Lênin, trong đó nguyên tắc cơ bản là tập trung dân chủ.

4- Mục tiêu hoạt động của Đảng là giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp công nhân, giải phóng xã hội, đưa đất nước đi lên xã hội XHCN - giai đoạn đầu của xã hội cộng sản.

Sự thể hiện của Chủ tịch Hồ Chí Minh về Đảng của giai cấp công nhân, của nhân dân lao động và của toàn dân tộc là phù hợp với điều kiện cụ thể của Việt Nam. Trong xã hội thuộc địa và phong kiến, ngoài công nông, còn có các giai tầng khác đều mang trong lòng mình tinh thần yêu nước, số đông tán thành cương lĩnh của Đảng. Trong tất cả các thời kỳ cách mạng, thành phần đảng viên của Đảng không chỉ là công nhân mà còn có từ các giai tầng khác. Đảng không có lợi ích riêng, mà Đảng chỉ là tổ chức đại diện cho lợi ích toàn dân tộc theo đúng tinh thần của C. Mác và Ph. Ăngghen, khi các ông cho rằng: trong tiến trình cách mạng, để giải phóng mình, xây dựng xã hội mới, giai cấp công nhân “trước hết phải giành lấy chính quyền, phải tự vươn lên thành giai cấp dân tộc, phải tự mình trở thành dân tộc”<sup>(12)</sup>; cũng như quan điểm của V.I. Lênin: “Chúng ta tin tưởng ở Đảng, chúng ta nhìn thấy ở đó trí tuệ, danh dự và lương tâm của thời đại”<sup>(13)</sup>.

Vậy là, khẳng định vững chắc:

*Một:* Đảng Cộng sản Việt Nam là tổ chức chính trị không những là đội tiên phong của giai cấp công nhân mà còn là đội tiên phong của nhân dân lao động và toàn dân tộc, đại diện trung thành cho lợi ích của Tổ quốc, của toàn dân tộc. Đảng không bao giờ hòa tan vào dân tộc, mà luôn luôn mang bản chất giai cấp công nhân, bất kể Đảng mang tên như thế nào và cách thể hiện “đảng của ai” ra sao. *Hai:* Với ý nghĩa đó, trong tư tưởng Hồ Chí Minh và trong thực tế hoạt động

của Đảng Cộng sản Việt Nam hơn 93 năm nay, chúng ta khẳng định lại một lần nữa một cách vững chắc rằng: Đảng Cộng sản Việt Nam hoàn toàn xứng đáng với vị trí, vai trò lãnh đạo, vai trò cầm quyền lãnh đạo giai cấp công nhân, nhân dân lao động và toàn dân tộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN mà không có một tổ chức chính trị nào khác thay thế được. Những ý kiến của các thế lực thù địch là những ý kiến phi khoa học, phi thực tế, hồ đồ và sẽ không lừa bịp được ai□

---

(1), (2) *Hồ Chí Minh Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2011, T. 3, tr. 3, 4

(3) *Sđd*, T. 7, tr. 41

(4), (6) *Sđd*, T. 4, tr. 187-188, 478

(5) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb CTQG, H, T. 8, tr. 19

(7), (8) *Hồ Chí Minh Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2011, T.8, tr.276, 274

(9) *Sđd*, T.13, tr. 275

(10) Karl Marx - Friedrich Engels: *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* (song ngữ Việt - Anh), Nxb Trẻ, 2018, tr. 108

(11) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb CTQG, H, T. 12, tr. 444

(12) Trong bản tiếng Anh xuất bản năm 1888 thay cho cụm từ “tự vươn lên thành giai cấp dân tộc” là cụm từ “tự vươn lên thành giai cấp chủ đạo trong dân tộc”. Xem C.Mác và Ph.Ăngghen - *Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2004, T. 4, tr. 623-624

(13) *V. I. Lênin Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mátxcova, 1976, T. 34, tr. 122, tiếng Việt.

**Nguồn: Tạp chí Lịch sử Đảng.- 2023.- Số 3.- Tr.8-12.**

---

# **ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM QUANG VINH, SỨ MỆNH TRƯỚC GIAI ĐOẠN LỊCH SỬ MỚI**

**PGS. TRẦN ĐÌNH HUỖNH**

**Nguyên Viện trưởng Viện Xây dựng Đảng  
thuộc Viện Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh**

**1** ● Năm 1960, trong Lễ kỷ niệm 30 năm Ngày thành lập Đảng Lao động Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “Với tất cả tinh thần khiêm tốn của người cách mạng, chúng ta vẫn có quyền nói rằng: *Đảng ta thật là vĩ đại!*”.

Kể từ khi thành lập Đảng đến nay, những người cộng sản Việt Nam đã dũng cảm hy sinh, chiến đấu vì độc lập, tự do của Tổ quốc. Họ hành động với sự cao thượng, đạo đức trong sáng cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, tự nguyện, tự giác, dâng hiến sức lực, tài năng và xương máu của mình cho độc lập, tự do, hạnh phúc của dân tộc.

Trong dịp kỷ niệm 95 năm Ngày thành lập Đảng, đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm đã phát biểu: *Nhìn lại lịch sử, truyền thống vẻ vang và đầy tự hào của Đảng trong 95 năm qua, chúng ta càng thấy rõ hơn trách nhiệm của thế hệ lãnh đạo và đảng viên hôm nay trong tiến trình lịch sử của dân tộc.*

Lịch sử dân tộc đã chứng minh, sống trong lầm than, nô lệ, Tổ quốc bị giày xéo dưới gót sắt của kẻ thù hung ác, tình hình đen tối như không có đường ra. Biết bao hy sinh, biết bao trăm trở, kiên trì, thử nghiệm; thất bại nối tiếp thất bại, đau thương kế tiếp đau thương,

nhưng lòng dũng cảm được nhân lên và “trí khôn” của dân tộc đã lên tiếng trả lời. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời như là một sự tất yếu, lẽ đương nhiên của cuộc sống, là kết quả của những nỗi đau đời triền miên nhiều năm tháng của bao kiếp người.

Ngọn cờ của Đảng tập hợp, vẫy gọi, một đường lối đúng chỉ đường, một đội ngũ tiên phong dẫn dắt nhân dân ta tiến bước để đánh đổi độc lập, tự do, hạnh phúc cho toàn dân - “*dĩ bất biến*” ứng với muôn triệu đổi thay nổi chìm, kế tiếp của cuộc đời dâu bể - “*ứng vạn biến*”

Nhưng để tìm ra một đường lối đúng là cả một sự nỗ lực, tìm học và nghĩ suy, chọn lọc và quyết định. Làm giàu trí tuệ của mình bằng toàn bộ di sản văn hóa tinh thần của dân tộc; bằng sự hấp thụ, chọn lọc tinh hoa văn hóa của nhân loại. Tiếp thu có chọn lọc, kế thừa và phát triển, để chúng ta có một văn hóa chính trị Việt Nam, một vũ khí lý luận với mục đích độc lập - tự do - hạnh phúc của dân ta. Xây dựng nước Việt Nam hòa bình, độc lập, thống nhất, tự do, hạnh phúc, dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh là mục tiêu chiến đấu của Đảng ta.

Chúng ta giành được nhiều thành tựu lớn lao, nhưng chúng ta cần ghi nhớ lời lãnh tụ Hồ Chí Minh rằng: *Nếu nước độc lập mà dân không hưởng hạnh phúc tự do, thì độc lập cũng chẳng có nghĩa lý gì.* Đảng ta là một đảng lãnh đạo và cầm quyền. Từ sau ngày thống nhất đất nước tới nay, Đảng ta, một đảng duy nhất lãnh đạo, cầm quyền, cũng có việc sai lầm, khuyết điểm nhưng xuyên suốt vẫn là một Đảng được nhân dân tin cậy, giao phó trọng trách chèo lái con thuyền cách

mạng tiếp tục tiến lên.

**2.** Bước vào kỷ nguyên mới, Đại hội XIV của Đảng ta đang thống nhất ý chí và hành động luôn làm theo lời dạy về *Tư cách và đạo đức cách mạng* của lãnh tụ Hồ Chí Minh để giữ cho Đảng thật trong sạch, vững mạnh. Đảng giữ vai trò lãnh đạo toàn xã hội. Nhưng muốn lãnh đạo được người khác thì trước hết mình *phải làm mực thước cho người ta noi theo*. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dạy chúng ta như thế!

Mực thước, tức là Đảng phải có uy tín chính trị và phải tiên phong, gương mẫu. Uy tín chính trị của Đảng do nhiều nhân tố cấu thành, chúng gắn bó hữu cơ tạo thành một hệ chuẩn mực thống nhất, bao gồm:

- Uy tín chính trị của một đảng tiên phong lãnh đạo cách mạng được quyết định bởi trình độ lý luận của Đảng đó. V.I. Lê-nin đã từng nói: chỉ đảng nào có được lý luận tiên phong mới làm tròn được nhiệm vụ của đảng tiên phong. Lãnh tụ Hồ Chí Minh đã coi lý luận như là “trí khôn” của Đảng. Trí khôn ấy đạt tới đâu thì toàn bộ hành động của Đảng sẽ thành đạt tới đó, do vậy uy tín của Đảng được xác lập và được nhân dân thẩm định. “Trí khôn” - trình độ lý luận của Đảng - không thể có một cách dễ dàng, không tự nhiên mà có, cũng không chỉ giở sách ra để tìm lời giải. Chủ tịch Hồ Chí Minh dạy: *Lý luận là đem thực tế trong lịch sử, trong kinh nghiệm, trong các cuộc tranh đấu xem xét, so sánh thật kỹ lưỡng rõ ràng, làm thành kết luận. Rồi lại đem nó chứng minh với thực tế. Đó là lý luận chân chính.*

Cùng với chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng đạo đức, tác phong Hồ Chí Minh giữ vai trò nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động, làm cho Đảng ta trở thành người cầm lái, người chỉ đường, dẫn lối cho hành động của nhân dân. Thực tiễn đã khẳng định, đã chứng minh hùng hồn chân lý ấy và đã xác lập uy tín chính trị của Đảng.

Nhân kỷ niệm 95 năm Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (3-2-1930 - 3-2- 2025), Tổng Bí thư Tô Lâm đã có bài viết với tiêu đề “Rạng rỡ Việt Nam”. Trong bài viết, Tổng Bí thư khẳng định: *Trước những yêu cầu mới của sự nghiệp cách mạng, đặc biệt trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng và những thách thức từ tình hình thế giới, công tác xây dựng Đảng càng cần được quan tâm, đổi mới và thực hiện quyết liệt hơn nữa, tập trung vào các nhóm vấn đề trọng tâm: Tiếp tục kiên định mục tiêu, lý tưởng của Đảng; Không ngừng hoàn thiện hệ thống lý luận của Đảng...*

- Uy tín chính trị của Đảng được quyết định bởi những nhiệm vụ chính trị mà Đảng thực hiện. Uy tín chính trị của Đảng ta được xây đắp nhờ khả năng vận dụng lý luận một cách thông minh vào hoàn cảnh thực tiễn để định ra Cương lĩnh, chủ trương, chính sách đúng. Lý luận tiên phong, thể hiện trước hết ở Cương lĩnh chính trị của Đảng. Cương lĩnh chính trị của Đảng là ngọn cờ vẫy gọi, là khẩu hiệu kêu gọi hành động. Thiếu nó, Đảng sẽ mất phương hướng. Chủ trương, chính sách lớn tác động trực tiếp đến toàn bộ đời sống xã hội, ảnh hưởng trực tiếp đến uy tín chính trị của Đảng. Quần chúng thường đánh giá sự lãnh đạo của Đảng thông qua những cảm nhận trực tiếp,

những chính sách và thành tựu thực tế. Uy tín chính trị của Đảng sẽ tăng lên hay giảm đi dựa trên hiệu quả việc thực hiện những chủ trương, chính sách của Đảng trong cuộc sống, trong xây dựng và chỉnh đốn Đảng, chống suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, chống tham ô, lãng phí, tiêu cực.

Thành tựu của 40 năm đổi mới về kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, quan hệ quốc tế... đem lại lợi ích cho Tổ quốc, Nhân dân ta trong những năm qua đã củng cố và nâng cao uy tín của Đảng.

- Uy tín chính trị của Đảng được quyết định từ uy tín chính bản thân mỗi đảng viên và tổ chức của Đảng. Chủ tịch Hồ Chí Minh căn dặn: *Trước mặt quần chúng, không phải ta cứ viết lên trán chữ “cộng sản” mà ta được họ yêu mến. Quần chúng chỉ quý mến những người có tư cách, đạo đức. Muốn hướng dẫn nhân dân, mình phải làm mực thước cho người ta bắt chước.* Giữ gìn và nâng cao tư cách của một đảng viên chân chính cách mạng luôn luôn là vấn đề sống còn của Đảng, bởi *Đảng không phải là một tổ chức để làm quan phát tài.* Thực tiễn đã chỉ rõ và qua kinh nghiệm bản thân, nhân dân ta thừa nhận chỉ có Đảng mới có thể đáp ứng được kỳ vọng hiện nay của dân tộc là: Độc lập - tự do - hạnh phúc, dân giàu nước mạnh, đất nước cường thịnh, văn minh. Đảng lãnh đạo xã hội dựa trên uy tín và năng lực. Trong Đảng, do nhiều nguyên nhân khác nhau dẫn đến có những đảng viên không xứng đáng. Do vậy, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dạy, Đảng luôn luôn phải tự chỉnh đốn bản thân, tổ chức đảng “có trách nhiệm gột rửa cho các đồng chí đó”. Tổ chức đảng phải biết làm cho mình trong sạch, vững mạnh. Điều quan trọng nhất là danh hiệu người đảng viên,

cán bộ phải được bảo vệ và chứng minh trên thực tế, không phải trên lời nói. Quần chúng quan niệm về Đảng thường là qua những đảng viên cụ thể ở nơi làm việc và khu dân cư. Do vậy, năng lực trí tuệ, khả năng hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao của mỗi đảng viên, có đạo đức, không tham ô, hủ hóa, sống trung thực với mình, với đồng chí, đồng bào, có tác phong sâu sát quần chúng, vì nhân dân phấn đấu, hy sinh, được quần chúng yêu mến, kính trọng là điều kiện cơ bản quyết định uy tín chính trị của Đảng.

- Uy tín chính trị của Đảng được bảo đảm bởi Đảng biết sống trong lòng quần chúng, từ những cán bộ chủ chốt của Đảng biết sống giữa đời thường, thấu hiểu tâm tư, nguyện vọng, những khó khăn, vất vả của nhân dân, có ý thức trách nhiệm, dũng cảm và kiên trì tìm cách giải quyết có hiệu quả các khó khăn. Khi Đảng đã lãnh đạo nhân dân giành được chính quyền thì *các cơ quan của Chính phủ từ toàn quốc cho đến các làng, đều là công bộc của dân, nghĩa là để gánh việc chung cho dân, chứ không phải để đè đầu dân như trong thời kỳ dưới quyền thống trị của Pháp, Nhật.*

Trước khi là một đảng viên, và trong suốt cuộc đời mang danh hiệu ấy, bao giờ họ cũng vẫn phải là một con người, hơn thế nữa, họ phải luôn luôn xứng đáng với danh hiệu *Con người*, con người tử tế và cao thượng. Nghĩ suy và làm việc, lời nói đi liền với việc làm và làm có hiệu quả. Đó là tư cách của con người chân chính mà mỗi đảng viên cộng sản không thể quên, không thể thoái thác. Tư cách đảng viên - con người được nhân dân thẩm định qua cuộc sống đời thường.

Cuộc đời vô cùng oanh liệt, đẹp đẽ và cao thượng của người anh

hùng dân tộc Việt Nam và nhà văn hóa kiệt xuất của nhân loại - Hồ Chí Minh - đã để lại cho chúng ta một tấm gương sáng: Phần đầu để biết làm việc, biết làm việc để biết làm người. Và, khi trở thành người cộng sản rồi thì tư cách kép đảng viên - công dân cũng chỉ có một đòi hỏi nghiêm ngặt dù ở đâu, giữ chức vụ gì cũng đều phải biết làm việc - làm người. Đó chính là điều kiện để có thể làm đảng viên, cán bộ để phục vụ Nhân dân, Tổ quốc và nhân loại.

**3.** Trải qua hơn 95 năm, Đảng Cộng sản Việt Nam cùng nhân dân đấu tranh để giành độc lập, tự do, xây dựng chủ nghĩa xã hội, nhiều cán bộ - đảng viên đã thể hiện rõ nhân cách của mình, xứng đáng làm gương cho quần chúng noi theo. Lãnh tụ Hồ Chí Minh đã nghiêm khắc phê phán những cán bộ, đảng viên có chức, có quyền mà thoái hóa, biến chất: Ở cương vị phụ trách thì tự cho mình có quyền hơn hết thầy, định đoạt mọi việc; ở ngành nào, địa phương nào thì coi đó như một giang sơn riêng, không biết đến lợi ích toàn cục. Họ coi thường những quyết định của tổ chức, họ là những “ông quan liêu”, chỉ thích dùng mệnh lệnh đối với đồng chí và nhân dân. Số người đó coi Đảng như một cái “cầu thang” để thăng quan phát tài. Họ không quan tâm đến đời sống của nhân dân mà chỉ lo nghĩ đến lợi ích của riêng mình. Họ quên rằng mỗi đồng tiền, hạt gạo đều là mồ hôi nước mắt của nhân dân, do đó mà sinh ra phô trương, lãng phí. Họ tự cho mình có quyền sống xa hoa hưởng lạc, từ đó mà đi đến tham ô, trụy lạc, thậm chí sa vào tội lỗi.

Đảng đã lãnh đạo nhân dân đánh thắng ngoại xâm, nhưng “kẻ thù bên trong” - chủ nghĩa cá nhân vẫn đang hằng ngày tấn công

Đảng, làm tha hóa người đảng viên, đục ruỗng “cơ thể” Đảng. Nó đẻ ra hàng trăm thứ bệnh nguy hiểm, như quan liêu, mệnh lệnh, bè phái, chủ quan, tham ô, hủ hóa, lãng phí, xa hoa... Những căn bệnh ấy đã làm cho biết bao sự nghiệp từng được coi là biểu tượng của những kỳ tích anh hùng tan thành tro bụi. Lời nhắc nhở của lãnh tụ Hồ Chí Minh mãi mãi vang lên vừa như một lời tiên tri, vừa như một hồi chuông cảnh tỉnh, nó chính là thông điệp gửi tới những người cộng sản ở khắp mọi miền của Tổ quốc ta: *Một dân tộc, một đảng và mỗi con người, ngày hôm qua là vĩ đại, có sức hấp dẫn lớn, không nhất định hôm nay và ngày mai vẫn được mọi người yêu mến và ca ngợi, nếu lòng dạ không trong sáng nữa, nếu sa vào chủ nghĩa cá nhân.*

Quá trình thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 của các khóa XI, XII, XIII, cuộc chống suy thoái về tư tưởng, đạo đức, tham ô, lãng phí, tiêu cực đã đạt kết quả to lớn, Đảng ta đã loại ra khỏi đội ngũ những “con sâu mọt”, không có vùng cấm, không có ngoại lệ, kể cả những cán bộ cấp chủ chốt, cấp chiến lược của Đảng. Đây vừa là thắng lợi, nhưng cũng là mất mát quá to lớn. Vấn đề đó đặt ra, phải dựa vào dân, phải thực hành dân chủ trong Đảng, phải có cơ chế hữu hiệu để giám sát quyền lực; “chống” nhưng phải “xây” để tìm ra những cán bộ chủ chốt xứng đáng. Chỉ khi trở nên trong sạch, vững mạnh, Đảng mới có thể thực hiện sứ mệnh lịch sử là lãnh đạo nhân dân bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình tiến tới xây dựng một Việt Nam thịnh vượng, hùng cường, văn minh □

---

**Nguồn: Tạp chí Xây dựng Đảng.- 2025.- Số 10.- Tr.3-6.**

---

# **SỰ ĐỘC ĐÁO, SÁNG TẠO, TRÍ TUỆ, BẢN LĨNH CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**

**PGS, TS. BÙI ĐÌNH PHONG**  
**Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh**

**Tóm tắt: Bài viết phân tích nét độc đáo, sáng tạo, trí tuệ, bản lĩnh của Đảng Cộng sản Việt Nam từ khi ra đời, lãnh đạo cách mạng thành công, kháng chiến thắng lợi, khởi xướng và lãnh đạo sự nghiệp đổi mới giành được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử.**

*Từ khóa: Độc đáo; Sáng tạo; Trí tuệ; Bản lĩnh; Đảng Cộng sản Việt Nam.*

## **Độc đáo về sự ra đời**

Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời ở một đất nước đã trải qua hàng ngàn năm dưới chế độ phong kiến chuyên chế và hơn 70 năm dưới chế độ thực dân không kém phần chuyên chế là chưa có tiền lệ trong lịch sử. Ở Việt Nam, chủ nghĩa dân tộc, tinh thần yêu nước và phong trào yêu nước có trước chủ nghĩa cộng sản, tinh thần cộng sản và phong trào công nhân. Trên dải đất của “con Rồng, cháu Tiên”, lòng dân được hun đúc qua hàng ngàn năm lịch sử đấu tranh dựng nước và giữ nước, ngày càng cố kết bền chặt, được xây đắp vun bồi trước khi có Đảng. Đặc biệt, những năm đầu thế kỷ XX, khi ánh sáng khoa học và cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lênin được Nguyễn Ái Quốc truyền bá vào Việt Nam, cùng với phong trào công nhân, phong trào yêu

nước từng bước trở thành phong trào yêu nước triệt để, theo con đường cách mạng vô sản.

Nét độc đáo, sáng tạo của Nguyễn Ái Quốc sau khi tiếp nhận lý luận của Lênin là đào tạo thanh niên trí thức yêu nước theo lý tưởng cộng sản. Người thành lập Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên, một tổ chức quá độ trước khi thành lập Đảng. Người coi “nó là quả trứng, mà từ đó, nở ra con chim non cộng sản (Đảng Cộng sản)”<sup>(1)</sup>. Những thanh niên yêu nước được đào tạo ở lớp chính trị Quảng Châu, Trung Quốc những năm 1925-1927, sau đó trở về nước tiếp tục truyền bá chủ nghĩa cộng sản và con đường cách mạng vô sản, đưa lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin vào phong trào công nhân và phong trào yêu nước, dẫn tới sự ra đời của các tổ chức cộng sản: Đông Dương Cộng sản Đảng (tháng 6-1929), An Nam Cộng sản Đảng (tháng 8-1929) và Đông Dương Cộng sản liên đoàn (cuối tháng 12-1929). Trên cơ sở của ba tổ chức cộng sản tiền thân, từ ngày 6-1-1930 đến ngày 8-2-1930, Nguyễn Ái Quốc đã triệu tập đại biểu của hai nhóm<sup>(2)</sup> (Đông Dương Cộng sản Đảng và An Nam Cộng sản Đảng) thành lập ra một đảng cộng sản duy nhất lấy tên là Đảng Cộng sản Việt Nam.

Ba mươi năm sau, trong bài viết *Ba mươi năm hoạt động của Đảng*, Hồ Chí Minh tổng kết: “Chủ nghĩa Mác - Lênin kết hợp với phong trào công nhân và phong trào yêu nước đã dẫn tới việc thành lập *Đảng Cộng sản Đông Dương* vào đầu năm 1930”<sup>(3)</sup>. Đây là một điểm độc đáo về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam, cho thấy sự sáng tạo của Nguyễn Ái Quốc trong việc xem xét toàn diện, sâu sắc hoàn cảnh một nước Việt Nam thuộc địa và phong kiến không bao giờ

ngời nghỉ phong trào yêu nước của các tầng lớp nhân dân trong khi giai cấp công nhân và phong trào công nhân ra đời muộn và mất một thời gian chuyển từ “tự mình” đến “cho mình”. Phong trào yêu nước trong chính thể tạo thành Đảng Cộng sản Việt Nam cho thấy sức mạnh trường tồn của các tầng lớp nhân dân. Từ đó có thể khẳng định, chính Nhân dân đã sinh thành ra Đảng, là nét đặc thù quy định sự gắn bó lâu dài, mối quan hệ mật thiết, máu thịt giữa Đảng với Nhân dân.

### **Sáng tạo, trí tuệ, bản lĩnh chống kẻ thù mới trong cách mạng và kháng chiến**

Trong hàng ngàn năm lịch sử, dân tộc ta phải đương đầu chống quân xâm lược nhưng đó là cuộc chiến giữa hai phương thức sản xuất phong kiến. Quân bành trướng Trung Quốc thời cổ trung đại dù đông, mạnh, tàn bạo nhưng vẫn thuộc phương thức sản xuất phong kiến.

Từ giữa thế kỷ XIX đến giữa thế kỷ XX, dân tộc ta phải chiến đấu chống kẻ thù mới là thực dân Pháp, tiếp sau là đế quốc Mỹ, hơn chúng ta một phương thức sản xuất, ở trình độ phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa. Chúng không chỉ có “quân đông, súng lớn”, mà còn nhiều âm mưu, thủ đoạn xảo quyệt từ nô dịch văn hóa, làm cho dân ngu để dễ trị, bòn rút, khai thác, bóc lột kinh tế đến chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân, chia rẽ lương giáo, chia rẽ đồng bào miền ngược với đồng bào miền xuôi, chia rẽ Nhân dân với Đảng, chia rẽ ba miền Bắc, Trung, Nam.

Từ khi thực dân Pháp xâm lược Việt Nam đến trước khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, các phong trào đấu tranh của Nhân dân

theo con đường phong kiến và con đường tư sản tuy rất anh dũng, kiên cường nhưng không giành được thắng lợi. Thực chất, đó chính là sự thất bại của hệ tư tưởng phong kiến và hệ tư tưởng tư sản. Nói cách khác, nguyên nhân thất bại của các phong trào yêu nước chống Pháp trước khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là do khủng hoảng, bế tắc về đường lối, tổ chức và phương pháp. Vì vậy, vấn đề đặt ra cho Đảng Cộng sản Việt Nam là phải giải quyết sự khủng hoảng, bế tắc về đường lối, tổ chức và phương pháp cách mạng.

### *Giải quyết bế tắc về đường lối*

Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời tiếp tục kế thừa truyền thống dân tộc trong thực hiện nhiệm vụ chống kẻ thù mới, đòi hỏi phải có đường lối mới khoa học và cách mạng. Đường lối xuyên suốt của Đảng từ năm 1930 là làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản, tức giải phóng dân tộc, xây dựng chế độ dân chủ nhân dân, tiến lên chủ nghĩa xã hội. Nói ngắn gọn, đó là đường lối độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, là một đột phá sáng tạo về lý luận của Hồ Chí Minh, sợi chỉ đỏ xuyên suốt cách mạng Việt Nam từ khi có Đảng.

Giai đoạn 1930-1945, mục tiêu trước hết của Đảng Cộng sản Việt Nam, là phải giành được độc lập dân tộc theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Chủ nghĩa xã hội giai đoạn này mới chỉ là triển vọng, định hướng tiến lên của độc lập dân tộc, nhưng nhờ đó mà đem lại tính cách mạng sâu sắc, triệt để cho nhiệm vụ giải phóng dân tộc. Một nước thuộc địa mà không giành được độc lập dân tộc, không xóa bỏ được gông cùm nô lệ thì sẽ không có gì hết. Nếu không giành được

độc lập dân tộc, không giải phóng được dân tộc thì quyền lợi bộ phận và giai cấp đến vạn năm cũng không đòi lại được. Nhưng nước độc lập mà dân không được hưởng tự do, hạnh phúc thì độc lập cũng chẳng có nghĩa lý gì. Vì vậy, độc lập dân tộc phải đi tới và gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

Giai đoạn 1945-1954, độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội thể hiện ở việc thực hiện nhiệm vụ “kép” vừa kháng chiến, vừa kiến quốc. Muốn kháng chiến thắng lợi phải có thực lực thông qua kiến quốc. Muốn kiến quốc thành công phải kháng chiến thắng lợi. Trong kiến quốc có kháng chiến, trong kháng chiến có kiến quốc, gây tiền đề, mầm mống cho chủ nghĩa xã hội, tạo ra sức mạnh tổng hợp.

Giai đoạn 1954-1975, ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội thể hiện đậm nét một cách độc đáo ở chỗ đồng thời tiến hành hai nhiệm vụ chiến lược ở hai miền. Nhân dân miền Nam chống Mỹ, cứu nước hướng tới chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc; Nhân dân miền Bắc xây dựng chủ nghĩa xã hội vừa tạo cơ sở vật chất - kỹ thuật, vừa chi viện cho miền Nam, cùng Nhân dân miền Nam thực hiện đấu tranh hòa bình thống nhất đất nước. Việc một đảng lãnh đạo tiến hành đồng thời hai chiến lược cách mạng ở hai miền đất nước là chưa có tiền lệ. Điều cần nhấn mạnh ở đây là, Đảng đã xác định sự gắn bó chặt chẽ, tác động qua lại giữa cách mạng dân tộc dân chủ và cách mạng xã hội chủ nghĩa. Muốn đánh thắng giặc Mỹ xâm lược thì phải xây dựng chủ nghĩa xã hội; muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội thì phải tích cực chống Mỹ, cứu nước. Tuy nhiên, xét đến cùng thì cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc đóng vai trò quyết định nhất, còn cách mạng dân tộc

dân chủ ở miền Nam đóng vai trò quyết định trực tiếp, cùng thực hiện nhiệm vụ chung đấu tranh hòa bình thống nhất nước nhà.

Giai đoạn từ năm 1975 đến nay, đặc biệt trong hơn 35 năm tiến hành công cuộc đổi mới, khi nêu lên các bài học kinh nghiệm, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn đặt lên hàng đầu bài học nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011)* viết: “...nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội - ngọn cờ vinh quang mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trao lại cho thế hệ hôm nay và các thế hệ mai sau”<sup>(4)</sup>. Trong các quan điểm chỉ đạo của Đại hội XIII, Đảng chỉ rõ việc “kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội”<sup>(5)</sup>.

### *Giải quyết bế tắc về tổ chức*

Việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam đầu năm 1930 có tính đột phá trong giải quyết bế tắc về tổ chức. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam hoàn toàn khác tổ chức Việt Nam Quốc dân Đảng (năm 1927) của Nguyễn Thái Học và khác các hội của Phan Bội Châu như Duy Tân hội (năm 1904), Việt Nam Quang phục hội (năm 1912). Nguyễn Ái Quốc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam là vận dụng sáng tạo quan điểm của Lênin về đảng kiểu mới và qua thực tiễn Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917. Theo Người, giải phóng dân tộc theo con đường cách mạng vô sản muốn thắng lợi thì phải có Đảng lãnh đạo, để trong thì tập hợp, tổ chức quần chúng, ngoài thì liên lạc với giai cấp vô sản mọi nơi. Đảng có vững cách mạng mới thành công, cũng như người cầm lái có vững thì thuyền mới chạy.

Theo Nguyễn Ái Quốc, Đảng muốn vững cần có nhiều yếu tố, trong đó - như tác phẩm *Đường Kách mệnh* đã chỉ ra - phải đặt tư cách của người cách mạng lên hàng đầu. Hồ Chí Minh xác định điều đầu tiên thuộc tư cách của đảng chân chính cách mạng là: “Đảng không phải là một tổ chức để làm quan phát tài. Nó phải làm tròn nhiệm vụ giải phóng dân tộc, làm cho Tổ quốc giàu mạnh, đồng bào sung sướng”<sup>(6)</sup>. Người chỉ rõ: “Ngoài lợi ích của dân tộc, của Tổ quốc, thì Đảng không có lợi ích gì khác”<sup>(7)</sup>.

Theo Hồ Chí Minh, tổ chức đảng cũng như mọi việc khác đều do con người làm ra. Vì vậy, để giải quyết khủng hoảng, bế tắc về tổ chức, sau khi thành lập được Đảng, Người đặc biệt quan tâm xây dựng Đảng về tổ chức, mà hạt nhân là cán bộ, đảng viên. Cùng với việc lấy chủ nghĩa Mác - Lênin “làm nền tảng”, thì quan trọng nhất, căn bản nhất và xuyên suốt quá trình sống, học tập, rèn luyện, phấn đấu và cống hiến của người cách mạng, người đảng viên cộng sản là phải coi đạo đức cách mạng là gốc. Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Người cách mạng phải có đạo đức, không có đạo đức thì dù tài giỏi mấy cũng không lãnh đạo được nhân dân. Vì muốn giải phóng cho dân tộc, giải phóng cho loài người là một công việc to tát, mà tự mình không có đạo đức, không có căn bản, tự mình đã hủ hóa, xấu xa thì còn làm nổi việc gì?”<sup>(8)</sup>. Xuất phát từ lòng mình chỉ biết vì Đảng, vì Tổ quốc, vì Nhân dân thì sẽ đi tới chỗ “chí công vô tư”. Đức chí công vô tư là cao nhất, là cốt lõi của đạo đức cách mạng. Có chí công vô tư thì sẽ có lòng trong mắt sáng, có điều kiện phát huy ưu điểm, hạn chế khuyết điểm, thực hành tốt các đức cần, kiệm, liêm, chính, nhân, nghĩa, trí, dũng.

Cùng với việc nâng cao đạo đức cách mạng, thực hành chí công vô tư, Hồ Chí Minh quan tâm đặc biệt tới chống chủ nghĩa cá nhân, vì chủ nghĩa cá nhân là giặc nội xâm, một thứ “vi trùng” rất độc đẻ ra hàng trăm thứ bệnh; là kẻ thù hung ác của chủ nghĩa xã hội. Không quét sạch được chủ nghĩa cá nhân không thể có thắng lợi của chủ nghĩa xã hội. Người viết: “Chủ nghĩa cá nhân là một trở ngại lớn cho việc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Cho nên, *thắng lợi của chủ nghĩa xã hội không thể tách rời thắng lợi của cuộc đấu tranh trừ bỏ chủ nghĩa cá nhân*”<sup>(9)</sup>. Nếu rơi vào vũng bùn của chủ nghĩa cá nhân, lòng dạ vẫn đục, thì mọi thành quả của Đảng và đảng viên trở nên vô nghĩa. Hồ Chí Minh viết: “Một dân tộc, một đảng và mỗi con người, ngày hôm qua là vĩ đại, có sức hấp dẫn lớn, không nhất định hôm nay và ngày mai vẫn được mọi người yêu mến và ca ngợi, nếu lòng dạ không trong sáng nữa, nếu sa vào chủ nghĩa cá nhân”<sup>(10)</sup>.

Từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam trở thành Đảng cầm quyền, Hồ Chí Minh chú trọng giải quyết mối quan hệ giữa quyền lực và đạo đức, vì thực tế cho thấy có quyền mà không có đức là hỏng. Người chỉ rõ: “... cán bộ các cơ quan, các đoàn thể, cấp cao thì quyền to, cấp thấp thì quyền nhỏ. Dù to hay nhỏ, có quyền mà thiếu lương tâm là có dịp đục khoét, có dịp ăn của đút, có dịp “dĩ công vi tu””<sup>(11)</sup>. Cho đến tận lúc cuối đời, Hồ Chí Minh vẫn luôn suy nghĩ, trăn trở và thật sự bận tâm khi cán bộ, đảng viên có quyền mà thiếu đạo đức. Trong *Di chúc*, sau khi khẳng định việc cần phải làm trước tiên là chỉnh đốn lại Đảng, Người dặn: “Đảng ta là một Đảng cầm quyền. Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần *đạo đức cách mạng*, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch,

phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân”<sup>(12)</sup>.

### *Giải quyết bế tắc về phương pháp*

Cách mạng - xét đến cùng có hai vấn đề mấu chốt, đó là đường lối và phương pháp. Trước hết, phải xác định đúng phương hướng và mục tiêu chiến lược. Đường lối sai không thể nói tới thắng lợi của cách mạng. Nhưng trong thực tế, nhiều trường hợp có phương hướng, đường lối đúng mà vẫn không giành được thắng lợi, thậm chí thất bại bởi không có phương pháp khoa học. Vì vậy trong cách mạng, vừa phải xác định đường lối đúng, vừa phải có phương pháp khoa học, phù hợp. Đường lối quy định phương pháp, đường lối nào thì phương pháp đó.

Phong trào đấu tranh chống Pháp trước khi Đảng ra đời theo con đường phong kiến (giai đoạn 1858-1896) là phương pháp bế quan tỏa cảng, cố thủ, dựa vào thành cao, hào sâu. Theo khuynh hướng dân chủ tư sản là phương pháp cải cách “xin giặc rủ lòng thương”; bạo động non, ám sát cá nhân theo kiểu “không thành công cũng thành nhân”, hoặc “đuổi hổ cửa trước, rước beo cửa sau”. Tất cả những phương pháp đó không thể đương đầu với mưu mô, thủ đoạn xảo quyệt và sức mạnh khoa học kỹ thuật của kẻ thù mới đế quốc chủ nghĩa.

Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam chủ trương giải phóng dân tộc theo con đường cách mạng vô sản, theo đó xác định phương pháp đấu tranh có hàm lượng khoa học và cách mạng cao, xuất phát từ thực tiễn Việt Nam. Những nội dung của phương pháp đó chủ yếu là giáo dục, giác ngộ quần chúng nhận thức thấu đáo về kẻ thù, về cách mạng, lực lượng cách mạng, lãnh đạo cách

mạng, tổ chức cách mạng, mối quan hệ giữa cách mạng nước ta và các nước khác trên thế giới.

Không lĩnh vực nào đòi hỏi đảng cách mạng phát huy tính sáng tạo nhiều như lĩnh vực phương pháp cách mạng. Cách mạng là sáng tạo, không sáng tạo thì cách mạng không thể thắng lợi. Không bao giờ có một công thức duy nhất về phương pháp cách mạng cho mọi thời gian, không gian, hoàn cảnh, mọi nước, mọi giai đoạn. Đó chính là quan điểm lịch sử trong kho tàng lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin.

Dưới ánh sáng chủ nghĩa Mác - Lênin, sáng tạo trong phương pháp tiến hành cách mạng lại càng có ý nghĩa vô cùng quan trọng với hoàn cảnh một nước thuộc địa, nông nghiệp lạc hậu, khoa học - kỹ thuật kém phát triển như Việt Nam lúc bấy giờ. Đảng nắm vững phương châm “dĩ bất biến ứng vạn biến” mà Hồ Chí Minh nêu ra, trên cơ sở đó biết thắng từng bước, nhằm tạo ra điều kiện, khả năng đi tới giành thắng lợi hoàn toàn.

Đại đoàn kết toàn dân tộc gắn với đoàn kết quốc tế theo tinh thần “đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết” là một trong những phương pháp quan trọng nhất, tạo ra động lực chủ yếu của cách mạng, đưa cách mạng đến “thành công, thành công, đại thành công”. Giá trị cốt lõi của đoàn kết là chữ “đồng”:

Đồng tình, đồng sức, đồng lòng, đồng minh, trong đó việc xây dựng và phát triển đạo quân chính trị là điều cơ bản, có ý nghĩa quyết định. Mặt trận Việt Minh trong Cách mạng tháng Tám; đường lối chiến tranh nhân dân, toàn dân, toàn diện, trường kỳ, dựa vào sức mình là chính trong kháng chiến chống Pháp; tổng tấn công và nổi dậy

trong cách mạng miền Nam, kết hợp khởi nghĩa của quần chúng với chiến tranh cách mạng; đấu tranh quân sự với đấu tranh chính trị song song... là những điển hình, độc đáo về phương pháp cách mạng, giúp cách mạng Việt Nam đi đến thắng lợi.

### **Độc đáo, sáng tạo, trí tuệ, bản lĩnh trong công cuộc đổi mới**

Từ cuối thập kỷ 70 sang thập kỷ 80, nhiều nước theo chế độ xã hội chủ nghĩa “giật mình” khi nhận ra các nước theo chế độ tư bản chủ nghĩa nhờ có những điều chỉnh cần thiết đã tiến những bước dài, vượt xa mình, nhất là về khoa học - công nghệ và tăng trưởng kinh tế trong kỷ nguyên toàn cầu hóa. Các nước xã hội chủ nghĩa lâm vào tình trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội trầm trọng buộc phải tìm cách vượt qua thách thức. Một số nước tiến hành cải cách (Trung Quốc) hoặc cải tổ (Liên Xô), có nước thành công, có nước gặp khó khăn, tiếp tục khủng hoảng.

Sáng tạo, đổi mới thuộc bản chất của chủ nghĩa Mác - Lênin và đòi hỏi của thực tiễn. Tuy nhiên, không phải đảng nào, nước nào cũng nhận ra và hành động đúng theo quy luật khách quan đó. Sau giải phóng miền Nam, Đảng đã “say sưa” với thắng lợi, mang tư tưởng chủ quan, nóng vội, duy ý chí, muốn tiến nhanh lên chủ nghĩa xã hội trong một thời gian ngắn, bất chấp quy luật khách quan. Đảng đã thừa nhận điều này: “Mười năm qua, chúng ta đã trả giá đắt để thu được những hiểu biết và kinh nghiệm ngày nay, và chúng ta đã có bước trưởng thành”<sup>(13)</sup>. *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011)* viết: “Trong lãnh đạo, Đảng có lúc cũng phạm sai lầm, khuyết điểm, có những sai lầm,

khuyết điểm nghiêm trọng do giáo điều, chủ quan, duy ý chí, vi phạm quy luật khách quan. Đảng đã nghiêm túc tự phê bình, sửa chữa khuyết điểm, tự đổi mới, chỉnh đốn để tiếp tục đưa sự nghiệp cách mạng tiến lên”<sup>(14)</sup>.

Điểm đột phá, bản lĩnh của Đảng chính là dám nhìn thẳng vào sự thật, nói rõ sự thật, đánh giá đúng sự thật. Đảng khởi xướng và lãnh đạo sự nghiệp đổi mới chính thức từ Đại hội VI. Xuất phát từ thực tiễn, tổng kết thực tiễn, đúc rút kinh nghiệm thế giới, công cuộc đổi mới đã thể hiện cách nghĩ, cách làm của Việt Nam, mang đậm dấu ấn về trí tuệ, bản lĩnh, cốt cách văn hóa của con người, dân tộc Việt Nam và Đảng Cộng sản Việt Nam. Đổi mới là “Made in Việt Nam”.

Theo Báo cáo tổng kết một số vấn đề lý luận - thực tiễn qua 30 năm đổi mới (1986-2016), Hội nghị Trung ương 6 khóa IV (tháng 8-1979) với chủ trương làm cho sản xuất “bung ra” đánh dấu bước đột phá đầu tiên của quá trình đổi mới ở nước ta. Hội nghị Trung ương 8 khóa V (tháng 6-1985) đánh dấu bước đột phá thứ hai. Vào tháng 9-1986, Hội nghị Bộ Chính trị đưa ra Kết luận đối với một số vấn đề thuộc quan điểm kinh tế, được coi là bước đột phá thứ ba có ý nghĩa lớn trong đổi mới tư duy về chủ nghĩa xã hội, có vai trò định hướng cho việc soạn thảo lại Dự thảo Báo cáo chính trị trình Đại hội VI.

Đại hội VI (tháng 12-1986) đưa ra đường lối đổi mới, cùng với trước hết đổi mới tư duy là đổi mới tổ chức - cán bộ, đổi mới phương pháp lãnh đạo và công tác, đổi mới phát triển kinh tế, xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa trên cơ sở xuất phát từ thực tế, tôn trọng và hành động theo quy luật khách quan; lấy dân làm

gốc, phát huy quyền làm chủ thật sự của Nhân dân.

Trong bối cảnh đại dịch Covid-19 hiện nay - một đại dịch chưa có tiền lệ trong lịch sử, nước ta đã chống dịch theo cách Việt Nam, “chống dịch như chống giặc”. Đảng tiếp tục khơi dậy lòng yêu nước của dân tộc mà nổi bật là phát huy sức mạnh và “tổng động viên” cả hệ thống chính trị vào cuộc. Sự chỉ đạo quyết liệt của Chính phủ kết hợp với sự chung sức, đồng lòng của toàn dân đem lại hiệu quả cao trong chống dịch. Đồng thời, nước ta cũng tận dụng tối đa sự ủng hộ của quốc tế bằng chính sách “ngoại giao vac-cine”. Giá trị văn hóa và con người Việt Nam trở thành sức mạnh nội sinh trong chống dịch với tinh thần “lá lành đùm lá rách, lá rách ít đùm lá rách nhiều”, “thương người như thể thương thân”. Nước ta đã có nhiều cách làm sáng tạo, độc đáo mang diện mạo, cốt cách Việt Nam như: “Siêu thị không đồng”, “cây ATM gạo”, “5 K”. Câu chuyện khẩu trang ở Việt Nam đã trở thành văn hóa - văn hóa khẩu trang - mà sau hơn hai năm chống dịch được thế giới ghi nhận như là một phương tiện hữu hiệu để ngăn cản virus.

Với những đột phá độc đáo, sáng tạo, bản lĩnh của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng khẳng định: “*Nhìn lại 35 năm thực hiện công cuộc đổi mới, 30 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (Cương lĩnh năm 1991), lý luận về đường lối đổi mới, về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta ngày càng hoàn thiện và từng bước được hiện thực hóa. Đất nước đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử, phát triển mạnh mẽ, toàn diện so với những*

năm trước đổi mới”<sup>(15)</sup>.

92 năm của Đảng Cộng sản Việt Nam là một chặng đường thể hiện rõ: Trí tuệ, bản lĩnh, sáng tạo, đổi mới và cốt cách dân tộc Việt Nam dưới ánh sáng tư tưởng sáng suốt của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Sự độc đáo, sáng tạo, trí tuệ, bản lĩnh của Đảng sẽ tiếp tục cùng Nhân dân Việt Nam thực hiện thành công “khát vọng về một đất nước phồn vinh, hạnh phúc, sánh bước cùng thời đại, bước tới đài vinh quang, sánh vai với các cường quốc năm châu”□

---

(1) Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, t.3, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.14.

(2) Tổ chức Đông Dương Cộng sản liên đoàn không kịp cử người dự. Ngày 24-2-1930, tổ chức này được chấp nhận gia nhập vào Đảng Cộng sản Việt Nam.

(3) Hồ Chí Minh, *Sđd*, 112, tr.406.

(4), (14) Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.65, 64.

(5) Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, t.1, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, tr.109.

(6), (7), (8) Hồ Chí Minh, *Sđd*, t.5, tr.289, 290, 292-293.

(9) Hồ Chí Minh, *Sđd*, t.11, tr.609.

(10), (12) Hồ Chí Minh, *Sđd*, t.15, tr.672,622.

(11) Hồ Chí Minh, *Sđd*, t.6, tr.127.

(13) Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, t.47, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2006, tr.343.

(15) Đảng Cộng Sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, t.2, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, tr.322.

**Nguồn: Thông tin khoa học lý luận chính trị.-2022.- Số 3(85).- Tr.22-28.**

# LÝ DO NGUYỄN ÁI QUỐC VÀ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM CHỌN CON ĐƯỜNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

PGS, TS. NGUYỄN MẠNH HÀ      TS. VŨ THỊ HỒNG DUNG  
Viện lịch sử Đảng, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Ngày nhận bài: 26-11-2021; Ngày phản biện: 20-12-2021; Ngày duyệt đăng: 17-1-2022.

**Tóm tắt:** Ngay từ khi mới thành lập, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc và Đảng Cộng sản Việt Nam đều xác định hai nhiệm vụ chủ yếu của cách mạng Việt Nam là làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản, đi lên CNXH. Vấn đề đặt ra là cần lý giải vì sao đi lên CNXH là con đường do Đảng, Bác Hồ (Nguyễn Ái Quốc) và nhân dân ta đã lựa chọn từ năm 1930 và kiên định cho đến ngày nay? Bài viết góp phần tìm hiểu và lý giải vấn đề trên theo các bước chuyển biến về nhận thức của Nguyễn Ái Quốc, dựa trên những sự kiện, mốc lịch sử tiêu biểu kể từ khi Người ra đi tìm đường cứu nước năm 1911, nhằm phản bác những quan điểm sai trái cho rằng sự lựa chọn CNXH cho Việt Nam là sai lầm, không phù hợp với xu thế thời đại.

*Từ khóa: Nguyễn Ái Quốc, chế độ XHCN, Việt Nam.*

**Q**ua nghiên cứu cho thấy, sự lựa chọn của Nguyễn Ái Quốc và Đảng về con đường xây dựng chế độ XHCN cho Việt Nam sau khi giành được độc lập dân tộc dựa trên những cơ sở lý luận và thực tiễn sau:

## 1. Nguyễn Tất Thành ra đi tìm đường cứu nước và những hoạt động đầu tiên

Ngày 5-6-1911, người thanh niên yêu nước Nguyễn Tất Thành (sau này lấy tên là Nguyễn Ái Quốc, Hồ Chí Minh...) rời Sài Gòn ra đi tìm đường cứu nước. Thời điểm đó, trong suy nghĩ, Nguyễn Tất Thành chỉ đau đáu một điều: đi tìm con đường cứu dân, cứu nước, mang lại độc lập cho dân tộc, tự do và cuộc sống bớt đói nghèo cho người dân. Sinh ra và lớn lên trong cảnh đất nước đang rên xiết dưới sự thống trị của thực dân Pháp, sự đầu hàng, thỏa hiệp của triều đình nhà Nguyễn, sự thất bại của các phong trào đấu tranh yêu nước theo hệ tư tưởng phong kiến, hệ tư tưởng dân chủ tư sản, Nguyễn Tất Thành quyết định đi tìm một con đường khác để giành độc lập cho dân tộc. Trả lời phỏng vấn của Tạp chí *Ngon lửa nhỏ* (Liên Xô) năm 1923, Nguyễn Ái Quốc giải thích quyết định ra đi tìm đường cứu nước như sau: “Vào trạc tuổi 13, lần đầu tiên tôi đã được nghe những từ ngữ tiếng Pháp: tự do, bình đẳng, bác ái - đối với chúng tôi lúc ấy, mọi người da trắng đều được coi là người Pháp - thế là tôi muốn làm quen với văn minh Pháp, tìm xem những gì ẩn giấu đằng sau những từ ấy”<sup>(1)</sup>. Khi ra đi tìm đường cứu nước, Nguyễn Tất Thành không hề nghĩ rằng sẽ tìm thấy mô hình cách mạng có sẵn, đã được viết trong sách hoặc thể hiện trong đời sống, xã hội của các nước, các dân tộc nào đó. Nguyễn Tất Thành mới chỉ có ý định đi tìm con đường giải phóng dân tộc nhưng tìm như thế nào, tìm ở đâu, liên hệ với ai, với tổ chức nào, cứu nước bằng cách nào... thì chưa có sự định hình cụ thể. Quá trình vừa tìm đường cứu nước, vừa lao động kiếm sống, bôn ba các châu lục, qua nước Mỹ, Anh, Pháp... là quá trình Nguyễn Tất

Thành khảo sát thực tế cuộc sống, phong trào đấu tranh cũng như tìm hiểu các tư tưởng yêu nước của người dân ở các nước thuộc địa. Từ quan sát đó, Nguyễn Tất Thành nhận thức rõ ràng mỗi dân tộc có những điều kiện, hoàn cảnh cụ thể riêng, nên cần phải xuất phát từ các điều kiện cụ thể về kinh tế, chính trị, xã hội để xác định con đường cách mạng cho dân tộc mình, không thể sao chép các hình mẫu cụ thể.

Điều có thể khẳng định là khi ra đi tìm đường cứu nước, Nguyễn Tất Thành có định hướng rằng nếu thành công, giành được độc lập cho đất nước, thì con đường phát triển của Việt Nam chắc chắn sẽ không hướng tới việc xây dựng một thể chế chính trị, một chế độ xã hội mà ở đó, giai cấp phong kiến hoặc giai cấp tư sản vẫn nắm quyền điều hành và đại đa số người dân tiếp tục bị thống trị, bóc lột. Bởi vì, nước Pháp tuyên bố sứ mệnh khai hóa văn minh cho người dân Việt Nam, nhưng thực tế là đại bộ phận người dân vẫn không biết đọc, biết viết, đời sống rất khổ cực... Tuy nhiên, lựa chọn thể chế chính trị nào, chế độ xã hội nào thì bản thân Nguyễn Tất Thành chưa xác định được cụ thể.

Trong thời gian ở Mỹ, Anh, Nguyễn Tất Thành đã có một loạt các hoạt động đáng chú ý như: tìm hiểu đời sống của người da đen ở khu Harlem (New York); liên hệ với Hội Ái hữu của người Việt ở London; gửi thư cho cụ Phan Châu Trinh nói lên sự quan tâm và suy nghĩ về thời cuộc, về diễn biến và chiều hướng của cuộc Chiến tranh thế giới thứ nhất; liên hệ với Kỳ Ngoại hầu Hoàng thân Cường Để<sup>(2)</sup>, một thành viên hoàng tộc triều Nguyễn chủ trương chống Pháp, đang sống lưu vong ở Nhật Bản; quan tâm đến sự kiện nhà vua Duy Tân trẻ

tuổi chủ trương chống lại sự thống trị của Pháp (tháng 5-1916), bị đày đi đảo Reunion; sự kiện binh lính khổ đở ở Thái Nguyên, do Trịnh Văn Cấn (Đội Cấn) chỉ huy, nổi dậy chống Pháp, bị thực dân Pháp dìm trong bể máu (tháng 8-1917)<sup>(3)</sup>... Cuối năm 1917, Nguyễn Tất Thành rời nước Anh, trở lại Pháp.

## **2. Hành trình đến với sự lựa chọn chủ nghĩa xã hội**

*- Bước chuyển biến đầu tiên: Ảnh hưởng của Cách mạng Tháng Mười Nga*

Tại Pháp, qua sách báo, Nguyễn Tất Thành được biết một sự biến chính trị to lớn nổ ra ở nước Nga xa xôi. Báo chí tư sản Pháp gọi đó là cuộc đảo chính của những người Bôn-sê-vích. Nhưng một số tờ báo xã hội cánh tả lại coi đây là một cuộc cách mạng của công nhân, nông dân, binh lính do Đảng Bôn-sê-vích lãnh đạo, thiết lập chính quyền của nhân dân. Người rất quan tâm đến chính biến này nên tìm đọc các sách báo viết về nó. Người cho rằng đây là lần đầu tiên trong lịch sử, có một cuộc cách mạng đưa lại chính quyền cho những người lao động điều hành. Với trực giác của mình, Người ủng hộ cuộc cách mạng đó. Vào thời điểm đó, Người không hề nghĩ rằng cuộc Cách mạng này lại có ảnh hưởng lớn lao và mang tính quyết định đối với cuộc đời hoạt động cách mạng của mình nhiều đến thế. Đây chính là bước chuyển biến đầu tiên trong nhận thức của Người về cuộc cách mạng vô sản đầu tiên.

Những năm sau này, Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh đã có nhiều bài viết về Cách mạng Tháng Mười Nga.

Trong cuốn *Bản án chế độ thực dân Pháp*, xuất bản năm 1925, Nguyễn Ái Quốc đã dành phần IV, chương 12 viết về “*Cách mạng Nga với các dân tộc thuộc địa*”. Trong tác phẩm *Đường cách mệnh* xuất bản năm 1927, Nguyễn Ái Quốc viết: “Trong thế giới bây giờ, chỉ có cách mệnh Nga là đã thành công và thành công đến nơi, nghĩa là dân chúng được hưởng cái hạnh phúc, tự do, bình đẳng thật... Cách mệnh Nga dạy cho chúng ta rằng muốn cách mệnh thành công thì phải dân chúng (công nông) làm gốc, phải có đảng vững bền...”<sup>(4)</sup>. Và “Bây giờ học thuyết nhiều, chủ nghĩa nhiều, nhưng chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mệnh nhất là chủ nghĩa Lênin”<sup>(5)</sup>.

Trong bài viết *Cách mạng Tháng Mười và sự nghiệp giải phóng các dân tộc phương Đông*, Chủ tịch Hồ Chí Minh bày tỏ cảm nghĩ: “Giống như người đi đường đang khát mà có nước uống, đang đói mà có cơm ăn. Cách mạng Tháng Mười đã chứng tỏ có khả năng lật đổ nền chuyên chế của bọn bóc lột, xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa... Đó là một tấm gương cổ vũ nhân dân lao động toàn thế giới, đặc biệt là đối với các dân tộc phương Đông... Cách mạng Tháng Mười đã mở ra trước mắt họ thời đại cách mạng chống đế quốc, thời đại giải phóng dân tộc”<sup>(6)</sup>. Đây là những lý do giải thích vì sao lúc đó Người đón nhận và đi theo con đường của Cách mạng Tháng Mười để cứu nước, giải phóng dân tộc; coi cuộc cách mạng này là cái “cầm nang thần kỳ”, là kim chỉ nam, là mặt trời soi sáng con đường đi tới thắng lợi cuối cùng, đi tới chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản<sup>(7)</sup>.

Bằng kinh nghiệm hoạt động cách mạng quốc tế, căn cứ vào những luận điểm của V.I.Lênin và những bài học của Cách mạng

Tháng Mười, Hồ Chí Minh đã rút ra kết luận có tính nguyên tắc: “Muốn cứu nước, giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản”<sup>(8)</sup>; “Trong thời đại ngày nay...cách mạng giải phóng dân tộc phải phát triển thành cách mạng xã hội chủ nghĩa thì mới giành được thắng lợi hoàn toàn”<sup>(9)</sup>.

*Bước chuyển thứ hai: Gia nhập Đảng Xã hội Pháp*

Cuối năm 1918, Nguyễn Tất Thành gia nhập Đảng Xã hội Pháp. Đây là người Việt Nam đầu tiên gia nhập một đảng chính trị của nước Pháp. Người viết: “Tôi tham gia Đảng Xã hội Pháp chẳng qua là vì “các ông bà ấy” - (hồi đó tôi gọi các đồng chí của tôi như thế) - đã tỏ đồng tình với tôi, với cuộc đấu tranh của các dân tộc bị áp bức. Còn như đảng là gì, công đoàn là gì, chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản là gì thì tôi chưa hiểu”<sup>(10)</sup>. Trong thời gian lao động kiếm sống, Người được luật sư Phan Văn Trường giới thiệu đến các thư viện đọc sách của các nhà viết kịch, nhà văn, nhà tư tưởng nổi tiếng như Sếchxpia, Đíchken, Víchto Huygô, Emin Dôla, Lỗ Tấn, Lép Tônxtôi, Hăngri Bécbuýt. Các tác phẩm đó đã cung cấp những hiểu biết mới cho Người về xã hội, về cuộc sống của nhân dân ở các nước. Ngoài ra, Người còn tiếp xúc với các nhà hoạt động chính trị cánh tả như Pôn Vayăng Cutuyariê, Mácxen Casanh, đọc báo Nhân đạo - cơ quan ngôn luận của Đảng Xã hội Pháp, tham gia các cuộc hội họp, thảo luận do Đảng Xã hội Pháp tổ chức. Từ đó, Người càng hiểu ra đây là một tổ chức chính trị có quan điểm tiến bộ, chống chiến tranh, bênh vực quyền lợi của người lao động. Việc gia nhập Đảng Xã hội Pháp đánh dấu bước mở đầu cuộc đời hoạt động chính trị chuyên nghiệp của

Nguyễn Tất Thành.

*Bước chuyển thứ ba: Bản Yêu sách của nhân dân An Nam*

Tham gia Đảng Xã hội Pháp giúp cho Nguyễn Tất Thành có thêm cơ hội tiếp xúc, học hỏi, tích lũy kinh nghiệm hoạt động chính trị. Đầu năm 1919, các nước thắng trận trong Chiến tranh thế giới thứ nhất đến Pari tham dự Hội nghị bàn về việc gìn giữ hòa bình sau chiến tranh, đồng thời phân chia lại khu vực ảnh hưởng. Nguyễn Tất Thành đã cùng với Phan Châu Trinh, Phan Văn Trường, Nguyễn Thế Truyền trao đổi, soạn thảo *Bản Yêu sách của nhân dân An Nam*<sup>(11)</sup>. *Bản yêu sách* do Nguyễn Ái Quốc (tên mới của Nguyễn Tất Thành) ký tên, gửi đến Hội nghị Vécxây, gồm 8 điểm, yêu cầu các quyền dân chủ, chính trị cho người dân An Nam.

*Bản Yêu sách* còn được in ra hàng nghìn bản gửi cho các Nghị sĩ, thành viên trong chính quyền Pháp, cho các tờ báo ở Pari, phân phát ở các cuộc mít tinh, hội họp, ở các ngã tư đường phố, gửi theo các chuyến tàu về Đông Dương... Mặc dù biết các nước tham dự Hội nghị và chính quyền Pháp không bao giờ đáp ứng những đề nghị này nhưng Nguyễn Ái Quốc coi đây là một cơ hội thuận lợi để vạch trần tội ác, mưu đồ của thực dân, đế quốc đối với người dân ở các nước thuộc địa, làm cho dư luận Pháp và thế giới hiểu rõ tình hình và nguyện vọng của nhân dân Việt Nam.

*Yêu sách của nhân dân An Nam* trở thành một bản Tuyên ngôn chính trị đầu tiên của dân tộc Việt Nam nói chung, của Nguyễn Ái Quốc nói riêng. Tuy nhiên, đến lúc đó, vẫn chưa thấy những chủ kiến rõ rệt của Nguyễn Ái Quốc về vấn đề cứu nước, giải phóng dân tộc.

Việc gửi *Bản Yêu sách* đến Hội nghị Véc xây *đánh dấu bước chuyển căn bản* trong bước đường hoạt động cách mạng của Nguyễn Ái Quốc.

*Bước chuyển thứ tư: đọc Luận cương của Lênin - Tìm thấy con đường giải phóng dân tộc*

Một sự kiện lớn lao trong hành trình tìm đường cứu nước của Nguyễn Ái Quốc. Tháng 7-1920, Người đọc trên báo *Nhân đạo* văn kiện *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của V.I.Lênin. Lần đầu tiên Người được đọc một văn kiện của V.I.Lênin viết về dân tộc và thuộc địa. Luận cương đã bổ sung, trang bị cho Người những vấn đề lý luận về cách mạng giải phóng dân tộc.

Sau này, Người nhớ lại cảm tưởng khi đọc Luận cương: “Trong Luận cương đó, có những chữ chính trị khó hiểu. Nhưng đọc đi đọc lại, cuối cùng tôi cũng hiểu được phần chính. Luận cương của Lênin làm cho tôi cảm động, phấn khởi, sáng tỏ, tin tưởng biết bao! Tôi vui mừng đến phát khóc lên. Ngồi một mình trong buồng mà tôi nói to lên như đang nói trước quần chúng đông đảo: “Hỡi đồng bào bị đọa đầy đau khổ! Đây là cái cần thiết cho chúng ta, đây là con đường giải phóng chúng ta”. Từ đó tôi hoàn toàn tin theo Lênin, tin theo Quốc tế thứ ba”<sup>(12)</sup>. Luận cương của V.I.Lênin đã làm thay đổi hoàn toàn nhận thức và cuộc đời hoạt động của Người. Từ một người yêu nước, Người đến với chủ nghĩa Lênin sau nhiều năm tìm tòi, khảo nghiệm.

*Bước chuyển biến thứ năm: Trở thành người cộng sản*

Tháng 3-1919, Quốc tế Cộng sản (Quốc tế III) thành lập theo sáng kiến của Lênin. Ngày 25-12-1920, Đại hội đại biểu toàn quốc lần

thứ 18 Đảng Xã hội Pháp khai mạc tại thành phố Tua (Tours). Nguyễn Ái Quốc là đại biểu duy nhất của Đông Dương thuộc Pháp tham dự, đã phát biểu lưu ý Đại hội về tình cảnh người dân Việt Nam đang sống dưới sự thống trị của tư bản thực dân Pháp. Người đã bỏ phiếu thành lập Đảng Cộng sản Pháp và tán thành gia nhập Quốc tế Cộng sản. Đây là sự kiện mang tính bước ngoặt đánh dấu một người Việt Nam đầu tiên tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp.

Sau này, Chủ tịch Hồ Chí Minh viết: “Lúc đầu, chính là do chủ nghĩa yêu nước mà tôi tin theo Lênin. Rồi, từng bước một, tôi đi đến kết luận là chỉ có chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và giai cấp công nhân toàn thế giới. Tôi đã hiểu thế nào là sự gắn bó chặt chẽ giữa chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa quốc tế vô sản”<sup>(13)</sup>.

*Bước ngoặt quyết định: đến Liên Xô XHCN (7-1923 -11-1924)*

Kể từ khi Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917 giành thắng lợi, Nguyễn Ái Quốc đã tỏ rõ sự quan tâm đặc biệt đối với cuộc cách mạng này cũng như chế độ xã hội được xây dựng tại đây. Người đã cùng với những nhà yêu nước ở các nước thuộc địa của Pháp như Angiêri, Tuynidi, Mađagaxca, Máctiních... thành lập Hội liên hiệp thuộc địa (tháng 7-1921), ra tờ báo *Người cùng khổ* cơ quan ngôn luận của Hội (tháng 4-1922), nhằm phản ánh tình cảnh của người dân ở các thuộc địa, đồng thời tuyên truyền về Cách mạng Tháng Mười và nước Nga Xôviết.

Các hoạt động, bài viết, phát biểu liên quan đến vấn đề dân tộc, thuộc địa của Người đã gây được sự chú ý đặc biệt của Quốc tế Cộng

sản. Một thành viên lãnh đạo của Quốc tế III là Manuinxki đã đề nghị Đảng Cộng sản Pháp để Nguyễn Ái Quốc sang công tác tại Mátxcova.

Trong thời gian gần một năm rưỡi ở nước Nga, ngoài công việc ở Quốc tế Cộng sản, Nguyễn Ái Quốc quan tâm tìm hiểu chủ trương, đường lối xây dựng, bảo vệ đất nước của Đảng Bôn-sê-vích và Chính phủ Xôviết. Người đã hoạt động liên tục trên nhiều lĩnh vực, trong nhiều tổ chức: tìm đọc các tác phẩm của Lênin; tham gia viết bài, trả lời phỏng vấn các báo, tạp chí: *Ngon lúa nhỏ*, *Tiếng còi*, *Sự thật*, *Thư tín quốc tế*, *Nhân đạo*, *Đời sống công nhân*, *Người cùng khổ ở Pháp*; tham dự các khóa học ngắn hạn tại Trường Đại học cộng sản dành cho những người lao động Phương Đông: được bầu vào Đoàn Chủ tịch Quốc tế nông dân; phát biểu tại Đại hội lần thứ V Quốc tế Cộng sản (17-6-1924) về hoạt động của Ban Chấp hành Quốc tế Cộng sản, vấn đề dân tộc và thuộc địa, vấn đề ruộng đất; tham dự Đại hội của Quốc tế đỏ; tham dự Đoàn Chủ tịch Đại hội Quốc tế cộng sản Thanh niên và Đại hội Quốc tế Phụ nữ v.v...

Hơn một năm hoạt động, sống trên đất nước Liên Xô, Người đã có sự khảo nghiệm thực tế đầy đủ và cần thiết về chế độ xã hội và cuộc sống của con người Xôviết, tính ưu việt và ảnh hưởng của Cách mạng Tháng Mười không chỉ đối với người dân Liên Xô mà cho cả các nước khác, đặc biệt là các nước đang đấu tranh giành độc lập dân tộc.

Đây là khoảng thời gian mang tính bước ngoặt về nhận thức và thái độ hành động của Nguyễn Ái Quốc không chỉ đối với vấn đề cứu nước, giải phóng dân tộc, mà là lựa chọn mô hình chế độ xã hội mới sau khi giành được độc lập cho đất nước. Việc hòa mình vào cuộc

sống của nhân dân Xôviết và thực tiễn công cuộc xây dựng đất nước theo con đường XHCN của Liên Xô đã góp phần định hình một cách chắc chắn sự lựa chọn của Người đi theo con đường Lênin đã vạch ra, để giải phóng dân tộc, xây dựng chế độ xã hội XHCN ở Việt Nam.

Tháng 10-1930, *Luận cương chính trị* của Đảng do đồng chí Trần Phú soạn thảo, được Hội nghị Trung ương lần thứ nhất thông qua, cũng khẳng định con đường cách mạng Việt Nam sau khi giành được độc lập dân tộc là tiến lên CNXH.

### **3. Một vài nhận xét**

*Thứ nhất*, mỗi quốc gia, dân tộc, không phân biệt màu da, chủng tộc, trình độ phát triển đều có quyền tự lựa chọn con đường phát triển cho mình. Đây là quyền tự quyết thiêng liêng, bất khả xâm phạm, phản ánh sự độc lập của mỗi quốc gia, dân tộc. Việc lựa chọn con đường đi lên CNXH, hay nói cách khác là xác định mục tiêu sau khi hoàn thành cách mạng giải phóng dân tộc của Nguyễn Ái Quốc và của Đảng là *một quá trình diễn ra một cách tự nhiên, lâu dài, không có dự định trước*. Có thể khẳng định rằng, vào thời điểm năm 1911 và mấy năm sau đó, Người chưa định hình một cách rõ rệt mô hình chế độ xã hội cụ thể Việt Nam sẽ xây dựng sau khi giành được độc lập. Nhưng chắc chắn không phải là chế độ xã hội do tư bản thực dân, phong kiến nắm quyền thống trị, mà là xã hội do người dân làm chủ cuộc sống của mình.

Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917 giành thắng lợi, thế giới chứng kiến một mô hình chế độ xã hội mới được xây dựng do số đông nhân dân nắm quyền điều hành và phục vụ cho số đông. Cách mạng

Tháng Mười đã thu hút sự quan tâm tìm hiểu của Nguyễn Ái Quốc và chế độ xã hội của nước Nga Xôviết đã được Người lựa chọn cho dân tộc Việt Nam. Từ đó, dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh “Nước ta từ một xứ thuộc địa nửa phong kiến đã trở thành một quốc gia độc lập, tự do, phát triển theo con đường xã hội chủ nghĩa; nhân dân ta từ thân phận nô lệ đã trở thành người làm chủ đất nước, làm chủ xã hội; đất nước ta đã ra khỏi tình trạng nước nghèo, kém phát triển, đang đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, có quan hệ quốc tế rộng rãi, có vị thế ngày càng quan trọng trong khu vực và trên thế giới”<sup>(14)</sup>.

*Thứ hai*, Cách mạng XHCN Tháng Mười Nga do V.I.Lênin và Đảng Bôn-sê-vích lãnh đạo, Luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa do V.I.Lênin soạn thảo và chế độ XHCN đầu tiên trên thế giới do V.I.Lênin lãnh đạo xây dựng, đã đóng vai trò có ý nghĩa quyết định đối với nhận thức con đường giải phóng dân tộc và sự lựa chọn mô hình phát triển đất nước của Nguyễn Ái Quốc và của Đảng Cộng sản Việt Nam. Đó là sự lựa chọn dựa trên thực tiễn đất nước Việt Nam cũng như thực tiễn của Cách mạng Tháng Mười Nga, công cuộc xây dựng CNXH ở Liên Xô và phù hợp với xu thế của thời đại.

*Thứ ba*, Nguyễn Ái Quốc đã có nhận thức và lựa chọn gần như đồng thời hai mục tiêu và cũng là hai vấn đề quan trọng nhất của cách mạng, của dân tộc Việt Nam, đó là con đường giải phóng dân tộc và chế độ xã hội sẽ xây dựng sau khi giành được độc lập dân tộc. Kể từ khi tìm thấy con đường cứu nước (năm 1920), phải mất một phần tư thế kỷ, đến năm 1945, Việt Nam mới giành được độc lập, bắt đầu xây dựng chế độ dân chủ nhân dân tiến lên CNXH.

*Thứ tư*, kể từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời (năm 1930), hai nội dung độc lập dân tộc và CNXH luôn là hai nhiệm vụ chủ yếu của Đảng lãnh đạo, song hành, gắn bó chặt chẽ, bổ sung, hỗ trợ cho nhau trong tiến trình cách mạng Việt Nam và trở thành điều kiện, nhân tố thường xuyên quyết định thắng lợi trong hơn 90 năm qua. Đây là một đặc trưng xuyên suốt, nổi bật của cách mạng Việt Nam và lịch sử dân tộc thời kỳ hiện đại, phù hợp với thực tiễn Việt Nam□

---

(1), (13) E.Côbêlêp (1985): *Đồng chí Hồ Chí Minh*, Nxb Thanh niên, Hà Nội - Nxb Tiên bộ, Mátxcova, tr.48, 77.

(2) Cường Để (1882-1951), là cháu năm đời của vua Gia Long, được phong tước Hầu (nên gọi là Kỳ ngoại Hầu). Ông được Phan Bội Châu tôn làm Minh chủ trong phong trào Đông Du; Hội chủ của Duy tân Hội, chủ trương chống thực dân Pháp và khôi phục chế độ quân chủ ở Việt Nam.

(3) Alain Ruscio: *Hồ Chí Minh - Những bài viết và những cuộc tranh đấu*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2020, tr.39.

(4), (5) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.2, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.304, 289.

(6) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.11, tr.161,164.

(7) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.10, tr.128.

(8), (12) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.12, tr.30, 562.

(9), (10) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.15, tr.392, 561.

(11) Còn gọi là *Thỉnh nguyện thư của nhân dân An Nam* (tiếng Pháp là: *Rivendications du peuple anamite*).

(14) ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.64.

**Nguồn: Tạp chí Lý luận chính trị.- 2022.- Số 527.- Tr 50-56.**

---

# VAI TRÒ CỦA NGUYỄN ÁI QUỐC ĐỐI VỚI SỰ RA ĐỜI CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

**TS. PHẠM VĂN HỒ**  
**Học viện Chính trị khu vực III**

**Đ**ảng Cộng Sản Việt Nam ra đời năm 1930 gắn liền với vai trò của Nguyễn Ái Quốc đã đáp ứng được yêu cầu đòi hỏi khách quan của lịch sử dân tộc, đánh dấu bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử dân tộc, chấm dứt sự khủng hoảng về lực lượng lãnh đạo, đường lối cứu nước, đưa cách mạng Việt Nam phát triển theo quỹ đạo cách mạng vô sản, khởi đầu và mở đường cho những thắng lợi vĩ đại của dân tộc Việt Nam.

Kể từ khi thực dân Pháp xâm lược Việt Nam (1858) và đặc biệt từ khi nhà Nguyễn chính thức đầu hàng thực dân Pháp (1884), xã hội Việt Nam tồn tại nhiều mâu thuẫn, trong đó nổi lên hai mâu thuẫn cơ bản, là mâu thuẫn dân tộc và giai cấp, nhưng gay gắt nhất, chủ yếu nhất là mâu thuẫn dân tộc.

Tất cả các giai cấp, tầng lớp, kể cả các giai cấp, tầng lớp cũ và mới, đều có nhu cầu bức thiết chung đánh đổ thực dân Pháp, giải phóng đất nước.

Trước yêu cầu đòi hỏi của lịch sử dân tộc, các phong trào yêu nước liên tục diễn ra hướng đến đánh đổ ách thống trị của thực dân Pháp, giải phóng dân tộc, tiêu biểu như phong trào Cần Vương (1885 - 1896); phong trào yêu nước theo lập trường tư sản, dân chủ tư sản với

hoạt động của cụ Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh; hoạt động của tổ chức Việt Nam quốc dân Đảng do Nguyễn Thái Học tổ chức với khẩu hiệu “không thành công thì thành nhân”... Các phong trào yêu nước diễn ra sôi nổi, liên tục nhưng tất cả đều không thành công, nguyên nhân chủ yếu nhất là do thiếu đường lối cứu nước đúng đắn.

Giữa lúc dân tộc ta đứng trước cuộc khủng hoảng về đường lối cứu nước, năm 1911, Nguyễn Ái Quốc đã ra đi tìm con đường cứu nước. Sau 10 năm bôn ba khắp các châu lục (1911 - 1920), Nguyễn Ái Quốc đến những nước thuộc địa và những nước đế quốc như Anh, Mỹ, Pháp... quan sát, nghiên cứu, đã phát hiện một sự thật của chủ nghĩa tư bản, chủ nghĩa đế quốc, thực dân là cội nguồn của mọi đau khổ của giai cấp công nhân, nhân dân lao động ở chính quốc cũng như ở các nước thuộc địa. Ở đâu, CNTB cũng tàn bạo như nhau.

Dưới ánh sáng Cách mạng Tháng Mười Nga (7-11-1917); đặc biệt, sau khi đọc bản “Sơ thảo lần thứ nhất những Luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa” của Lênin (7 - 1920) đã giúp Nguyễn Ái Quốc tìm thấy con đường giải phóng cho nhân dân Việt Nam. Tháng 12 - 1920, tại Đại hội lần thứ 18 của Đảng xã hội Pháp họp ở Tua, Nguyễn Ái Quốc đã bỏ phiếu tán thành gia nhập Quốc tế cộng sản do Lênin sáng lập và tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp. Sự kiện này đánh dấu bước chuyển biến quyết định trong tư tưởng và lập trường chính trị của Nguyễn Ái Quốc, từ lập trường yêu nước chân chính chuyển sang lập trường cộng sản.

Sau khi tìm thấy con đường cứu nước đúng đắn cho dân tộc, Nguyễn Ái Quốc đã xúc tiến hoạt động lý luận và thực tiễn để đưa tới

thành lập chính đảng của giai cấp công nhân ở Việt Nam. Vai trò của Nguyễn Ái Quốc đối với sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam thể hiện mấy điểm lớn như sau:

*Một là, Nguyễn Ái Quốc tích cực chuẩn bị về tư tưởng, chính trị, tổ chức để truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam*

Quá trình chuẩn bị về tư tưởng, chính trị, tổ chức và truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin của Nguyễn Ái Quốc vào Việt Nam diễn ra liên tục từ năm 1921 đến năm 1930 là một quá trình liên tục, đi từ thấp lên cao, có chủ đích.

Về tư tưởng, tại Pháp, giữa năm 1921, Nguyễn Ái Quốc cùng một số nhà cách mạng của các nước thuộc địa khác thành lập Hội liên hiệp thuộc địa, sau đó sáng lập tờ báo *Le Paria* (Người cùng khổ) vào ngày 1-4-1922. Người viết nhiều bài trên các báo *Nhân đạo*, *Đời sống công nhân*, *Tạp chí Cộng sản*, *Tập san Thư tín quốc tế*... Năm 1922, Ban nghiên cứu thuộc địa của Đảng Cộng sản Pháp được thành lập, Nguyễn Ái Quốc được cử làm Trưởng Tiểu ban Nghiên cứu về Đông Dương. Vừa nghiên cứu lý luận, vừa tham gia hoạt động thực tiễn trong phong trào cách mạng ở các nước trên thế giới, Nguyễn Ái Quốc tích cực tố cáo, lên án bản chất áp bức, bóc lột, nô dịch của chủ nghĩa thực dân đối với nhân dân các nước thuộc địa và kêu gọi, thức tỉnh nhân dân bị áp bức đấu tranh giải phóng. Người đã góp phần quan trọng vào việc tố cáo tội ác của chủ nghĩa thực dân đối với nhân dân các nước thuộc địa. Chỉ rõ bản chất của chủ nghĩa thực dân, xác định chủ nghĩa thực dân là kẻ thù chung của các dân tộc thuộc địa, của giai cấp công nhân và nhân dân lao động trên thế giới. Đồng thời, tiến

hành tuyên truyền tư tưởng Mác - Lênin, xây dựng mối quan hệ gắn bó giữa những người cộng sản và nhân dân lao động Pháp với các nước thuộc địa và phụ thuộc.

Về chính trị, xuất phát từ thực tiễn cách mạng thế giới và đặc điểm của phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa, kế thừa và phát triển quan điểm của V.I.Lênin về cách mạng giải phóng dân tộc, Nguyễn Ái Quốc đưa ra những luận điểm quan trọng về cách mạng giải phóng dân tộc.

Nguyễn Ái Quốc khẳng định rằng, con đường cách mạng của các dân tộc bị áp bức là giải phóng giai cấp, giải phóng dân tộc; cả hai cuộc giải phóng này chỉ có thể là sự nghiệp của chủ nghĩa cộng sản. Mặt khác, Nguyễn Ái Quốc nhấn mạnh đặc điểm của một nước thuộc địa như Việt Nam: “Chủ nghĩa dân tộc là một động lực lớn của đất nước”. Xác định cách mạng giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa là một bộ phận của cách mạng vô sản thế giới; giữa cách mạng giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa với cách mạng vô sản ở chính quốc có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, hỗ trợ cho nhau, nhưng cách mạng giải phóng dân tộc ở nước thuộc địa không phụ thuộc vào cách mạng vô sản ở chính quốc mà có thể thành công trước cách mạng vô sản ở chính quốc, góp phần tích cực thúc đẩy cách mạng vô sản ở chính quốc.

Đối với các dân tộc thuộc địa, Nguyễn Ái Quốc chỉ rõ: Trong nước nông nghiệp lạc hậu, nông dân là lực lượng đông đảo nhất, bị đế quốc, phong kiến áp bức, bóc lột nặng nề, vì vậy phải thu phục và lôi cuốn được nông dân, phải xây dựng khối liên minh công nông làm

động lực cách mạng: “Công nông là gốc của cách mệnh; còn học trò nhà buôn nhỏ, điền chủ nhỏ... là bầu bạn cách mệnh của công nông”<sup>(1)</sup>. Do vậy, Người xác định rằng, cách mạng “là việc chung của cả dân chúng chứ không phải là việc của một hai người”<sup>(2)</sup>.

Lý luận về Đảng Cộng sản, Người khẳng định: “Cách mạng trước hết phải có đảng cách mệnh, để trong thì vận động và tổ chức dân chúng, ngoài thì liên lạc với dân tộc bị áp bức và vô sản giai cấp mọi nơi. Đảng có vững cách mệnh mới thành công, cũng như người cầm lái có vững thuyền mới chạy. Đảng muốn vững thì phải có chủ nghĩa làm cốt, trong đảng ai cũng phải hiểu, ai cũng phải theo chủ nghĩa ấy. Đảng mà không có chủ nghĩa cũng như người không có trí khôn, tàu không có bàn chỉ nam. Bây giờ học thuyết nhiều, chủ nghĩa nhiều, nhưng chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mệnh nhất là chủ nghĩa Lênin”<sup>(3)</sup>.

Những quan điểm về cách mạng giải phóng dân tộc của Nguyễn Ái Quốc được truyền bá qua Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, từng bước được chuyển tải về trong nước (qua phong trào “Vô sản hóa” từ năm 1928) làm cho phong trào công nhân và các phong trào yêu nước Việt Nam chuyển biến mạnh mẽ.

Về tổ chức, sau khi lựa chọn con đường cứu nước - con đường cách mạng vô sản cho dân tộc Việt Nam, Nguyễn Ái Quốc thực hiện “lộ trình” “đi vào quần chúng, thức tỉnh họ, tổ chức họ, đoàn kết họ, đưa họ ra đấu tranh giành tự do độc lập”<sup>(4)</sup>. Vì vậy, chỉ sau một thời gian hoạt động ở Liên Xô để tìm hiểu, khảo sát thực tế về cách mạng vô sản, tháng 11-1924, Nguyễn Ái Quốc đến Quảng Châu (Trung

Quốc), nơi có đông người Việt Nam yêu nước hoạt động để xúc tiến các công việc tổ chức thành lập đảng cộng sản. Tháng 2 - 1925, Nguyễn Ái Quốc lựa chọn một số thanh niên tích cực trong Tâm tâm xã, lập ra nhóm Cộng sản đoàn. Tháng 6 - 1925, Người thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên tại Quảng Châu (Trung Quốc), nòng cốt là Cộng sản đoàn. Hội đã công bố chương trình điều lệ của Hội, mục đích của Hội là để làm cách mệnh dân tộc (đập tan bọn Pháp và giành độc lập cho xứ sở) rồi sau đó làm cách mạng thế giới (lật đổ chủ nghĩa đế quốc và thực hiện chủ nghĩa cộng sản). Hội mở lớp đào tạo, bồi dưỡng lý luận Mác - Lênin cho những người trong tổ chức Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên.

Ban lãnh đạo Hội còn cử người đi học Trường Đại học Cộng sản phương Đông (Liên Xô), Trường Quân chính Hoàng Phố (Trung Quốc). Hội xuất bản tờ báo *Thanh niên* in bằng chữ quốc ngữ, ra được 208 số.

Ở trong nước, từ đầu năm 1926, Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên đã bắt đầu phát triển cơ sở ở trong nước, đến đầu năm 1927 các kỳ bộ được thành lập. Ngoài ra, Hội còn chú trọng xây dựng cơ sở trong Việt kiều ở Xiêm (Thái Lan).

Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên chưa phải là chính đảng cộng sản, nhưng chương trình hành động đã thể hiện quan điểm, lập trường của giai cấp công nhân, là tổ chức tiên thân dẫn tới ra đời các tổ chức cộng sản ở Việt Nam. Hội là tổ chức trực tiếp truyền bá chủ nghĩa Mác-Lênin vào Việt Nam và cũng là sự chuẩn bị quan trọng về tổ chức để tiến tới thành lập chính đảng của giai cấp công nhân ở Việt

Nam. Những hoạt động của Hội có ảnh hưởng và thúc đẩy mạnh mẽ sự chuyên biến của phong trào công nhân, phong trào yêu nước Việt Nam những năm 1928 - 1929 theo xu hướng cách mạng vô sản.

Có thể thấy, từ lúc đứng vào đội ngũ những người cộng sản Pháp đến khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, Nguyễn Ái Quốc hoạt động không biết mệt mỏi, liên tục đề truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin về Việt Nam.

Trong quá trình truyền bá tư tưởng cách mạng theo khuynh hướng vô sản, Nguyễn Ái Quốc đã tùy từng điều kiện lịch sử cho phép mà sử dụng triệt để mọi hình thức, từ báo chí, sách vở đến xây dựng một tổ chức cách mạng và đào tạo những cán bộ tuyên truyền tổ chức.

*Thứ hai, Nguyễn Ái Quốc đã tiến hành hợp nhất các tổ chức cộng sản thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam*

Trước sự phát triển mạnh mẽ của phong trào cách mạng Việt Nam, tổ chức Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên không còn thích hợp và đủ sức lãnh đạo phong trào. Trong bối cảnh đó, tháng 3 - 1929, những người lãnh đạo kỳ bộ Bắc Kỳ (Trần Văn Cung, Ngô Gia Tự, Nguyễn Đức Cảnh, Trịnh Đình Cửu...) họp tại số nhà 5D phố Hàm Long, Hà Nội, quyết định lập Chi bộ Cộng sản đầu tiên ở Việt Nam.

Đầu tháng 5 - 1929, tại Đại hội toàn quốc lần thứ nhất của Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên do Tổng hội triệu tập tại Hương Cảng, kiến nghị của đoàn đại biểu kỳ bộ Bắc Kỳ về việc giải tán Hội để thành lập Đảng cộng sản không được chấp nhận. Đoàn đại biểu kỳ bộ Bắc Kỳ đã rút khỏi Đại hội. Sau khi về nước, đoàn đại biểu Bắc Kỳ đã giải thích lý do thoát ly Đại hội và khẳng định đã có đủ những điều

kiện đề thành lập chính đảng cách mạng. Ngày 17-6-1929, hơn 20 đại biểu của các tổ chức cộng sản ở Bắc Kỳ họp tại số nhà 312 phố Khâm Thiên (Hà Nội) quyết định thành lập Đông Dương Cộng sản Đảng; thông qua *Chính cương, Tuyên ngôn, Điều lệ*; lấy cờ đỏ búa liềm là Đảng kỳ và quyết định xuất bản báo *Búa Liềm* làm cơ quan ngôn luận.

Tháng 11 - 1929, An Nam Cộng sản Đảng được thành lập trên cơ sở hợp nhất các chi bộ cộng sản. Hội nghị bầu Ban chấp hành Trung ương lâm thời, công bố đường lối chính trị, xuất bản tạp chí *Bôn-sê-vích* làm cơ quan lý luận của Đảng.

Tại Trung Kỳ, Tân Việt cách mạng Đảng (một tổ chức thanh niên yêu nước - lúc đầu gọi là Hội Phục hưng Việt Nam, gọi tắt là Phục Việt) đã đi theo khuynh hướng cách mạng vô sản, thành lập Đông Dương Cộng sản Liên đoàn vào tháng 12 - 1929.

Sự ra đời ba tổ chức cộng sản trên cả nước diễn ra trong vòng nửa cuối năm 1929 đã khẳng định bước tiến về chất của phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam theo khuynh hướng cách mạng vô sản, phù hợp với xu thế và nhu cầu bức thiết của lịch sử Việt Nam. Tuy nhiên, sự ra đời của ba tổ chức cộng sản ở ba miền (đều tuyên bố ủng hộ Quốc tế Cộng sản, kêu gọi Quốc tế Cộng sản thừa nhận tổ chức của mình và đều tự nhận là đảng cách mạng chân chính) không tránh khỏi phân tán về lực lượng và thiếu thống nhất về tổ chức trên cả nước. Đặc biệt, cuối năm 1929 đã xảy ra tình trạng hai tổ chức: Đông Dương Cộng sản Đảng và An Nam Cộng sản Đảng tranh chấp ảnh hưởng trong quần chúng, bài xích lẫn nhau và mỗi tổ chức đều muốn đứng ra thống nhất các tổ chức cộng sản. Trước tình hình đó,

Quốc tế Cộng sản nêu rõ nhiệm vụ của những người cộng sản Đông Dương (theo tài liệu ghi ngày 27-10-1929 của Quốc tế Cộng sản gửi những người cộng sản Đông Dương): “Nhiệm vụ quan trọng nhất và cấp bách nhất của tất cả những người cộng sản Đông Dương là thành lập một đảng cách mạng có tính chất giai cấp của giai cấp vô sản, nghĩa là một Đảng Cộng sản có tính chất quần chúng ở Đông Dương. Đảng đó phải chỉ có một và là tổ chức duy nhất ở Đông Dương”<sup>(5)</sup>.

Lúc này, Nguyễn Ái Quốc đang hoạt động ở Xiêm, không biết tới nội dung bản chỉ thị ngày 27-10-1929 của Quốc tế Cộng sản, tuy nhiên, nhận thức được tầm quan trọng nguy cơ phân liệt, “với tư cách là phái viên của Quốc tế Cộng sản có đầy đủ quyền quyết định mọi vấn đề liên quan đến phong trào cách mạng ở Đông Dương”<sup>(6)</sup>, Người gấp rút đi Hồng Kông, gửi thư về nước mời đại diện của các tổ chức cộng sản sang Hồng Kông bàn việc hợp nhất các tổ chức cộng sản. Với quyết định chủ động và kịp thời này, cuối năm 1929, Nguyễn Ái Quốc rời Xiêm và ngày 23 - 12, Người đến Trung Quốc, gặp gỡ những chiến sĩ cách mạng Việt Nam đang hoạt động ở đây để tìm hiểu thêm tình hình. Sau đó, Người đi Hồng Kông, chuẩn bị công việc cho hội nghị hợp nhất.

Trong Báo cáo gửi Quốc tế Cộng sản, ngày 18-02-1930 Nguyễn Ái Quốc viết: “Tôi cố gắng đi lần thứ ba khi một đồng chí từ Hồng Kông tới Xiêm và tin cho tôi biết tình hình Hội An Nam Thanh niên cách mạng bị tan rã; những người cộng sản chia thành nhiều phái...”. Tại Cửu Long, Hồng Kông, từ ngày 6-1-1930, Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản đã được tiến hành dưới sự chủ trì của Nguyễn Ái Quốc. Tham dự hội nghị có các đại biểu của Đông Dương Cộng sản

Đảng gồm Trịnh Đình Cửu và Nguyễn Đức Cảnh; đại biểu của An Nam Cộng sản Đảng gồm Nguyễn Thiệu và Châu Văn Liêm. Đông Dương Cộng sản liên đoàn đã thành lập, song chưa có liên hệ, nên chưa cử được đại biểu tới dự. Tham gia giúp việc hội nghị là Hồ Tùng Mậu và Lê Hồng Sơn. Hội nghị hợp nhất diễn ra khẩn trương, thuận lợi và đạt được sự nhất trí hoàn toàn, trên cơ sở bỏ mọi thành kiến xung đột cũ, đặt tên đảng là Đảng Cộng sản Việt Nam, thông qua *Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt, Điều lệ vắn tắt, Chương trình tóm tắt* của Đảng do Nguyễn Ái Quốc dự thảo. Các văn kiện này trở thành Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng.

Ngày 8-2-1930, các đại biểu dự hội nghị thành lập Đảng đã về nước. Ngày 24-2-1930, một hội nghị quan trọng được tổ chức tại Sài Gòn để xem xét yêu cầu gia nhập Đảng Cộng sản của Đông Dương Cộng sản liên đoàn và nhất trí công nhận Đông Dương Cộng sản liên đoàn được gia nhập Đảng Cộng sản Việt Nam.

Thành công của hội nghị và sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam gắn liền với tên tuổi, trí tuệ, uy tín và đạo đức cách mạng, tính chủ động, sáng tạo của Nguyễn Ái Quốc. Với uy tín và trí tuệ của mình, Nguyễn Ái Quốc đã hoàn thành sứ mệnh lịch sử, trở thành Người sáng lập Đảng - Đảng của giai cấp công nhân và dân tộc Việt Nam.

Phương pháp hợp nhất các tổ chức cộng sản là phương pháp tối ưu trong tình hình lúc bấy giờ vì các tổ chức cộng sản này đều vì mục đích giải phóng dân tộc và giải phóng giai cấp, đều khẳng định đi theo con đường cách mạng vô sản. Trong tác phẩm *Sơ thảo lịch sử phong trào cộng sản ở Đông Dương* được công bố năm 1933, tác giả Hồng Thái Công (Hà Huy Tập) đã đánh giá công hiến của lãnh tụ Nguyễn Ái

Quốc đối với sự kiện thành lập Đảng: “Công lao to lớn của đồng chí là đã tập hợp được các lực lượng cộng sản phân tán lại thành một khối, nhờ đó mà đã đưa lại cho những người lao động Đông Dương một đội tiên phong chiến đấu và kiên quyết cách mạng”<sup>(7)</sup>.

Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản Việt Nam thành công tốt đẹp, có giá trị như một đại hội thành lập Đảng. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời đã chấm dứt thời kỳ khủng hoảng về vai trò lãnh đạo cách mạng Việt Nam, mở đầu một thời kỳ mới trong lịch sử đấu tranh cách mạng của nhân dân cả nước: thời kỳ giai cấp công nhân và đảng tiên phong của nó đứng ở vị trí trung tâm, lãnh đạo phong trào cách mạng. Đường lối đúng đắn của Đảng được thông qua tại Hội nghị hợp nhất đã quyết định nội dung, phương pháp, bước đi của cách mạng Việt Nam, đưa nhân dân Việt Nam bước vào cuộc đấu tranh vì độc lập, tự do, xây dựng chế độ mới.

Việc tổ chức thành công Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản dẫn đến sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và việc soạn thảo Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng, Nguyễn Ái Quốc đã thể hiện sự sáng tạo của mình trong cả hoạt động lý luận và thực tiễn. Đánh giá về sự kiện trọng đại này trong lịch sử cách mạng Việt Nam hiện đại, Chủ tịch Hồ Chí Minh viết: “Việc thành lập Đảng là một bước ngoặt vô cùng quan trọng trong lịch sử cách mạng Việt Nam ta. Nó chứng tỏ rằng giai cấp vô sản nước ta đã trưởng thành và đủ sức lãnh đạo cách mạng”<sup>(8)</sup>.

Ngay từ khi ra đời Đảng Cộng sản Việt Nam đã thực sự trở thành người lãnh đạo, đưa cách mạng Việt Nam vượt qua muôn vàn khó khăn, thử thách, từng bước đi lên, làm nên những kỳ tích, bước

ngoặt vĩ đại trong lịch sử dân tộc Việt Nam, đáp ứng khát vọng của nhân dân Việt Nam và phù hợp với xu thế phát triển của lịch sử.

Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) nhận định: “Từ năm 1930 đến nay, Đảng Cộng sản Việt Nam do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập và rèn luyện, đã lãnh đạo Nhân dân ta tiến hành cuộc đấu tranh cách mạng lâu dài, gian khổ, vượt qua muôn vàn khó khăn, thử thách và giành được những thắng lợi vĩ đại. Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945, đập tan ách thống trị của thực dân, phong kiến, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, đưa dân tộc ta tiến vào kỷ nguyên độc lập, tự do; thắng lợi của các cuộc kháng chiến chống xâm lược, mà đỉnh cao là chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ năm 1954, đại thắng mùa Xuân năm 1975, giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, bảo vệ Tổ quốc, làm tròn nghĩa vụ quốc tế; thắng lợi của công cuộc đổi mới, tiến hành công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế, tiếp tục đưa đất nước từng bước quá độ lên chủ nghĩa xã hội với nhận thức và tư duy mới đúng đắn, phù hợp thực tiễn Việt Nam”<sup>(9)</sup>.

Hiện nay, công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng được tiến hành trong bối cảnh tình hình thế giới và khu vực có nhiều diễn biến rất nhanh, phức tạp, khó lường. Hòa bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn, song đang đứng trước nhiều khó khăn, thách thức. Chủ nghĩa dân tộc cực đoan, chủ nghĩa dân túy đang nổi lên; việc điều chỉnh chiến lược và sự cạnh tranh gay gắt giữa các nước lớn khiến các nước nhỏ luôn phải ứng phó với những biến động khó lường. Châu Á - Thái Bình Dương là khu vực phát triển năng động, nhưng vẫn tiềm ẩn những nhân tố mất ổn định. Kinh tế thị trường, hội nhập quốc tế và

cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư tác động mạnh mẽ. Các vấn đề an ninh phi truyền thống như an ninh tài chính, biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường, an ninh mạng, dịch bệnh... ảnh hưởng lớn đến phát triển bền vững đất nước.

Ở trong nước, sau gần 40 năm đổi mới, phát huy tinh thần yêu nước, đoàn kết, ý chí quyết tâm, bản lĩnh, sáng tạo, nỗ lực phấn đấu, Việt Nam đã “đạt được nhiều thành tựu rất quan trọng, khá toàn diện, tạo nhiều dấu ấn nổi bật; đất nước phát triển nhanh và bền vững; củng cố, nâng cao niềm tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước và chế độ xã hội chủ nghĩa”<sup>(10)</sup>; vị thế, sức mạnh tổng hợp và uy tín trên trường quốc tế được nâng lên. Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng đạt được nhiều kết quả rõ rệt, góp phần quan trọng thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng. Tuy nhiên, công tác xây dựng Đảng vẫn còn những hạn chế, khiếm khuyết. Sự nghiệp cách mạng vẫn đứng trước nhiều khó khăn, thách thức. Bốn nguy cơ mà Đảng đã chỉ ra vẫn còn tồn tại, có mặt gay gắt hơn; các mối đe dọa độc lập, chủ quyền, lợi ích chiến lược của đất nước, nhất là trên Biển Đông; vấn đề an ninh phi truyền thống; tình trạng suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ; sự chống, phá quyết liệt của các thế lực thù địch, các tổ chức phản động... Trước những thách thức, khó khăn đó, việc đẩy mạnh hơn nữa công tác xây dựng và chỉnh đốn Đảng thật sự trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền, sức chiến đấu của Đảng là yêu cầu cấp bách đặt ra.

Trước yêu cầu nhiệm vụ của thời kỳ bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, vấn đề hàng đầu hiện nay, Đảng ta tiếp tục tăng cường hơn nữa xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống

chính trị trong sạch, vững mạnh, vững mạnh toàn diện; đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” bảo vệ vững chắc thành quả cách mạng, thành tựu đổi mới của Nhân dân ta, dân tộc ta. Đẩy mạnh, nâng cao hiệu quả, tạo sự chuyển biến căn bản trong công tác xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức, cán bộ; củng cố, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng ở cơ sở và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên; xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ cấp chiến lược thật sự tiêu biểu về bản lĩnh chính trị, phẩm chất, năng lực và uy tín. Tăng cường kiểm tra, giám sát có trọng tâm, trọng điểm và có tính đột phá; kiểm soát quyền lực chặt chẽ; đẩy mạnh công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực với phương châm “không ngừng, không nghỉ”, “không có vùng cấm”, “không có ngoại lệ”. Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng đối với hệ thống chính trị, nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền và sức chiến đấu của Đảng, tăng cường củng cố niềm tin của Nhân dân đối với Đảng; coi trọng và tăng cường đoàn kết trong Đảng, lấy đoàn kết của Đảng làm cơ sở, nền tảng xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Thắt chặt mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với Nhân dân; phát huy truyền thống, sức mạnh đoàn kết, lòng tự hào, tự tôn dân tộc, góp phần thực hiện thắng lợi sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Tiếp tục đẩy mạnh công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh là nhiệm vụ quan trọng của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta, để nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền và sức chiến đấu của Đảng, góp phần nâng cao hiệu lực,

hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị, phát huy tinh thần dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm tính thống nhất, toàn diện, phù hợp với công cuộc đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị, xây dựng Đảng ta thật sự trong sạch, vững mạnh, ngang tầm nhiệm vụ.

Thực tiễn lịch sử cách mạng Việt Nam trong 95 năm qua đã khẳng định: Đảng Cộng sản Việt Nam là đảng cách mạng chân chính nhất, là đảng cầm quyền, là đảng duy nhất lãnh đạo đất nước.

Hồ Chí Minh khẳng định: “Đảng ta là đạo đức, là văn minh”<sup>(11)</sup>. Đó chính là bản chất cách mạng, khoa học và nhân văn của Đảng và cũng là cội nguồn làm nên sức mạnh của Đảng Cộng sản Việt Nam. Từ khi ra đời cho đến nay, Đảng luôn đứng vững trên lập trường của giai cấp công nhân, tuyệt đối trung thành với lợi ích của giai cấp, của Nhân dân, của dân tộc, coi đó là điểm xuất phát, là mục tiêu của mọi đường lối, chính sách của Đảng, đúng như lời chỉ giáo của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Đảng ta vĩ đại, vì ngoài lợi ích của giai cấp, của Nhân dân, của dân tộc, Đảng ta không có lợi ích gì khác”<sup>(12)</sup>□

---

(1), (2), (3), (4), (6), (8), (11), (12) Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Nxb CTQG - ST, H, 2011, t. 2, tr. 288; tr. 283; tr. 289; t. 1, tr. 192; t. 3, tr. 12; t.10, tr. 8; t. 12, tr. 403; tr. 402.

(5), (7) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb CTQG, H, 1998, t. 1, tr. 614; 1999, t. 4, tr. 409.

(9) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb CTQG, H, 2011, tr. 23.

(10) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, t. 1, Nxb. CTQG - ST, H, 2021, tr. 20.

**Nguồn: Tạp chí Sinh hoạt lý luận.- 2025.- Số 1.- Tr.6-11.**

# **KHẲNG ĐỊNH TÍNH CHÍNH ĐÁNG TRONG CẦM QUYỀN CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**

**TS. NGUYỄN VĂN QUANG**

Học viện Chính trị khu vực III, Học viện  
Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

**TS. NGUYỄN HẢI THANH**

Học viện Chính trị quốc gia  
Hồ Chí Minh

Ngày nhận bài: 07/3/2022 Ngày thẩm định: 12/5/2022 Ngày duyệt đăng: 20/5/2022

**Tóm tắt:** Tính chính đáng của Đảng Cộng sản Việt Nam đã được lịch sử chứng minh và nhân dân thừa nhận. Tuy nhiên, đứng trước bối cảnh xã hội có nhiều thay đổi và đầy thách thức như hiện nay, các thế lực thù địch không ngừng sử dụng các thủ đoạn và luận điệu nhằm xuyên tạc tính chính đáng trong cầm quyền của Đảng, mục đích là làm giảm uy tín của Đảng với nhân dân, phủ định vai trò cầm quyền duy nhất của Đảng. Do vậy, Đảng cần không ngừng tăng cường xây dựng, củng cố và nâng cao tính chính đáng của mình để đoàn kết các lực lượng, giai tầng trong xã hội, đưa đất nước vượt qua mọi khó khăn, thách thức, thực hiện thành công mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.

*Từ khóa: cầm quyền; Đảng Cộng sản Việt Nam; tính chính đáng*

## **1. Nội dung tính chính đáng trong cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam**

Đảng Cộng sản Việt Nam luôn được nhân dân tin tưởng, thừa nhận là Đảng duy nhất lãnh đạo Nhà nước và xã hội. Với tư cách là

chủ thể chính trị, chủ thể cầm quyền duy nhất ở nước ta, Đảng Cộng sản Việt Nam đã xây dựng và củng cố được tính chính đáng trong cầm quyền của mình. Từ khi mới nắm quyền, Đảng luôn quan tâm đến tính chính đáng, tức khâu phát sinh quyền lực và trong suốt giai đoạn duy trì quyền lãnh đạo của mình. Cụ thể:

*Thứ nhất, giữ vững tính tiên phong là bản chất thể hiện tính chính đáng của Đảng Cộng sản Việt Nam cầm quyền*

Cần khẳng định, hệ giá trị của Đảng Cộng sản Việt Nam theo đuổi từ khi thành lập và phát triển đến nay là chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; cương lĩnh, đường lối, chính sách của Đảng trong từng giai đoạn lịch sử cụ thể. Hệ giá trị này là tiền đề tư tưởng ảnh hưởng đến tính chính đáng về mặt lý luận của Đảng. Để có được tính chính đáng về mặt lý luận, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn duy trì, bổ sung và phát triển tính tiên phong trong hệ giá trị của mình.

Để tạo ra tính chính đáng trong cầm quyền, Đảng Cộng sản Việt Nam chú ý đến việc tiếp thu và truyền bá hệ tư tưởng mác-xít, coi đây là hệ tư tưởng mang tính tiên phong, tiến bộ (vì dân, bình đẳng, công bằng, tự do...). Khi đã có được hệ tư tưởng làm nền tảng, giữ vai trò chủ đạo trong đời sống xã hội; định hướng và dẫn dắt sự phát triển của đất nước, Đảng không ngừng truyền bá hệ tư tưởng của mình vào nhân dân. Do vậy, Đảng đã tập hợp được đông đảo nhân dân tin theo Đảng để giành chính quyền, xác lập vai trò cầm quyền của Đảng. Đây là yếu tố quan trọng đầu tiên để Đảng Cộng sản Việt Nam có được tính chính đáng trong cầm quyền của mình. Trong quá trình cầm quyền, Đảng Cộng sản Việt Nam không ngừng bổ sung, phát triển hệ

tư tưởng nền tảng để xây dựng cương lĩnh, đường lối, chính sách phù hợp với từng giai đoạn, hoàn cảnh cụ thể, để người dân tiếp tục chấp nhận, tin tưởng vào sự lãnh đạo, cầm quyền nhằm củng cố và duy trì tính chính đáng trong cầm quyền của mình.

*Thứ hai, tính hợp lý, hợp pháp trong cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam*

Đây chính là cơ sở của tính chính đáng trong quá trình giành và giữ quyền lực của Đảng. Với đặc thù là đảng duy nhất cầm quyền, nên tính hợp pháp trong cầm quyền của Đảng không chỉ là các quy định trong cương lĩnh, Điều lệ của Đảng, mà vị trí, vai trò, cầm quyền còn được xây dựng trên cơ sở pháp lý khẳng định trong các bản hiến pháp của Nhà nước. *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* (bổ sung, phát triển năm 2011) khẳng định: “Đảng Cộng sản Việt Nam là Đảng cầm quyền, lãnh đạo Nhà nước và xã hội Việt Nam”<sup>(1)</sup>. Điều lệ Đảng quy định: “Đảng Cộng sản Việt Nam là Đảng cầm quyền... Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị, đồng thời là một bộ phận của hệ thống ấy”<sup>(2)</sup>. Các bản Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1980, năm 1992 và năm 2013 đều quy định: Đảng Cộng sản Việt Nam... là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội. Đây là những căn cứ chính trị - pháp lý rất quan trọng, là điều kiện cần để bảo đảm cho tính hợp pháp, cho vị trí cầm quyền của Đảng đối với Nhà nước và xã hội.

Ngoài ra, tính hợp pháp trong cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam còn là cách thức tạo dựng các cơ quan nhà nước, với tư cách là công cụ quyền lực của Đảng, công cụ bảo đảm quyền lực

chính trị của Đảng được khách quan hóa trong quyền lực công - tức quyền lực nhà nước thông qua những thủ tục, thể lệ, quy trình, cốt lõi vẫn là nhà nước hóa các cơ cấu chính trị. Trong suốt chiều dài cầm quyền của mình, Đảng Cộng sản Việt Nam không ngừng xây dựng đội ngũ cán bộ của Đảng ngày một lớn mạnh, nhằm giới thiệu cho nhân dân những đảng viên ưu tú nhất của Đảng, để nhân dân bầu vào các cơ quan quyền lực nhà nước từ Trung ương đến địa phương. Hơn 92 năm ra đời, 77 năm cầm quyền, thông qua các cuộc bầu cử dân chủ (ngay từ cuộc Tổng tuyển cử đầu tiên năm 1946 đến nay), các đảng viên được Đảng giới thiệu ra ứng cử đều được nhân dân tin tưởng, lựa chọn và luôn chiếm đa số trong các cơ quan quyền lực nhà nước từ Trung ương đến địa phương. Những năm qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng, các cơ quan nhà nước không ngừng hoàn thiện thể chế bầu cử, ứng cử nhằm mở rộng dân chủ để các cuộc bầu cử ngày càng chặt chẽ, dân chủ, tạo sự đồng thuận, tin tưởng của nhân dân vào sự lựa chọn của mình. Đảng viên của Đảng được nhân dân lựa chọn sẽ là những nhân tố cốt lõi để duy trì, củng cố niềm tin của nhân dân vào sự cầm quyền của Đảng và bảo đảm cho ý chí của Đảng được thể chế hóa một cách nhanh chóng, đầy đủ trong hệ thống chính sách để đến được với nhân dân.

*Thứ ba, tính hiệu lực, hiệu quả trong quá trình lãnh đạo Nhà nước và xã hội của Đảng Cộng sản Việt Nam*

Trong quá trình cầm quyền, Đảng Cộng sản Việt Nam không chỉ dừng lại trong việc tiếp thu, củng cố, phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, xây dựng cương lĩnh, đường lối, chính

sách của Đảng, mà còn không ngừng nâng cao năng lực cầm quyền, lãnh đạo Nhà nước, thể chế hóa các lý tưởng chính trị của Đảng thành các chuẩn mực pháp quyền để thực thi trên quy mô toàn xã hội thông qua các cơ quan nhà nước. Muốn bảo đảm được tính chính đáng trong cầm quyền, các mệnh lệnh được đưa ra từ các cơ quan nhà nước với tư cách là công cụ của đảng cầm quyền phải được nhân dân tuân thủ một cách tự nguyện, đi vào cuộc sống.

Nhà nước với tư cách là công cụ cầm quyền của Đảng chỉ được xã hội thừa nhận là chính đáng khi tổ chức quyền lực này thể hiện được ý chí, nguyện vọng của nhân dân thông qua hệ thống chính sách, pháp luật. Toàn bộ hoạt động của đảng cầm quyền đều xoay quanh hoạt động của Nhà nước, xoay quanh sản phẩm đầu ra của Nhà nước là các chính sách công, hệ thống pháp luật. Đây là vấn đề phức tạp, liên quan đến giải quyết các quan hệ lợi ích khác nhau trong xã hội, đặc biệt là quyền và trách nhiệm của các cơ quan hoạch định chính sách, năng lực và tầm nhìn của người đứng đầu (cán bộ của Đảng) các cơ quan hoạch định chính sách; tính công khai, minh bạch trong việc cung cấp thông tin đến công chúng; cơ chế và năng lực giám sát, phản biện của các tổ chức chính trị - xã hội trong quá trình hoạch định và thực thi chính sách...

Từ Đại hội lần thứ VI của Đảng đến nay, Đảng luôn chú trọng đến các khâu: Tính đúng đắn, tính khả thi của mục tiêu chính trị - tức là trình độ, năng lực, quyết sách của đảng cầm quyền; tính đầy đủ, đồng bộ, khoa học và tương đối ổn định của hệ thống hiến pháp, pháp luật, nghị định; trình độ, năng lực xây dựng và hoàn thiện thể chế của

bộ máy nhà nước, mà trước hết là Quốc hội; quyền năng và năng lực thực tế của bộ máy hành pháp; tính kịp thời, đúng đắn trong việc phát hiện và tính nghiêm minh trong việc xử lý hành vi sai phạm. Đây cũng là năng lực thực tế của đội ngũ cán bộ làm việc trong cơ quan tư pháp và tính độc lập tương đối của cơ quan tư pháp.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân Việt Nam đã đánh đuổi hai đế quốc xâm lược giành độc lập, tự do, thống nhất cho Tổ quốc, hạnh phúc cho nhân dân. Đặc biệt, trong hơn 35 năm đổi mới, Đảng đã lãnh đạo đất nước, nhân dân đạt được những thành tựu vô cùng quan trọng trên mọi lĩnh vực. Đất nước đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội và tình trạng kém phát triển, trở thành nước đang phát triển có thu nhập trung bình; đang đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế sâu rộng. Diện mạo đất nước, đời sống của nhân dân thực sự thay đổi; dân chủ xã hội chủ nghĩa được phát huy và mở rộng; đại đoàn kết toàn dân tộc được củng cố, tăng cường. Công tác xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và hệ thống chính trị được đẩy mạnh; sức mạnh về mọi mặt của đất nước được nâng lên; độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ và chế độ xã hội chủ nghĩa được giữ vững; quan hệ đối ngoại ngày càng mở rộng đi vào chiều sâu; vị thế, uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế được nâng cao. Văn kiện Đại hội lần thứ XIII của Đảng khẳng định: “Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay”<sup>(3)</sup>.

*Thứ tư, Đảng đã luôn duy trì mức độ liêm chính, trong sạch của đảng cầm quyền*

Trong thời kỳ kháng chiến giành độc lập, thống nhất đất nước, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân không có mục tiêu nào lớn hơn, thiêng liêng hơn là đánh đuổi đế quốc xâm lược, giành lại độc lập, tự do cho dân tộc. Vì thế, chủ nghĩa cá nhân gần như không có cơ hội để nảy nở và phát triển. Tuy nhiên, khi đất nước chuyển sang giai đoạn xây dựng và phát triển, nhất là từ khi phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, thì chủ nghĩa cá nhân trong mỗi con người có cơ hội trỗi dậy. Thực tế cho thấy, cái khó chiến thắng nhất trong mỗi con người là chủ nghĩa cá nhân. Bởi, “*chủ nghĩa cá nhân*, tư tưởng tiểu tư sản còn ẩn nấp trong mình mỗi người chúng ta. Nó chờ dịp - hoặc dịp thất bại, hoặc dịp thắng lợi - để ngóc đầu dậy”<sup>(4)</sup>.

Chủ tịch Hồ Chí Minh từng căn dặn: “Trước mặt quần chúng, không phải ta cứ viết lên trán chữ “cộng sản” mà ta được họ yêu mến. Quần chúng chỉ quý mến những người có tư cách, đạo đức. Muốn hướng dẫn nhân dân, mình phải làm mực thước cho người ta bắt chước...”<sup>(5)</sup>. Người còn cho rằng, một tấm gương sống có giá trị hơn một trăm bài diễn văn, tuyên truyền. Vì vậy, uy tín của Đảng trước nhân dân sẽ phụ thuộc rất lớn vào uy tín của đội ngũ cán bộ của Đảng. Cho nên, ngay từ những năm đầu giành được chính quyền cho đến nay, nhất là trong nhiệm kỳ Đại hội lần thứ XII vừa qua, Đảng luôn chú trọng đến giáo dục đạo đức cách mạng cho đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý và không ngừng đấu tranh chống tham nhũng, quan liêu, lãng phí, tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ. Do vậy, nhiều vấn đề phức tạp được đặt ra và thực hiện

từ những năm trước, nhưng hiệu quả còn thấp, trong nhiệm kỳ Đại hội lần thứ XII của Đảng đã có chuyển biến tích cực.

Theo đó, “công tác kiểm tra, giám sát và đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực được triển khai quyết liệt, bài bản, đi vào chiều sâu, có bước đột phá và đạt những kết quả cụ thể, rõ rệt. Nhiều vụ án kinh tế, tham nhũng được phát hiện, điều tra, khởi tố, xét xử nghiêm minh, tạo sức răn đe, cảnh tỉnh, được cán bộ, đảng viên và nhân dân hoan nghênh, đánh giá cao và đồng tình ủng hộ. Tình trạng tham nhũng, tiêu cực, suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong Đảng và hệ thống chính trị từng bước được kiềm chế, ngăn chặn”<sup>(6)</sup>. Điều này chứng minh, khi chúng ta có được một đảng cầm quyền liêm chính, trong sạch, tất cả vì lợi ích của quốc gia - dân tộc, lợi ích của nhân dân thì khi đó niềm tin của nhân dân sẽ được củng cố và nâng cao, tính chính đáng của đảng cầm quyền được khẳng định, không có thế lực nào có thể chống phá.

## **2. Giải pháp nâng cao tính chính đáng trong cầm quyền của Đảng**

*Một là, tiếp tục nghiên cứu xây dựng tính tiên phong trong hệ giá trị của Đảng*

Hiện nay, nhiều vấn đề chưa được làm sáng tỏ và Đảng cần không ngừng tiếp tục nghiên cứu, bổ sung, hoàn thiện, phát triển, xử lý tốt các mối quan hệ. Cụ thể: Quan hệ giữa ổn định, đổi mới và phát triển; Giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị; Giữa tuân theo các quy luật thị trường và bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa; Giữa

phát triển lực lượng sản xuất và xây dựng, hoàn thiện từng bước quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa; Giữa nhà nước, thị trường và xã hội; Giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ môi trường; Giữa xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; Giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế; Giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý và nhân dân làm chủ; Giữa thực hành dân chủ và tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội”<sup>(7)</sup>.

Từ khi đất nước tiến hành công cuộc đổi mới đến nay, các thành tựu trong xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa đã làm cho hệ giá trị và các chuẩn mực có sự chuyển biến rất lớn, đặt ra những thách thức cho hệ tư tưởng vốn đã tồn tại và mặc định cùng với sự lãnh đạo của Đảng trong thời gian dài. Điều này đặt ra nhiều thách thức cho công tác nghiên cứu lý luận và tư duy của những người nắm giữ quyền lực quan trọng của Đảng. Nếu không nắm bắt được sự chuyển đổi nhanh chóng về hệ giá trị và các chuẩn mực trong xã hội (cơ sở của tính chính đáng), thì sẽ dẫn đến những sai lầm, giáo điều, máy móc về mặt tư tưởng mang tính định hướng, tiên phong; đồng thời, không có sự đổi mới kịp thời trong xây dựng các quyết sách chính trị của Đảng nhằm kích thích sự tự do sáng tạo, tự do làm giàu... của các cá nhân trong xã hội. Đặc biệt, một số công cụ (tổ chức hệ thống chính trị, tổ chức bộ máy quyền lực nhà nước, hệ thống hiến pháp và pháp luật) và phương thức lãnh đạo của Đảng sẽ không có những chuyển biến kịp thời nhằm đáp ứng được đòi hỏi của những

chuyển biến nhanh chóng trong thời đại mới, thậm chí sẽ là một rào cản rất lớn cho sự phát triển và cũng là nguyên nhân dẫn tới các suy thoái về tư tưởng chính trị, quan liêu, tham nhũng,... đã được Đảng chỉ ra qua nhiều nhiệm kỳ, nhưng vẫn chưa được kiểm soát và ngăn chặn có hiệu quả.

*Hai là, nâng cao tính dân chủ và khoa học trong quy trình hình thành các quyết sách của Đảng*

Hiện nay, một số chủ trương, đường lối, nghị quyết của Đảng chưa được triển khai thực hiện tốt và chưa mang lại hiệu quả cao, làm suy giảm niềm tin trong một bộ phận nhân dân. Điều này đến từ các nguyên nhân: 1) Tính phản biện chưa cao; 2) Thể chế hóa quyết sách có quyền lực quá tập trung, nhất là ở cấp địa phương; nảy sinh sự chuyên quyền, độc đoán cá nhân trong quá trình ra quyết sách; 3) Thiếu tính khoa học trong hoạch định các quyết sách.

Những quyết sách quan trọng cần được soạn thảo từ cơ quan tham mưu, tập hợp đội ngũ có trí tuệ cao của Đảng và cần được thảo luận một cách kỹ càng từ đông đảo đảng viên của Đảng và của các nhà khoa học trong toàn xã hội. Đồng thời, các ý kiến khác biệt phải được tôn trọng, bảo vệ và được phản ánh. Khuyến khích đảng viên nói thật, nói thẳng, tăng cường ý thức chủ thể và tinh thần trách nhiệm, ý thức về sứ mệnh của đảng viên trong xây dựng Đảng. Đề cao vai trò chủ thể, vị trí trung tâm của nhân dân trong việc xây dựng các quyết sách, xây dựng chiến lược phát triển đất nước. Đảng cần đẩy mạnh cơ chế kiểm tra, giám sát và nghiêm trị những hành vi áp đặt, trù dập của những đảng viên có chức, có quyền đối với những đảng viên nói

thẳng, nói thật. Để nâng cao tính khả thi, giảm thiểu sai lầm của quyết sách, cần xây dựng chế độ truy cứu trách nhiệm đối với quyết sách sai lầm. Tập thể quyết sách có sai lầm nghiêm trọng, thì vừa phải truy cứu trách nhiệm của người có trách nhiệm trực tiếp, cũng phải truy cứu trách nhiệm của người lãnh đạo.

*Ba là, không ngừng nâng cao năng lực và đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng trong điều kiện mới*

Ở Việt Nam, quyền lực chính trị là thống nhất. Vấn đề là phương thức thực thi quyền lực chính trị của Đảng trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa thông qua nhà nước. Qua hơn 35 năm đổi mới, thực tiễn cầm quyền của Đảng đã được thể hiện cụ thể theo hướng này. Vấn đề đặt ra hiện nay, *một mặt*, phải bảo đảm sự thống nhất giữa sự lãnh đạo của Đảng và tổ chức thực thi quyền lực quản lý của Nhà nước; *mặt khác*, phải phân biệt những quyền hạn của Đảng đối với Nhà nước và xã hội, tránh tình trạng chồng chéo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, đùn đẩy trách nhiệm mỗi khi có hậu quả xảy ra. Đây không chỉ xuất phát từ sự khác nhau trong phương thức thực thi quyền lực của Đảng và quyền lực của Nhà nước trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, mà còn trực tiếp liên quan đến tính minh bạch, rõ ràng, bền vững của các cơ sở hợp pháp cho vị trí, vai trò của đảng cầm quyền.

*Bốn là, tăng cường tính gương mẫu, nêu gương của đội ngũ cán bộ của Đảng và Nhà nước, đặc biệt là tăng cường kiểm soát quyền lực*

Trong các văn kiện của Đảng, đặc biệt là Văn kiện Hội nghị

Trung ương 4 khóa XI và XII khẳng định: Tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên và tình trạng tham nhũng, lãng phí, quan liêu, những tiêu cực và tệ nạn xã hội chưa được ngăn chặn, đẩy lùi, mà còn tiếp tục diễn biến phức tạp, cùng với sự phân hóa giàu nghèo và sự yếu kém trong quản lý, điều hành của nhiều cấp, ngành làm giảm lòng tin của dân đối với Đảng và Nhà nước, đe dọa sự ổn định, phát triển của đất nước.

Gần đây, trong Văn kiện Đại hội lần thứ XIII của Đảng lại tiếp tục khẳng định: “Tham nhũng, lãng phí, quan liêu, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ cũng như những mâu thuẫn xã hội còn diễn biến phức tạp”<sup>(8)</sup>. Những vấn đề này nếu không được khắc phục, sẽ ảnh hưởng đến niềm tin của nhân dân vào Đảng và Nhà nước, làm xói mòn tính chính đáng của đảng cầm quyền.

Việc xây dựng được đội ngũ cán bộ lãnh đạo tinh thông về chuyên môn, trong sáng về đạo đức là một yêu cầu quan trọng nhằm củng cố niềm tin của nhân dân vào Đảng và Nhà nước. Tuy nhiên, tình trạng lạm quyền, chuyên quyền, quan liêu, xa dân, tham nhũng, hư hỏng, thậm chí độc đoán của một bộ phận cán bộ, đảng viên, kể cả một số lãnh đạo cấp cao xảy ra ở một số nơi. Nếu không khắc phục được sẽ làm mất niềm tin của nhân dân, làm xói mòn tính chính đáng cầm quyền của Đảng. Nguyên nhân chính là quyền lực của Đảng chưa được giám sát, kiểm soát một cách chặt chẽ và hiệu quả.

Do vậy, về lâu dài, chúng ta phải tạo ra được một cơ chế giám

sát, kiểm soát quyền lực của Đảng mang tính khoa học và có hiệu quả. Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng nhiều lần khẳng định: Phải nhốt quyền lực vào lồng thép. Có như vậy, vấn đề lạm dụng, tha hóa quyền lực của một bộ phận cán bộ có chức, có quyền mới bị kìm chế nhằm củng cố tính chính đáng trong cầm quyền của Đảng một cách lâu dài.

Muốn vậy, cần phải: 1) Bổ sung, hoàn thiện các quy định của Đảng về xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý, người đứng đầu tổ chức, cơ quan, đơn vị; 2) Tăng cường các thiết chế giám sát, kiểm soát quyền lực một cách chặt chẽ đối với những cá nhân có quyền lực trong Đảng và Nhà nước; 3) Thực hiện triệt để và nghiêm túc các quy định về xây dựng, chỉnh đốn Đảng kết hợp với đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; 4) Có kế hoạch cụ thể để đào tạo, bồi dưỡng, thử thách cán bộ được quy hoạch, nhất là cán bộ cấp chiến lược để tạo ra các thế hệ lãnh đạo có đủ phẩm chất, năng lực, uy tín và tín nhiệm trước nhân dân; 5) Có chính sách khuyến khích và cơ chế phù hợp bảo vệ những cán bộ, đảng viên có ý chí phấn đấu cao, gương mẫu thực hiện nguyên tắc của Đảng và pháp luật của Nhà nước, dám nghĩ, dám nói, dám làm, dám chịu trách nhiệm, dám đổi mới sáng tạo, dám đương đầu với khó khăn, thử thách và quyết liệt trong hành động vì lợi ích chung.

*Tóm lại*, kể từ khi Đảng được thành lập đến nay, dưới sự lãnh đạo, cầm quyền của Đảng, đất nước ta đã đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác. Tính chính đáng trong cầm quyền của Đảng đã được lịch sử chứng minh và nhân dân ghi nhận, đánh giá cao. Hiện nay, khi Đảng

đang lãnh đạo Nhà nước và xã hội thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam ngày càng rõ hơn, các mục tiêu của chủ nghĩa xã hội dần trở thành hiện thực. Phấn đấu đến giữa thế kỷ XXI, nước ta trở thành một nước phát triển, theo định hướng xã hội chủ nghĩa thì chính đảng trong cầm quyền của Đảng lại càng được khẳng định và nâng cao. Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng khẳng định: “Với một đảng cách mạng chân chính, trong sạch, vững mạnh, có đủ bản lĩnh, trí tuệ, kinh nghiệm, uy tín lãnh đạo như Đảng ta, được nhân dân hết lòng tin yêu, ủng hộ, chúng ta sẽ có một sức mạnh to lớn, vượt qua mọi khó khăn, thách thức, không thể lực nào ngăn cản nổi dân tộc ta đi lên, lập nên những kỳ tích mới trong sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước”<sup>(9)</sup>□

---

(1) và (2) Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.88 và 88-89

(3), (6) và (8) Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, t.I, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, tr.104, 21-22 và 108

(4) Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, t.11, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.606

(5) Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, t.6, Sđd, tr.16

(7) và (9) Nguyễn Phú Trọng, *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2022, tr.55 và 11.

**Nguồn: Tạp chí Khoa học chính trị.- 2022.- Số 04.- Tr.9-14.**

**NHỮNG GIÁ TRỊ CƠ BẢN  
TRONG ĐƯỜNG LỐI CHÍNH TRỊ  
CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM THỜI KỲ ĐỔI MỚI**

**PGS, TS. LÊ MINH QUÂN**  
**Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh**  
**Email tác giả: minhquanipolitic@gmail.com**

Ngày nhận bài: 02-10-2025; Ngày bình duyệt: 19-11-2025; Ngày duyệt đăng: 27-11-2025.

**Tóm tắt:** Giá trị trong đường lối chính trị của một đảng chính trị là khả năng đáp ứng nhu cầu chính đáng của một giai tầng xã hội hay một cộng đồng, quốc gia nhất định và thúc đẩy cộng đồng, quốc gia ấy phát triển. Bài viết nghiên cứu những giá trị cơ bản về đường lối chính trị của Đảng Cộng sản Việt Nam thời kỳ đổi mới, từ cơ sở hình thành, tiêu chí đánh giá, nội dung các giá trị, đến yêu cầu và giải pháp phát huy các giá trị cơ bản về đường lối chính trị của Đảng trong kỷ nguyên phát triển mới của dân tộc, góp phần tổng kết lý luận và thực tiễn 40 năm đổi mới, tiến tới Đại hội XIV của Đảng.

*Từ khóa: đường lối chính trị của Đảng; giá trị cơ bản trong đường lối chính trị của Đảng.*

### **Mở đầu**

Công cuộc đổi mới đất nước gần 40 năm qua do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo đã giành được những thành tựu có ý nghĩa lịch sử. Thắng lợi to lớn của công cuộc đổi mới trước hết bắt nguồn từ sự lãnh

đạo đúng đắn, sáng tạo của Đảng ta, trong đó đường lối chính trị giữ vị trí và tầm quan trọng hàng đầu. Công tác tổng kết thực tiễn, phân tích, khái quát những giá trị cơ bản trong đường lối chính trị của Đảng, phân tích quá trình Đảng ta tư duy, hành động theo quy luật khách quan, xuất phát từ thực tiễn và yêu cầu hình thành, phát triển những giá trị mới... có ý nghĩa quan trọng, góp phần tổng kết lý luận và thực tiễn 40 năm đổi mới ở nước ta hiện nay.

## **2. Nội dung**

### ***2.1. Những giá trị cơ bản trong đường lối chính trị của đảng chính trị, đảng cầm quyền***

Đường lối chính trị là hệ thống tư tưởng, quan điểm của một đảng chính trị nhằm thực hiện một mục tiêu chính trị nhất định. Đường lối chính trị của đảng cầm quyền, theo đó, là hệ thống tư tưởng, quan điểm của một đảng chính trị nhằm thực hiện một mục tiêu chính trị nhất định thông qua bộ máy chính quyền, luật pháp và chính sách công. Giá trị trong đường lối chính trị của đảng chính trị là khả năng đáp ứng nhu cầu chính đáng của một giai tầng xã hội hay một cộng đồng, quốc gia nhất định, thúc đẩy cộng đồng, quốc gia phát triển, mang lại cuộc sống ấm no, hạnh phúc cho người dân. Giá trị cơ bản trong đường lối chính trị của một đảng được tạo nên bởi năng lực, hiệu lực và hiệu quả lãnh đạo, cầm quyền của đảng trong thực tế.

Những giá trị cơ bản trong đường lối chính trị của đảng cầm quyền bao gồm: Các mục tiêu, cam kết chính trị của đảng đáp ứng được nguyện vọng và lợi ích của đa số cử tri và được thực hiện có hiệu quả trong thực tế; sự nhạy bén, linh hoạt về phương pháp tổ chức

thực hiện đường lối, giải quyết hợp lý những yêu cầu, nhiệm vụ chính trị trước mắt và lâu dài; sự phù hợp với bối cảnh tình hình, xu hướng trong nước và quốc tế; được thể chế hóa thành chính sách, pháp luật của Nhà nước, duy trì sự ổn định chính trị và xã hội, giải quyết việc làm, tạo ra tăng trưởng kinh tế, cải thiện phúc lợi cho người dân; tập hợp được sự ủng hộ của quần chúng và tạo ra sự đồng thuận xã hội trong thực hiện đường lối; giữ vững được vị trí và vai trò của đảng cầm quyền một cách chính đáng và hợp pháp...

Chất lượng và hiệu quả của đường lối chính trị của đảng cầm quyền thể hiện tập trung ở chất lượng và hiệu quả hoạt động của bộ máy chính quyền và hệ thống chính sách, ở chất lượng và hiệu quả quản trị phát triển quốc gia, ở phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao đời sống nhân dân.

## ***2.2. Cơ sở hình thành và tiêu chí xác định những giá trị cơ bản về đường lối chính trị của Đảng Cộng sản Việt Nam thời kỳ đổi mới***

Cơ sở hình thành những giá trị cơ bản trong đường lối chính trị của Đảng ta thời kỳ đổi mới là bối cảnh, điều kiện, điểm xuất phát, yêu cầu và mục tiêu của sự nghiệp đổi mới. Việc hình thành các giá trị cơ bản trong đường lối chính trị của Đảng ta diễn ra trong bối cảnh có những thuận lợi cơ bản: Nền tảng tư tưởng khoa học, cách mạng và nhân văn của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; kinh nghiệm và bản lĩnh chính trị vững vàng đã được tôi luyện trong lịch sử đấu tranh cách mạng lâu dài, gian khổ và thắng lợi vẻ vang của Đảng và dân tộc; sự tin tưởng của đông đảo nhân dân và sự ủng hộ của bạn

bè quốc tế; tính chủ động, sáng tạo của Đảng trong xây dựng và thực hiện đường lối đổi mới theo con đường xã hội chủ nghĩa, phát triển, hiện đại; tinh thần yêu nước, sự đoàn kết, đồng thuận, ủng hộ và tích cực, niềm tin chính trị của nhân dân vào Đảng; thực tiễn sôi động với những thành tựu, thời cơ và thách thức của công cuộc đổi mới về cả kinh tế, chính trị và xã hội; bối cảnh quốc tế (toàn cầu hóa, sự phát triển của khoa học - công nghệ, xu thế hòa bình, hợp tác và phát triển...) tạo ra những cơ hội phát triển cho đất nước ta.

Những khó khăn, thách thức là: Tính phức tạp, mới (chưa có tiền lệ, chưa có kinh nghiệm) của công cuộc đổi mới đất nước; xuất phát điểm thấp, cùng với những khó khăn về kinh tế - xã hội; sự sụp đổ của Liên Xô và hệ thống xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu và sự bao vây, cấm vận ở giai đoạn đầu của công cuộc đổi mới; những khó khăn, bất cập của phương thức sản xuất, đời sống và tư duy lạc hậu, tập trung, quan liêu, bao cấp, những tập quán - thói quen cũ trong xã hội khi tiến hành công cuộc đổi mới và cả khi công cuộc đổi mới mở ra về chiều rộng và đi vào chiều sâu.

Bên cạnh đó, những biến động phức tạp, nhanh chóng của tình hình thế giới với những vấn đề mới nảy sinh như biến đổi khí hậu, cạn kiệt tài nguyên, xung đột sắc tộc, khủng bố, cạnh tranh giữa các nước lớn, cạnh tranh địa - chính trị, địa - kinh tế; tình trạng “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong một bộ phận cán bộ, đảng viên, làm giảm lòng tin của nhân dân với Đảng, Nhà nước và chế độ xã hội chủ nghĩa cũng là những trở lực đối với việc hình thành các giá trị cơ bản trong đường lối chính trị của Đảng ta.

Tiêu chí để xác định giá trị cơ bản trong đường lối chính trị của Đảng ta là: Sự đúng đắn (phản ánh đúng các yêu cầu khách quan, tôn trọng các quy luật của thực tiễn đổi mới, phù hợp với thực tế), tính khả thi (khả năng hiện thực hóa) và kịp thời (khả năng ứng phó những vấn đề cấp thiết, bức xúc)... của đường lối chính trị; tầm nhìn, tính hệ thống, ổn định và bền vững (trong ngắn, trung và dài hạn) của đường lối chính trị; hiệu lực, hiệu quả (so sánh chi phí/kết quả) trong tổ chức triển khai thực hiện đường lối chính trị; kết quả cụ thể về phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh - quốc phòng, đối nội và đối ngoại do việc thực hiện đường lối chính trị mang lại; sự phát triển đất nước giàu mạnh, văn minh theo định hướng xã hội chủ nghĩa, cuộc sống ngày càng ấm no, hạnh phúc của nhân dân là “tiêu chuẩn chân lý” kiểm nghiệm các giá trị cơ bản trong đường lối chính trị của Đảng thời kỳ đổi mới.

### ***2.3. Những giá trị cơ bản trong đường lối chính trị của Đảng Cộng sản Việt Nam qua gần 40 năm đổi mới***

*Một là*, những giá trị cơ bản trong đường lối chính trị của Đảng ta thời kỳ đổi mới là sự tiếp nối những giá trị có tính truyền thống trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng của Đảng, cụ thể:

(1) Sự vững vàng về lập trường và quan điểm, trung thành tuyệt đối với lợi ích của giai cấp và dân tộc, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; bảo đảm sự đúng đắn về mục tiêu và phương hướng, sự kiên định về nguyên tắc và sự sáng tạo, linh hoạt về phương pháp cách mạng. Giữ vững độc lập, tự chủ về đường lối trên cơ sở nắm vững, vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác -

Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, tham khảo kinh nghiệm quốc tế để đề ra đường lối và tổ chức thực hiện đường lối với tinh thần “chân lý là cụ thể”, “cách mạng là sáng tạo”. Xuất phát từ thực tiễn Việt Nam để xác định phương hướng, nhiệm vụ và phương pháp của cách mạng Việt Nam.

(2) Chăm lo công tác xây dựng Đảng về tư tưởng, chính trị, tổ chức; giữ gìn đoàn kết, thống nhất và kỷ luật chặt chẽ trong Đảng trên cơ sở nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình, phê bình; tô luyện bản lĩnh chính trị và tu dưỡng đạo đức, tác phong trong thực tiễn cách mạng. Tranh thủ sự ủng hộ của nhân dân trong xây dựng và bảo vệ Đảng, tin tưởng và thực hiện thắng lợi đường lối của Đảng. Thường xuyên tổng kết thực tiễn, phát triển lý luận, nâng cao chất lượng và hiệu quả xây dựng và thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng.

(3) Phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc, sức mạnh của nhân dân, tạo nên nguồn nội lực to lớn cho Đảng; chăm lo xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc, lấy đại đoàn kết dân tộc làm động lực quan trọng trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; phát huy tinh thần đoàn kết quốc tế trong sáng dựa trên những nguyên tắc của đảng mácxít chân chính và vì mục tiêu hòa bình, hợp tác và phát triển; kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.

(4) Bám sát thực tiễn, chủ động, sáng tạo đưa ra những quyết sách phù hợp, kịp thời, đáp ứng yêu cầu của từng giai đoạn lịch sử, vượt qua mọi khó khăn, thử thách, đưa sự nghiệp cách mạng đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

*Hai là, những giá trị cơ bản mới được hình thành và phát triển*

trong thời kỳ đổi mới:

(1) Mọi chủ trương, đường lối đổi mới của Đảng đều xuất phát từ thực tiễn, tôn trọng quy luật khách quan; chủ động tranh thủ thời cơ, dũng cảm vượt qua thách thức, sáng suốt và bản lĩnh trong hoạch định chủ trương chính sách đổi mới theo tinh thần “nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật”; phân tích tình hình cụ thể, đánh giá rõ thực trạng, xác định đúng mục tiêu và nguyên tắc, phương châm, phương pháp, khâu đột phá trong việc hoạch định và tổ chức thực hiện đường lối, chính sách đổi mới; thường xuyên phòng, chống những nguy cơ sai lầm về đường lối, tổ chức bộ máy và cán bộ.

(2) Bám sát thực tiễn và cơ sở, chủ động phát hiện và giải quyết kịp thời những mâu thuẫn biện chứng của sự phát triển trong quá trình đổi mới theo phương châm “vấn đề gì đã rõ, đã chín muồi thì quyết tâm làm”, làm khẩn trương theo phương châm “chủ trương một, biện pháp mười”, “không cầu toàn”, “không nóng vội”, “vừa chạy vừa xếp hàng”, vấn đề gì chưa rõ, chưa chín muồi thì “làm thí điểm và tiếp tục tổng kết”; “chỉ bàn tiến, không bàn lùi”, “đã quyết là làm, đã làm là có kết quả”...; ưu tiên và tập trung giải quyết những vấn đề bức xúc trước mắt, liên quan trực tiếp đến sản xuất, kinh doanh và đời sống nhân dân; bảo đảm tính hệ thống, liên thông, kết hợp ngắn hạn - trung hạn - dài hạn trong hoạch định chủ trương, chính sách, quyết liệt trong chỉ đạo thực hiện.

(3) Chủ động, sáng suốt trong việc giữ vững ổn định chính trị - xã hội, coi đó là điều kiện tiên quyết để đổi mới, tập trung phát triển kinh tế, củng cố an ninh - quốc phòng, nâng cao đời sống nhân dân

theo phương châm “ổn định - đổi mới - phát triển”. Nhận thức và giải quyết đúng đắn các mối quan hệ lớn trong quá trình đổi mới đất nước. Kết hợp đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị, trong đó đổi mới chính trị (trước hết là hệ thống chính trị) một cách thận trọng, có nguyên tắc.

Gắn phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa với xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân và phát triển nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập quốc tế - thực hiện chính sách đối ngoại đa phương hóa, đa dạng hóa, thực hiện phương châm “là bạn, đối tác tin cậy, thành viên có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế”. Lấy phát triển kinh tế - xã hội là trung tâm, xây dựng Đảng là then chốt, phát triển văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh là trọng yếu, thường xuyên.

(4) Xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ, không ngừng làm giàu trí tuệ, nâng cao bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức và năng lực tổ chức của Đảng để đủ sức giải quyết các vấn đề do thực tiễn đặt ra. Lấy đó làm xuất phát điểm, khâu đột phá cho việc xây dựng, chỉnh đốn Đảng, hệ thống chính trị và toàn xã hội, xây dựng và củng cố niềm tin của cán bộ, đảng viên và nhân dân với Đảng, Nhà nước và chế độ xã hội chủ nghĩa. Bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng, vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kế thừa có chọn lọc các giá trị của văn minh nhân loại. Cảnh giác trước âm mưu, thủ đoạn “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch; đấu tranh phòng, chống suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức,

lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ. Kiên quyết, kiên trì đấu tranh chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí; bảo vệ và vận dụng, phát triển sáng tạo nền tảng tư tưởng của Đảng.

Lấy công tác kiểm tra đảng với chất lượng, hiệu quả cao và tính kịp thời làm xuất phát điểm, tiền đề và khâu trọng yếu cho quá trình kiểm soát quyền lực trong Đảng và toàn bộ hệ thống chính trị theo tinh thần “nhốt” quyền lực trong “lồng” cơ chế; thực hiện kỷ luật hành chính nhà nước kịp thời và đồng bộ với kỷ luật đảng; đề cao ý thức trách nhiệm, tinh thần gương mẫu của người đứng đầu, động viên cán bộ dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung; thực hiện chính sách quy hoạch, đào tạo, luân chuyển cán bộ, thực hiện chủ trương “cán bộ lãnh đạo chủ chốt không là người địa phương”, “không thực hiện biên chế suốt đời”...

(5) Thể chế hóa kịp thời đường lối của Đảng thành chính sách, pháp luật của Nhà nước, chương trình hành động của các tổ chức chính trị - xã hội; hoàn thiện cơ chế Đảng lãnh đạo - Nhà nước quản lý - Nhân dân làm chủ. Huy động sức mạnh tổng hợp của toàn hệ thống chính trị, mở rộng sự đồng thuận của toàn xã hội, tranh thủ sự ủng hộ quốc tế trong việc triển khai thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.

(6) Tinh gọn tổ chức bộ máy theo hướng: Xác định rõ mục tiêu, chức năng và nhiệm vụ của tổ chức bộ máy; xác định đúng nguyên tắc, quy mô và phạm vi của tổ chức bộ máy; xác định rõ hiệu quả cần đạt được đối với tổ chức bộ máy; lựa chọn, bố trí đúng đội ngũ cán bộ

có chất lượng (về phẩm chất, năng lực và kỹ năng), thực hiện nhiệm vụ theo vị trí việc làm; xây dựng hệ thống tiêu chuẩn đánh giá hiệu lực, hiệu quả của tổ chức bộ máy.

Như vậy, cùng với những giá trị truyền thống, những giá trị mới về đường lối chính trị của Đảng thời kỳ đổi mới đã tạo nên một hệ giá trị cơ bản về đường lối chính trị của Đảng trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng nước ta.

Những giá trị cơ bản trong đường lối chính trị của Đảng thời kỳ đổi mới thể hiện tính khoa học của đường lối, chính sách và chương trình hành động của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội...; tính cách mạng của thực tiễn đổi mới đầy khó khăn và phức tạp; tính nhân văn của những chuyển biến tích cực trong đời sống vật chất và tinh thần của xã hội; và hơn hết là ở những thành tựu kinh tế - xã hội có ý nghĩa lịch sử, nâng cao tầm vóc và vị thế quốc gia, cải thiện rõ rệt đời sống của nhân dân... qua 40 năm đổi mới.

#### ***2.4. Đề xuất những giá trị trong đường lối chính trị của Đảng cần được hình thành và phát triển trong kỷ nguyên mới***

Những giá trị cơ bản đã có trong đường lối chính trị của Đảng là phù hợp và có ý nghĩa to lớn, tuy nhiên cần hình thành và phát triển những giá trị mới, đáp ứng yêu cầu và nhiệm vụ cách mạng trong kỷ nguyên mới:

*Một là*, phát hiện và giải quyết kịp thời các “mâu thuẫn biện chứng” của quá trình đổi mới, khắc phục kịp thời những rào cản trong quá trình phát triển đất nước, nhất là những rào cản từ thể chế, cơ chế, chính sách đối với đổi mới, phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội, khoa

học - công nghệ, giáo dục - đào tạo, chuyển đổi số quốc gia và đổi mới sáng tạo. Hoàn thiện tổ chức bộ máy hệ thống chính trị, bảo đảm hiệu lực, hiệu quả, tiết kiệm chi tiêu ngân sách cho bộ máy để đầu tư phát triển. Bảo đảm chính trị - kinh tế - văn hóa - xã hội - môi trường phát triển đồng bộ, bền vững trong một thể thống nhất, hài hòa. củng cố và tăng cường niềm tin của cán bộ, đảng viên và nhân dân đối với Đảng, Nhà nước và chế độ xã hội chủ nghĩa. Xây dựng và bồi đắp hệ giá trị quốc gia, trong đó có hệ giá trị con người và đạo đức xã hội mới, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc.

*Hai là*, kịp thời đánh giá đúng bối cảnh trong nước và quốc tế, khi tình hình chín muồi thì “chớp thời cơ”, ban hành những chủ trương, chính sách đúng đắn, kịp thời và tổ chức triển khai quyết liệt (có phân công, phân nhiệm rõ ràng đối với tổ chức, cá nhân chủ trì, phối hợp thực hiện; có chương trình, kế hoạch, biện pháp, thời gian cụ thể, kiểm tra, đánh giá, tạo ra những kết quả cụ thể, làm chuyển biến tình hình theo hướng tích cực. Phát hiện và thực hiện những khâu đột phá, chọn những “mắt xích xung yếu nhất” để “làm thay đổi toàn bộ sợi dây chuyền” trong xây dựng và thực hiện chủ trương, chính sách.

*Ba là*, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạch định, tổ chức thực hiện và đánh giá chủ trương, chính sách ở cả hai khía cạnh - khía cạnh chính trị và khía cạnh kỹ thuật của đường lối chính trị; tăng cường tính kỹ trị, lực lượng cán bộ kỹ trị - nắm vững khoa học, công nghệ, có năng lực đổi mới - sáng tạo, nắm vững kỹ thuật số trong hoạt động lãnh đạo và quản trị quốc gia hiện đại.

*Bốn là*, đổi mới, nâng cao hiệu quả một cách đồng bộ, toàn diện

việc ban hành và tổ chức thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và các lĩnh vực công tác của Đảng, từ công tác tổ chức, cán bộ; công tác tuyên truyền, vận động; công tác kiểm tra, giám sát;... đến công tác chuyển đổi số, cải cách hành chính Đảng, lề lối và tác phong làm việc, thực hiện trách nhiệm nêu gương, trách nhiệm của người đứng đầu. Trong đó, tiếp tục nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra của Đảng, coi đó là khâu đột phá, có tầm quan trọng chiến lược trong xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị, là cơ sở cho việc kiểm soát quyền lực chính trị và quyền lực nhà nước trong điều kiện một đảng cầm quyền.

*Năm là*, dự báo, phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời, hiệu quả những tình huống chính trị - xã hội phức tạp, bất ngờ để chủ động ứng phó trong quá trình xây dựng và thực hiện đường lối chính trị của Đảng.

### ***2.5. Yêu cầu và giải pháp phát huy những giá trị cơ bản trong đường lối chính trị của Đảng***

Yêu cầu, nhiệm vụ phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới; vấn đề xây dựng Đảng và thực hiện vai trò lãnh đạo của Đảng trong điều kiện hệ thống hành chính quốc gia 3 cấp, chính quyền địa phương 2 cấp và sắp xếp, tổ chức lại các tỉnh, thành; bối cảnh quốc tế phức tạp... là những yếu tố tác động đến sự hình thành, phát huy các giá trị cơ bản trong đường lối chính trị của Đảng trong thời gian tới.

Để phát huy những giá trị cơ bản đã có và hình thành những giá trị mới trong đường lối chính trị của Đảng, thời gian tới cần thực hiện một số giải pháp:

*Một là*, hoàn thiện chu trình khoa học - thực tiễn đối với việc hoạch định đường lối chính trị của Đảng ở khía cạnh chính trị: (1) Nắm vững lý luận, bám sát thực tiễn, phát hiện kịp thời những vấn đề mới cần có chủ trương, đường lối; (2) Mở rộng dân chủ, tăng cường phản biện xã hội, tôn trọng ý kiến đóng góp của cán bộ, đảng viên, nhà khoa học và nhân dân khi xây dựng chủ trương, đường lối; (3) Củng cố sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng và hệ thống chính trị và đồng thuận xã hội khi thực hiện đường lối; (4) Bảo đảm mọi chủ trương, đường lối của Đảng đều xuất phát và hướng đến phục vụ lợi ích của quốc gia - dân tộc, lợi ích của nhân dân.

*Hai là*, hoàn thiện chu trình khoa học - thực tiễn đối với việc hoạch định đường lối chính trị của Đảng ở khía cạnh kỹ thuật: (1) Bám sát thực tiễn, đánh giá đúng yêu cầu của thực tiễn; (2) Ban hành kịp thời, có chất lượng đường lối, chính sách; (3) Tổ chức triển khai chủ trương, chính sách đồng bộ, quyết liệt, có kết quả cụ thể; (4) chủ động tiếp nhận phản hồi từ thực tiễn triển khai chủ trương, chính sách; (5) Đánh giá, điều chỉnh, hoàn thiện hoặc ban hành mới.

*Ba là*, nghiên cứu tổng kết thực tiễn, bổ sung, hoàn thiện lý luận về phương thức cầm quyền của Đảng bằng chủ trương, đường lối; bằng công tác cán bộ, công tác tư tưởng, tuyên truyền, dân vận; bằng công tác kiểm tra, giám sát; bằng sự gương mẫu của cán bộ, đảng viên; bằng pháp luật và theo pháp luật.

*Bốn là*, có cơ chế, chính sách huy động sự tham gia rộng rãi của các chủ thể trong hệ thống chính trị và toàn xã hội, bao gồm đội ngũ cán bộ, đảng viên; giới trí thức khoa học, công nghệ; giới doanh

ng nghiệp, doanh nhân; giới chuyên gia trong và ngoài nước và các tầng lớp nhân dân, góp phần phát huy các giá trị cơ bản trong đường lối chính trị của Đảng.

*Năm là*, thường xuyên tổng kết thực tiễn, phát triển lý luận về công cuộc đổi mới, nhất là lý luận về kỷ nguyên phát triển mới của dân tộc, về hoạt động của hệ thống hành chính quốc gia 3 cấp và chính quyền địa phương 2 cấp, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số nhằm thực hiện thắng lợi đường lối của Đảng về xây dựng nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa phát triển, thịnh vượng trong thời gian tới.

### **3. Kết luận**

Những giá trị cơ bản trong đường lối chính trị của Đảng ta qua gần 40 năm đổi mới đã được khẳng định trong thực tế, mang tính khoa học, cách mạng và nhân văn sâu sắc, thể hiện năng lực, hiệu lực và hiệu quả lãnh đạo, cầm quyền của Đảng. Những thành tựu to lớn của công cuộc đổi mới là “tiêu chuẩn chân lý” kiểm nghiệm các giá trị cơ bản trong đường lối chính trị của Đảng ta. Những giá trị cơ bản đã có là phù hợp và có ý nghĩa to lớn, nhưng cần hình thành và phát triển những giá trị mới, đáp ứng yêu cầu và nhiệm vụ ngày càng cao của cách mạng trong giai đoạn tới. Để làm được điều đó, cần có những giải pháp phát huy những giá trị đã có và hình thành, phát triển các giá trị mới trong đường lối chính trị của Đảng trong kỷ nguyên phát triển mới của dân tộc, xây dựng thành công nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa phát triển, thịnh vượng□

---

**Nguồn: Tạp chí Lý luận chính trị.- 2025.- Số 573.- Tr.38-44.**

---

# MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ NĂNG LỰC CẦM QUYỀN CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

PGS, TS. ĐỖ NGỌC NINH

Ngày nhận bài: 11-10-2021; Ngày phản biện: 25-10-2021; Ngày duyệt đăng: 17-1-2022.

**Tóm tắt:** Vấn đề năng lực cầm quyền (NLCQ) của Đảng được sử dụng nhiều lần trong các văn kiện của Đảng những năm gần đây, nhưng vẫn cần được làm sáng tỏ về lý luận, tạo cơ sở cho việc xác định và thực hiện các giải pháp nâng cao NLCQ của Đảng. Bài viết góp phần làm rõ những vấn đề chủ yếu: khái niệm, nội dung, những yếu tố tạo nên, con đường hình thành, phát triển NLCQ của Đảng ta hiện nay.

*Từ khóa: Đảng cầm quyền; năng lực cầm quyền của Đảng.*

## 1. Khái niệm năng lực cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam

Để làm rõ khái niệm “năng lực cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam” trước tiên cần làm rõ khái niệm “đảng cầm quyền”. Khái niệm “đảng cầm quyền” được dùng phổ biến ở các nước tư bản từ cuối thế kỷ XVIII đến nay. Ở các nước tư bản, đảng cầm quyền là đảng giành chiến thắng trong các cuộc bầu cử dân chủ và cạnh tranh, cũng có trường hợp nhờ đảo chính, đảng viên của đảng đó chiếm đa số trong nghị viện và có quyền thành lập chính phủ, đưa ra các quyết định chính sách dưới danh nghĩa quyền lực nhà nước, đại diện cho nhân dân. Ở các nước XHCN sự cầm quyền của Đảng Cộng sản bắt đầu từ khi Đảng giành được chính quyền. Khác với các đảng tư sản cầm quyền, Đảng Cộng sản trở thành Đảng cầm quyền sau thắng lợi

của cuộc cách mạng do Đảng lãnh đạo giai cấp công nhân, nhân dân lao động tiến hành lật đổ các thế lực thống trị, áp bức, bóc lột. Đảng Cộng sản cầm quyền lãnh đạo nhân dân xây dựng CNXH và bảo vệ đất nước; Đảng có vị thế của đảng cầm quyền, có quyền tác động, chi phối mọi mặt hoạt động của Nhà nước, các tổ chức trong hệ thống chính trị (HTCT), các tổ chức xã hội và nhân dân theo đường lối chính trị của Đảng; trong đó, quan trọng nhất là Đảng tác động, chi phối hoạt động của Nhà nước. Vị thế và quyền (quyền lực) của Đảng được quy định trong Hiến pháp.

Như vậy, dưới dạng khái quát có thể hiểu, Đảng Cộng sản cầm quyền là Đảng đã giành được chính quyền trong cuộc cách mạng do Đảng lãnh đạo giai cấp vô sản và nhân dân lao động tiến hành; Đảng nắm, giữ quyền tác động, chi phối hoạt động của các tổ chức trong HTCT, các tổ chức xã hội và nhân dân theo đường lối, quan điểm của Đảng; trong đó, quan trọng nhất là Đảng tác động, chi phối hoạt động của Nhà nước, nhằm thực hiện thắng lợi Cương lĩnh, đường lối của Đảng, xây dựng thành công CNXH và bảo vệ vững chắc Tổ quốc, đem lại cuộc sống tự do, ấm no, hạnh phúc cho nhân dân.

Theo *Đại từ điển tiếng Việt*, cầm quyền là nắm, giữ chính quyền<sup>(1)</sup>. Cách hiểu này chưa hoàn chỉnh vì đã đồng nhất “quyền” trong cụm từ “cầm quyền” với chính quyền nhà nước. Chữ “quyền” trong khái niệm “đảng cầm quyền” không chỉ là chính quyền nhà nước, không chỉ là Đảng nắm, giữ chính quyền không để rơi vào tay lực lượng chính trị khác, mà còn và quan trọng hơn là Đảng có vị thế và quyền tác động, chi phối mọi hoạt động của xã hội, gồm: hoạt động của các tổ chức trong HTCT, các tổ chức xã hội và nhân dân theo đường lối, quan điểm của Đảng; đương nhiên trong đó, quan trọng

nhất, là Đảng tác động, chi phối mọi hoạt động của Nhà nước. Quyền này được quy định trong Hiến pháp. Đây là cơ sở pháp lý, tính chính danh của sự cầm quyền của Đảng. Từ đó có thể quan niệm: Đảng Cộng sản Việt Nam cầm quyền là Đảng đã giành được chính quyền trong cuộc Cách mạng tháng Tám năm 1945; có vị thế của Đảng cầm quyền và có quyền tác động, chi phối hoạt động của Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức xã hội và nhân dân theo đường lối, quan điểm của Đảng; được nhân dân thừa nhận và suy tôn là lực lượng duy nhất đưa đất nước phát triển, nhân dân đến tự do, ấm no, hạnh phúc; được Hiến pháp khẳng định; Đảng phát huy vai trò, vị thế và sử dụng quyền của Đảng cầm quyền nhằm thực hiện thắng lợi đường lối của Đảng, từng bước thực hiện thắng lợi mục tiêu cao cả là xây dựng thành công CNXH trên đất nước ta và bảo vệ vững chắc Tổ quốc.

Mặc dù ở nước ta đã có nhiều công trình nghiên cứu, nhưng đến nay chưa có từ điển, sách thuật ngữ chuyên ngành nào đưa ra định nghĩa về “năng lực cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam”. Hiện tại, có thể tham khảo cách hiểu về “năng lực lãnh đạo của Đảng” trong sách *350 thuật ngữ Xây dựng Đảng*. “Năng lực lãnh đạo của Đảng Cộng sản: những điều kiện cần và đủ để Đảng có thể thực hiện có hiệu quả sự lãnh đạo của mình. Đó là khả năng xác định và cụ thể hóa Cương lĩnh, đường lối chính trị trên cơ sở nắm vững chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, tình hình thế giới và đất nước; trình độ nhận thức và thực hành dân chủ; khả năng phổ biến, tuyên truyền, giáo dục và tổ chức cho cán bộ, đảng viên, nhân dân thực hiện thắng lợi cương lĩnh, đường lối chính trị; trình độ lãnh đạo, tổ chức, quản lý, xây dựng tổ chức cách mạng của Đảng vững mạnh; khả năng kiểm tra,

giám sát, phản biện và giải quyết những mâu thuẫn nảy sinh trong quá trình lãnh đạo thực hiện cương lĩnh, đường lối chính trị và có kế hoạch sơ kết, tổng kết”<sup>(2)</sup>.

Từ phân tích trên và khái niệm Đảng cầm quyền có thể hiểu: NLCQ của Đảng Cộng sản Việt Nam là những điều kiện cần và đủ để Đảng có khả năng thực hiện hiệu quả vai trò cầm quyền của mình, gồm: khả năng nắm, giữ chính quyền; khả năng phát huy vị thế cầm quyền của mình; khả năng sử dụng quyền tác động, chi phối hoạt động của Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức xã hội và nhân dân theo đường lối, quan điểm của Đảng nhằm thực hiện thắng lợi Cương lĩnh chính trị, đường lối của Đảng, từng bước thực hiện thắng lợi mục tiêu cao cả là xây dựng thành công CNXH trên đất nước ta và bảo vệ vững chắc Tổ quốc.

## **2. Nội dung năng lực cầm quyền Đảng Cộng sản Việt Nam**

*Một là*, khả năng của Đảng trong việc nắm, giữ chính quyền không để rơi vào tay các thế lực chính trị phản động. Có được khả năng này, Đảng tác động, chi phối mọi hoạt động của chính quyền theo đường lối chính trị và quan điểm của Đảng; tác động, chi phối để chính quyền vững mạnh, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Đặc biệt, Đảng phải có khả năng nắm chắc công tác tổ chức, cán bộ và đội ngũ cán bộ chính quyền các cấp, nhất là cán bộ chủ chốt, người đứng đầu.

Đảng quyết định công tác tổ chức và các khâu của công tác cán bộ chính quyền, đồng thời phát huy vai trò, trách nhiệm của chính quyền trong công tác tổ chức, cán bộ. Đảng phải có khả năng lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng lực lượng vũ trang hùng mạnh, xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân vững chắc, đủ sức đập tan

âm mưu chống phá chính quyền của các thế lực phản động ngay từ khi nhen nhóm và đánh bại các cuộc chiến tranh xâm lược có thể xảy ra.

*Hai là*, khả năng nhận thức sâu sắc các quy luật, nhất là quy luật vận động, phát triển của xã hội; nhận thức sâu sắc chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và tình hình thực tế; vận dụng sáng tạo xây dựng Cương lĩnh, đường lối, các nghị quyết của Đảng đúng đắn, phù hợp; khả năng tác động vào lĩnh vực tinh thần của xã hội, tạo sự đồng thuận trong nhân dân thực hiện thắng lợi Cương lĩnh, đường lối, các nghị quyết của Đảng.

*Ba là*, khả năng lãnh đạo, tác động, chi phối Nhà nước trong việc thể chế hóa, cụ thể hóa Cương lĩnh, đường lối, các nghị quyết của Đảng thành Hiến pháp, pháp luật, chính sách, chương trình quốc gia về phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại... tạo cơ sở pháp lý để tổ chức thực hiện trong toàn xã hội. Đây là nội dung trọng yếu nhất, thể hiện rõ nhất, thước đo chủ yếu NLCQ của Đảng. Nhờ đó, Cương lĩnh, đường lối, các nghị quyết của Đảng có cơ sở pháp lý để thực hiện trong toàn xã hội; Đảng huy động mọi tổ chức, lực lượng và các nguồn lực từ bên ngoài đất nước để thực hiện thắng lợi Cương lĩnh, đường lối, các nghị quyết của Đảng.

*Bốn là*, khả năng sử dụng quyền tác động, chi phối của Đảng đối với công tác tổ chức, cán bộ và hoạt động của Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội nhằm thực hiện thắng lợi Cương lĩnh, đường lối và các quan điểm, chủ trương của Đảng. Khả năng này gồm hai phương diện chính: Đảng tác động, chi phối hoạt động xây dựng tổ chức bộ máy, đội ngũ cán bộ của các tổ chức này; Đảng tác động, chi phối hoạt động thực hiện chức năng, nhiệm vụ của từng tổ chức, tập trung vào các tổ chức trong HTCT.

*Năm là*, khả năng xác định nhiệm vụ trọng yếu, xây dựng các nghị quyết đúng đắn, các giải pháp đột phá về xây dựng, chỉnh đốn Đảng và tổ chức thực hiện hiệu quả, coi trọng phát hiện, ngăn chặn và đẩy lùi suy thoái, tiêu cực để Đảng trong sạch, vững mạnh, đáp ứng yêu cầu cầm quyền; chủ động chống lại hiệu quả sự chống phá của các thế lực thù địch.

*Sáu là*, khả năng kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết, đúc rút kinh nghiệm, phát triển lý luận về Đảng Cộng sản cầm quyền.

### **3. Những yếu tố tạo nên năng lực cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam**

*Một là*, phẩm chất của Đảng, các tổ chức đảng và của cán bộ, đảng viên, gồm phẩm chất chính trị và phẩm chất đạo đức, lối sống.

*Hai là*, trình độ mọi mặt, đặc biệt là trình độ nhận thức về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; năng lực tư duy; kinh nghiệm tổ chức thực tiễn của Đảng, cán bộ, đảng viên, trước hết là của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, cán bộ chủ chốt, người đứng đầu các cấp.

*Ba là*, ý thức tổ chức kỷ luật, phong cách, lề lối làm việc của các tổ chức đảng và của đội ngũ cán bộ, đảng viên, thái độ đúng đắn của cán bộ, đảng viên đối với nhân dân.

*Bốn là*, hệ thống tổ chức của Đảng, các cơ quan tham mưu, giúp việc cấp ủy các cấp; việc thực hiện các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ và nguyên tắc Đảng hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật.

*Năm là*, sự đồng tình, ủng hộ, thừa nhận, suy tôn của nhân dân

đối với sự cầm quyền của Đảng; sự ủng hộ của các tổ chức trong HTCT và sự khẳng định của Hiến pháp về sự cầm quyền của Đảng.

#### **4. Con đường hình thành, phát triển năng lực cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam**

*Một là*, đào tạo, bồi dưỡng, rèn luyện, nâng cao bản lĩnh chính trị và đạo đức cách mạng của các tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên.

*Hai là*, đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ trí tuệ của đội ngũ cán bộ, đảng viên.

*Ba là*, Đảng lãnh đạo xây dựng hệ thống pháp luật khoa học, đồng bộ, ngày càng hoàn thiện và được thực hiện nghiêm minh; xây dựng hệ thống chính quyền các cấp tinh gọn, hoạt động hiệu lực hiệu quả.

*Bốn là*, tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng, ngăn chặn, đẩy lùi và xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên suy thoái, tiêu cực để Đảng thật sự trong sạch, vững mạnh, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của mình, tiếp tục được nhân dân thừa nhận, suy tôn là lực lượng duy nhất cầm quyền.

*Năm là*, đẩy mạnh việc tự học tập, tự rèn luyện, nâng cao NLCQ của cấp ủy viên các cấp, cán bộ, đảng viên; duy trì thành nề nếp thường xuyên việc sơ kết, tổng kết thực tiễn; nghiên cứu, vận dụng sáng tạo kinh nghiệm cầm quyền của các đảng, phát triển lý luận về Đảng Cộng sản cầm quyền□

---

(1) Nguyễn Như Ý (chủ biên): *Đại từ điển tiếng Việt*, Nxb Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, 1998, tr.275.

(2) Nguyễn Minh Tuấn - Trần Khắc Việt (đồng chủ biên): *350 thuật ngữ xây dựng Đảng*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội, 2018, tr.329-330.

**Nguồn: Tạp chí Lý luận chính trị.- 2022.- Số 527.- Tr.57-60.**

**NHẬN THỨC CHUNG VỀ VẤN ĐỀ GIỮ VỮNG VAI TRÒ  
LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN TRONG XÂY DỰNG  
CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM VÀ HIỆN ĐẠI HÓA  
MÔ HÌNH CHỦ NGHĨA XÃ HỘI ĐẶC SẮC TRUNG QUỐC**

**PGS, TS. TRƯƠNG NGỌC NAM**

**Nguyên Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền**

Nhận bài: 25/11/2024; đưa vào quy trình biên tập: 25/11/2024; duyệt đăng: 20/12/2024.

**Tóm tắt:** Để thực hiện thắng lợi sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân ở mỗi nước, Đảng Cộng sản Việt Nam cũng như Đảng Cộng sản Trung Quốc đều có sứ mệnh chung là lãnh đạo nhân dân lao động và toàn thể dân tộc đấu tranh giành độc lập, xây dựng đất nước phồn vinh và hạnh phúc, không còn áp bức, bóc lột và bất công, nhân dân được sống trong sự tự do, hạnh phúc. Trong quá trình cách mạng, nhất là trong thời kỳ đổi mới, cải cách, mở cửa, cả hai Đảng luôn kiên trì, kiên định, vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin; giữ vững vai trò lãnh đạo, phát huy tính tiên phong của Đảng Cộng sản, xác định đúng đắn mục tiêu, con đường cách mạng, phát triển đất nước theo định hướng hiện đại hóa xã hội chủ nghĩa, phù hợp với thực tiễn lịch sử của mỗi nước và xu thế của thời đại.

*Từ khóa: Đảng Cộng sản, vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản, hiện đại hóa xã hội chủ nghĩa, mô hình xã hội chủ nghĩa.*

## **1. GIỮ VỮNG VAI TRÒ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM TRONG TIẾN TRÌNH XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI - MỘT SỐ THÀNH TỰU VÀ KINH NGHIỆM**

Trong hơn 90 năm thành lập (1930), Đảng Cộng sản Việt Nam đã lãnh đạo nhân dân đấu tranh giành độc lập dân tộc, dân chủ, tiến lên chủ nghĩa xã hội. Trong mỗi giai đoạn cách mạng, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn luôn giữ vững vai trò lãnh đạo, đưa đất nước vượt qua muôn vàn khó khăn thử thách, giành thắng lợi. Đặc biệt, trong thời kỳ đổi mới đưa đất nước tiến lên chủ nghĩa xã hội, nhờ thường xuyên quan tâm, coi trọng xây dựng, chỉnh đốn Đảng, đổi mới phương thức công tác, không ngừng nâng cao vai trò lãnh đạo, tính tiên phong, sự hy sinh quên mình của cán bộ, đảng viên mà Đảng Cộng sản Việt Nam đã làm nên những kỳ tích.

Ngay từ khi thành lập, Đảng Cộng sản Việt Nam đã xác định đi theo con đường xã hội chủ nghĩa, xây dựng đất nước phồn vinh, nhân dân ấm no, tự do hạnh phúc, đưa dân tộc Việt Nam “sánh vai với các cường quốc năm châu” là mục tiêu, lý tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam, là nguyện vọng thiết tha của nhân dân Việt Nam. Con đường cách mạng dân tộc, dân chủ và tiến lên chủ nghĩa xã hội đã trở thành sợi chỉ đỏ xuyên suốt cách mạng Việt Nam. Ngay sau khi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp thắng lợi (1954), miền Bắc được hoàn toàn giải phóng, Đảng và nhân dân Việt Nam bắt tay vào xây dựng chủ nghĩa xã hội, thực hiện vai trò hậu phương lớn cho cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược ở miền Nam, thống nhất đất nước. Bằng trí tuệ và bản lĩnh kiên cường của một đảng

vốn dày dặn kinh nghiệm đấu tranh cách mạng, Đảng Cộng sản Việt Nam đã lãnh đạo nhân dân anh dũng đấu tranh giải phóng hoàn toàn miền Nam, đưa cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội. Trên cơ sở tham khảo, vận dụng kinh nghiệm và mô hình chủ nghĩa xã hội của Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa, Đảng Cộng sản Việt Nam xác định mục tiêu của chủ nghĩa xã hội phải có nền kinh tế cân đối, với công nghiệp hiện đại, nông nghiệp hiện đại và quan hệ sản xuất mới xã hội chủ nghĩa; tiến hành công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ trung tâm của cả thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Về chính trị, củng cố chuyên chính vô sản, xác lập quyền làm chủ của nhân dân lao động, dưới sự lãnh đạo của Đảng. Về văn hóa - xã hội, xây dựng nền đạo đức mới, văn hóa mới, khoa học, kỹ thuật tiên tiến; đời sống vật chất, tinh thần không ngừng nâng cao, xóa bỏ chế độ người bóc lột người, xóa bỏ nghèo nàn lạc hậu,...[1, tr. 530- 548; tr. 922- 940]. Tuy nhiên, vào những năm 80 của thế kỷ trước, do nhiều nguyên nhân khác nhau trong đó có nguyên nhân chủ quan từ những sai lầm nghiêm trọng và kéo dài trong chủ trương, chính sách lớn, sai lầm về chỉ đạo chiến lược và tổ chức thực hiện, để đất nước lâm vào tình trạng khủng hoảng kinh tế-xã hội nặng nề [2, tr. 360, 363]. Đại hội VI (1986) của Đảng đã quyết định tiến hành công cuộc đổi mới, với những bước tiên quan trọng trong nhận thức và tổ chức thực hiện đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội trong bối cảnh mới. Đại hội đã rút ra những bài học kinh nghiệm sâu sắc, kiên quyết khắc phục tư duy giáo điều, bệnh chủ quan duy ý chí, đổi mới tư duy, đổi mới nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội phù hợp với thực tiễn Việt Nam và bối cảnh mới của thời đại. Trong Cương lĩnh xây dựng chủ nghĩa

xã hội trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (sửa đổi, bổ sung năm 2011), Đảng Cộng sản Việt Nam tiếp tục khẳng định: “Đi lên chủ nghĩa xã hội là khát vọng của nhân dân ta, là sự lựa chọn đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh, phù hợp với xu thế phát triển của lịch sử” [3, tr. 24], đồng thời xác định rõ hơn mô hình và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Đường lối đổi mới do Cương lĩnh đề ra đã được các nhiệm kỳ đại hội Đảng cụ thể hóa và lãnh đạo tổ chức thực hiện, liên tiếp giành thắng lợi, trên cơ sở đó không ngừng bổ sung, phát triển phù hợp với yêu cầu vận động của thực tiễn và bối cảnh thế giới có những biến đổi nhanh chóng, khó lường. Đại hội XIII (2021) của Đảng Cộng sản Việt Nam đã bổ sung, phát triển mô hình chủ nghĩa xã hội mà Đảng và nhân dân Việt Nam đang phấn đấu xây dựng, là một xã hội dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh; do nhân dân làm chủ; có nền kinh tế phát triển cao, dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiên bộ phù hợp; có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện; các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp đỡ nhau cùng tiến bộ; có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, cho nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo; có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới [6, tr.24]. Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam Nguyễn Phú Trọng khẳng định đặc trưng khác biệt của mô hình chủ nghĩa xã hội Việt Nam, là xã hội do nhân dân lao động làm chủ và hệ thống chính trị mà quyền lực thực sự thuộc về nhân dân, do nhân dân, phục vụ nhân dân, chứ không phải của các tập đoàn tư bản, của

thiểu số giàu có; là một xã hội trong đó sự phát triển thực sự vì con người, chứ không phải vì lợi nhuận và bóc lột mà chà đạp lên phẩm giá con người. Xã hội đó đảm bảo phát triển kinh tế đi đôi với công bằng và tiến bộ xã hội, chứ không gia tăng khoảng cách giàu nghèo và bất bình đẳng xã hội; một xã hội đoàn kết, thân ái, tương trợ nhau, hướng tới các giá trị tiến bộ, nhân văn chứ không phải cạnh tranh “cá lớn, nuốt cá bé”, vì lợi ích vị kỷ, phe nhóm; đó là một xã hội phát triển bền vững, hài hòa với thiên nhiên, đảm bảo môi trường sống trong lành cho các thế hệ hiện tại và tương lai, chứ không phải khai thác, chiếm đoạt tự nhiên, hủy hoại môi trường bằng mọi giá vì lợi nhuận [6, tr. 24]. Điều đó nói lên những giá trị đích thực của chủ nghĩa xã hội, là mục tiêu, con đường mà Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng Cộng sản và nhân dân Việt Nam đã lựa chọn và đang kiên định, kiên trì đeo đuổi là hoàn toàn đúng đắn.

Để thực hiện mô hình đó Đảng Cộng sản Việt Nam xác định, phải xây dựng nền kinh tế phát triển cao, cơ cấu công, nông nghiệp, cơ sở hạ tầng hiện đại, dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại, ứng dụng khoa học và công nghệ tiên tiến, nhất là cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4, đẩy mạnh đổi mới sáng tạo. Phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa hiện đại và hội nhập sâu rộng để tiếp cận, hấp thụ các thành tựu trí tuệ, văn minh vật chất và tinh thần của nhân loại, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đuổi kịp, tiến cùng các nước tiên tiến trên thế giới. Đồng thời xây dựng một nền quản trị quốc gia văn minh, hiện đại, hội nhập, hiệu lực, hiệu quả; hướng tới xây dựng nền văn hóa, con người và xã hội theo hướng văn minh, hiện đại, theo xu thế tiến bộ của nhân loại, đưa dân tộc Việt Nam vươn mình

vượt bậc trong kỷ nguyên mới, kỷ nguyên tiên tiến, văn minh, hiện đại”[7]. Những đặc trưng bản chất của mô hình chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay, thực chất là mô hình và con đường phát triển hiện đại hóa, xây dựng một xã hội tốt đẹp dựa trên điều kiện Việt Nam, phù hợp với quy luật phổ biến của lịch sử nhân loại và quy luật hiện đại hóa của các nước trên thế giới.

Thực hiện mục tiêu, con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng Cộng sản Việt Nam, sau gần 40 năm đổi mới, đến nay đất nước Việt Nam chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày hôm nay [4, tr. 104]. Với những thành tựu to lớn trong quá trình lãnh đạo cách mạng, nhất là thời kỳ đổi mới, Đảng Cộng sản Việt Nam đã chứng tỏ rằng sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam và công tác xây dựng Đảng luôn luôn là nhiệm vụ then chốt, có ý nghĩa cực kỳ quan trọng đối với sự nghiệp cách mạng của Đảng [6, tr.369-370]. Đồng thời, qua đó Đảng đúc kết những kinh nghiệm quý báu, góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng, để giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng đối với công cuộc xây dựng đất nước ngày càng văn minh, hiện đại theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Kế thừa từ các đại hội Đảng thời kỳ đổi mới, Đại hội XIII của Đảng đã nêu những bài học kinh nghiệm sau đây:

**Một là**, nâng cao bản lĩnh chính trị; kiên định, vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, thực hiện nghiêm các nguyên tắc của Đảng; kịp thời tổng kết thực tiễn, phát triển lý luận để đổi mới sáng tạo, chống bảo thủ, trì trệ; đấu tranh kiên

quyết với những biểu hiện cơ hội chính trị.

**Hai là**, phải đặc biệt coi trọng sự đoàn kết, thống nhất ý chí và hành động trong Đảng, trước hết trong Ban chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, lãnh đạo chủ chốt và cấp ủy các cấp. Người đứng đầu các cấp phải thực sự mẫu mực, nói đi đôi với làm, nêu cao tinh thần trách nhiệm, đặt lợi ích quốc gia-dân tộc lên trên hết, trước hết. Thường xuyên tăng cường mối quan hệ gắn bó mật thiết giữa Đảng với nhân dân, phát huy vai trò của nhân dân và thật sự dựa vào dân để xây dựng Đảng.

**Ba là**, phải thấm nhuần sâu sắc quan điểm công tác cán bộ là nhiệm vụ “then chốt” của công tác xây dựng Đảng, có liên quan đến sự sống còn của Đảng và vận mệnh của chế độ; cán bộ là cái gốc của mọi công việc, là nhân tố quyết định sự thành bại của cách mạng. Vì vậy phải đặc biệt coi trọng xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược và người đứng đầu thực sự có đức, có tài, có uy tín trong Đảng và trong nhân dân.

**Bốn là**, xây dựng Đảng phải gắn kết chặt chẽ với lãnh đạo phát triển kinh tế-xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và chủ động, tích cực hội nhập quốc tế. Kết hợp chặt chẽ, đồng bộ, toàn diện, hiệu quả giữa xây dựng và chỉnh đốn Đảng, trong đó xây dựng Đảng là nhiệm vụ cơ bản, chiến lược, lâu dài; chỉnh đốn Đảng là nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên, cấp bách; đồng thời, xác định đúng trọng tâm, trọng điểm, khâu đột phá.

**Năm là**, trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện phải có quyết tâm chính trị cao, nỗ lực lớn, hành động quyết liệt, cách làm bài

bản, dân chủ, chắc chắn và có bước đi phù hợp; kiên trì, cầu thị, lắng nghe, không cầu toàn, không chủ quan nóng vội, mất cảnh giác và không tự mãn với thành tích đạt được. Đối với những việc mới, khó, phức tạp phải tiến hành thí điểm, vừa làm vừa rút kinh nghiệm, tìm ra cách làm phù hợp, hiệu quả nhất để nhân rộng [5, tr. 225 - 227]. Những thành tựu và kinh nghiệm trong quá trình xây dựng đất nước hiện đại hóa theo con đường xã hội chủ nghĩa góp phần củng cố vai trò lãnh đạo của Đảng và niềm tin của nhân dân đối với Đảng và chế độ xã hội chủ nghĩa. Đồng thời là tiền đề để Việt Nam đạt được mục tiêu trở thành nước phát triển cao, hiện đại hóa về mọi mặt vào giữa thế kỷ 21.

## **2. GIỮ VỮNG VAI TRÒ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN TRUNG QUỐC TRONG HIỆN ĐẠI HÓA MÔ HÌNH CHỦ NGHĨA XÃ HỘI TRUNG QUỐC - MỘT SỐ THÀNH TỰU VÀ KINH NGHIỆM**

Sau 100 năm phấn đấu, Đảng Cộng sản Trung Quốc đã lãnh đạo nhân dân Trung Quốc thành công trên con đường hiện đại hóa mô hình Trung Quốc, đã sáng tạo nên một hình thái mới của văn minh nhân loại, mở rộng con đường đi lên hiện đại hóa cho các nước đang phát triển. Con đường hiện đại hóa mô hình Trung Quốc xuất phát từ kế sách dựng nước của Tôn Trung Sơn, đồng thời không ngừng được khai phá dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Trung Quốc. Cương lĩnh xây dựng đất nước của Tôn Trung Sơn là bản kế hoạch đầu tiên của Trung Quốc thời kỳ cận đại mưu cầu về hiện đại hóa, để Trung Quốc có sự bình đẳng địa vị với các nước trên thế giới. Tuy nhiên,

hiện đại hóa mô hình xã hội chủ nghĩa đặc sắc Trung Quốc mới thực sự là công trình vĩ đại và người tổng công trình sư là Đảng Cộng sản Trung Quốc, với các thế hệ hạt nhân lãnh đạo tiêu biểu cho mỗi thời kỳ lịch sử, như Mao Trạch Đông, Đặng Tiểu Bình, Giang Trạch Dân, Hồ Cẩm Đào và Tập Cận Bình. Ngay sau khi giành được độc lập dân tộc, dân chủ, Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc đã đưa ra con đường cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội, đề ra đường lối cơ bản của hiện đại hóa là công nghiệp hóa biến một nước nông nghiệp thành công nghiệp, đồng thời tiến hành “bốn hiện đại”<sup>(1)</sup>, với mục tiêu tiến kịp và vượt các nước tư bản lớn mạnh nhất thế giới.

Bước vào thời kỳ mới cải cách mở cửa và xây dựng hiện đại hóa xã hội chủ nghĩa, Đảng tiếp tục tìm kiếm con đường đúng đắn xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Trung Quốc, giải phóng và phát triển sức sản xuất của xã hội, đưa người dân thoát khỏi nghèo đói và nhanh chóng đi lên giàu có, cung cấp sự bảo đảm về thể chế tràn đầy sức sống mới và điều kiện vật chất cho việc đẩy nhanh phát triển nhằm thực hiện sự phục hưng vĩ đại của dân tộc Trung Hoa. Đồng chí Đặng Tiểu Bình đề ra lý luận giải phóng tư tưởng, thực sự cầu thị, đưa ra quyết sách mang tính lịch sử về việc chuyển trọng tâm công tác của Đảng và Nhà nước sang xây dựng kinh tế, thực hiện cải cách mở cửa; vạch rõ bản chất của chủ nghĩa xã hội, xác lập đường lối cơ bản trong giai đoạn đầu của chủ nghĩa xã hội, xây dựng chủ nghĩa xã hội đặc sắc Trung Quốc; giải đáp một cách khoa học hàng loạt vấn đề cơ bản trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội đặc sắc Trung Quốc, thực hiện chiến lược phát triển ba bước và cơ bản thực hiện hiện đại hóa xã hội chủ nghĩa vào giữa thế kỷ 21, đặt nền móng thành công cho chủ nghĩa xã hội đặc sắc

Trung Quốc.

Trong thời đại mới xây dựng chủ nghĩa xã hội đặc sắc Trung Quốc, con đường hiện đại hóa mô hình Trung Quốc được đẩy mạnh toàn diện, với sự đổi mới về thực tiễn và lý luận, đổi mới về thể chế trong tiến trình xây dựng toàn diện xã hội khá giả, hài hòa. Đồng thời với quá trình hình thành tư tưởng quan trọng “phát triển khoa học”, “ba đại diện”, “quản trị Đảng nghiêm minh toàn diện”, đã không ngừng nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng. Đại hội XVIII Đảng Cộng sản Trung Quốc đã đề ra nhiệm vụ tổng quát là hiện đại hóa xã hội chủ nghĩa và phục hưng dân tộc trung Hoa vĩ đại. Đại hội XIX đề ra chiến lược “hai bước” mới: Bước đầu tiên thực hiện cơ bản hiện đại hóa xã hội chủ nghĩa, đến năm 2035 đạt xã hội khá giả toàn diện; bước thứ hai đến giữa thế kỷ XXI xây dựng đất nước Trung Quốc hiện đại hóa xã hội chủ nghĩa dân giàu, nước mạnh, dân chủ, văn minh, hài hòa, tươi đẹp, thực hiện toàn diện mục tiêu hiện đại hóa xã hội chủ nghĩa. Đại hội XX (2022) đã đề xuất tầm nhìn lớn, mang tính chiến lược và những bước đi, cách làm cụ thể, để đưa Trung Quốc đến mục tiêu cơ bản là hoàn thành hiện đại hóa vào năm 2035 và trở thành cường quốc xã hội chủ nghĩa hiện đại, giàu mạnh, dân chủ, văn minh, hài hòa, tươi đẹp vào giữa thế kỷ XXI.

Hiện đại hóa mô hình Trung Quốc vừa là tiêu chí, vừa là con đường xây dựng CNXH đặc sắc Trung quốc thời đại mới, đồng thời là con đường phục hưng vĩ đại dân tộc Trung Hoa. Hiện đại hóa mô hình Trung Quốc chính là tiến trình thực hiện cùng giàu có, hài hòa giữa văn minh vật chất và tinh thần, giữa con người với tự nhiên, thúc đẩy

sự thống nhất hữu cơ giữa sự phong phú về vật chất, sự tiến bộ toàn diện xã hội và sự phát triển toàn diện của con người. Hiện đại hóa là tiêu chí quan trọng của sự tiến bộ của văn minh nhân loại, trong đó các nước lựa chọn con đường hiện đại hóa khác nhau. Hiện đại hóa mô hình Trung Quốc là khác hẳn hiện đại hóa của phương Tây, cũng như Liên Xô trước đây. Hiện đại hóa mô hình xã hội của các nước tư bản phương Tây lấy “tư bản” chứ không phải con người làm trung tâm; mô hình đó dựa trên khuôn mẫu “5 trụ cột”: kinh tế thị trường tự do, nền dân chủ tư sản, nhà nước tam quyền phân lập, cạnh tranh đa đảng và xã hội dân sự. Con đường hiện đại hóa mô hình xã hội của các nước tư bản phương Tây là con đường trải qua đầy máu và nước mắt; là con đường dựa trên sự áp bức bất công đối với người lao động, lấy chiến tranh, cướp bóc tài nguyên là tiền đề...mô hình đó không thể khắc phục những khuyết tật vốn có. Hiện đại hóa mô hình Trung Quốc là hiện đại hóa mang bản chất của chủ nghĩa xã hội do Đảng Cộng sản Trung Quốc lãnh đạo, không chỉ có đặc điểm chung là hiện đại hóa của tất cả các nước trên thế giới, tuân theo quy luật chung của hiện đại hóa, bao gồm công nghiệp hóa, đô thị hóa...mà còn có đặc điểm riêng của Trung Quốc dựa trên điều kiện cụ thể của Trung Quốc, hàm chứa những giá trị độc đáo của nền văn hóa ưu tú truyền thống Trung Hoa. Hiện đại hóa mô hình Trung Quốc là sáng tạo lý luận quan trọng của Đảng Cộng sản Trung Quốc, là thành quả mới nhất của chủ nghĩa xã hội khoa học trong thời đại mới [8]. Tại Hội nghị Trung ương 6, khóa XIX tháng 11 năm 2021 [9], Đảng Cộng sản Trung Quốc đã tổng kết những thành tựu to lớn, khẳng định chỉ trong vài chục năm, Trung Quốc đã đi hết chặng đường công nghiệp hóa mà các nước phát triển

phải mất vài trăm năm, tạo ra hai kỳ tích là sự phát triển kinh tế nhanh chóng và ổn định xã hội lâu dài. Vào thời điểm tròn 100 năm thành lập, Đảng Cộng sản Trung Quốc chính thức tuyên bố hoàn thành việc xây dựng xã hội khá giả toàn diện, khuyến khích toàn Đảng, nhân dân các dân tộc trong nước hăng hái bước vào cuộc trường chinh mới hướng tới mục tiêu phấn đấu 100 năm lần thứ hai.

Con đường hiện đại hóa mô hình xã hội chủ nghĩa đặc sắc Trung Quốc sở dĩ đạt được những thành tựu vĩ đại là do sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Trung Quốc. Vai trò lãnh đạo quan trọng của Đảng Cộng sản Trung Quốc là yếu tố then chốt để Trung Quốc vượt qua những thách thức và đạt được được những thành tựu lịch sử. Đảng Cộng sản Trung Quốc không chỉ dựa trên điều kiện đất nước, mở ra con đường mới hiện đại hóa mô hình Trung Quốc, hơn nữa nắm vững quy luật phát triển hiện đại hóa, vạch ra những mục tiêu và các bước chiến lược hiện đại hóa một cách khoa học. Sự lãnh đạo thành công của Đảng Cộng sản Trung Quốc mở ra con đường hiện đại hóa theo mô hình Trung Quốc, tạo ra hình thái mới trong nền văn minh nhân loại, là một bài học tham khảo đối với các nước đang phát triển đi theo hướng hiện đại hóa. Tổng kết kinh nghiệm về sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Trung Quốc trong toàn bộ tiến trình cách mạng, trong đó có sự lãnh đạo hiện đại hóa mô hình xã hội chủ nghĩa Trung Quốc, Hội nghị Trung ương 3 khóa XIX của Đảng Cộng sản Trung Quốc đã xác định:

**Một là, kiên trì sự lãnh đạo của Đảng.** Lịch sử và hiện thực đã chứng minh sở dĩ nhân dân Trung Quốc có thể giành được thành tựu

to lớn, điều căn bản nhất là có sự lãnh đạo kiên cường của Đảng Cộng sản Trung Quốc, không có Đảng Cộng sản Trung Quốc thì không có nước Trung Quốc mới, không thực hiện được phục hưng dân tộc Trung Hoa vĩ đại. Quản trị tốt chính đảng lớn nhất và đất nước với dân số đông nhất trên thế giới này, cần phải kiên trì sự lãnh đạo toàn diện của Đảng, đặc biệt là sự lãnh đạo tập trung thống nhất của Trung ương Đảng, kiên trì tập trung dân chủ, đảm bảo Đảng luôn nắm chắc toàn diện, phối hợp với các bên.

**Hai là, kiên trì người dân trên hết.** Cội nguồn, huyết mạch và sức mạnh của Đảng là ở nhân dân, nhân dân là sức mạnh lớn nhất của Đảng cầm quyền và phát triển đất nước. Ưu thế chính trị lớn nhất của Đảng là duy trì mối liên hệ chặt chẽ với quần chúng, nguy hiểm lớn nhất sau khi Đảng cầm quyền là xa rời quần chúng. Đảng đại diện cho lợi ích căn bản của đại đa số người dân Trung Quốc, không có bất kỳ lợi ích đặc biệt nào, không đại diện cho lợi ích của bất kỳ nhóm lợi ích nào, đoàn thể quyền lực nào, tầng lớp đặc quyền nào, đây là điều căn bản để Đảng tồn tại vững mạnh.

**Ba là, kiên trì sáng tạo lý luận.** Kiên trì Chủ nghĩa Mác là tư tưởng chỉ đạo căn bản thành lập Đảng, thành lập nước, phát triển Đảng, phát triển đất nước. Sự phấn đấu trong 100 năm của Đảng đã thể hiện sức sống mạnh mẽ của chủ nghĩa Mác, tính khoa học và tính chân lý của chủ nghĩa Mác được kiểm nghiệm rõ ràng ở Trung Quốc, tính nhân dân và tính thực tiễn của chủ nghĩa Mác được quán triệt rõ ràng ở Trung Quốc, tính cởi mở và tính thời đại của chủ nghĩa Mác được thể hiện rõ ràng. Lý luận chủ nghĩa Mác không phải là giáo điều

mà là kim chỉ nam hành động, cần phải phát triển cùng với sự phát triển của thực tiễn, cần phải gắn với tình hình Trung Quốc mới có thể ăn sâu bén rễ, gắn với đất nước mới có thể đi vào lòng người. Phải kiên trì giải phóng tư tưởng, thực sự cầu thị, phát triển cùng thời đại, kiên trì kết hợp nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác với thực tế cụ thể của Trung Quốc, kết hợp với văn hóa truyền thống tốt đẹp của dân tộc Trung Hoa, kiên trì thực tiễn là tiêu chuẩn duy nhất kiểm nghiệm chân lý, kiên trì tất cả xuất phát từ thực tế, trả lời kịp thời câu hỏi của thời đại, câu hỏi của nhân dân, không ngừng gắn chủ nghĩa Mác với tình hình Trung Quốc, gắn với thời đại.

**Bốn là, kiên trì độc lập tự chủ.** Đảng Cộng sản Trung Quốc luôn kiên trì độc lập tự chủ trên con đường phát triển, kiên trì đặt sự phát triển của đất nước và dân tộc vào trung tâm, kiên trì công việc của Trung Quốc cần phải do người dân Trung Quốc tự làm chủ, tự xử lý. Trong lịch sử loài người, không có một dân tộc, một quốc gia nào có thể thực hiện sự lớn mạnh và phát triển khi dựa vào các thế lực bên ngoài, rập khuôn mô hình nước ngoài, bám theo nước khác để phát triển. Vì vậy phải kiên trì độc lập tự chủ, tự lực cánh sinh, vừa khiêm tốn học hỏi tham khảo kinh nghiệm bổ ích của nước ngoài, đồng thời vừa kiên định lòng tự tôn dân tộc và sự tự tin, nắm chắc vận mệnh phát triển của Trung Quốc.

**Năm là, kiên trì con đường Trung Quốc.** Phương hướng quyết định con đường, con đường quyết định vận mệnh. Trong quá trình phấn đấu 100 năm, Đảng Cộng sản Trung Quốc luôn kiên trì xuất phát từ tình hình thực tế của đất nước, tìm tòi và hình thành con đường

đúng đắn phù hợp với thực tế của Trung Quốc. Con đường hiện đại hóa xã hội chủ nghĩa đặc sắc Trung Quốc là con đường rộng mở, mang lại cuộc sống tốt đẹp cho nhân dân, thực hiện phục hưng dân tộc Trung Hoa vĩ đại.

**Sáu là, kiên trì hoài bão lớn lao.** Đảng luôn quan tâm tiên đồ vận mệnh của nhân loại với tầm nhìn thế giới, nhận thức và xử lý đúng đắn quan hệ với thế giới bên ngoài trên cơ sở xu thế lớn phát triển nhân loại, cục diện lớn thay đổi thế giới và lịch sử phát triển của Trung Quốc, kiên trì mở cửa, không bế quan, kiên trì cùng có lợi cùng thắng, kiên trì con đường phát triển hòa bình, không ngừng đóng góp trí tuệ và sức mạnh cho tiến bộ và văn minh của nhân loại, cùng nhân dân các nước trên thế giới thúc đẩy bánh xe lịch sử tiến lên.

**Bảy là, kiên trì mở mang đổi mới sáng tạo.** Đổi mới sáng tạo là động lực không ngừng cho sự phát triển và tiến bộ của một quốc gia, một dân tộc. Đảng Cộng sản Trung Quốc đã lãnh đạo nhân dân vượt mọi chông gai, tìm tòi đầy gian nan, nỗ lực vươn lên phía trước, không ngừng thúc đẩy đổi mới sáng tạo lý luận, đổi mới sáng tạo thực tiễn, đổi mới sáng tạo thể chế, đổi mới sáng tạo văn hóa và đổi mới sáng tạo các lĩnh vực khác, dám tiên phong mở ra con đường mà các thể hệ đi trước chưa từng đi. Sự lãnh đạo của Đảng phải thuận theo dòng chảy thời đại, đáp ứng yêu cầu của nhân dân, dũng cảm thúc đẩy cải cách, nhìn nhận chính xác những thay đổi, ứng biến khoa học, chủ động tìm kiếm thay đổi, không bao giờ cứng nhắc, không bao giờ trì trệ để sáng tạo ra nhiều hơn những kỳ tích mang tên Trung Quốc.

**Tám là, kiên trì và dám đấu tranh.** Dám đấu tranh, dám thắng

lợi là sức mạnh tinh thần to lớn bất khả chiến bại của Đảng và nhân dân Trung Quốc. Tất cả những thành tựu mà đảng và nhân dân đạt được là thông qua quá trình phấn đấu không ngừng, chùn bước trước khó khăn vì dân, vì nước, vì dân tộc, vì niềm tin lý tưởng. Chỉ cần Đảng biết nắm bắt được đặc điểm lịch sử của cuộc đấu tranh vĩ đại mới, nắm chắc và tận dụng tốt thời cơ lịch sử, tận dụng tốt lợi thế, chủ động trong cuộc chơi, nêu cao tinh thần đấu tranh, tăng cường bản lĩnh chiến đấu, đoàn kết ý chí và sức mạnh của toàn Đảng, toàn dân, thì nhất định có thể chiến thắng mọi nguy cơ, thách thức có thể hoặc chưa thể lường trước.

**Chín là, kiên trì mặt trận thống nhất.** Đoàn kết là sức mạnh. Xây dựng một mặt trận thống nhất rộng lớn là tiền đề quan trọng để Đảng đánh thắng kẻ thù, đồng thời cầm quyền, chấn hưng đất nước. Đảng Cộng sản Trung Quốc luôn kiên trì thực hiện khối đại đoàn kết, đoàn kết mọi lực lượng, thúc đẩy sự hài hòa các mối quan hệ chính đảng, dân tộc, tôn giáo, giai cấp, trong và ngoài nước, hội tụ sức mạnh chung. Không ngừng củng cố và phát triển khối đại đoàn kết các dân tộc, khối đại đoàn kết toàn dân, đoàn kết quốc tế nhằm hội tụ được sức mạnh to lớn để thực hiện công cuộc phục hưng vĩ đại dân tộc Trung Hoa.

**Mười là, kiên trì tự đổi mới, tự cách mạng chính mình của Đảng.** Dũng cảm tự cách mạng là tiêu chí nổi bật phân biệt chính đảng cách mạng với chính đảng khác. Tinh thần tự cách mạng là trụ cột vững chắc để Đảng duy trì sức sống của mình. Sự vĩ đại của Đảng Cộng sản Trung Quốc không phải ở chỗ không phạm sai lầm, mà ở

chỗ không bao giờ né tránh, tích cực thực hiện phê bình và tự phê bình, dám đối mặt trực tiếp với vấn đề, dũng cảm tự cách mạng, loại bỏ mọi nhân tố làm tổn hại đến tính tiên tiến và tính thuần khiết của Đảng, loại bỏ mọi mầm bệnh ăn mòn cơ thể khỏe mạnh của Đảng, bảo đảm Đảng không bị biến chất, đổi màu, đổi vị, và để giữ vững mãi vai trò là hạt nhân lãnh đạo kiên cường trong tiến trình phát triển chủ nghĩa xã hội đặc sắc Trung Quốc thời đại mới. Mười phương diện trên là kinh nghiệm quý báu được tích lũy từ thực tiễn lâu dài, là của cải tinh thần do Đảng và nhân dân Trung Quốc cùng sáng tạo ra, cần phải được trân trọng, kiên trì lâu dài, đồng thời không ngừng làm phong phú và phát triển trong thực tiễn thời đại mới.

### **3. NHẬN THỨC CHUNG VỀ NHỮNG VẤN ĐỀ CÓ TÍNH PHỔ BIẾN TRONG VIỆC GIỮ VỮNG VAI TRÒ LÃNH ĐẠO, PHÁT HUY TÍNH TIÊN PHONG CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN ĐỐI VỚI HIỆN ĐẠI HÓA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở VIỆT NAM VÀ TRUNG QUỐC**

Đảng Cộng sản ở hai nước Việt Nam và Trung Quốc đều có sứ mệnh chung là lãnh đạo nhân dân lao động và toàn thể dân tộc đấu tranh giành độc lập, xây dựng đất nước phồn vinh và hạnh phúc, không còn áp bức, bóc lột và bất công, nhân dân được sống trong sự tự do, hạnh phúc. Trong quá trình cách mạng, nhất là trong thời kỳ đổi mới, cải cách, mở cửa Đảng Cộng sản Việt Nam và Đảng Cộng sản Trung Quốc luôn kiên trì, kiên định, vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, xác định đúng đắn mục tiêu, con đường cách mạng, phát triển đất nước theo định hướng hiện đại hóa xã hội chủ nghĩa, phù

hợp với thực tiễn lịch sử của mỗi nước và xu thế của thời đại. Cả hai Đảng luôn kiên trì, kiên định không xa rời mục tiêu cách mạng xã hội chủ nghĩa, thực sự cầu thị, giải phóng tư tưởng, đổi mới tư duy, sáng tạo mô hình và con đường hiện đại hóa xã hội chủ nghĩa. Đồng thời kiên trì, nỗ lực phấn đấu đưa đất nước vượt qua vô vàn khó khăn, trắc trở để đạt được những thành tựu to lớn có ý nghĩa lịch sử, tạo nên niềm tin vững chắc cho cán bộ, đảng viên và nhân dân đối với chủ nghĩa xã hội.

Đường lối cách mạng dân tộc, dân chủ và đi lên chủ nghĩa xã hội của Việt Nam và Trung Quốc tuy có khác nhau về điểm xuất phát lịch sử và bước đi cụ thể phù hợp với điều kiện mỗi nước, nhưng nhìn chung về mục tiêu, nội dung, tính chất, tiến trình cách mạng, phương pháp cách mạng của hai Đảng có nhiều tương đồng. Vì vậy, hai đảng hoàn toàn có thể tham khảo, chia sẻ về mặt lý luận và kinh nghiệm thực tiễn, nhất là quá trình hiện đại hóa xây dựng chủ nghĩa xã hội. Nhiều vấn đề như công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông dân, nông thôn; vấn đề công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển nền kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa trong xu thế hội nhập; vấn đề xóa đói, giảm nghèo, cùng giàu có; vấn đề hoàn thiện thể chế quản trị quốc gia trong một nước vào loại đông dân nhất thế giới... Trên nhiều lĩnh vực, Việt Nam là nước đi sau, do đó có thể tranh thủ sự tương đồng để tiếp thu nhiều kinh nghiệm phát triển, đồng thời có khả năng tránh được những khó khăn, vấp vấp của nước đi trước đã trải qua.

Cả hai Đảng đều trung thành và vận dụng sáng tạo các nguyên lý của chủ nghĩa Mác-Lênin về xây dựng Đảng Cộng sản; đều coi tập

trung dân chủ là nguyên tắc cơ bản trong tổ chức và hoạt động của Đảng; lấy nguyên tắc đoàn kết thống nhất trong Đảng và sự gắn bó mật thiết giữa Đảng với nhân dân làm cơ sở, động lực cho hoạt động và tăng cường sức mạnh của Đảng; lấy nguyên tắc tự phê bình và phê bình, thực sự cầu thị làm qui luật phát triển, là phương thức đảm bảo sự trong sạch, vững mạnh đối với tổ chức đảng; lấy nguyên tắc Đảng hoạt động trong khuôn khổ hiến pháp và pháp luật làm phương thức lãnh đạo Nhà nước và xã hội hiệu quả...Việc vận dụng một cách đúng đắn các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng, để không ngừng hoàn thiện, đồng bộ thể chế Đảng, thể chế nhà nước và thể chế phát triển nói chung, đảm bảo Đảng Cộng sản luôn trong sạch, vững mạnh, luôn giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng đối với quá trình hiện đại hóa xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam và Trung Quốc trong thời đại ngày nay.

Nhằm tăng cường sức mạnh, sức chiến đấu, sức ảnh hưởng của Đảng đối với xã hội, Đảng Cộng sản hai nước Việt Nam và Trung Quốc thường xuyên chăm lo xây dựng các thiết chế mặt trận đoàn kết, thống nhất dân tộc rộng rãi, trên cơ sở không ngừng củng cố, mở rộng cơ sở chính trị-xã hội của Đảng, đảm bảo nền tảng vững chắc giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng, tăng cường sức mạnh dân tộc. Thiết chế Mặt trận Tổ Quốc Việt Nam và Hội nghị Hiệp thương chính trị của Trung Quốc có tính chất tương đồng về bản chất, về cơ cấu tổ chức và chức năng, nhiệm vụ. Đây là sự sáng tạo của Đảng Cộng sản đối với chế độ dân chủ xã hội chủ nghĩa, khác về bản chất, tính chất ưu việt và thực chất hơn hẳn chế độ đa đảng cạnh tranh cầm quyền và thiết chế xã hội dân sự trong các thể chế chính trị tư bản chủ nghĩa hiện nay.

Đảng cộng sản ở hai nước Việt Nam và Trung Quốc đều xác định thường xuyên xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ là nhiệm vụ then chốt, trong đó công tác cán bộ, nhất là xây dựng đội ngũ nhân tài, đội ngũ cán bộ cấp chiến lược, người đứng đầu là khâu “then chốt của then chốt”; phải đặc biệt coi trọng xây dựng Đảng vững mạnh về chính trị, đấu tranh chống chủ nghĩa cơ hội, hữu khuynh, bè phái,... giữ vững lập trường giai cấp, bản lĩnh kiên cường của Đảng; kiên trì lấy chủ nghĩa Mác-Lênin làm nền tảng tư tưởng, không ngừng đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, chú trọng xây dựng Đảng về đạo đức, tác phong, sự tiên phong, gương mẫu của đội ngũ cán bộ, đảng viên, thường xuyên tổng kết kinh nghiệm, sáng tạo lý luận mới về chủ nghĩa xã hội và công tác xây dựng đảng; xây dựng đồng bộ thể chế, để quản Đảng, Nhà nước và hệ thống chính trị nghiêm minh, hiệu lực, hiệu quả; đảm bảo cho Đảng luôn trong sạch, vững mạnh toàn diện, có đủ năng lực, trình độ lãnh đạo và sức chiến đấu để cầm quyền vững chắc, cầm quyền lâu dài, tiến cùng thời đại.

#### **4. KẾT LUẬN**

*Trong quá trình xây dựng hiện đại hóa xã hội chủ nghĩa, Đảng Cộng sản Việt Nam và Đảng Cộng sản Trung Quốc đều đứng trước những vấn đề và nguy cơ đối với đảng cầm quyền, đó là sự tha hóa, biến chất về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống; nạn tham nhũng, lãng phí, bệnh quan liêu xa rời quần chúng của một bộ phận cán bộ, đảng viên... Vì vậy cả hai đảng đều đang thúc đẩy cuộc đấu tranh chống tham nhũng, suy thoái một cách quyết liệt, củng cố niềm tin của*

*nhân dân đối với Đảng và chế độ xã hội chủ nghĩa. Để xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh đều đòi hỏi phải kiên trì, kiên định và thực hiện nghiêm minh các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng, coi đó là quy luật để Đảng lớn mạnh không ngừng, giữ vững vai trò lãnh đạo đối với Nhà nước và xã hội; thường xuyên đấu tranh ngăn chặn sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong cán bộ, đảng viên; kiên quyết đấu tranh không khoan nhượng với nạn tham nhũng, tiêu cực làm băng hoại thanh danh, uy tín của Đảng trước nhân dân; làm hủy hoại sức mạnh của Đảng, tẩy trừ mọi nguy cơ đối với Đảng cầm quyền.*

*Những thành tựu to lớn và những kinh nghiệm trong công cuộc đổi mới, cải cách, mở cửa, hiện đại hóa xã hội chủ nghĩa của Đảng Cộng sản Việt Nam và Đảng Cộng sản Trung Quốc có ý nghĩa hết sức quan trọng, để hai Đảng và nhân dân hai nước phát huy mạnh mẽ trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam và chủ nghĩa xã hội đặc sắc Trung Quốc thời đại mới, tiếp tục giành những thắng lợi to lớn hơn nữa, góp phần khẳng định tính ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa trong thời đại mới. Đồng thời, để mỗi cán bộ, đảng viên và nhân dân hai nước ngày càng tự tin con đường đi lên chủ nghĩa xã hội trong thời đại ngày nay, ngày càng tràn đầy tin tưởng về tương lai xán lạn của chế độ xã hội xã hội chủ nghĩa mà hai Đảng, hai dân tộc và nhân dân hai nước đã sáng suốt lựa chọn*□

---

## **CHÚ THÍCH**

(1) Xây dựng nền công nghiệp, nông nghiệp, giao thông vận tải, quốc

---

phòng lớn mạnh, hiện đại

## TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006): *Văn kiện Đảng, Toàn tập, t. 21*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006): *Văn kiện Đảng, Toàn tập, t. 47*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011): *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021): *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, t.1, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
5. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021): *Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, t.2, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
6. Nguyễn Phú Trọng (2022): *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
7. Tô Lâm (2024): “*Chuyển đổi số - Động lực quan trọng phát triển lực lượng sản xuất, hoàn thiện quan hệ sản xuất đưa đất nước bước vào kỷ nguyên mới*”. Bài viết nhân Kỷ niệm 79 năm nước CHXHCN Việt Nam (2-9-1945-2-9-2024)
8. Tân Hường Dương (2023): *Hiện đại hóa mô hình Trung Quốc, Dịch giả PGS. TS. Nguyễn Minh Hoàn và GS.TS. Phan Kim Nga*, Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội.
9. Xem <https://hdll.vn/vi/thong-tin-ly-luan---thuc-tien/toan-van-nghi-quyet-lich-su-thu-ba-cua-hoi-nghi-trung-uong-6-cua-dang-cong-san-trung-quoc.html>. Ngày phát hành: 28/11/2021

**Nguồn: Tạp chí Nghiên cứu Triết học.- 2025.- Số 18.- Tr.28-37.**

**PHẦN II**  
**VAI TRÒ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN**  
**VIỆT NAM TRONG THỜI KỲ ĐỔI MỚI**

---

**TIẾP TỤC ĐỔI MỚI MẠNH MẼ PHƯƠNG THỨC**  
**LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**  
**ĐÁP ỨNG YÊU CẦU MỚI**

**GS, TS. LÊ HỮU NGHĨA**

**Nguyên Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh**

Ngày nhận bài: 09/4/2021 Ngày biên tập: 13/5/2021 Ngày duyệt đăng: 11/6/2021

**Tóm tắt: Đảng Cộng sản Việt Nam là đảng duy nhất cầm quyền, lãnh đạo tuyệt đối, toàn diện đối với sự nghiệp cách mạng Việt Nam. Tình hình quốc tế và trong nước hiện nay tạo ra cả thời cơ, thuận lợi và thách thức, khó khăn tác động đan xen đến sự phát triển đất nước, đến công tác xây dựng Đảng và phương thức lãnh đạo của Đảng. Bài viết khái quát những thành tựu nổi bật, những hạn chế và xác định những giải pháp tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương thức lãnh đạo của Đảng đáp ứng yêu cầu của cách mạng Việt Nam trong tình hình mới.**

*Từ khoá: Đảng Cộng sản Việt Nam; đổi mới; phương thức lãnh đạo.*

**Abstract: The Communist Party of Vietnam is the sole**

ruling party that has the absolute and total powers over Vietnamese revolution. Existing national and international situations are creating opportunities, advantages, challenges, and difficulties along with the development of the country and having impacts on the development of the Party and its leadership. This paper generalizes outstanding achievements and limitations and sets out the solutions to continue innovating the leadership method of the Party to meet new requirements of Vietnamese revolution under new circumstances.

*Keywords: Communist Party of Vietnam; innovation; leadership method.*

**T**rong những năm đổi mới đất nước (từ năm 1986 đến nay), Đảng ta rất coi trọng phương thức lãnh đạo và đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và toàn xã hội. Phương thức lãnh đạo là hệ thống những hình thức, cách thức, biện pháp mà chủ thể lãnh đạo là Đảng tác động đến đối tượng lãnh đạo (Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội...) nhằm thực hiện mục đích của mình. Phương thức lãnh đạo phụ thuộc vào sự thay đổi của điều kiện khách quan, vào đặc điểm của đối tượng lãnh đạo và năng lực của chủ thể lãnh đạo. Nếu xác định nội dung lãnh đạo đúng, nhưng không có phương thức lãnh đạo phù hợp thì hiệu quả lãnh đạo sẽ không cao, thậm chí có thể làm mất đi vai trò lãnh đạo của Đảng.

Chủ tịch Hồ Chí Minh là người đầu tiên dùng thuật ngữ phương

thức lãnh đạo trong Báo cáo về những Nghị quyết của Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương (khoảng tháng 10/1930). Người viết: “Cho nên phương thức lãnh đạo quần chúng vô cùng quan trọng, Đảng phải hết sức quan tâm”<sup>(1)</sup>. Sau này trong cuốn “Sửa đổi lối làm việc” (tháng 10/1947), Chủ tịch Hồ Chí Minh dùng thuật ngữ “cách lãnh đạo” và nêu lên những nguyên tắc cơ bản trong cách lãnh đạo, Người nhân mạnh, phải biết kết hợp lãnh đạo và kiểm soát, kết hợp người lãnh đạo với quần chúng, biết dựa vào dân, học hỏi quần chúng nhưng không theo đuôi quần chúng.

Trong nhiệm kỳ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, mặc dù phương thức lãnh đạo của Đảng tiếp tục được đổi mới, chất lượng và hiệu quả lãnh đạo của Đảng được nâng lên rõ rệt, nhưng vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của sự nghiệp đổi mới. Vì vậy, Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII đặt ra yêu cầu: “Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương thức lãnh đạo của Đảng trong tình hình mới”<sup>(2)</sup>.

## **1. Phương thức lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam qua 35 năm tiến hành công cuộc đổi mới đất nước**

Đảng ta rất coi trọng việc đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị mà trọng tâm là Nhà nước. Nhận thức về phương thức lãnh đạo và đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng ngày càng rõ và cụ thể, phù hợp hơn và lần đầu tiên trong văn kiện của Đảng, cụm từ “phương thức lãnh đạo của Đảng” được sử dụng trong Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ sáu, khóa VI (tháng

3/1989). Trong Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội năm 1991 (bổ sung, phát triển năm 2011) đã xác định rõ các phương thức lãnh đạo của Đảng: “Đảng lãnh đạo bằng cương lĩnh, chiến lược, các định hướng về chính sách và chủ trương lớn, bằng công tác tuyên truyền, thuyết phục, vận động, tổ chức, kiểm tra, giám sát và bằng hành động gương mẫu của đảng viên... Đảng lãnh đạo thông qua tổ chức đảng và đảng viên hoạt động trong các tổ chức của hệ thống chính trị”<sup>(3)</sup>.

Trong những năm qua, Đảng đã ban hành nhiều nghị quyết về đổi mới, phương thức lãnh đạo của Đảng. Đặc biệt, Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 5, khóa X đã xác định rõ những yêu cầu trong đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, phê phán hai khuynh hướng lệch lạc trong giải quyết mối quan hệ giữa Đảng với Nhà nước là buông lỏng sự lãnh đạo của Đảng hoặc Đảng bao biện, làm thay Nhà nước. Các nghị quyết Đại hội Đảng trong thời kỳ đổi mới đều đề cập đến nhiệm vụ, yêu cầu tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng. Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII nhận định: “Phương thức lãnh đạo của Đảng tiếp tục được đổi mới. Ban hành và thực hiện nhiều quy định bảo đảm giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng, đề cao nguyên tắc pháp quyền, phát huy dân chủ, tính chủ động, sáng tạo và trách nhiệm của các cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội. Đổi mới cách học tập, quán triệt nghị quyết, coi trọng việc lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết việc thực hiện nghị quyết của Đảng. Việc đổi mới phong cách, lề lối làm việc của các cơ quan lãnh

đạo của Đảng từ Trung ương tới cơ sở có bước tiến bộ. Coi trọng việc phát huy vai trò, trách nhiệm của các tổ chức đảng, đảng viên, nhất là người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội”<sup>(4)</sup>.

Đảng ta đã xây dựng và ban hành Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, của các cấp ủy; ban hành nhiều quy chế, quy định về quan hệ giữa cấp ủy, các tổ chức đảng, cơ quan đảng với các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội. Ký kết và tổ chức thực hiện quy chế phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị. Phương thức lãnh đạo của Đảng được xác định phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng nhánh quyền lực (lập pháp - hành pháp - tư pháp), phù hợp với các cấp chính quyền (Trung ương - địa phương); phù hợp với nguyên tắc hiệp thương dân chủ của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Chính vì vậy, Đảng ta vừa giữ vững được vai trò lãnh đạo, vừa phát huy được tính chủ động sáng tạo của các tổ chức, giảm bớt sự chòng chéo, “lấn sân” giữa các tổ chức đảng với các cơ quan nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội.

Tổng kết những thành tựu trong đổi mới tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị nhiệm kỳ khóa XII dưới sự lãnh đạo của Đảng, Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII khẳng định, hoạt động của Quốc hội có nhiều đổi mới, chất lượng và kết quả được nâng cao; hoạt động của Chính phủ và các bộ, ngành chủ động, tích cực, tập trung hơn quản lý, điều hành vĩ mô, tháo gỡ các rào cản; phục vụ, hỗ trợ phát triển. Cải cách hành chính, cải cách tư pháp trên một số lĩnh

vực có bước đột phá. Tổ chức bộ máy của Tòa án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân, cơ quan điều tra, cơ quan bảo trợ tư pháp tiếp tục được kiện toàn, chất lượng hoạt động có tiến bộ. Tổ chức bộ máy của chính quyền địa phương được sắp xếp lại theo hướng tinh gọn.

Tuy nhiên, Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII cũng chỉ ra rằng việc đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng vẫn còn một số hạn chế nhất định: “Phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị còn chậm đổi mới, có mặt còn lúng túng. Cơ chế kiểm soát quyền lực trong Đảng và Nhà nước chưa đầy đủ, đồng bộ, hiệu lực, hiệu quả chưa cao”<sup>(5)</sup>. Tình trạng bao biện, làm thay hoặc buông lỏng vai trò lãnh đạo của cấp ủy, tổ chức đảng còn xảy ra ở một số nơi. Cải cách hành chính trong Đảng còn chậm, chưa đáp ứng yêu cầu. Hạn chế này đã tồn tại từ lâu, kéo dài trong nhiều nhiệm kỳ mà Đảng ta đã chỉ ra. Tuy nhiên, đây là những vấn đề lớn, mới và khó, chúng ta phải vừa làm vừa tổng kết, rút kinh nghiệm và chưa có tiền lệ, nhất là trong điều kiện một đảng duy nhất cầm quyền. Mặt khác, ảnh hưởng của phương thức lãnh đạo trong thời kỳ chiến tranh chống giặc ngoại xâm, thời kỳ thực hiện cơ chế kế hoạch hóa tập trung, bao cấp vẫn còn kéo dài đến nay. Ngoài ra, còn do những hạn chế, khuyết điểm trong công tác tổ chức cán bộ, trong tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận về đảng cầm quyền, về mô hình tổng thể của hệ thống chính trị, về đổi mới hệ thống chính trị.

## **2. Bối cảnh mới và những yêu cầu đặt ra**

Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII đã chỉ rõ, thế

giới đang trải qua những biến động to lớn, diễn biến rất nhanh chóng, phức tạp, khó dự báo. Chủ nghĩa dân tộc cực đoan, chủ nghĩa bảo hộ, chủ nghĩa thực dụng, chủ nghĩa cường quyền nước lớn đang tác động mạnh đến quan hệ quốc tế. Cục diện thế giới có những thay đổi, quan hệ giữa các nước lớn vừa hợp tác, vừa thỏa hiệp vừa đấu tranh, kiềm chế lẫn nhau ngày càng gay gắt hơn. Trong thời gian gần đây, tình hình thế giới diễn biến rất khó đoán định, gây nhiều bất ổn, bất an, lo âu cho nhiều nước, đặc biệt là tình hình tranh chấp chủ quyền Biển Đông vẫn đang có những diễn biến phức tạp.

Kinh tế thế giới lâm vào khủng hoảng, suy thoái nghiêm trọng và có thể còn kéo dài do tác động của đại dịch COVID-19; cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, nhất là quá trình chuyển đổi số phát triển mạnh mẽ, tạo đột phá trên nhiều lĩnh vực, tạo ra cả thời cơ và thách thức đối với mọi quốc gia, dân tộc. Ở trong nước, sau 35 năm tiến hành công cuộc đổi mới, đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, sức mạnh quốc gia dân tộc, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay. Điều đó tạo tiền đề thuận lợi để củng cố niềm tin, tạo động lực mới, khí thế mới cho toàn Đảng, toàn dân phấn đấu đẩy mạnh hơn nữa sự nghiệp đổi mới, đưa đất nước phát triển nhanh và bền vững theo con đường xã hội chủ nghĩa.

Tuy nhiên, đất nước ta vẫn đứng trước nhiều khó khăn, thách thức và hạn chế, kinh tế phát triển chưa thật bền vững, năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế chưa cao. Công tác lãnh đạo, quản lý, bảo đảm an ninh con người, trật tự an toàn xã hội, sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường còn nhiều bất cập, các thế lực

thù địch ngày càng chống phá quyết liệt. Năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của nhiều tổ chức đảng, đảng viên còn chưa ngang tầm nhiệm vụ. Cơ chế kiểm soát quyền lực trong Đảng, Nhà nước chưa thật sự đầy đủ, đồng bộ, hiệu lực, hiệu quả chưa cao. Tổ chức thực hiện nghị quyết vẫn là khâu yếu. Những khó khăn, hạn chế, khuyết điểm đó đòi hỏi Đảng ta phải có quyết tâm cao, nỗ lực lớn và hành động quyết liệt hơn nữa để tiếp tục đưa đất nước phát triển nhanh và bền vững.

Tình hình quốc tế và trong nước tạo ra cả thời cơ, thuận lợi và thách thức, khó khăn tác động đan xen đến sự phát triển đất nước, đến công tác xây dựng Đảng và phương thức lãnh đạo của Đảng; đòi hỏi Đảng ta phải vượt qua khó khăn, thách thức, đổi mới mạnh mẽ, tạo nhiều đột phá trong phát triển, thực hiện mục tiêu mà Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã đề ra.

### **3. Một số giải pháp tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương thức lãnh đạo của Đảng trong điều kiện mới**

Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã xác định, trong những năm tới phải đặc biệt coi trọng và đẩy mạnh hơn nữa công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng toàn diện về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ. Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng được đặt trong 10 nhiệm vụ xây dựng Đảng, tức là xây dựng Đảng về phương thức lãnh đạo. Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng phải trên cơ sở kiên định các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ, đẩy mạnh phân công, phân cấp, tăng cường trách nhiệm cá nhân, nhất là trách nhiệm của

người đứng đầu. Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo đối với Nhà nước và hệ thống chính trị nhằm giữ vững và tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, quản trị của Nhà nước; phát huy vai trò, tính tự chủ, năng động sáng tạo, vai trò giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội; tăng cường sự gắn bó mật thiết giữa Đảng với Nhân dân; phát huy dân chủ, quyền làm chủ của Nhân dân. Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng là công việc hệ trọng, nhạy cảm đòi hỏi phải có quyết tâm chính trị cao, chủ động, tích cực, kiên quyết, kiên trì, đồng thời có bước đi vững chắc, xác định rõ trọng tâm, trọng điểm, vừa làm vừa tổng kết, rút kinh nghiệm. Để tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương thức lãnh đạo của Đảng, cần thực hiện một số giải pháp cơ bản sau:

*Một là*, tiếp tục cụ thể hóa phương thức lãnh đạo của Đảng trong Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) ở tất cả các cấp bằng những quy chế, quy định, quy trình cụ thể và công khai để cán bộ, đảng viên và Nhân dân biết, giám sát việc thực hiện.

*Hai là*, cần có những quy định cụ thể về vai trò của Đảng; gắn bó mật thiết với Nhân dân, phục vụ Nhân dân, chịu sự giám sát của Nhân dân, tôn trọng lợi ích chính đáng, hợp pháp của Nhân dân, thực hiện tốt phương châm: “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”: chịu trách nhiệm trước Nhân dân về những quyết định của mình.

*Ba là*, đẩy mạnh việc phân cấp, phân quyền gắn với kiểm tra,

giám sát, kiểm soát chặt chẽ quyền lực, chống tha hóa quyền lực; giải quyết tốt mối quan hệ giữa việc phát huy quyền chủ động, sáng tạo, đề cao trách nhiệm của các địa phương gắn với việc bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý thống nhất của Trung ương.

*Bốn là*, tăng cường quyền hạn, trách nhiệm của người đứng đầu và mối quan hệ giữa tập thể cấp ủy, tổ chức đảng với người đứng đầu, bảo đảm thực hiện nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách; có cơ chế xử lý đối với người đứng đầu khi có vi phạm.

*Năm là*, tiếp tục đổi mới, kiện toàn các tổ chức trong hệ thống chính trị theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, gần dân, sát dân, tôn trọng quyền làm chủ của Nhân dân. Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, ngang tầm nhiệm vụ; lãnh đạo tổ chức thực hiện có hiệu quả các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; chú trọng lãnh đạo đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động lập pháp, cải cách hành chính và cải cách tư pháp. Các tổ chức đảng, đảng viên hoạt động trong cơ quan nhà nước phải gương mẫu tuân thủ Hiến pháp, pháp luật và nâng cao vai trò tiên phong trong thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước. Khắc phục tình trạng bao biện, làm thay hoặc buông lỏng vai trò lãnh đạo của Đảng.

*Sáu là*, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và coi trọng việc sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm việc thực hiện các nghị quyết của Đảng. Đẩy mạnh nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn về đổi mới tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị, về Đảng cầm quyền trong

điều kiện mới; thể chế hóa, cụ thể hóa mối quan hệ tổng thể “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ”.

*Bảy là*, tăng cường và đổi mới công tác tuyên truyền, vận động, giáo dục thuyết phục các tầng lớp nhân dân, tạo sự thống nhất trong Đảng và sự đồng thuận xã hội để thực hiện có hiệu quả đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

*Tám là*, đổi mới mạnh mẽ phong cách lãnh đạo của Đảng, phương pháp công tác, lề lối làm việc của các cơ quan lãnh đạo của Đảng từ Trung ương đến cơ sở theo hướng khoa học, tập thể, dân chủ, trọng tâm, gần dân, hiểu dân, vì dân, sát thực tiễn, cầu thị, học hỏi, nói đi đôi với làm. Đẩy mạnh cải cách hành chính trong Đảng; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của Đảng. Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng xây dựng, ban hành nghị quyết của Đảng, bảo đảm tốt các điều kiện để triển khai, thực hiện nghị quyết một cách hiệu lực, hiệu quả□

---

**Ghi chú:**

(1) Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 3, Nxb CTQG, H.1995, tr.564.

(2), (4) Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội ĐBTQ lần thứ XIII*, tập I, Nxb CTQG-ST, H.2021, tr.196, tr.76-77.

(3) Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội ĐBTQ lần thứ XI*, Nxb CTQG-ST, H.2011, tr.88-89.

(5) Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội ĐBTQ lần thứ XIII*, tập II, Nxb CTQG-ST, H.2021, tr.93.

**Nguồn: Tạp chí Tổ chức nhà nước.- 2021.- Số 6.- Tr.4-7.**

# GIẢI PHÁP NÂNG CAO NĂNG LỰC LÃNH ĐẠO, CẦM QUYỀN CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

GS, TS. TRẦN VĂN PHÒNG  
Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Ngày nhận bài: 4-8-2022; Ngày bình duyệt: 07-02-2023; Ngày duyệt đăng: 21-02-2023.

**Tóm tắt:** Trên cơ sở phân tích năng lực lãnh đạo, cầm quyền của Đảng, bài viết đề xuất bốn giải pháp nâng cao năng lực giữ vững vai trò lãnh đạo toàn diện đối với chính quyền nhà nước và năm giải pháp nâng cao năng lực lãnh đạo Nhà nước thực hiện mục tiêu, tầm nhìn, định hướng phát triển mà Đảng đã xác định. Để thực hiện tốt các giải pháp trên thì một nội dung quan trọng là mỗi cán bộ, đảng viên phải nâng cao trình độ tư duy lý luận, trau dồi, rèn luyện phương pháp biện chứng duy vật.

*Từ khóa: năng lực lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam*

**C**ùng với việc khẳng định những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử trong công cuộc đổi mới, Đại hội XIII cũng chỉ ra những hạn chế của công tác xây dựng Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền của Đảng trong nhiệm kỳ Đại hội XII. Trong đó, có những hạn chế như: “Việc lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức quán triệt và thực hiện một số nghị quyết còn chậm, chưa quyết liệt, chưa hiệu quả”<sup>(1)</sup>; “Năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của một số tổ chức đảng còn thấp”<sup>(2)</sup>. Trong khi đó, tình hình trong nước và quốc tế có nhiều

biến động, khó lường, khó dự báo.

Đại hội XIII đã đề ra nhiệm vụ “Tiếp tục tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận về đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng trong điều kiện mới”<sup>(3)</sup>. Thực hiện Nghị quyết Đại hội, việc nghiên cứu đề xuất giải pháp nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền của Đảng đáp ứng yêu cầu tình hình mới là rất cần thiết.

Có nhiều cách tiếp cận về khái niệm lãnh đạo nhưng nhìn chung lãnh đạo được quan niệm là quá trình chủ thể ra quyết định (tức là xác định được mục tiêu, tầm nhìn, định hướng phát triển của tổ chức); tổ chức lực lượng, phương tiện, hình thành cơ chế, bộ máy... để thực hiện quyết định nhằm thực hiện mục tiêu, tầm nhìn, định hướng phát triển, mục tiêu chiến lược đã đề ra; tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện quyết định; tổng kết việc thực hiện quyết định và rút ra các bài học kinh nghiệm cho việc ra quyết định tiếp theo.

Theo đó, năng lực lãnh đạo bao gồm năng lực ra quyết định; năng lực tổ chức thực hiện quyết định; năng lực tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện quyết định; năng lực tổng kết việc thực hiện quyết định và rút ra các bài học kinh nghiệm để điều chỉnh quyết định, tức là điều chỉnh mục tiêu, tầm nhìn, định hướng phát triển, mục tiêu chiến lược.

Đảng lãnh đạo trong điều kiện nắm giữ chính quyền được gọi tắt là đảng cầm quyền. Đảng cầm quyền là đảng chính trị giành được quyền lực nhà nước và sử dụng quyền lực nhà nước thông qua và bằng pháp luật cùng các công cụ, phương tiện khác để thực hiện tầm nhìn, định hướng phát triển, mục tiêu chiến lược của đảng. Năng lực cầm quyền của đảng là năng lực giữ chính quyền nhà nước, sử dụng quyền

lực nhà nước hợp lý để đề ra được chủ trương, đường lối, mục tiêu phát triển đúng đắn, lãnh đạo nhà nước và nhân dân thực hiện được mục tiêu, tầm nhìn, định hướng phát triển của đảng.

Đối với Đảng Cộng sản Việt Nam, sự cầm quyền của Đảng trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, mục tiêu chiến lược của Đảng là xây dựng thành công CNXH ở Việt Nam “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.

Hiện nay, tình hình thế giới có những diễn biến nhanh, phức tạp, khó lường, khó dự báo, đặt ra yêu cầu đối với đảng cầm quyền là phải nắm bắt kịp thời những vấn đề của thời đại như: vấn đề an ninh phi truyền thống, vấn đề biến đổi khí hậu, tác động đa chiều của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, thế giới đang có xu hướng chuyển sang đa cực, sự tranh giành quyền lực giữa các nước lớn, v.v.. Từ đó, có những chủ trương, chính sách phù hợp.

Ở trong nước, nền kinh tế đang phục hồi nhưng vẫn còn nhiều vấn đề xã hội đặt ra; vẫn còn những cán bộ, đảng viên có biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”, v.v.. Những vấn đề này đang đặt ra yêu cầu mới đối với Đảng trong lãnh đạo, cầm quyền.

Để nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền của Đảng thì phải nâng cao năng lực giữ vững vai trò lãnh đạo toàn diện đối với chính quyền nhà nước và năng lực lãnh đạo Nhà nước thực hiện mục tiêu, tầm nhìn, định hướng phát triển mà Đảng đã xác định.

Hai năng lực này liên hệ, tác động lẫn nhau. Năng lực giữ vững vai trò lãnh đạo toàn diện đối với chính quyền nhà nước sẽ tăng cường

năng lực lãnh đạo Nhà nước thực hiện mục tiêu, tầm nhìn, định hướng phát triển mà Đảng đã xác định. Ngược lại, năng lực lãnh đạo Nhà nước thực hiện mục tiêu, tầm nhìn, định hướng phát triển mà Đảng đã xác định sẽ góp phần củng cố, tăng cường năng lực giữ vững vai trò lãnh đạo toàn diện đối với chính quyền nhà nước.

### **1. Giải pháp nâng cao năng lực giữ vững vai trò lãnh đạo toàn diện của Đảng đối với chính quyền nhà nước**

*Thứ nhất*, tăng cường xây dựng Đảng, chính quyền nhà nước trong sạch, vững mạnh toàn diện. Nếu Đảng không trong sạch, vững mạnh thì không thể có Nhà nước trong sạch, vững mạnh được.

Trong mọi thời kỳ cách mạng, Đảng ta luôn đặc biệt quan tâm công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng để Đảng đủ năng lực lãnh đạo cách mạng. Trước yêu cầu nhiệm vụ mới, Đại hội XIII đề ra hệ thống 10 giải pháp đồng bộ để xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh. Đó là: (1) Tăng cường xây dựng Đảng về chính trị; (2) Coi trọng xây dựng Đảng về tư tưởng; (3) Tập trung xây dựng Đảng về đạo đức; (4) Đẩy mạnh xây dựng Đảng về tổ chức; (5) Củng cố nâng cao chất lượng tổ chức cơ sở đảng và đội ngũ đảng viên; (6) Tăng cường xây dựng Đảng về cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược và người đứng đầu; (7) Tiếp tục nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng; (8) Thắt chặt hơn nữa mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với nhân dân, dựa vào nhân dân để xây dựng Đảng; (9) Kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí; (10) Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương thức lãnh đạo của Đảng trong điều kiện mới<sup>(4)</sup>.

Đảng và Nhà nước có trong sạch, vững mạnh toàn diện mới giúp

Đảng củng cố, tăng cường giữ vững vai trò lãnh đạo toàn diện đối với chính quyền nhà nước.

Đối với chính quyền nhà nước, Đại hội XIII đã đề ra các định hướng giải pháp: (1) Trên cơ sở tiếp tục xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN, tập trung “nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý, điều hành và năng lực kiến tạo phát triển”<sup>(5)</sup>. (2) “Đẩy mạnh việc hoàn thiện pháp luật gắn với nâng cao hiệu lực, hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật”<sup>(6)</sup>. (3) “Nâng cao năng lực tổ chức có hiệu quả hệ thống pháp luật, thể chế và các chính sách phát triển kinh tế - xã hội”<sup>(7)</sup>. (4) “Tập trung xây dựng nền hành chính nhà nước phục vụ nhân dân, dân chủ, pháp quyền, chuyên nghiệp, hiện đại, trong sạch, vững mạnh, bảo đảm công khai, minh bạch, quản lý thống nhất, thông suốt, hiệu lực, hiệu quả”<sup>(8)</sup>. (5) “Xây dựng nền tư pháp Việt Nam chuyên nghiệp, hiện đại, công bằng, nghiêm minh, liêm chính, phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân”<sup>(9)</sup>. (6) “Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có tính chuyên nghiệp cao, có năng lực sáng tạo dựa trên cơ chế cạnh tranh về tuyển dụng, chế độ đãi ngộ và đề bạt; có phẩm chất đạo đức tốt và bản lĩnh chính trị vững vàng”<sup>(10)</sup>.

Thực hiện được các định hướng giải pháp này thì sẽ góp phần nâng cao, tăng cường giữ vững vai trò lãnh đạo toàn diện đối với chính quyền nhà nước của Đảng.

*Thứ hai*, thực hành dân chủ và giữ gìn sự đoàn kết thống nhất trong Đảng.

Dân chủ, đoàn kết thống nhất trong Đảng là hạt nhân, nòng cốt của dân chủ, đoàn kết trong Nhà nước và trong xã hội. Vì Đảng ta vừa là thành viên vừa là hạt nhân lãnh đạo trong hệ thống chính trị.

Đoàn kết nhất trí là giá trị quý báu là nền tảng của năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng. Trong Di chúc Chủ tịch Hồ Chí Minh đã căn dặn: “Các đồng chí từ Trung ương đến các chi bộ cần phải giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình”<sup>(11)</sup>; “Trong Đảng thực hành dân chủ rộng rãi, thường xuyên và nghiêm chỉnh tự phê bình và phê bình là cách tốt nhất để củng cố và phát triển sự đoàn kết và thống nhất của Đảng”<sup>(12)</sup>.

Thực hành dân chủ rộng rãi trong Đảng tức là thực hành dân chủ ở tất cả các cơ quan, các tổ chức của Đảng, trong toàn thể bộ máy của Đảng từ Trung ương đến cơ sở, trong các mặt của công tác xây dựng Đảng.

Thực hành dân chủ rộng rãi trong Đảng là cơ sở, nền tảng, hạt nhân để thực hành dân chủ rộng rãi trong toàn hệ thống chính trị và trong toàn xã hội. Do vậy, thực hành dân chủ rộng rãi trong Đảng không chỉ là con đường, biện pháp, cách thức tốt nhất để thực hiện đoàn kết, thống nhất trong Đảng mà còn là con đường, biện pháp, cách thức tốt nhất để thực hiện sự đoàn kết, thống nhất trong toàn hệ thống chính trị và trong toàn thể xã hội. Trên cơ sở đó mới nâng cao được năng lực giữ vững vai trò lãnh đạo toàn diện đối với chính quyền nhà nước của Đảng.

*Thứ ba*, Đảng lãnh đạo, cầm quyền phải khoa học, dân chủ, các tổ chức của Đảng và đảng viên phải tuân thủ Hiến pháp và pháp luật. Để lãnh đạo, cầm quyền một cách khoa học thì những quyết định, chủ trương, đường lối của Đảng phải là sự kết tinh trí tuệ của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân; phản ánh được những vấn đề của thực tiễn cuộc sống, lợi ích của nhân dân, dân tộc; kế thừa được tinh hoa văn hóa dân tộc và nhân loại; phù hợp với xu thế phát triển của nhân loại.

Đề lãnh đạo, cầm quyền một cách dân chủ, trước hết là trong nội bộ Đảng phải thực hành dân chủ; sự lãnh đạo, cầm quyền phải tuân theo nguyên tắc tập trung dân chủ. Những quyết sách lớn của Đảng phải được tổ chức thảo luận rộng rãi, lấy ý kiến của đảng viên, chuyên gia, cán bộ lão thành nhiều kinh nghiệm, nhân dân và các tổ chức đảng từ cơ sở đến Trung ương.

Các cấp ủy cởi mở, dân chủ; các đảng viên thực hiện và phát huy quyền làm chủ của mình, phát biểu, trình bày ý kiến riêng, thậm chí chất vấn các cấp ủy đảng. Các cấp ủy đảng có thể tiếp thu ý kiến, có thể không tiếp thu. Ý kiến gì không tiếp thu phải có giải trình, giải thích rõ ràng.

Đảng hoạt động trong khuôn khổ pháp luật trong việc giữ chính quyền nhà nước thì sự lãnh đạo, cầm quyền phải dựa trên các căn cứ pháp lý, nghĩa là tuân thủ Hiến pháp và pháp luật.

Đảng lãnh đạo, cầm quyền bằng và thông qua Hiến pháp và pháp luật thì tính chính danh, tính chính đáng về sự lãnh đạo, cầm quyền của Đảng càng rõ ràng, càng công khai, càng minh bạch.

Để làm được điều này phải hoàn thiện Hiến pháp và hệ thống pháp luật liên quan đến vai trò lãnh đạo, cầm quyền của Đảng, vai trò quản lý của Nhà nước; vai trò chủ thể, vị trí trung tâm của nhân dân; của các tổ chức trong hệ thống chính trị cũng như mối quan hệ giữa các tổ chức trong hệ thống chính trị.

*Thứ tư*, hoàn thiện cơ chế “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ”; thể chế hóa cơ chế này một cách rõ ràng bằng các quy định mang tính pháp lý cụ thể. Đảng ta là lực lượng lãnh đạo và là lực lượng cầm quyền duy nhất cho nên cơ chế “Đảng lãnh đạo - Nhà

nước quản lý - Nhân dân làm chủ” cần phải được thể chế hóa bằng pháp luật, bằng phát huy dân chủ và trên căn cứ khoa học.

Nhà nước quản lý xã hội và công dân bằng pháp luật. Vai trò làm chủ của nhân dân vừa dựa trên cơ sở của pháp luật vừa dựa trên cơ sở của tự giác, tự quản. Nếu cơ chế này được phát huy tối đa thì năng lực lãnh đạo, cầm quyền của Đảng, vai trò quản lý của Nhà nước cũng như vai trò chủ thể, vị trí trung tâm của nhân dân được củng cố và tăng cường.

Do vậy, trong cơ chế này phải có quy chế hoạt động rõ ràng, rành mạch, chỉ rõ mối quan hệ giữa các chủ thể: Đảng và Nhà nước, giữa Đảng với nhân dân và chiều ngược lại giữa nhân dân với Đảng, giữa nhân dân với Nhà nước cũng như giữa Nhà nước với Đảng.

Cơ chế này có một mẫu số chung, đó là vì lợi ích của nhân dân, lợi ích của dân tộc, nhưng không vì thế mà không giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân cũng như mối quan hệ giữa nhân dân với Nhà nước và với Đảng.

## **2. Giải pháp nâng cao năng lực lãnh đạo Nhà nước thực hiện mục tiêu, tầm nhìn, định hướng phát triển mà Đảng đã xác định**

*Thứ nhất*, nâng cao năng lực ra quyết định, tức là năng lực xác định đúng đắn mục tiêu, tầm nhìn, định hướng thể hiện trong chủ trương, đường lối, giữ vững vai trò lãnh đạo chính quyền nhà nước và năng lực lãnh đạo Nhà nước trong việc thực hiện chủ trương, đường lối mà Đảng đã đề ra.

Chủ trương, đường lối đúng đắn là phải phản ánh được quy luật vận động của thực tiễn chính trị, thể hiện được lợi ích của nhân dân.

Muốn vậy, phải thu hút được sự đóng góp trí tuệ của toàn thể nhân dân, của các cơ quan nghiên cứu khoa học, đội ngũ các nhà lý luận và hoạt động thực tiễn, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên.

Việc lãnh đạo Nhà nước phải dân chủ, khoa học, không làm thay Nhà nước, đồng thời kiên quyết chống tình trạng lạm quyền, làm thay Nhà nước cũng như buông lỏng sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước.

Thực hành dân chủ đi đôi với tăng cường kỷ cương, kỷ luật trong Đảng và trong toàn xã hội. Cùng với việc từng bước hoàn thiện cơ chế cụ thể để mỗi đảng viên thực hiện tốt các quyền bày tỏ quan điểm, ý kiến; quyền được thảo luận, trao đổi, chất vấn lãnh đạo các cấp; quyền bảo lưu ý kiến; quyền được có thông tin liên quan đến thực hiện nhiệm vụ của Đảng v.v.. thì phải tăng cường kỷ cương, kỷ luật của Đảng; xử lý nghiêm những trường hợp vi phạm kỷ luật phát ngôn, vi phạm kỷ luật đảng.

*Thứ hai*, nâng cao năng lực tổ chức thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng vào cuộc sống.

Trong điều kiện có chính quyền nhà nước, Đảng phải thông qua Nhà nước, lãnh đạo Nhà nước để tổ chức lực lượng, xác lập bộ máy, cơ chế, chính sách tổ chức thực hiện, đưa chủ trương, đường lối của Đảng vào cuộc sống.

Cùng với lãnh đạo Nhà nước tổ chức thực hiện chủ trương, đường lối, Đảng trực tiếp tuyên truyền, vận động quần chúng nhân dân thông qua tổ chức đảng, đảng viên, các cơ quan, tổ chức tuyên truyền, cổ động, vận động, thuyết phục các tầng lớp nhân dân đồng

lòng thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng trong thực tế.

Để lôi cuốn được toàn thể nhân dân tham gia phong trào hành động đưa chủ trương, đường lối của Đảng vào cuộc sống thì trước hết chủ trương, đường lối phải phản ánh được nguyện vọng, lợi ích chính đáng, hợp pháp của các tầng lớp nhân dân. Đồng thời, phải có chương trình, kế hoạch triển khai phù hợp với tình hình thực tế và toàn Đảng phải có quyết tâm cao.

*Thứ ba*, nâng cao năng lực kiểm tra, giám sát các cơ quan nhà nước trong việc tổ chức thực hiện chủ trương, đường lối. Để thực hiện tốt chức năng này cần phát huy được vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên. Đồng thời, phát huy vai trò của nhân dân trong việc tham gia giám sát, phản biện các khâu trong tổ chức thực hiện, đưa chủ trương, đường lối của Đảng vào cuộc sống.

Kiểm tra, giám sát, kịp thời phát hiện những tình huống, những vấn đề nảy sinh để có biện pháp xử lý ngay từ mầm mống. Các cấp ủy, tổ chức đảng và cơ quan, tổ chức có chức năng kiểm tra, giám sát thực hiện kiểm tra, giám sát phải phát hiện được thực chất của vấn đề nảy sinh, kịp thời tháo gỡ để phục vụ việc lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng trong tổ chức thực hiện, đưa chủ trương, đường lối vào cuộc sống.

*Thứ tư*, nâng cao năng lực tổng kết việc tổ chức thực hiện chủ trương, đường lối. Muốn vậy, phải phát huy được vai trò của các nhà lý luận, các nhà hoạt động thực tiễn tham gia tổng kết thực tiễn. Năng lực tổng kết thực tiễn thể hiện cụ thể ở khả năng lựa chọn vấn đề để tổng kết đúng, trúng. Lựa chọn vấn đề đúng, trúng là xuất phát điểm cho việc phát huy được vai trò của công tác tổng kết thực tiễn.

Khi lựa chọn được vấn đề thực tiễn để tổng kết thì phải xây dựng

kế hoạch, tổ chức lực lượng tổng kết; khảo sát, thu thập số liệu một cách khoa học, khách quan. Trên cơ sở đó, phân tích, khái quát hóa, tìm ra những mặt mạnh, những hạn chế, nguyên nhân của hạn chế, vấn đề đặt ra và đề xuất phương án giải quyết. Qua đó đúc rút các bài học kinh nghiệm cho việc hoàn thiện chủ trương, đường lối và tổ chức thực hiện tiếp theo.

Những kết luận được rút ra từ tổng kết thực tiễn phải có tính khái quát cao, đóng góp vào phát triển lý luận, có ý nghĩa gợi mở, soi đường, chỉ đạo việc hoàn thiện chủ trương, đường lối tiếp theo cũng như việc đưa chủ trương, đường lối vào cuộc sống.

*Thứ năm*, nâng cao năng lực vận dụng các bài học kinh nghiệm được đúc kết từ tổng kết thực tiễn tổ chức triển khai, đưa chủ trương, đường lối của Đảng vào cuộc sống.

Các bài học kinh nghiệm thực tiễn được đúc kết chỉ có ý nghĩa quý báu khi được vận dụng vào thực tiễn lãnh đạo, chỉ đạo. Nếu các bài học được tổng kết công phu, nghiêm túc mà không được ứng dụng trong thực tiễn thì cũng không có giá trị.

Để nâng cao năng lực vận dụng các bài học kinh nghiệm được rút ra từ tổng kết thực tiễn, cần chú ý so sánh, đối chiếu các bài học kinh nghiệm đã được đúc kết với thực tiễn cuộc sống. Trên cơ sở đó có các căn cứ đề xuất việc điều chỉnh mục tiêu, tầm nhìn, định hướng phát triển, chủ trương, đường lối cũng như điều chỉnh việc tổ chức thực hiện.

Việc tổng kết và vận dụng các bài học phải khách quan, lịch sử cụ thể và gắn với nhu cầu thực tiễn. Thoát ly điều kiện lịch sử cụ thể, thoát ly hoàn cảnh thực tiễn, sẽ trở thành giáo điều hoặc kinh nghiệm

chủ nghĩa trong lãnh đạo, chỉ đạo.

Để thực hiện tốt các giải pháp trên, toàn Đảng cần phải nâng cao trình độ tư duy lý luận, trau dồi, rèn luyện phương pháp biện chứng duy vật cho cán bộ, đảng viên. Bởi lẽ, phương pháp biện chứng duy vật với các nguyên tắc khách quan, phát triển, lịch sử cụ thể, thống nhất giữa lý luận với thực tiễn sẽ giúp cho mỗi cán bộ, đảng viên của Đảng có cơ sở, căn cứ để nâng cao năng lực giữ vững vai trò lãnh đạo toàn diện đối với chính quyền nhà nước và năng lực lãnh đạo Nhà nước thực hiện mục tiêu, tầm nhìn, định hướng phát triển mà Đảng đã xác định. Hai nhóm giải pháp cho việc giữ vững vai trò lãnh đạo toàn diện đối với chính quyền nhà nước và năng lực lãnh đạo Nhà nước thực hiện mục tiêu, tầm nhìn, định hướng phát triển mà Đảng đã xác định có mối quan hệ biện chứng, tác động, ảnh hưởng lẫn nhau.

Nâng cao được năng lực giữ vững vai trò lãnh đạo toàn diện đối với chính quyền nhà nước là cơ sở tiền đề nâng cao năng lực lãnh đạo Nhà nước thực hiện mục tiêu, tầm nhìn, định hướng phát triển mà Đảng đã xác định. Nâng cao năng lực lãnh đạo Nhà nước thực hiện mục tiêu, tầm nhìn, định hướng phát triển mà Đảng đã xác định là củng cố, tăng cường năng lực giữ vững vai trò lãnh đạo toàn diện của Đảng đối với Nhà nước trong mọi thời kỳ cách mạng□

---

(1), (2), (3), (4), (5), (6), (7), (8), (9), (10) ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, t.I, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, tr.199, 90, 91, 180-199, 284, 285, 285, 286, 287, 288

(11), (12) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.15, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.611, 611.

**Nguồn: Tạp chí Lý luận chính trị.- 2023.- Số 540.- Tr.24-29.**

**ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM KIÊN ĐỊNH,  
VẬN DỤNG, PHÁT TRIỂN SÁNG TẠO  
CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN, TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH  
TRONG QUÁ TRÌNH LÃNH ĐẠO CÔNG CUỘC  
ĐỔI MỚI ĐẤT NƯỚC**

**PGS, TS. ĐẶNG QUANG ĐỊNH**  
**Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh**

**Tóm tắt:** Dựa trên nền tảng tư tưởng của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, Đảng Cộng sản Việt Nam đã đề ra chủ trương, đường lối cách mạng đúng đắn, đưa cách mạng Việt Nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác. Sự kiên định, vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh không chỉ là nguyên tắc là nhân tố quyết định giúp Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo thành công công cuộc đổi mới mà còn là động lực đưa đất nước ta bước vào kỷ nguyên phát triển mới.

*Từ khóa: Chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh*

**1. Đảng Cộng sản Việt Nam kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh trong công cuộc đổi mới**

Tại Đại hội lần thứ VII, Đảng Cộng sản Việt Nam khẳng định “Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động”<sup>(1)</sup>. Cương lĩnh xây dựng

đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011), Hiến pháp 2013 và các Nghị quyết của Đảng sau này đều tiếp tục khẳng định nội dung trên. Đây là một quyết định thể hiện bước tiến trong tư duy lý luận của Đảng ta, làm cơ sở lý luận, phương pháp luận chủ yếu, trực tiếp và nhất quán, chỉ đạo mọi hoạt động của Đảng và cách mạng Việt Nam.

Chủ nghĩa Mác - Lênin do C.Mác và Ph.Ăngghen sáng lập, V.I.Lênin bổ sung, phát triển trong điều kiện mới, bao gồm ba bộ phận cấu thành chủ yếu là triết học, kinh tế chính trị học và chủ nghĩa xã hội khoa học, được hình thành trên cơ sở tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại và tổng kết thực tiễn phát triển của khoa học và cách mạng thế giới. Chủ nghĩa Mác - Lênin là học thuyết khoa học và cách mạng, dựa trên phương pháp luận biện chứng duy vật, nhằm giải phóng giai cấp công nhân, nhân dân lao động, nhân loại khỏi mọi áp bức, bóc lột, bất công, xây dựng một xã hội tốt đẹp để phát triển toàn diện con người, theo lý tưởng cộng sản. Chủ nghĩa Mác - Lênin là ngọn cờ tư tưởng, vũ khí lý luận của các đảng cộng sản và phong trào cách mạng trên toàn thế giới đấu tranh vì hòa bình, tự do, tiến bộ, văn minh, hạnh phúc.

Hồ Chí Minh đã lựa chọn chủ nghĩa Mác - Lênin để truyền bá vào Việt Nam xây dựng chính đảng cách mạng, lãnh đạo thành công sự nghiệp giải phóng dân tộc Việt Nam. Hồ Chí Minh cho rằng: “Chủ nghĩa Lênin đối với chúng ta, những người cách mạng và nhân dân Việt Nam, không những là cái “cẩm nang” thần kỳ, không những là cái kim chỉ nam, mà còn là mặt trời soi sáng con đường chúng ta đi

tới thắng lợi cuối cùng, đi tới chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản”<sup>(2)</sup>. Hồ Chí Minh đã vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào thực tiễn cách mạng Việt Nam trên nhiều phương diện, từ tư tưởng, đường lối đến phương pháp tổ chức, lãnh đạo cách mạng, trực tiếp lãnh đạo thành công của Cách mạng tháng Tám tạo tiền đề cho thống nhất đất nước.

Văn kiện Đại hội đại biểu lần thứ IX (4-2001), Đảng ta khẳng định: “Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống nguyên tắc toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, là kết quả sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của nước ta, kế thừa và phát triển các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại. Đó là tư tưởng về giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người; về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại; về sức mạnh của nhân dân, của khối đoàn kết dân tộc; về quyền làm chủ của nhân dân, xây dựng Nhà nước thật sự của dân, do dân, vì dân; về phát triển kinh tế và văn hóa, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân; về đạo đức cách mạng, cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư; về chăm lo bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau; về xây dựng Đảng trong sạch vững mạnh, cán bộ, đảng viên vừa là người lãnh đạo, vừa là người đầy tớ thật sự trung thành của nhân dân... Tư tưởng Hồ Chí Minh soi đường cho cuộc đấu tranh của nhân dân ta giành thắng lợi, là tài sản tinh thần to lớn của Đảng và dân tộc ta”<sup>(3)</sup>. Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng, nội hàm khái niệm tư tưởng Hồ Chí

Minh đã được xác định một cách khái quát hơn nên ngắn gọn hơn, cụ thể trong *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* (bổ sung và phát triển, năm 2011), Đảng ta xác định: “*Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống nguyên tắc toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, là kết quả sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của nước ta, kế thừa và phát triển các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại; là tài sản tinh thần vô cùng to lớn và quý giá của Đảng và dân tộc ta, mãi mãi soi đường cho sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta giành thắng lợi*”<sup>(4)</sup>.

Dựa trên nền tảng tư tưởng của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kể từ khi thành lập cho đến nay, Đảng Cộng sản Việt Nam đã đề ra chủ trương, đường lối cách mạng đúng đắn, đưa cách mạng Việt Nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác. Trên cơ sở đó, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng tiếp tục khẳng định: “*Kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, không ngừng vận dụng và phát triển sáng tạo phù hợp với thực tiễn Việt Nam*”<sup>(5)</sup>. “*Kiên định và vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; kiên định đường lối đổi mới của Đảng; kiên định các nguyên tắc xây dựng Đảng để xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa*”<sup>(6)</sup>.

Kiên định là sự vững vàng, không lay chuyển trước những tác động bên ngoài, giữ vững lập trường, nguyên tắc, niềm tin hoặc mục tiêu đã chọn. Đây là một phẩm chất quan trọng thể hiện sự quyết tâm,

bền bỉ và không dao động trước khó khăn, thử thách. *Về tư tưởng*, kiên định là giữ vững lập trường, quan điểm, không bị lung lay bởi tác động tiêu cực hay sự thay đổi của hoàn cảnh. *Về hành động*, kiên định là sự nhất quán trong mục tiêu, không dễ dàng từ bỏ dù gặp khó khăn hay thách thức. *Về đạo đức*, kiên định thể hiện sự trung thành với giá trị cốt lõi, nguyên tắc sống và lý tưởng mà cá nhân hay tập thể theo đuổi.

Kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là:

1) Kiên định với lý tưởng cộng sản, con đường cách mạng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Độc lập dân tộc là điều kiện tiên quyết, chủ nghĩa xã hội là con đường tất yếu để bảo vệ và phát triển đất nước. Phát triển đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa nhằm bảo đảm dân chủ, công bằng, văn minh, không đi theo con đường tư bản chủ nghĩa;

2) Kiên định vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Hồ Chí Minh đề cao vai trò của Đảng Cộng sản trong cách mạng. Người khẳng định rằng muốn cách mạng thành công thì phải có một chính đảng tiên phong, lấy chủ nghĩa Mác - Lênin làm nền tảng tư tưởng, có tổ chức chặt chẽ, đoàn kết, kỷ luật nghiêm minh, mới có thể lãnh đạo nhân dân đi đến thắng lợi. Bảo vệ và củng cố vai trò lãnh đạo của Đảng cũng là kiên định với chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.

3) Kiên định các nguyên tắc xây dựng Đảng và hệ thống chính trị của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Những nguyên

tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh có ý nghĩa quan trọng đối với công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị Việt Nam hiện nay. Việc giữ vững các nguyên tắc tập trung dân chủ, nguyên tắc Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị, nguyên tắc tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, nguyên tắc tự phê bình và phê bình, nguyên tắc kỷ luật nghiêm minh, tự giác, nguyên tắc đoàn kết thống nhất trong Đảng, gắn bó mật thiết với nhân dân là cơ sở để đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng, định hướng chính trị và mục tiêu lý tưởng của cách mạng.

Kiên định với chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh cũng có nghĩa là kiên định với chủ trương, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam - Đảng cộng sản cầm quyền, giữ vững nguyên tắc độc lập, tự chủ, phát triển đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa, không chệch hướng trước những biến động phức tạp của tình hình thế giới; kiên định đường lối phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; kiên định nhiệm vụ xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Xây dựng một xã hội giàu mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, phồn vinh, hạnh phúc, vì sự phát triển toàn diện con người.

## **2. Vận dụng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong công cuộc đổi mới đất nước**

*Một là*, vận dụng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh để xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ gắn với hội nhập quốc tế.

Chủ nghĩa Mác - Lênin khẳng định một quốc gia muốn phát

triển bền vững phải có nền kinh tế độc lập, tự chủ, tránh phụ thuộc vào nước ngoài. V.I.Lênin nhấn mạnh không thể có độc lập thực sự nếu kinh tế bị chi phối. Tuy nhiên, độc lập về kinh tế không phải là tự cung tự cấp mà là kết hợp giữa tự chủ và hợp tác quốc tế, trong đó Nhà nước giữ vai trò chủ đạo ở các ngành chiến lược như tài chính, năng lượng, công nghiệp quốc phòng, đồng thời khuyến khích sáng tạo và năng suất lao động.

Hồ Chí Minh vận dụng sáng tạo tư tưởng này vào Việt Nam, nhấn mạnh tự lực, tự cường, nhưng vẫn học hỏi tinh hoa thế giới một cách có chọn lọc. Người cho rằng độc lập kinh tế không chỉ là tự chủ sản xuất mà còn đảm bảo đời sống nhân dân, lấy con người làm trung tâm phát triển.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và cách mạng công nghiệp 4.0, nền kinh tế độc lập, tự chủ không đồng nghĩa với đóng cửa, mà là chủ động hội nhập trên nền tảng phát huy nội lực. Cần xây dựng kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, tạo môi trường kinh doanh minh bạch, cạnh tranh lành mạnh, khuyến khích khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo. Cải cách doanh nghiệp nhà nước đi đôi với nâng cao hiệu quả, thực hiện cổ phần hóa hợp lý gắn với trách nhiệm xã hội.

Khoa học - công nghệ và chuyển đổi số là hướng đi tất yếu, ứng dụng AI, Big Data, Blockchain để nâng cao năng suất lao động và bắt kịp xu thế toàn cầu. Phát triển các trung tâm đổi mới sáng tạo, vườn ươm công nghệ, thúc đẩy hợp tác giữa Nhà nước - doanh nghiệp - viện nghiên cứu - trường đại học để phát huy tiềm năng chất xám.

Phát triển kinh tế phải gắn với bảo vệ môi trường, hướng đến kinh tế xanh và bền vững, mô hình kinh tế tuần hoàn, khuyến khích năng lượng tái tạo, giao thông xanh và kiểm soát chặt chẽ khai thác tài nguyên thiên nhiên. Những yếu tố này sẽ giúp Việt Nam xây dựng nền kinh tế vững mạnh, tự chủ và hội nhập sâu rộng với thế giới.

*Hai là*, vận dụng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh để xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh, nâng cao hiệu quả quản trị quốc gia.

Hệ thống chính trị là yếu tố cốt lõi quyết định sự ổn định và phát triển của một quốc gia. Chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh khẳng định rằng hệ thống chính trị phải phục vụ nhân dân, đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước và vai trò làm chủ của nhân dân. Trong bối cảnh hội nhập quốc tế và đổi mới đất nước, việc hoàn thiện hệ thống chính trị theo hướng hiệu lực, hiệu quả, dân chủ, công bằng, văn minh là yêu cầu cấp thiết.

Trước hết, cần nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, kiên quyết chống suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong cán bộ, đảng viên. Đồng thời, phải đấu tranh với âm mưu “diễn biến hòa bình”, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, củng cố niềm tin của nhân dân. Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng cần được đẩy mạnh, trong đó nâng cao tính tiên phong, gương mẫu của cán bộ, đảng viên, bảo đảm trong sạch, vững mạnh.

Bên cạnh đó, phải cải cách hành chính theo hướng tinh gọn, hiệu quả, xây dựng Chính phủ điện tử, ứng dụng công nghệ số và dữ liệu

lớn vào quản lý nhà nước, giúp liên thông giữa các cơ quan, nâng cao hiệu quả quản trị quốc gia. Việc minh bạch thông tin và hiện đại hóa hệ thống quản lý sẽ góp phần tăng cường trách nhiệm giải trình, hạn chế tham nhũng, quan liêu.

Phát huy dân chủ, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân, đảm bảo quyền làm chủ thực chất của nhân dân. Người dân cần được tạo điều kiện giám sát, phản biện chính sách, đóng góp ý kiến vào quá trình quản lý nhà nước. Chính quyền các cấp phải tăng cường trách nhiệm giải trình, minh bạch thông tin, lắng nghe ý kiến nhân dân để xây dựng chính sách phù hợp.

Đồng thời, cần tăng cường tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia phong trào thi đua yêu nước, giữ gìn an ninh trật tự, phát huy vai trò của toàn dân trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Một hệ thống chính trị vững mạnh không chỉ dựa vào sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước mà còn phải huy động sức mạnh tổng hợp của toàn xã hội, góp phần xây dựng đất nước phát triển bền vững, ổn định và thịnh vượng.

*Ba là*, vận dụng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh để xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

Chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh đã đề ra những nguyên tắc cơ bản, định hướng quan trọng trong việc xây dựng nền văn hóa xã hội chủ nghĩa. Việc vận dụng những quan điểm này vào thực tiễn giúp Việt Nam phát triển một nền văn hóa tiên tiến, giàu bản sắc dân tộc, đóng góp tích cực vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất

nước trong thời đại mới.

Trước hết cần xây dựng và phát huy giá trị truyền thống văn hóa dân tộc, định hình hệ giá trị con người Việt Nam thời đại mới. Cùng với đó, đẩy mạnh giáo dục lòng yêu nước, tinh thần tự hào dân tộc, khơi dậy khát vọng xây dựng đất nước hùng cường. Gia đình, nhà trường và xã hội cần đồng hành trong việc giáo dục đạo đức, lối sống cho thế hệ trẻ. Công nghiệp văn hóa cần được phát triển mạnh mẽ, kết hợp bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa dân tộc với ứng dụng công nghệ số để lan tỏa giá trị văn hóa ra thế giới. Phát triển các ngành công nghiệp sáng tạo như điện ảnh, âm nhạc, thời trang, quảng cáo, đồng thời đầu tư vào du lịch văn hóa, phát triển bền vững làng nghề truyền thống.

*Bốn là*, vận dụng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh để phát triển giáo dục, khoa học và công nghệ.

Chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh đã đề ra những quan điểm nền tảng về giáo dục, khoa học và công nghệ, làm kim chỉ nam cho sự nghiệp phát triển của Việt Nam. Việc vận dụng những quan điểm này vào thực tiễn giúp đất nước từng bước nâng cao chất lượng giáo dục, thúc đẩy nghiên cứu khoa học - công nghệ, tạo nền tảng vững chắc cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

Đổi mới giáo dục theo hướng toàn diện, phát triển năng lực người học, tăng cường thực hành và ứng dụng. Thực hiện tự chủ đại học, gắn kết nhà trường và doanh nghiệp trong đào tạo nhân lực. Tạo

điều kiện cho sinh viên tiếp cận với các chương trình đào tạo quốc tế, nâng cao trình độ ngoại ngữ.

Thúc đẩy nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ hiện đại vào sản xuất và đời sống. Phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp, hỗ trợ doanh nghiệp công nghệ phát triển sản phẩm “Make in Vietnam”. Hợp tác quốc tế về khoa học - công nghệ, thu hút chuyên gia giỏi, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao. Xây dựng các trung tâm đào tạo nhân lực trong các lĩnh vực công nghệ, y tế, tài chính, đào tạo kỹ năng số cho lực lượng lao động.

Vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh vào thực tiễn phát triển đất nước là con đường giúp Việt Nam giữ vững độc lập, tự chủ, đồng thời vững bước trên con đường hội nhập quốc tế. Tiếp tục đổi mới trên nền tảng tư tưởng Hồ Chí Minh sẽ là chìa khóa giúp Việt Nam trở thành một quốc gia phát triển, văn minh, hùng cường.

### **3. Phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong công cuộc đổi mới đất nước**

Đảng Cộng sản Việt Nam đã phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong công cuộc đổi mới trên nhiều nội dung quan trọng. Tập trung ở những điểm chủ yếu sau:

*Thứ nhất*, phát triển sáng tạo lý luận về Đảng Cộng sản cầm quyền.

Trong di sản của các nhà kinh điển chủ nghĩa Mác - Lênin, lý luận về Đảng Cộng sản cầm quyền chưa được đề cập. Trong tư tưởng Hồ Chí Minh lý luận về Đảng Cộng sản cầm quyền được Người nêu ra trên cơ sở những nguyên tắc chủ yếu. Trong bối cảnh mới, việc phát

triển sáng tạo lý luận về Đảng Cộng sản cầm quyền là yêu cầu tất yếu để nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền của Đảng, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa trong điều kiện hội nhập và phát triển.

Đảng Cộng sản cầm quyền là một đảng chính trị lãnh đạo và điều hành đất nước thông qua hệ thống chính quyền, với mục tiêu thực hiện lý tưởng của chủ nghĩa Mác - Lênin và phục vụ lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và toàn thể dân tộc.

Bản chất của Đảng Cộng sản cầm quyền là đội tiên phong của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và toàn dân tộc. Đảng không chỉ đại diện cho lợi ích của giai cấp công nhân mà còn bảo vệ quyền lợi của toàn dân. Đảng lãnh đạo nhà nước và xã hội bằng đường lối, chính sách, pháp luật. Đảng cầm quyền không trực tiếp điều hành nhà nước mà lãnh đạo thông qua việc đề ra chủ trương, chính sách, định hướng phát triển. Xác định đường lối, định hướng, chiến lược phát triển quốc gia, định hướng chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và đối ngoại. Bảo đảm sự thống nhất trong hoạt động của Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội. Bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc, giữ vững độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, ổn định chính trị. Cầm quyền nhưng không đứng trên nhà nước và nhân dân, Đảng hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật, chịu sự giám sát của nhân dân.

Từ khi thành lập năm 1930 đến nay, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn giữ vai trò lãnh đạo đất nước, đưa cách mạng Việt Nam vượt qua nhiều thử thách, giành được độc lập, thống nhất đất nước và xây dựng

chủ nghĩa xã hội. Trên cương vị đảng cầm quyền, Đảng Cộng sản Việt Nam đã vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh vào thực tiễn, lãnh đạo công cuộc đổi mới, phát triển đất nước toàn diện. Lãnh đạo xây dựng và củng cố hệ thống chính trị, xây dựng bộ máy nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, lấy nhân dân làm trung tâm; Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, cải cách hành chính, xây dựng chính phủ điện tử, chính phủ số; Phát huy dân chủ, bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân thông qua các tổ chức chính trị - xã hội. Lãnh đạo phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ gắn với hội nhập quốc tế sâu rộng. Lãnh đạo xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, kiên định đường lối quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền quốc gia, đẩy mạnh quan hệ đối ngoại, hội nhập quốc tế, nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.

*Thứ hai*, phát triển sáng tạo lý luận về Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa

Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa (XHCN) là vấn đề lý luận và thực tiễn quan trọng, được Đảng Cộng sản Việt Nam không ngừng phát triển sáng tạo, phù hợp với điều kiện đất nước. Đảng kế thừa tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước “của dân, do dân, vì dân”, vận dụng chủ nghĩa Mác - Lênin vào bối cảnh mới, từng bước hoàn thiện mô hình Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam.

Giai đoạn đổi mới tư duy (Đại hội VI -1986): Đặt nền móng cho tư duy về Nhà nước pháp quyền XHCN, đề cao vai trò của pháp luật, dân chủ hóa đời sống xã hội, đổi mới tổ chức và hoạt động bộ máy

nhà nước theo hướng hiệu quả.

Giai đoạn đề xuất chủ trương (Đại hội IX - 2001): Chính thức khẳng định xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN với nguyên tắc Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ. Đặt mục tiêu xây dựng bộ máy trong sạch, hiệu lực, hiệu quả, cải cách tư pháp, bảo vệ quyền con người.

Giai đoạn hoàn thiện cơ chế kiểm soát quyền lực (Đại hội XI - 2011, Đại hội XII - 2016): Trong bối cảnh hội nhập và cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0, Đảng xác định kiểm soát quyền lực giữa lập pháp, hành pháp, tư pháp; xây dựng Chính phủ kiến tạo, đẩy mạnh cải cách hành chính, dân chủ hóa đời sống chính trị, phòng chống tham nhũng.

Giai đoạn định hướng đến năm 2045 (Đại hội XIII - 2021): Đặt trọng tâm xây dựng hệ thống pháp luật đồng bộ; hoàn thiện bộ máy nhà nước tinh gọn, hiện đại; phát triển chính phủ điện tử, chính phủ số; kiểm soát chặt chẽ quyền lực; tăng cường phân cấp, phân quyền; phát huy vai trò giám sát của nhân dân.

Trong thời kỳ đổi mới, tư duy lý luận về Nhà nước pháp quyền XHCN cần được bổ sung, hoàn thiện theo hướng: Tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, đảm bảo định hướng XHCN; Nâng cao hiệu lực, hiệu quả bộ máy nhà nước, đáp ứng yêu cầu phát triển; Kiểm soát quyền lực, phát huy dân chủ, bảo vệ quyền con người, quyền công dân; Ứng dụng công nghệ hiện đại, xây dựng Nhà nước số, xã hội số.

Việc phát triển sáng tạo lý luận về Nhà nước pháp quyền XHCN không chỉ nâng cao hiệu quả quản trị quốc gia mà còn tạo nền tảng

giúp Việt Nam phát triển bền vững, hội nhập sâu rộng, giữ vững độc lập, chủ quyền trong bối cảnh mới.

*Thứ ba*, phát triển sáng tạo lý luận về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Kinh tế thị trường định hướng XHCN là mô hình kinh tế đặc thù của Việt Nam, được Đảng Cộng sản Việt Nam xác định là con đường phát triển phù hợp với thực tiễn đất nước. Mô hình này được phát triển qua các kỳ Đại hội của Đảng nhằm đảm bảo phát triển nhanh, bền vững và giữ vững định hướng XHCN.

Đại hội VI (1986): Khởi xướng công cuộc Đổi mới, Đảng đề ra chủ trương xóa bỏ cơ chế kế hoạch hóa tập trung và phát triển nền kinh tế nhiều thành phần. Đây là bước đầu hình thành mô hình kinh tế thị trường, đồng thời giữ vững định hướng XHCN.

Đại hội VII (1991): Chính thức xác định mô hình kinh tế thị trường định hướng XHCN, Nhà nước giữ vai trò định hướng, điều tiết nền kinh tế thông qua các chính sách. Kinh tế tư nhân được thừa nhận là một bộ phận quan trọng của nền kinh tế.

Đại hội IX (2001): Làm rõ đặc trưng của mô hình kinh tế thị trường định hướng XHCN, nhấn mạnh vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước trong các lĩnh vực then chốt và tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế khác phát triển.

Đại hội XI (2011) & XII (2016): Hoàn thiện thể chế kinh tế, khuyến khích phát triển kinh tế tư nhân trở thành động lực quan trọng của nền kinh tế. Cải cách doanh nghiệp nhà nước theo hướng tinh gọn,

hiệu quả và giảm độc quyền.

Đại hội XIII (2021): Định hướng phát triển đến năm 2045, hoàn thiện thể chế và chính sách về sở hữu, phân phối, cạnh tranh bình đẳng giữa các thành phần kinh tế. Đẩy mạnh chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, kinh tế xanh và kinh tế tuần hoàn, củng cố hệ thống an sinh xã hội.

Các nội dung cốt lõi của mô hình kinh tế thị trường định hướng XHCN gồm:

1) Kinh tế vận hành theo cơ chế thị trường đầy đủ và hội nhập: Cơ chế giá cả, cung-cầu, và cạnh tranh hoạt động theo quy luật thị trường, hệ thống pháp luật và chính sách kinh tế được hoàn thiện, đảm bảo tính minh bạch và ổn định. Hội nhập quốc tế sâu rộng thông qua các cam kết thương mại tự do như CPTPP, EVFTA.

2) Quản lý của Nhà nước và giữ vững định hướng XHCN: Nhà nước điều tiết nền kinh tế, bảo vệ công bằng xã hội, kiểm soát độc quyền, chống lợi ích nhóm và nâng cao trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp.

3) Phát triển đồng bộ các thành phần kinh tế: Kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo trong các ngành then chốt, đồng thời tạo điều kiện cho kinh tế tư nhân và hợp tác xã phát triển mạnh mẽ.

4) Tiến bộ và công bằng xã hội: Tăng trưởng kinh tế đi đôi với bảo vệ môi trường, hoàn thiện hệ thống an sinh xã hội, bảo vệ người lao động và giảm bất bình đẳng thu nhập.

5) Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và chuyển đổi số:

Ứng dụng khoa học công nghệ, trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, Blockchain vào nền kinh tế. Phát triển công nghiệp công nghệ cao và chuyển đổi mô hình tăng trưởng sang đổi mới sáng tạo.

Mô hình kinh tế này không chỉ giúp Việt Nam phát triển nhanh chóng mà còn bảo đảm sự công bằng xã hội, tiến bộ và bền vững. Được xây dựng trên sự kết hợp giữa cơ chế thị trường và định hướng XHCN, mô hình này tạo ra một nền kinh tế năng động, bảo vệ quyền lợi người dân và thúc đẩy sự hội nhập quốc tế sâu rộng. Mục tiêu là đưa Việt Nam trở thành một quốc gia phát triển, có thu nhập cao vào năm 2045.

Sự kiên định, vận dụng và phát triển sáng tạo □

---

- (1) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1991, tr.21.
- (2) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội 2011, tập 12, tr.563.
- (3) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2001, tr.83-84.
- (4) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.88.
- (5) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, tập II, tr.231.
- (6) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, tập I, tr.109.

**Nguồn: Tạp chí Triết học và Đời sống.- 2025.- Số 7.- Tr.38-45.**

---

## ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

# VẬN DỤNG SÁNG TẠO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH TRONG XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

TS. NGUYỄN THỊ THU HUYỀN      TS. PHẠM MINH HOÀNG  
Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh      Học viện Chính trị khu vực I  
Email tác giả: [huyenngok3@gmail.com](mailto:huyenngok3@gmail.com)

Ngày nhận bài: 28-3-2025; Ngày bình duyệt: 26-5-2025; Ngày duyệt đăng: 05-6-2025

**Tóm tắt:** Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa là bước đột phá trong tư duy về xây dựng Nhà nước trong thời kỳ đổi mới của Đảng trên nền tảng tư tưởng Hồ Chí Minh. Đảng ta khẳng định: “Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân do Đảng lãnh đạo là nhiệm vụ trọng tâm của đổi mới hệ thống chính trị”<sup>(1)</sup>. Bài viết tập trung làm rõ nội dung cơ bản tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng nhà nước, phân tích thực tiễn vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh trong xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Đảng Cộng sản Việt Nam.

*Từ khóa:* tư tưởng Hồ Chí Minh; Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; vận dụng sáng tạo; thời kỳ đổi mới.

### 1. Mở đầu

Chủ tịch Hồ Chí Minh là người sáng lập và là người trực tiếp chỉ

đạo xây dựng bộ máy nhà nước và hệ thống pháp luật của nước Việt Nam mới. Người không sử dụng thuật ngữ Nhà nước pháp quyền, nhưng những nội hàm của khái niệm, thể hiện rõ trong quan điểm về nhà nước mang những đặc trưng dân chủ; thượng tôn pháp luật; nhà nước tôn trọng, ghi nhận và bảo đảm quyền con người, quyền công dân; nhà nước do Đảng Cộng sản lãnh đạo, có sự thống nhất giữa bản chất giai cấp công nhân với tính nhân dân và tính dân tộc rộng rãi.

## 2. Nội dung

***2.1. Quan điểm Hồ Chí Minh về các đặc trưng, bản chất của nhà nước, là chỉ dẫn đối với công tác xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa***

*Về đặc trưng dân chủ của nhà nước.* Hồ Chí Minh nhất quán quan điểm: “NƯỚC TA LÀ NƯỚC DÂN CHỦ. Bao nhiêu lợi ích đều vì dân. Bao nhiêu quyền hạn đều của dân... Chính quyền từ xã đến Chính phủ trung ương do dân cử ra. Đoàn thể từ Trung ương đến xã do dân tổ chức nên. Nói tóm lại, quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân”<sup>(2)</sup>. Cán bộ, công chức nhà nước có trách nhiệm phục vụ nhân dân, không được lấn át quyền lợi của dân.

Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Chúng ta phải hiểu rằng, các cơ quan của Chính phủ từ toàn quốc cho đến các làng, đều là công bộc của dân, nghĩa là để gánh việc chung cho dân, chứ không phải để đè đầu dân như trong thời kỳ dưới quyền thống trị của Pháp, Nhật”<sup>(3)</sup>.

Theo Hồ Chí Minh, Nhà nước thực sự là của dân khi quyền lực tối cao thuộc về nhân dân, điều này không chỉ thể hiện qua việc nhân

dân trực tiếp bầu cử đại biểu để quản lý nhà nước mà còn thông qua việc Nhà nước luôn phải lắng nghe, tôn trọng và thực hiện ý kiến của nhân dân. Mọi quyết sách của Nhà nước đều phải đặt lợi ích nhân dân lên hàng đầu và chịu sự giám sát, đánh giá của nhân dân. Người khẳng định: “Chế độ của ta là chế độ dân chủ. Nhân dân là chủ. Chính phủ là đầy tớ của nhân dân. Nhân dân có quyền đôn đốc và phê bình Chính phủ. Chính phủ thì việc to việc nhỏ đều nhằm mục đích phục vụ lợi ích của nhân dân. Vì vậy, nhân dân lại có nhiệm vụ giúp đỡ Chính phủ, theo đúng kỷ luật của Chính phủ và làm đúng chính sách của Chính phủ, để Chính phủ làm tròn phận sự mà nhân dân đã giao phó cho”<sup>(4)</sup>.

*Về đặc trưng thượng tôn pháp luật của Nhà nước.* Trong quan điểm Hồ Chí Minh, nhà nước pháp quyền phải là một nhà nước tôn trọng pháp luật, được tổ chức và hoạt động trong khuôn khổ hiến pháp và pháp luật. Ngay từ những ngày đầu hoạt động cách mạng, Người đã nhận thức rõ tầm quan trọng của pháp luật trong việc quản lý xã hội và đã sớm hình dung ra một nhà nước được tổ chức và hoạt động dựa trên nền tảng pháp luật vững chắc. Qua việc tiếp xúc với nền văn minh Âu - Mỹ và tham khảo kinh nghiệm mô hình nhà nước của các quốc gia, Hồ Chí Minh rút ra kết luận pháp luật là công cụ quan trọng để quản lý xã hội một cách hiệu quả.

Người cho rằng, việc xây dựng một nhà nước pháp quyền, nơi mà mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật là vô cùng quan trọng và cần thiết. Tư tưởng này thể hiện rõ trong bản *Yêu sách của nhân dân An Nam* gửi Hội nghị Vécxây năm 1919, thay mặt những người

Việt Nam yêu nước tại Pháp, Nguyễn Ái Quốc đã nhấn mạnh tầm quan trọng của pháp luật với mong muốn được cải cách nền pháp lý ở Đông Dương. Người khẳng định, một nhà nước hiện đại phải có một hệ thống pháp luật hoàn chỉnh, chặt chẽ và mọi hoạt động của nhà nước đều phải tuân theo pháp luật.

Ngay sau khi giành được độc lập, Người đã đề nghị ban hành Hiến pháp để làm nền tảng pháp lý cho Nhà nước mới, bảo đảm quyền lợi của nhân dân và sự phát triển bền vững của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Với tư cách là Chủ tịch nước, Người trực tiếp tham gia vào quá trình lập pháp và hành pháp, đóng góp to lớn vào việc hình thành một bộ máy nhà nước hiện đại. Những điều đó đã thể hiện rõ tinh thần “trăm điều phải có thần linh pháp quyền” trong tư tưởng Hồ Chí Minh.

Trong quá trình lãnh đạo xây dựng và vận hành Nhà nước, Hồ Chí Minh luôn nhấn mạnh, pháp luật của chúng ta phải là công cụ để bảo vệ quyền lợi của nhân dân, Người xác định: “Tăng cường không ngừng chính quyền nhân dân. Nghiêm chỉnh thực hiện dân chủ với nhân dân, chuyên chính với kẻ địch. Triệt để chấp hành mọi chế độ và pháp luật của Nhà nước”<sup>(5)</sup>; “Pháp luật phải thẳng tay trừng trị những kẻ bất liêm, bất kỳ kẻ ấy ở địa vị nào, làm nghề nghiệp gì”<sup>(6)</sup>. Hồ Chí Minh khẳng định tính dân chủ của Nhà nước khi khuyến khích nhân dân giám sát công việc của Chính phủ. Đồng thời, Người cũng nhấn mạnh vai trò quan trọng của pháp luật trong quản lý xã hội.

*Về đặc trưng nhà nước trong tôn trọng, ghi nhận và bảo đảm quyền con người, quyền công dân.* Ngay sau khi đất nước giành được

độc lập, với tầm nhìn chiến lược, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẩn trương triển khai nhiều nhiệm vụ cấp bách. Người trực tiếp soạn thảo và chỉ đạo tổ chức Tổng tuyển cử, thành lập Chính phủ lâm thời và ban hành Hiến pháp đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Tại cuộc họp đầu tiên của Chính phủ, Người nhấn mạnh tầm quan trọng của việc xây dựng một Nhà nước pháp quyền, dân chủ, đặt quyền lợi của nhân dân lên hàng đầu: “Trước chúng ta đã bị chế độ quân chủ chuyên chế cai trị, rồi đến chế độ thực dân không kém phần chuyên chế, nên nước ta không có hiến pháp. Nhân dân ta không được hưởng quyền tự do dân chủ. Chúng ta phải có một hiến pháp dân chủ. Tôi đề nghị Chính phủ tổ chức càng sớm càng hay cuộc TÔNG TUYỂN CỬ với chế độ phổ thông đầu phiếu. Tất cả công dân trai gái mười tám tuổi đều có quyền ứng cử và bầu cử, không phân biệt giàu nghèo, tôn giáo, dòng giống, v.v..”<sup>(7)</sup>. Trong các quyền con người, Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt đề cao nội dung bảo vệ các quyền tự do dân chủ của nhân dân.

*Về đặc trưng nhà nước do Đảng Cộng sản lãnh đạo, có sự thống nhất giữa bản chất giai cấp công nhân với tính nhân dân và tính dân tộc rộng rãi.* Hồ Chí Minh khẳng định: “Tính chất Nhà nước là vấn đề cơ bản của Hiến pháp. Đó là vấn đề nội dung giai cấp của chính quyền. Chính quyền về tay ai và phục vụ quyền lợi của ai? Điều đó quyết định toàn bộ nội dung của Hiến pháp... Nhà nước của ta là Nhà nước dân chủ nhân dân dựa trên nền tảng liên minh công nông, do giai cấp công nhân lãnh đạo”<sup>(8)</sup>.

Bản chất giai cấp công nhân còn biểu hiện qua định hướng đưa

đất nước quá độ đi lên CNXH “bằng cách phát triển và cải tạo nền kinh tế quốc dân theo chủ nghĩa xã hội, biến nền kinh tế lạc hậu thành một nền kinh tế xã hội chủ nghĩa với công nghiệp và nông nghiệp hiện đại, khoa học và kỹ thuật tiên tiến”<sup>(9)</sup>. Nhà nước đó phải đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng và Đảng ta là đảng cầm quyền.

Trong *Di chúc* gửi lại đồng bào, đồng chí, Người căn dặn: “Đảng ta là một Đảng cầm quyền. Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần đạo đức cách mạng, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đày tớ thật trung thành của nhân dân”<sup>(10)</sup>. Người luôn căn dặn các tổ chức đảng và đảng viên: Đảng ta là đảng cầm quyền chứ không phải đảng trị, mọi cán bộ, đảng viên phải tôn trọng Nhà nước, gương mẫu chấp hành Hiến pháp và pháp luật của Nhà nước.

## ***2.2. Đảng Cộng sản Việt Nam vận dụng và phát triển sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh trong xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa***

*Đảng Cộng sản Việt Nam vận dụng và phát triển sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh về đặc trưng dân chủ của Nhà nước.*

Đại hội VI đánh dấu mốc lịch sử với chủ trương đổi mới toàn diện, đặt nền tảng vững chắc cho quá trình đổi mới phương thức xây dựng Nhà nước trong giai đoạn mới. Đảng ta khẳng định “Nhà nước ta là công cụ của chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, do giai cấp công nhân và nhân dân lao động tổ chức thành cơ quan quyền lực

chính trị. Trong thời kỳ quá độ, đó là Nhà nước chuyên chính vô sản thực hiện chế độ dân chủ xã hội chủ nghĩa...”<sup>(11)</sup>. Mặc dù vẫn giữ quan điểm “Nhà nước chuyên chính vô sản” nhưng Đại hội VI đã đổi mới chức năng, nhiệm vụ của Nhà nước: “Dưới sự lãnh đạo của Đảng, chức năng của Nhà nước là thể chế hóa bằng pháp luật, quyền hạn, lợi ích, nghĩa vụ của nhân dân lao động và quản lý kinh tế, xã hội theo pháp luật. Nhà nước ta phải bảo đảm quyền dân chủ thật sự của nhân dân lao động, đồng thời kiên quyết trừng trị những kẻ vi phạm quyền làm chủ của nhân dân...”<sup>(12)</sup>.

Tại Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khóa VII (tháng 1-1994), Đảng ta lần đầu tiên chính thức sử dụng thuật ngữ “Nhà nước pháp quyền Việt Nam”. Văn kiện Hội nghị nêu rõ nhiệm vụ tiếp tục xây dựng và từng bước hoàn thiện Nhà nước pháp quyền Việt Nam của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân và quản lý mọi mặt đời sống xã hội bằng pháp luật. Hội nghị Trung ương lần thứ 3 khóa VIII thông qua Nghị quyết về “*Phát huy quyền làm chủ của nhân dân, tiếp tục xây dựng Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong sạch, vững mạnh*”, đưa ra những đánh giá về tình hình xây dựng Nhà nước và khẳng định sự cần thiết phải tiếp tục triển khai Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 khóa VII, đồng thời đề cập đến vấn đề dân chủ với hai nội dung cơ bản: (1) Tăng cường và phát huy quyền làm chủ của nhân dân thông qua các kênh dân chủ đại diện và dân chủ trực tiếp; (2) Xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam theo định hướng dân chủ, khoa học và hiệu quả. Điều này đòi hỏi phải không ngừng đổi mới, nâng cao năng lực hoạt động của bộ máy nhà nước,

xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có phẩm chất đạo đức tốt, năng lực chuyên môn cao, thực sự xứng đáng với niềm tin của nhân dân.

Tại Đại hội IX (năm 2001), Đảng ta khẳng định: “Nhà nước ta là công cụ chủ yếu để thực hiện quyền làm chủ của nhân dân, là Nhà nước pháp quyền của dân, do dân, vì dân. Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công và phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp. Nhà nước quản lý xã hội bằng pháp luật. Mọi cơ quan, tổ chức, cán bộ công chức, mọi công dân có nghĩa vụ chấp hành Hiến pháp và pháp luật”<sup>(13)</sup>. Đến Đại hội X (năm 2006), Đảng ta tiếp tục khẳng định: Nhà nước ta là Nhà nước pháp quyền XHCN của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; nhất quán thực hiện quan điểm: “Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa”<sup>(14)</sup>.

Đại hội XI (năm 2011) của Đảng đánh dấu bước ngoặt quan trọng trong nhận thức về xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam. *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* (Bổ sung, phát triển năm 2011) đã khẳng định rõ hơn về Nhà nước thực sự của dân, do dân và vì dân, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Đặc biệt, Đại hội lần này đưa ra một nguyên tắc mới, đó là kiểm soát quyền lực nhà nước, nhằm bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân, trên cơ sở đó đưa ra khái niệm để nhận diện, xác định mô hình Nhà nước pháp quyền XHCN mà chúng ta đang xây dựng là: “Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân mà nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai

cấp nông dân và đội ngũ trí thức, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo. Quyền lực nhà nước là thống nhất; có sự phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp. Nhà nước ban hành pháp luật; tổ chức, quản lý xã hội bằng pháp luật và không ngừng tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa”<sup>(15)</sup>. Đại hội XI của Đảng không chỉ khẳng định nguyên tắc kiểm soát quyền lực mà còn tạo ra một bước đột phá trong tư duy về vai trò lãnh đạo của Đảng. Điều này làm rõ hơn quyền làm chủ của nhân dân và đưa đất nước tiến gần hơn đến mô hình nhà nước pháp quyền XHCN hoàn thiện.

Hiến pháp năm 2013 đã cụ thể hóa nguyên tắc kiểm soát quyền lực, tạo ra một cơ chế hiệu quả để phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và bảo vệ quyền lợi của nhân dân. Điều 2 Hiến pháp năm 2013 quy định: “3. Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp, kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp”<sup>(16)</sup>. Hiến pháp năm 2013 là văn kiện pháp lý có ý nghĩa lịch sử, phản ánh một cách đầy đủ và sâu sắc quan điểm đổi mới của Đảng và Nhà nước về Nhà nước pháp quyền.

Đại hội XII của Đảng (năm 2016) kiên định quan điểm đẩy mạnh xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân trong giai đoạn phát triển mới. Đồng thời, khẳng định: “Trong tổ chức và hoạt động của Nhà nước, phải thực hiện dân chủ, tuân thủ các nguyên tắc pháp quyền”<sup>(17)</sup>. Đây là lần đầu tiên trong Văn kiện Đại hội, Đảng ta chính thức khẳng định phải tuân thủ các nguyên tắc pháp quyền trong tổ chức và hoạt động của

Nhà nước pháp quyền XHCN.

Báo cáo Chính trị trình Đại hội XIII của Đảng xác định xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của quá trình đổi mới hệ thống chính trị. Báo cáo nhấn mạnh tầm quan trọng của việc xây dựng Nhà nước thực sự của dân, do dân và vì dân, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

*Đảng Cộng sản Việt Nam vận dụng và phát triển sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh về đặc trưng thượng tôn pháp luật của Nhà nước.*

Đại hội VIII của Đảng xác định rõ mục tiêu xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN, trong đó tăng cường pháp chế và quản lý xã hội bằng pháp luật đóng vai trò trung tâm, đồng thời nhấn mạnh tầm quan trọng của việc kết hợp giữa pháp luật và đạo đức để xây dựng một xã hội văn minh, tiến bộ: “Tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam, quản lý xã hội bằng pháp luật, đồng thời coi trọng giáo dục, nâng cao đạo đức”<sup>(18)</sup>.

Tại Đại hội IX (năm 2001), Đảng ta khẳng định: “Nhà nước ta là công cụ chủ yếu để thực hiện quyền làm chủ của nhân dân, là Nhà nước pháp quyền của dân, do dân, vì dân... Nhà nước quản lý xã hội bằng pháp luật. Mọi cơ quan, tổ chức, cán bộ công chức, mọi công dân có nghĩa vụ chấp hành Hiến pháp và pháp luật”<sup>(19)</sup>.

Đến Đại hội X (năm 2006), Đảng nhấn mạnh cần phân công rạch ròi và phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp, qua đó góp phần hoàn thiện hệ thống pháp luật và nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước. Tiếp

đó, Hiến pháp năm 2013 quy định “Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân” và “Nhà nước được tổ chức và hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật, quản lý xã hội bằng Hiến pháp và pháp luật” thể hiện sự phát triển đầy đủ, toàn diện tư tưởng Hồ Chí Minh của Đảng và Nhà nước ta. Đây không chỉ thể hiện sự kế thừa mà còn là sự sáng tạo của Đảng và Nhà nước trong công cuộc xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền.

Đại hội XIII của Đảng khẳng định: “Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng lãnh đạo là nhiệm vụ trọng tâm của đổi mới hệ thống chính trị”<sup>(20)</sup>. Vì vậy, “tập trung ưu tiên hoàn thiện đồng bộ, có chất lượng và tổ chức thực hiện tốt hệ thống luật pháp”, “kiểm soát quyền lực bằng hệ thống pháp luật”<sup>(21)</sup> “tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội, trước hết là việc thực thi tinh thần “thượng tôn pháp luật”<sup>(22)</sup> được Đảng coi là nhiệm vụ trọng tâm, là đột phá chiến lược trong nhiệm kỳ Đại hội XIII. Bên cạnh đó, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức liêm khiết, năng động và sáng tạo luôn là nhiệm vụ mà Đảng ta quan tâm và đưa ra nhiều quan điểm chỉ đạo đúng đắn, sát sao. Bởi đây là yếu tố quyết định đến sự thành công của công cuộc đổi mới và hội nhập. Đảng khẳng định, phải: “Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, phục vụ nhân dân và sự phát triển của đất nước...; có cơ chế lựa chọn, đào tạo, thu hút, trọng dụng nhân tài... Đồng thời, có cơ chế sàng lọc, thay thế kịp thời những người không hoàn thành nhiệm vụ,

vi phạm pháp luật, đạo đức công vụ, đạo đức nghề nghiệp, bị xử lý kỷ luật, không còn uy tín đối với nhân dân”<sup>(23)</sup>.

Từ những phân tích trên cho thấy, ý thức thượng tôn Hiến pháp và pháp luật của nhân dân và các cơ quan nhà nước ngày càng được nâng cao. Nhà nước đã có những bước tiến đáng kể trong thực hiện đúng quy định của pháp luật về quan hệ với xã hội và thị trường. Nguyên tắc pháp quyền được thể hiện rõ qua việc mọi hành vi vi phạm pháp luật đều phải đối mặt với pháp luật. Cơ quan nhà nước, cán bộ, đảng viên và người dân bình đẳng trước pháp luật. Bảo vệ Hiến pháp là trách nhiệm của toàn xã hội, được cụ thể hóa trong các quy định pháp luật và được thực hiện nghiêm túc trong quá trình thực thi công vụ. Mặc dù vậy, cơ chế bảo vệ Hiến pháp vẫn còn nhiều bất cập; khung pháp lý xác định hành vi vi hiến chưa thật sự rõ ràng. Điều này đòi hỏi cần phải tiếp tục hoàn thiện cơ chế bảo vệ Hiến pháp để đáp ứng yêu cầu của Nhà nước pháp quyền.

*Đảng Cộng sản Việt Nam vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh về đặc trưng nhà nước trong tôn trọng, ghi nhận và bảo đảm quyền con người, quyền công dân.*

Bảo vệ và bảo đảm quyền con người, quyền công dân được Đảng ta đặc biệt quan tâm và nhận thức rõ hơn qua thực tiễn xây dựng và phát triển đất nước, nhất là từ giữa những năm 80 của thế kỷ XX, khi nhận thức về thời đại và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam ngày càng sâu sắc.

Ngay từ Đại hội VI (năm 1986), Đảng ta khẳng định quan điểm

chỉ đạo nhất quán: “Cùng với việc chăm lo đời sống nhân dân, các cơ quan nhà nước phải tôn trọng và bảo đảm những quyền công dân mà Hiến pháp đã quy định”<sup>(24)</sup> và “... bảo đảm quyền dân chủ thật sự của nhân dân lao động, đồng thời kiên quyết trừng trị những kẻ vi phạm quyền làm chủ của nhân dân”<sup>(25)</sup>.

Đại hội XII (năm 2016) Đảng đưa nội dung quyền con người vào tất cả các văn kiện Đại hội và nhấn mạnh tinh thần của Hiến pháp 2013 với quan điểm chỉ đạo: “thực hiện quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, theo tinh thần của Hiến pháp năm 2013... hoàn thiện hệ thống pháp luật, tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền và nghĩa vụ của công dân”<sup>(26)</sup>; đồng thời, đưa ra định hướng để Việt Nam chủ động hội nhập quốc tế trong lĩnh vực quyền con người và thể hiện vai trò tích cực của mình trong cộng đồng quốc tế bằng việc tham gia vào các cơ quan quan trọng trong lĩnh vực quyền con người như Ủy ban quyền con người (nhiệm kỳ 2001 - 2003) và Hội đồng Nhân quyền (nhiệm kỳ 2014 - 2016). Bên cạnh đó, nước ta đã chủ động tham gia và ký kết nhiều công ước quốc tế về quyền con người, đặc biệt là 7/9 công ước cơ bản, cùng với các công ước về an sinh xã hội và nhiều tuyên bố liên quan.

Hệ thống pháp luật về quyền con người, quyền công dân của nước ta được xây dựng và ngày càng hoàn thiện, từ Hiến pháp cho đến các luật chuyên ngành. Hiến pháp năm 2013 khẳng định vị trí và vai trò của quyền con người, tạo nền tảng vững chắc cho việc bảo vệ và bảo đảm các quyền này. Nhờ đó, quyền con người, quyền công dân của người dân ngày càng được tôn trọng và bảo vệ.

Mặc dù đã có nhiều tiến bộ, nhưng nhận thức và hành động của một bộ phận cán bộ, công chức trong việc bảo vệ quyền con người, quyền công dân vẫn chưa đồng đều. Một số văn bản dưới luật còn chưa phù hợp với tinh thần của Hiến pháp, gây hạn chế đối với quyền con người, quyền công dân. Bên cạnh đó, hệ thống các thiết chế bảo vệ quyền con người vẫn chưa được hoàn thiện. Vì vậy, việc tiếp tục hoàn thiện thể chế bảo vệ quyền con người là một nhiệm vụ cấp bách.

*Vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh về đặc trưng Nhà nước do Đảng Cộng sản lãnh đạo, có sự thống nhất giữa bản chất giai cấp công nhân với tính nhân dân và tính dân tộc rộng rãi.*

Tại Đại hội VII (năm 1991), Đảng ta chưa sử dụng thuật ngữ “Nhà nước pháp quyền” mà vạch ra phương hướng cải cách Nhà nước. *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* đã cung cấp một cái nhìn tổng quan về những yêu cầu và các yếu tố then chốt để thiết lập một Nhà nước pháp quyền. Trong đó có: “xây dựng Nhà nước xã hội chủ nghĩa, Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, lấy liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức làm nền tảng, do Đảng Cộng sản lãnh đạo. Thực hiện đầy đủ quyền dân chủ của nhân dân, giữ nghiêm kỷ cương xã hội, chuyên chính với mọi hành động xâm phạm lợi ích của Tổ quốc và của nhân dân”<sup>(27)</sup>.

Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khóa VII (tháng 1-1994), xác định mục tiêu: “Tiếp tục xây dựng và từng bước hoàn thiện Nhà nước pháp quyền Việt Nam. Đó là Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, quản lý mọi mặt đời sống xã hội bằng pháp

luật, đưa đất nước phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Nhà nước pháp quyền Việt Nam được xây dựng trên cơ sở tăng cường, mở rộng khối đại đoàn kết toàn dân, lấy liên minh giữa giai cấp công nhân với nông dân và tầng lớp trí thức làm nền tảng, do Đảng ta lãnh đạo”<sup>(28)</sup>.

Hội nghị Trung ương lần thứ 3 khóa VIII khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước, để nâng cao hiệu quả lãnh đạo, Đảng cần không ngừng đổi mới nội dung và phương thức lãnh đạo, phù hợp với đặc điểm, tính chất của từng cấp chính quyền và lĩnh vực quản lý. Đặc biệt, Đảng cần tăng cường sự lãnh đạo đối với công tác quản lý kinh tế, tài chính, bảo đảm sự phát triển bền vững của đất nước. Tại Đại hội IX (năm 2001), Đảng ta khẳng định xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN dưới sự lãnh đạo của Đảng là nhiệm vụ trung tâm trong công cuộc đổi mới toàn diện đất nước, nhằm mục đích hoàn thiện hệ thống chính trị, tăng cường tính dân chủ, pháp chế, đồng thời nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước. Những thành tựu to lớn trong xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam là minh chứng rõ nhất vai trò lãnh đạo tuyệt đối của Đảng. Sự lãnh đạo của Đảng không chỉ là một quy luật khách quan mà còn là yếu tố quyết định sự thành công của công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Để hoàn thiện Nhà nước pháp quyền, Đảng cần không ngừng nâng cao năng lực lãnh đạo, luôn đặt lợi ích của nhân dân lên hàng đầu. Tuy nhiên, trên thực tế, cũng cần phải thẳng thắn nhìn nhận rằng: “Quyền lực chính trị của Đảng rất lớn nhưng cả trong Điều lệ Đảng, pháp luật của Nhà nước không quy định cụ thể quyền và trách nhiệm của tổ chức đảng và cá nhân đứng đầu tổ

chức đảng nên dường như trong một số trường hợp chưa thực sự kiểm soát được quyền lực của người đứng đầu cấp ủy các cấp trên thực tế. Vì thế, không ít cá nhân giữ trọng trách của Đảng và Nhà nước ở các cấp có điều kiện thao túng quyền lực, độc đoán, chuyên quyền, hoặc buông lỏng vai trò lãnh đạo”<sup>(29)</sup>.

### 3. Kết luận

Xuất phát từ nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu, Việt Nam chọn con đường xây dựng CNXH bỏ qua giai đoạn phát triển TBCN. Điều này gây ra những khó khăn và thử thách rất lớn trong quá trình hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN, như: hạn chế về tích lũy vốn, công nghệ và các yếu tố sản xuất hiện đại, đồng thời đặt ra yêu cầu cao hơn đối với việc xây dựng một hệ thống pháp luật phù hợp với đặc điểm kinh tế - xã hội đa dạng và đang chuyển đổi nhanh chóng của đất nước... Trong bối cảnh đó, Đảng và Nhà nước Việt Nam quán triệt và vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN là cơ sở lý luận để đẩy mạnh việc nghiên cứu về Nhà nước pháp quyền và thúc đẩy đổi mới một cách căn bản, có hệ thống tổ chức và phương thức hoạt động của Nhà nước Việt Nam trong thời kỳ đổi mới□

---

(1), (20), (21), (22), (23) ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, t.I, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, tr.174, 53, 202, 31, 31.

(2), (6) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.6, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.232, 127.

- (3), (7) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.4, Sđd, tr.64, 7.
- (4) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.9, Sđd, tr.90.
- (5) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.14, Sđd, tr.285.
- (8), (9) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.12, Sđd, tr.370, 372.
- (10) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.15, Sđd, tr.622.
- (11), (12) ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới (Đại hội VI, VII, VIII, IX)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr.124, 125.
- (13), (19) ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr.131-132, 131-132.
- (14) ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr.126.
- (15) ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.85.
- (16), (17), (26) ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2016, tr.171, 175, 169. (18) ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr.129.
- (24), (25) ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Nxb Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội, 1987, tr.112, 117.
- (27), (28) ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới và hội nhập (Đại hội VI, VII, VIII, IX, X, XI)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2013, tr.228, 312.
- (29) Trần Ngọc Đường: “*Bàn về mối quan hệ giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ*”, *Tạp chí Cộng sản*, <https://tapchicongsan.org.vn>, ngày 21-10-2019.

**Nguồn: Tạp chí Lý luận chính trị.- 2025.- Số 568.- Tr.71-78.**

**ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**  
**NÂNG CAO NĂNG LỰC CẦM QUYỀN**  
**QUA 35 NĂM ĐỔI MỚI -**  
**THỰC TIỄN VÀ KINH NGHIỆM**

**PGS, TS. TRẦN THỊ THU HƯƠNG**  
**Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh**

Ngày nhận: 13-01-2022; Ngày thẩm định: 25-01-2022; Ngày duyệt đăng: 10-02-2022

**Tóm tắt:** Với thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945, Đảng Cộng sản Việt Nam trở thành đảng cầm quyền, là điều kiện tiên quyết cho Đảng hoàn thành trọng trách lãnh đạo sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc, kháng chiến bảo vệ Tổ quốc và tiếp tục lãnh đạo nhân dân tiến hành công cuộc đổi mới hiện nay. Những thắng lợi to lớn, có ý nghĩa lịch sử trong hơn 35 năm đổi mới chính là thước đo về năng lực lãnh đạo và vai trò cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam. Những đúc kết kinh nghiệm trong quá trình lãnh đạo cách mạng của Đảng là các bài học quý để Đảng tiếp tục nâng cao năng lực cầm quyền, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ cách mạng trong điều kiện lịch sử mới, thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng.

*Từ khóa: Năng lực cầm quyền; Đổi mới; Đảng Cộng sản Việt Nam.*

1. Sau 30 năm chiến tranh (1945-1975), cả nước bước vào công

cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, đối diện với nhiều khó khăn, thách thức. Ở trong nước, hậu quả sau chiến tranh rất nặng nề, đời sống nhân dân vô cùng khó khăn. Ở bên ngoài, chủ nghĩa đế quốc tiếp tục bao vây cấm vận chống Việt Nam. Trong thời gian đầu cả nước đi lên CNXH, thực hiện cơ chế kế hoạch hóa, tập trung, bao cấp, bên cạnh những yếu tố tích cực đã ngày càng bộc lộ những hạn chế, cản trở sự phát triển. Cơ chế đó cùng với những nguyên nhân khách quan và chủ quan khác làm cho nước ta rơi vào tình trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội trầm trọng từ cuối những năm 70 của thế kỷ XX. Trong bối cảnh ấy, Đại hội VI của Đảng đã thể hiện bản lĩnh và năng lực cầm quyền của một chính đảng, được tôi luyện qua chiến tranh cách mạng, dám “nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật” để cùng cả dân tộc khởi xướng sự nghiệp đổi mới đất nước. Đảng Cộng sản Việt Nam từng bước bổ sung, phát triển đường lối đổi mới theo phương châm: Phát triển kinh tế là nhiệm vụ trọng tâm, xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt, cùng với phát triển văn hóa - nền tảng tinh thần của xã hội và quốc phòng, an ninh là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên.

Bước vào thập niên 90 của thế kỷ XX, bối cảnh quốc tế hết sức phức tạp và tình hình đất nước gặp muôn vàn khó khăn. Mô hình xây dựng CNXH kiểu cũ bị sụp đổ tại trung tâm của hệ thống XHCN. Chế độ chính trị ở Liên Xô, các nước XHCN ở Đông Âu đứng trước sự khủng hoảng trầm trọng. Nhiều Đảng Cộng sản bế tắc, mất phương hướng. Các thế lực thù địch tấn công quyết liệt vào nền tảng tư tưởng của các Đảng Cộng sản. Sau 5 năm đổi mới, đất nước vẫn chưa ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, một bộ phận cán bộ, đảng viên và

nhân dân dao động niềm tin...

Trước khó khăn, thách thức ấy, Đảng ta vẫn kiên định con đường cách mạng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, giữ vững vai trò lãnh đạo, chèo lái con thuyền cách mạng vượt qua sóng gió, tiếp tục công cuộc đổi mới và đạt được nhiều thành tựu quan trọng. Sau 10 năm đổi mới (1986-1996), Việt Nam đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, bước vào thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Bước sang những thập niên đầu của thế kỷ XXI, nền kinh tế tiềm ẩn nhiều rủi ro, lạm phát cao, nợ công tăng nhanh, tỉ lệ nợ xấu cao; sản xuất kinh doanh gặp nhiều khó khăn. Tác động, ảnh hưởng từ bên ngoài tăng, cạnh tranh ngày càng gay gắt, trong khi độ mở của nền kinh tế cao, sức chống chịu còn hạn chế. Biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh diễn biến phức tạp hơn. Đặc biệt, từ năm 2020 đến nay, đại dịch COVID-19 trên toàn cầu đã ảnh hưởng rất nghiêm trọng đến hầu hết các ngành, lĩnh vực. Kinh tế thế giới rơi vào tình trạng suy thoái, hậu quả kéo dài nhiều năm. Ở trong nước, các hoạt động kinh tế, xã hội bị ngưng trệ, đời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn. Trước tình hình đó, Đảng đã huy động sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân cả nước, thực hiện đồng bộ, hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra, tập trung vừa phòng, chống dịch bệnh, vừa duy trì, phục hồi, phát triển kinh tế - xã hội, vượt qua khó khăn, thách thức và đạt được nhiều thành tựu rất quan trọng, khá toàn diện trên hầu hết các lĩnh vực.

Tốc độ tăng trưởng kinh tế được duy trì ở mức độ khá cao. Chất

lượng tăng trưởng được cải thiện, năng suất lao động được nâng lên rõ rệt. Tính chung cả thời kỳ Chiến lược 2011 - 2020, tăng trưởng GDP dự kiến đạt khoảng 5,9%/năm, thuộc nhóm các nước tăng trưởng cao trong khu vực và trên thế giới. Qua 35 năm tiến hành công cuộc đổi mới, tăng trưởng kinh tế trung bình hằng năm đạt 7%. GDP năm 2019 gấp 12,5 lần năm 2001. Thu nhập bình quân đầu người tăng từ 200 USD năm 1990 lên 1.168 USD năm 2010 và hơn 3.500 USD năm 2021<sup>(1)</sup>.

Quan hệ đối ngoại và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng và hiệu quả. Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng nhấn mạnh: “Thực tiễn đó đã khẳng định một chân lý, ở Việt Nam, không có một lực lượng chính trị nào khác, ngoài Đảng Cộng sản Việt Nam có đủ bản lĩnh, trí tuệ, kinh nghiệm, uy tín và khả năng lãnh đạo đất nước vượt qua mọi khó khăn, thử thách, đưa sự nghiệp cách mạng của dân tộc ta đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác”<sup>(2)</sup>.

2. Quá trình hoạt động lãnh đạo vô cùng phong phú, sôi động, hào hùng của Đảng Cộng sản Việt Nam đã để lại những kinh nghiệm có ý nghĩa lý luận và giá trị thực tiễn sâu sắc về nâng cao năng lực cầm quyền của Đảng.

*Một là, nhận thức sâu sắc đổi mới và chính đôn Đảng luôn là yêu cầu khách quan, cấp thiết, có ý nghĩa cực kỳ quan trọng đối với sự nghiệp cách mạng của một chính đảng cầm quyền, lãnh đạo*

Ngay từ khi có chính quyền cách mạng, Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ: Xây dựng chế độ mới là “cuộc chiến đấu chống lại những gì đã cũ kỹ, hư hỏng, để tạo ra những cái mới mẻ, tốt tươi”<sup>(3)</sup>. Do vậy, trong

điều kiện Đảng cầm quyền, Hồ Chí Minh rất chú trọng công tác chỉnh đốn Đảng, nhất là khi cách mạng chuyển giai đoạn, hoặc gặp những khó khăn, thách thức. Trong *Di chúc* (1969), Người căn dặn: sau khi cuộc kháng chiến chống Mỹ thắng lợi, “việc cần phải làm trước tiên là *chỉnh đốn lại Đảng*”<sup>(4)</sup>. Trong quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng Cộng sản Việt Nam thường xuyên chú trọng chỉnh đốn Đảng để xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh về mọi mặt, đáp ứng với yêu cầu của đất nước trong các thời kỳ lịch sử. Đặc biệt, bước vào thời kỳ đổi mới, sau khi thẳng thắn chỉ rõ những nguyên nhân dẫn đến khủng hoảng kinh tế, xã hội, Đại hội VI của Đảng xác định 4 nội dung cần đổi mới: i) đổi mới tư duy, trước hết là tư duy kinh tế; ii) đổi mới tổ chức; iii) đổi mới đội ngũ cán bộ; và, iv) đổi mới phong cách lãnh đạo và công tác<sup>(5)</sup>. Đến Đại hội VII, vấn đề đổi mới Đảng gắn liền với chỉnh đốn Đảng được đặt ra: “Đề đảm đương được vai trò lãnh đạo, Đảng phải vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, phải thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn, ra sức nâng cao trình độ trí tuệ, năng lực lãnh đạo”<sup>(6)</sup>. Tại Đại hội VIII, Đảng ta chính thức khẳng định: “Đảng phải thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn... đây là quy luật phát triển của Đảng”<sup>(7)</sup>. Từ Đại hội X (2006), Đại hội XI (2011), Đại hội XII (2016) và đặc biệt Đại hội XIII đã thể hiện quyết tâm cao của Đảng trong công tác chỉnh đốn Đảng. Từ tổng kết 35 năm xây dựng Đảng trong thời kỳ đổi mới, Đảng xác định rõ trong phương hướng tới: “Tăng cường công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ; nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền, sức chiến đấu của Đảng và hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước”<sup>(8)</sup>. Điều này cũng được Tổng Bí thư Nguyễn Phú

Trọng nhân mạnh: “Nhận thức sâu sắc sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản là nhân tố quyết định thắng lợi của công cuộc đổi mới và bảo đảm cho đất nước phát triển theo đúng định hướng xã hội chủ nghĩa, chúng ta đặc biệt chú trọng công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, coi đây là nhiệm vụ then chốt, có ý nghĩa sống còn đối với Đảng và chế độ xã hội Chủ nghĩa”<sup>(9)</sup>.

*Hai là, để hoạch định đường lối chính trị đúng và tổ chức chỉ đạo hiện thực hóa cương lĩnh chính trị, Đảng cần nâng cao bản lĩnh, kiên định, vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh vào thực tiễn cách mạng Việt Nam*

Năng lực cầm quyền của Đảng thể hiện trước hết và quan trọng nhất là năng lực hoạch định chiến lược, đề ra đường lối chính trị đúng đắn. Đại hội VI của Đảng thể hiện bước phát triển mạnh mẽ trong xây dựng Đảng về chính trị, đi đến quyết định đường lối đổi mới. Bài học kinh nghiệm được đúc kết từ Đại hội VI là: **“Đảng phải luôn luôn xuất phát từ thực tế, tôn trọng và hành động theo quy luật khách quan.** Năng lực nhận thức và hành động theo quy luật là điều kiện bảo đảm sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng”<sup>(10)</sup>.

Để xây dựng được đường lối chính trị đúng, trước hết chính đảng lãnh đạo phải xuất phát từ nền tảng tư tưởng của Đảng - chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh; vận dụng sáng tạo vào thực tiễn của quốc gia - dân tộc trong từng giai đoạn lịch sử. Đồng thời, đường lối đó phải phản ánh được nguyện vọng cơ bản, chính đáng của đại đa số các giai tầng trong xã hội và phù hợp với xu thế phát triển chung của khu vực và thế giới. Quán triệt quan điểm của

V.I.Lênin “*Chỉ đảng nào được một lý luận tiên phong hướng dẫn thì mới có khả năng làm tròn vai trò chiến sĩ tiên phong*”<sup>(11)</sup>. Hồ Chí Minh từng chỉ rõ: “Đảng muốn vững thì phải có chủ nghĩa làm cốt, [...]. Bây giờ học thuyết nhiều, chủ nghĩa nhiều nhưng chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mệnh nhất là chủ nghĩa Lênin”<sup>(12)</sup>. Trên nền tảng tư tưởng lý luận mang bản chất cách mạng và khoa học, Đảng Cộng sản Việt Nam đã vận dụng sáng tạo vào thực tiễn Việt Nam, tập hợp đông đảo các giai tầng yêu nước Việt Nam, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, tạo nên sự đồng thuận cả nước để làm nên những chiến công oanh liệt trong 15 năm đấu tranh giải phóng dân tộc, trong 30 năm kháng chiến trường kỳ để có được một Việt Nam hòa bình, thống nhất, cùng quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội sau năm 1975.

Khi miền Bắc bước vào xây dựng CNXH, Chủ tịch Hồ Chí Minh thẳng thắn chỉ rõ: “Đảng ta còn có nhiều nhược điểm mà một trong những nhược điểm lớn là trình độ lý luận còn thấp kém”<sup>(13)</sup>. Thực tiễn lịch sử cách mạng Việt Nam trong giai đoạn đầu khi cả nước bước vào thời kỳ quá độ lên CNXH, do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan, đất nước lâm vào tình trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội trầm trọng. Một trong những nguyên nhân là Đảng “đã bộc lộ sự lạc hậu về nhận thức lý luận và vận dụng các quy luật đang hoạt động trong thời kỳ quá độ; đã mắc bệnh duy ý chí, giản đơn hóa, muốn thực hiện nhanh chóng nhiều mục tiêu của chủ nghĩa xã hội trong điều kiện nước ta mới ở chặng đường đầu tiên”<sup>(14)</sup>. Vì vậy, đường lối đổi mới bắt đầu từ sự đổi mới tư duy lý luận, nhận thức rõ hơn về CNXH và những quy luật, đặc trưng của thời kỳ quá độ lên CNXH.

Trên tinh thần đó, Đại hội VII của Đảng khẳng định: Tư tưởng Hồ Chí Minh cùng với chủ nghĩa Mác - Lênin là nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động của Đảng. Đây là một dấu mốc quan trọng, có ý nghĩa to lớn trong lịch sử tư tưởng lý luận của Đảng. Tư tưởng Hồ Chí Minh là kết quả vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể ở Việt Nam, trở thành một tài sản tinh thần vô giá của Đảng và của cả dân tộc. Việc xác lập tư tưởng Hồ Chí Minh đã thúc đẩy mạnh mẽ tư duy sáng tạo trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội phù hợp với điều kiện, đặc điểm Việt Nam.

Nghiên cứu lý luận là yêu cầu của một trong những nhiệm vụ xây dựng Đảng đã được các nghị quyết chuyên đề của Ban Chấp hành Trung ương và Bộ Chính trị cụ thể hóa: Nghị quyết số 01-NQ/TW ngày 28-3-1992 của Bộ Chính trị *Về công tác lý luận trong giai đoạn hiện nay*, Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khóa IX (3-2002) và Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khóa X (8-2007); đặc biệt là Nghị quyết Đại hội XIII (2021) xác định: Tiếp tục đổi mới tư duy lý luận, nắm bắt phát triển mới của đất nước, của thế giới và thời đại để hướng vào giải quyết những vấn đề mới nảy sinh trong xây dựng đất nước và phát triển xã hội, trong xây dựng Đảng và xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa,...

Để nâng cao năng lực cầm quyền của Đảng, không chỉ Đảng cần xác định đường lối chính trị đúng, mà ở trước bước ngoặt khó khăn của cách mạng, đứng trước những thách thức, Đảng luôn tỏ rõ và nâng cao bản lĩnh chính trị. Bản lĩnh chính trị của Đảng trước hết thể hiện ở những thời điểm khó khăn, cam go của cách mạng, với những quyết

sách sáng suốt, kịp thời, chủ động chèo lái con thuyền cách mạng vượt qua thác thức. Bản lĩnh chính trị thể hiện ở sự dũng cảm thừa nhận sai lầm, khuyết điểm và kiên quyết sửa chữa những sai lầm, khuyết điểm, thẳng thắn tự phê bình và phê bình, V.I.Lênin cho rằng: một đảng “Công khai thừa nhận sai lầm, tìm ra nguyên nhân sai lầm, phân tích hoàn cảnh đã đẻ ra sai lầm, nghiên cứu cẩn thận những biện pháp để sửa chữa sai lầm ấy, - đó là dấu hiệu chứng tỏ một đảng nghiêm túc, đó là đảng làm tròn những nghĩa vụ của mình”<sup>(15)</sup>. Quán triệt quan điểm của V.I.Lênin, Hồ Chí Minh coi tự phê bình và phê bình là *quy luật phát triển* của Đảng. Người cho rằng: “Một Đảng có gan thừa nhận khuyết điểm của mình, vạch rõ những cái đó, vì đâu mà có khuyết điểm đó, xét rõ hoàn cảnh sinh ra khuyết điểm đó, rồi tìm kiếm mọi cách để sửa chữa khuyết điểm đó. Như thế là một Đảng tiến bộ, mạnh dạn, chắc chắn, chân chính”<sup>(16)</sup>.

Trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Đảng đã có những lúc phạm sai lầm khuyết điểm. Bản lĩnh chính trị của Đảng đã thể hiện trong phê và tự phê một cách nghiêm túc về những nhận định, đánh giá trong Nghị quyết Đại hội VI của Đảng, trong Cương lĩnh năm 1991. Đặc biệt là trong các văn kiện của các hội nghị Ban Chấp hành Trung ương về công tác xây dựng Đảng trong thời kỳ đổi mới, nhất là trong Hội nghị Trung ương 4 khóa XII.

*Ba là, Đảng luôn chú trọng xây dựng hệ thống tổ chức đảng vững mạnh và đội ngũ cán bộ, đảng viên trung kiên đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong từng giai đoạn nhất định*

Từ ngày thành lập đến nay, Đảng luôn chăm lo xây dựng Đảng

về tổ chức, thực hiện các nguyên tắc trong tổ chức và sinh hoạt Đảng. Đặc biệt, bước vào thời kỳ đổi mới, các đại hội Đảng luôn nhấn mạnh những nội dung cơ bản trong xây dựng Đảng về tổ chức, bao gồm: đổi mới tổ chức, bộ máy, công tác cán bộ và đổi mới đội ngũ cán bộ, kiện toàn các cơ quan lãnh đạo và quản lý; nâng cao chất lượng đảng viên, đấu tranh chống các biểu hiện tiêu cực; kiện toàn, đổi mới hoạt động và nâng cao sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng; nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng.

Những thành quả vĩ đại của dân tộc Việt Nam hơn 90 năm qua gắn liền với sự trưởng thành về mọi mặt của đội ngũ cán bộ, đảng viên của Đảng. Đảng đã chú trọng phát triển đội ngũ đảng viên về cả số lượng và chất lượng. Về số lượng, chỉ tính từ thời điểm Đại hội VI (12-1986), toàn Đảng có 1,9 triệu đảng viên; đến Đại hội XII (1-2016), Đảng đã có hơn 4,5 triệu đảng viên. Tính đến ngày 31-12-2019, toàn Đảng đã có 5.156.953 đảng viên<sup>(17)</sup>.

Quán triệt sâu sắc quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh “Đảng phải chọn lựa những người rất trung thành và rất hăng hái, đoàn kết họ thành nhóm trung kiên lãnh đạo”, “Đảng phải luôn luôn tẩy bỏ những phần tử hủ hóa ra ngoài”<sup>(18)</sup>, Đảng Cộng sản Việt Nam đã chú trọng xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên vững mạnh toàn diện. Đặc biệt, trong công cuộc đổi mới, nâng cao toàn diện chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, phẩm chất chính trị, năng lực lãnh đạo càng được chú trọng và thể hiện trong nhiều văn kiện của Đảng. Hội nghị Trung ương 3 khóa VIII (1998) ban hành Nghị quyết về “*Chiến lược cán bộ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa,*

*hiện đại hóa đất nước*”. Đây là nghị quyết đầu tiên của Đảng thể hiện một cách đồng bộ các khâu trong công tác cán bộ: đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển, bố trí, sử dụng và thực hiện chính sách cán bộ. Đại hội XII của Đảng khẳng định: “Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện *Chiến lược cán bộ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*”<sup>(19)</sup>, với quyết tâm chính trị: “Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là đội ngũ cán bộ cấp chiến lược, đủ năng lực và phẩm chất, ngang tầm nhiệm vụ. Có cơ chế, chính sách phát hiện, thu hút, trọng dụng nhân tài”<sup>(20)</sup>.

Từ kinh nghiệm của công tác xây dựng Đảng về tổ chức hơn 90 năm lãnh đạo cách mạng đã minh chứng rằng, sức mạnh và vai trò lãnh đạo của Đảng được thể hiện ở sức mạnh của hệ thống tổ chức, tinh thần kỷ luật và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên của Đảng. Do vậy, cần phải tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của Đảng và hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, đồng bộ với đổi mới kinh tế, đáp ứng yêu cầu nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền của Đảng. Hoàn thiện thể chế, bảo đảm đồng bộ, liên thông giữa pháp luật của Nhà nước với quy định của Đảng.

*Bốn là, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng và kiểm soát chặt chẽ quyền lực, đồng thời đẩy mạnh đấu tranh, ngăn chặn, đẩy lùi tham nhũng, lãng phí, tiêu cực*

Nhìn lại 35 năm đổi mới, công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật Đảng được thực hiện có hiệu quả và đã xử lý nghiêm những tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên vi phạm, không có vùng cấm, không có ngoại lệ. Đại hội VI của Đảng đã đề ra: “Cần đưa công khai trên báo,

đài, hoặc qua các cuộc sinh hoạt của các tổ chức đảng và đoàn thể quần chúng những vụ cán bộ, đảng viên, kể cả cán bộ cao cấp, mắc sai lầm nghiêm trọng về phẩm chất. Điều đó chỉ làm tăng lòng tin cậy của nhân dân đối với Đảng”<sup>(21)</sup>. Đây chính là thể hiện ý tưởng về quan hệ khăng khít giữa giám sát của quần chúng nhân dân với công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, mà sau này được hiện thực hóa qua các nhiệm kỳ kế tiếp. Theo *Báo cáo số 18-BCĐT/DLXH* ngày 3-2-2020 của Vụ Dự luận xã hội, Ban Tuyên giáo Trung ương về kết quả thăm dò dư luận xã hội, việc xây dựng, chỉnh đốn Đảng, ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” được cán bộ, đảng viên đánh giá đạt kết quả “đáng phấn khởi”, tăng từ 39% năm 2018 lên 59% năm 2019; phòng, chống tham nhũng, lãng phí, “lợi ích nhóm” được cán bộ, đảng viên đánh giá đạt kết quả “đáng phấn khởi”, tăng từ 29% năm 2018 lên 48% năm 2019<sup>(22)</sup>.

Chỉ tính riêng từ đầu nhiệm kỳ Đại hội XII đến 2020, cấp ủy các cấp đã kiểm tra 168.682 tổ chức đảng và 782.907 đảng viên, có 171.330 đảng viên là cấp ủy viên các cấp (22%)<sup>(23)</sup>. Đây là một trong những kết quả nổi bật của công tác xây dựng Đảng trong nhiệm kỳ khóa XII, đồng thời cũng đặt ra những vấn đề cấp bách cần tiếp tục đẩy mạnh giải quyết trong thời gian tới.

Vì vậy, tại Đại hội XIII, Đảng xác định hai trong ba nhiệm vụ trọng tâm của công tác xây dựng Đảng là đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi có hiệu quả tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ

gắn với đẩy mạnh học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh và thực hiện các quy định về trách nhiệm nêu gương; Đổi mới mạnh mẽ và nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác cán bộ; tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, người đứng đầu các cấp đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ. Và, một trong ba bước đột phá trong xây dựng Đảng là kiên quyết đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, quan liêu; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền đi đôi với tăng cường kiểm tra, giám sát và kiểm soát chặt chẽ quyền lực<sup>(24)</sup>.

*Năm là, đổi mới mạnh mẽ phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị trong điều kiện mới và phát huy những truyền thống vẻ vang của Đảng*

Nâng cao năng lực cầm quyền của Đảng không chỉ đổi mới nội dung mà còn phải đổi mới cả phương thức lãnh đạo của Đảng. V.I.Lênin từng chỉ ra rằng: “khi tình hình đã thay đổi và chúng ta phải giải quyết những nhiệm vụ thuộc loại khác, thì không nên nhìn lại đàng sau và sử dụng những phương pháp của ngày hôm qua”<sup>(25)</sup>. Do vậy, từ Đại hội VI, Đảng chỉ rõ cần đổi mới “phong cách lãnh đạo của Đảng”, đến Đại hội VII xác định “đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng”. Là Đảng duy nhất cầm quyền, lãnh đạo xã hội thông qua Nhà nước, Đảng chú trọng xây dựng Nhà nước pháp quyền của dân, do dân, vì dân, thường xuyên đổi mới phương thức lãnh đạo đối với Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, huy động sức mạnh tổng hợp để thực hiện thắng lợi đường lối của Đảng đề ra. Từ đó, đổi mới mạnh mẽ phương thức lãnh đạo của Đảng theo hướng

nâng cao năng lực dự báo, tầm nhìn chiến lược trong hoạch định đường lối, chủ trương; khắc phục tình trạng ban hành nghị quyết chưa sát thực tiễn, thiếu tính khả thi. Đồng thời, nâng cao năng lực thể chế hóa, cụ thể hóa đường lối, chủ trương của Đảng và lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện có hiệu quả.

Nâng cao năng lực cầm quyền trong điều kiện lịch sử mới, Đảng tiếp tục kế thừa và phát huy những giá trị truyền thống của dân tộc và của Đảng. Đó là truyền thống đoàn kết, thống nhất trong Đảng; truyền thống gắn bó mật thiết với nhân dân trong quá trình lãnh đạo cách mạng. Quán triệt quan điểm của V.I.Lênin, Đảng phải coi việc giữ gìn đoàn kết nhất trí trong Đảng trên cơ sở đường lối chính trị và nguyên tắc tập trung dân chủ là sinh mệnh của Đảng, và kiên quyết đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, chống mọi biểu hiện chia rẽ, bè phái trong Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã căn dặn toàn Đảng hãy giữ gìn sự đoàn kết trong Đảng như “giữ gìn con ngươi của mắt mình”. Bước vào lãnh đạo công cuộc đổi mới toàn diện đất nước, tại Đại hội VI, Đảng đã rút ra bài học đầu tiên: **“trong toàn bộ hoạt động của mình, Đảng phải quán triệt tư tưởng “lấy dân làm gốc”, xây dựng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân lao động”**<sup>(26)</sup>. Do vậy, Đại hội XIII của Đảng đã chủ trương: tăng cường hơn nữa mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với nhân dân, củng cố và không ngừng nâng cao niềm tin của nhân dân đối với Đảng. Trong đó, xác định rõ cán bộ “là gốc của mọi công việc”, do vậy, chú trọng xây dựng đội ngũ cán bộ thật sự *“gần dân, tin dân, trọng dân, hiểu dân, học dân, dựa vào dân và có trách nhiệm với dân”*.

Thực hiện công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng hiện nay diễn ra trong bối cảnh đất nước đang chuyển mạnh trong thời kỳ đổi mới toàn diện và hội nhập quốc tế sâu rộng, với nhiều vận hội, nhưng cũng không ít khó khăn, thách thức. Do vậy, đòi hỏi phải có những sự chuyển biến mạnh mẽ, toàn diện nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, xây dựng Đảng đoàn kết, thống nhất và trong sạch, vững mạnh, củng cố tăng cường niềm tin của nhân dân đối với Đảng - nhân tố hàng đầu quyết định để nâng cao năng lực cầm quyền của Đảng đưa đất nước tiếp tục giữ vững và phát triển cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín đã được xác lập qua 35 năm đổi mới, tạo nền tảng vững chắc đưa đất nước phát triển nhanh, bền vững□

---

(1) Nguyễn Danh Tiên: *Sự lãnh đạo của Đảng - nhân tố quyết định mọi thắng lợi*. Nguồn: <https://www.qdnd.vn/chinh-tri/cac-van-de/su-lanh-dao-cua-dang-nhan-to-quyet-dinh-moi-thang-loi-660520>.

(2) Bài phát biểu của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Nguyễn Phú Trọng tại Lễ kỷ niệm 90 năm Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam. Nguồn: <https://baoquocte.vn/toan-van-bai-phat-bieu-cua-tong-bi-thu-chu-tich-nuoc-tai-le-ky-niem-90-nam-ngay-thanh-lap-dang-108832.html>, ngày 3-2-2020.

(3), (4) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. CTQG, H., 2011, tập 15, tr.617; 616.

(5) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Nxb. CTQG, H., 1987, tr.124.

(6) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, Nxb. CTQG, H., 1991, tr.21.

(7) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb. CTQG, H., 1996, tr.47.

(8) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ*

XIII. Nxb. CTQGST, H., 2021, tập 1,

(9) Nguyễn Phú Trọng: *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*. Nguồn: <https://nhandan.vn/tin-tuc-su-kien/mot-so-van-de-ly-luan-va-thuc-tien-ve-chu-nghia-xa-hoi-va-con-duong-di-len-chu-nghia-xa-hoi-o-viet-nam-646305/>

(10), (14) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. CTQG, H., 2006, tập 47, tr. 363; 361.

(11) V.I.Lênin: *Toàn tập*, Nxb. CTQG, H., 2005, tập 6, tr.32.

(12) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. CTQG, H., 2011, tập 2, tr.289.

(13) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. CTQG, H., 2011, tập 11, tr.90.

(15) V.I.Lênin: *Toàn tập*, Nxb. CTQG, H., 2005, tập 41, tr.51.

(16), (18) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. CTQG, H., 2011, tập 5, tr.301; 290.

(17) Hiền Lương: *Thi hành Điều lệ Đảng: Thực hiện nghiêm, kết quả toàn diện*. Nguồn: <http://www.hanoimoi.com.vn/ban-in/Xay-dung-Dang/990482/thi-hanh-dieu-le-dang-thuc-hien-nghiem-ket-qua-toan-dien>

(19), (20) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb. CTQG, H., 2016, tr.205; 207.

(21), (26) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới (Đại hội VI, VII, VIII, IX)*, Nxb. CTQG, H., 2005, tr.150; 28.

(22) Dẫn theo; *Tạp chí Lý luận chính trị* số 1-2021.

(23), (24) Báo cáo tổng kết công tác xây dựng Đảng và thi hành điều lệ Đảng nhiệm kỳ Đại hội XII (*Văn kiện trình Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng*), H., 2021.

25. V.I.Lênin, *Toàn tập*, Nxb. CTQG, H., 2006, tập 44, tr.398.

**Nguồn: Tạp chí Chủ nghĩa xã hội - Lý luận và thực tiễn.- 2022.- Số 1(17).- Tr.25-31.**

**ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**  
**VẬN DỤNG SÁNG TẠO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH**  
**VỀ CÁN BỘ VÀ CÔNG TÁC CÁN BỘ**  
**TRONG GIAI ĐOẠN PHÁT TRIỂN MỚI**

**PGS, TS. LÊ KIM VIỆT**  
**Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh**  
**Email tác giả: kimvietxdd@gmail.com**

Ngày nhận bài: 16-9-2025 Ngày bình duyệt: 19-12-2025 Ngày duyệt đăng: 22-12-2025

**Tóm tắt:** Trong sự nghiệp cách mạng vĩ đại của mình, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn đặc biệt coi trọng việc xây dựng đội ngũ cán bộ đủ đức, đủ tài để hoàn thành nhiệm vụ trước Đảng và nhân dân. Việc nghiên cứu, tổng kết thực tiễn, vận dụng và phát triển sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh về cán bộ và công tác cán bộ là cơ sở quan trọng để Đảng Cộng sản Việt Nam tiếp tục đổi mới, hoàn thiện công tác cán bộ, đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới.

*Từ khóa: tư tưởng Hồ Chí Minh về cán bộ; vận dụng và phát triển sáng tạo; công tác cán bộ; kỷ nguyên phát triển mới.*

**The Communist Party of Vietnam's creative application of Ho Chi Minh's thought on cadres and cadre work in the new development stage**

**Abstract: In his great revolutionary cause, President Ho**

**Chi Minh consistently attached special importance to building a contingent of cadres with both virtue and talent, capable of fulfilling their responsibilities to the Party and the people. The study, review of practical experience, application, and creative development of Ho Chi Minh's thought on cadres and cadre work constitute an essential foundation for the Communist Party of Vietnam to continue innovating and perfecting cadre work, thereby meeting the requirements of national development in the new era.**

*Keywords: Ho Chi Minh's thought on cadres; creative application and development; cadre work; new era of development.*

## **1. Mở đầu**

Tư tưởng của Người về công tác cán bộ gồm nhiều nội dung cốt lõi, như: xác định vị trí, vai trò của cán bộ; tiêu chuẩn lựa chọn, tuyển dụng; công tác đào tạo, bồi dưỡng, rèn luyện cán bộ; đánh giá, bố trí, sử dụng cán bộ và thực hiện chính sách đối với cán bộ... Quan điểm này đã trở thành nền tảng lý luận và là kim chỉ nam cho công tác cán bộ của Đảng ta

Quá trình gần 40 năm đổi mới đất nước, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn lấy tư tưởng Hồ Chí Minh về cán bộ và công tác cán bộ là nền tảng lý luận quan trọng để xây dựng đội ngũ cán bộ đáp ứng yêu cầu của thời kỳ phát triển mới. Hồ Chí Minh khẳng định: “cán bộ là cái gốc của mọi công việc”<sup>(1)</sup>, vì vậy, mọi thành công hay thất bại của cách mạng đều gắn liền với chất lượng của đội ngũ cán bộ. Vận dụng

tư tưởng đó, Đảng đã chủ động đổi mới cơ chế và phương thức lựa chọn, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá và sử dụng cán bộ theo hướng khoa học, dân chủ, minh bạch và phù hợp với điều kiện đất nước trong thời kỳ hội nhập quốc tế sâu rộng.

Đảng đặc biệt nhấn mạnh nguyên tắc lựa chọn cán bộ dựa trên phẩm chất chính trị, đạo đức, năng lực thực tiễn và uy tín trong nhân dân; kiên quyết chống các biểu hiện chạy chức, chạy quyền, cục bộ, thân quen. Công tác đào tạo, bồi dưỡng được điều chỉnh theo hướng gắn lý luận với thực tiễn, coi trọng năng lực đổi mới sáng tạo, kỹ năng lãnh đạo và quản trị hiện đại. Đây là điều kiện quan trọng để xây dựng đội ngũ cán bộ vững mạnh, đáp ứng yêu cầu phát triển và hội nhập của đất nước trong thời kỳ mới.

## **2. Nội dung**

Trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng luôn trung thành vận dụng và phát triển sáng tạo lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin về cán bộ và công tác xây dựng đội ngũ cán bộ. Đặc biệt là trong công cuộc đổi mới đất nước, cùng với đổi mới toàn diện, Đảng đã vận dụng và phát triển sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh về cán bộ và công tác cán bộ. Ngay giai đoạn đầu công cuộc đổi mới, Đại hội Đảng lần thứ VI xác định: “Đổi mới cán bộ lãnh đạo các cấp là mắt xích quan trọng nhất mà Đảng ta phải nắm chắc để thúc đẩy những cuộc cải cách có ý nghĩa cách mạng”<sup>(2)</sup>.

Nhìn lại quá trình vận dụng và phát triển sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh về cán bộ và công tác cán bộ của Đảng trong công cuộc đổi

mới đất nước, có thể khái quát một số nội dung cơ bản sau:

*Thứ nhất, nhận thức, vận dụng và phát triển sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh về vị trí, vai trò của cán bộ và công tác cán bộ làm tiền đề cho công cuộc đổi mới đi đúng hướng và thành công.*

Nhận thức đúng vị trí, vai trò của đội ngũ cán bộ là một trong những tiền đề rất quan trọng để đề ra đường lối cán bộ của Đảng. Với nhận quan chính trị kết hợp với kinh nghiệm thực tiễn của cách mạng vô sản và trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, Hồ Chí Minh đã nhận thức khá đầy đủ, sâu sắc vị trí, vai trò cực kỳ quan trọng của đội ngũ cán bộ và công tác cán bộ. Theo Người, cán bộ là cái gốc của mọi công việc, “Muôn việc thành công hoặc thất bại, đều do cán bộ tốt hoặc kém”<sup>(3)</sup>; cán bộ tốt hay kém lại do công tác cán bộ. Người khẳng định: “Vấn đề cán bộ quyết định mọi việc”<sup>(4)</sup>. Đây là những tư tưởng rất quan trọng, là tiền đề định hướng toàn bộ đường lối cán bộ của Đảng ta trong công cuộc đổi mới.

Ngay từ Đại hội VI, Đảng có sự vận dụng và phát triển sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh, nâng cao vị trí, vai trò của đội ngũ cán bộ và công tác cán bộ lên một tầm cao mới. Đồng thời nhấn mạnh: “Muốn đổi mới đội ngũ cán bộ, trước hết phải đổi mới công tác cán bộ và đội ngũ những người làm công tác tổ chức, cán bộ”<sup>(5)</sup>. Đây là tiền đề vững chắc để đổi mới các lĩnh vực khác thành công.

Phát triển nhận thức, tư duy về ý nghĩa, tầm quan trọng của đội ngũ cán bộ và công tác cán bộ, Hội nghị Trung ương 3, khóa VIII đã ban hành Chiến lược cán bộ trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa,

hiện đại hóa đất nước. Đây là lần đầu tiên Đảng xây dựng Chiến lược cán bộ, thể hiện vị trí, vai trò cực kỳ quan trọng của đội ngũ cán bộ và công tác cán bộ trong điều kiện mới. Nghị quyết Trung ương 3, khóa VIII nhấn mạnh: “Cán bộ là nhân tố quyết định sự thành bại của cách mạng, gắn liền với vận mệnh của Đảng, của đất nước và chế độ, là khâu then chốt trong công tác xây dựng Đảng”<sup>(6)</sup>.

Kế thừa và phát triển nhận thức, quan điểm của các đại hội trước, từ Đại hội IX đến Đại hội XIII, Đảng tiếp tục khẳng định, vận dụng và phát triển, làm sâu sắc thêm tư tưởng Hồ Chí Minh về vị trí, vai trò của đội ngũ cán bộ và công tác cán bộ, trong đó đi sâu vào từng loại cán bộ, nhấn mạnh vị trí, vai trò của cán bộ chủ chốt và người đứng đầu, đặc biệt là đội ngũ cán bộ cơ sở và đội ngũ cán bộ cấp chiến lược. Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X xác định: “Việc xây dựng Ban Chấp hành Trung ương khóa XI đủ sức hoàn thành nhiệm vụ trong giai đoạn cách mạng mới là vấn đề đặc biệt quan trọng và là vấn đề then chốt của nhiệm vụ xây dựng Đảng”<sup>(7)</sup>. Nghị quyết Trung ương 7, khóa XII bổ sung thêm trách nhiệm của cả hệ thống chính trị trong xây dựng đội ngũ cán bộ, gắn đường lối chính trị với đường lối cán bộ và nhấn mạnh: “Đầu tư xây dựng đội ngũ cán bộ là đầu tư cho phát triển lâu dài và bền vững”<sup>(8)</sup>.

Sự vận dụng và phát triển sáng tạo trong nhận thức, tư duy của Đảng về vị trí, vai trò của cán bộ và công tác cán bộ còn được thể hiện trong việc cụ thể hóa, đi sâu nhấn mạnh vị trí, vai trò của từng loại cán bộ và từng khâu của công tác cán bộ, như: tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ cấp chiến lược và bí thư cấp ủy, người đứng đầu các cấp “là

nhệm vụ trọng tâm”; quy hoạch cán bộ “là khâu then chốt”; luân chuyển cán bộ “là khâu đột phá”; đào tạo, bồi dưỡng cán bộ “là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên”...

Chính nhờ nhận thức đúng đắn, vận dụng và phát triển sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh về vị trí, vai trò của cán bộ và công tác cán bộ mà trong gần 40 năm đổi mới, công tác cán bộ có nhiều chuyển biến trên tất cả các khâu, mang lại những tác động rất tích cực. Chất lượng đội ngũ cán bộ ngày càng nâng cao, cơ cấu cán bộ ngày càng đồng bộ. Về cơ bản, đội ngũ cán bộ đã đáp ứng được yêu cầu của công cuộc đổi mới. Thành quả của công cuộc đổi mới gần 40 năm qua trên tất cả các lĩnh vực có sự đóng to lớn, hiệu quả của đội ngũ cán bộ và công tác cán bộ của Đảng.

*Thứ hai, vận dụng và phát triển sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh về lựa chọn, tuyển chọn cán bộ.*

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, lựa chọn, tuyển chọn cán bộ là khâu rất quan trọng, là nghệ thuật thu hút và sử dụng nhân tài. Theo Người:

*(1) Lựa chọn cán bộ phải dựa vào đức tài thực sự.*

Ngay từ những ngày đầu giành được chính quyền, Người đã đề ra 4 tiêu chí để lựa chọn cán bộ là: “a) Những người đã tỏ ra rất trung thành và hăng hái trong công việc, trong lúc đấu tranh; b) Những người liên lạc mật thiết với dân chúng, hiểu biết dân chúng. Luôn chú ý đến lợi ích của dân chúng. Như thế thì dân chúng mới tin cậy cán bộ và nhận cán bộ đó là người lãnh đạo của họ; c) Những người có thể

phụ trách các vấn đề trong những hoàn cảnh khó khăn...; d) Những người luôn giữ đúng kỷ luật”<sup>(9)</sup>. “Đó là những khuôn khổ để lựa chọn cán bộ, chúng ta phải theo cho đúng”<sup>(10)</sup> và “Ai có tài, có sức, có đức, có lòng phụng sự Tổ quốc và phục vụ nhân dân thì ta đoàn kết với họ”<sup>(11)</sup>.

*(2) Việc lựa chọn cán bộ phải gắn với việc bố trí, sử dụng đúng người, đúng việc, đúng sở trường.*

Theo Người: “Phải tùy tài mà dùng người” và “dùng nhân tài cần phải hợp lý, chớ ‘dùng thợ mộc làm nghề thợ rèn’ và cho họ hiểu rõ mọi mặt các công việc họ phải phụ trách”<sup>(12)</sup>. Bởi vì, mỗi người giỏi trong một vài lĩnh vực, không ai tài giỏi tất cả, nếu giao việc không đúng sở trường sẽ gây lãng phí nguồn nhân lực, mà cán bộ sẽ khổ, sẽ hỏng, sẽ không hoàn thành nhiệm vụ, sẽ mất uy tín.

*(3) Dựa vào dân để lựa chọn cán bộ.*

Theo Hồ Chí Minh: “Cán bộ nào tốt, cán bộ nào xấu, cán bộ nào có làm lỗi mà có thể sửa đổi, ai làm việc gì hay, việc gì quấy, dân chúng cũng do cách so sánh đó, mà họ biết rõ ràng”<sup>(13)</sup>.

Nhận thức được tầm quan trọng của việc lựa chọn cán bộ, là “đầu vào” của chất lượng đội ngũ cán bộ, trong công cuộc đổi mới, Đảng ta đã có sự vận dụng sáng tạo và phát triển thêm những nội dung mới. Đó là, xây dựng, hoàn chỉnh hệ thống các văn bản liên quan đến quy trình lựa chọn cán bộ, như: Quy định số 105-QĐ/TW ngày 19-12-2017 của Ban Chấp hành Trung ương về phân cấp quản lý cán bộ và bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử; Quyết định số 35-QĐ/TW ngày

15-10-2021 của Bộ Chính trị ban hành quy trình giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư; Quyết định số 218-QĐ/TW ngày 12-12-2013 của Bộ Chính trị ban hành quy định về việc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội và nhân dân tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền; Quy định số 114-QĐ/TW ngày 11-7-2023 của Bộ Chính trị về kiểm soát quyền lực và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác cán bộ; xây dựng quy chế trách nhiệm của cấp ủy, người đứng đầu trong giới thiệu và lựa chọn cán bộ. Xây dựng các tiêu chí, tiêu chuẩn cụ thể đối với các chức danh cán bộ lãnh đạo các cấp để làm căn cứ cho việc lựa chọn, đánh giá, bổ nhiệm cán bộ...

Tuy nhiên, quá trình vận dụng, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh trong lựa chọn, tuyển chọn cán bộ có những thành công, có hiệu quả, nhưng do cả yếu tố chủ quan lẫn khách quan đã có những nội dung chưa đạt hiệu quả như mục tiêu đặt ra. Trong thực tế, lựa chọn, tuyển chọn cán bộ vẫn có nhiều “kẽ hở”. Đảng nhiều lần nhấn mạnh phải lựa chọn, thu hút những người thực sự có tài, có đức đưa vào trong đội ngũ lãnh đạo, quản lý, nhưng, trong thực tế không ít cán bộ thiếu đức, kém tài, tham nhũng, tiêu cực, cơ hội vẫn “lọt” vào trong bộ máy của Đảng, Nhà nước. Trong lựa chọn cán bộ, có lúc, có nơi quá chú trọng, câu nệ bằng cấp, tuổi tác, cơ cấu giới tính... chưa thực sự dựa vào dân để lựa chọn, tuyển chọn cán bộ.

*Thứ ba, vận dụng và phát triển sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh về đào tạo, bồi dưỡng, rèn luyện cán bộ*

Theo Hồ Chí Minh, “Huấn luyện cán bộ là công việc gốc của

Đảng” và “Đảng phải nuôi dạy cán bộ, như người làm vườn vun trồng những cây cối quý báu”<sup>(14)</sup>. Đây là những luận điểm rất quan trọng, định hướng mọi hoạt động của công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ. Về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ theo tư tưởng của Người có một số nội dung:

(1) *Xác định rõ mục đích của học tập.* Theo Hồ Chí Minh: “Học để làm việc; làm người, làm cán bộ. Học để phụng sự Đoàn thể, giai cấp và nhân dân, Tổ quốc và nhân loại”<sup>(15)</sup>. Trong đó, học “để làm việc” được đặt lên hàng đầu, rồi đến học để “làm người”, điều này rất quan trọng, nếu không học làm người, thì “dù tài giỏi mấy cũng không lãnh đạo được nhân dân”, và mục đích cuối cùng của việc học tập của cán bộ là để phụng sự Tổ quốc, phụng sự Đảng, Nhà nước và nhân dân.

(2) *Phải bảo đảm tính thiết thực, hiệu quả.* “Phải thực hành khẩu hiệu: làm việc gì học việc ấy”<sup>(16)</sup>; “cán bộ ở môn nào phải học cho thạo công việc ở trong môn đó”. Người cũng nhiều lần phê phán lối đào tạo, bồi dưỡng “tràng giang, đại hải”, dạy xong rồi lại không dùng vào thực tiễn được.

(3) *Về phương pháp và hình thức đào tạo.* Theo Hồ Chí Minh: “Lý luận phải liên hệ với thực tiễn”<sup>(17)</sup>. Đặc biệt, Người chỉ ra cho cán bộ là phải “lấy tự học làm cốt”, và “Học ở trường, học ở sách vở, học lẫn nhau và học nhân dân, không học nhân dân là một thiếu sót rất lớn”<sup>(18)</sup>.

Nhận thức được ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, Đảng đã có sự vận dụng và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh trong công tác đào tạo cán bộ: “Tập trung xây dựng đội ngũ

cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược và người đứng đầu đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ”(19). Trước yêu cầu, nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, Đại hội XIII của Đảng khẳng định, trong những năm tới phải đặc biệt coi trọng và đẩy mạnh hơn nữa xây dựng, chỉnh đốn Đảng toàn diện về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ. Vì vậy, phải “đặc biệt coi trọng xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược và người đứng đầu thật sự có đức, có tài, có uy tín trong Đảng và nhân dân”(20).

Về hình thức và phương pháp đào tạo, bồi dưỡng, đã có nhiều đổi mới, đa dạng hóa các hình thức đào tạo, bồi dưỡng; kết hợp đào tạo cơ bản, dài ngày với bồi dưỡng ngắn ngày, kết hợp đào tạo trong nhà trường với luân chuyển để rèn luyện cán bộ trong thực tế. Hàng chục vạn cán bộ đã được đào tạo, bồi dưỡng, hàng nghìn cán bộ đã được luân chuyển; đông đảo đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý chủ chốt các cấp đã được chuẩn hóa, trình độ, năng lực cán bộ đã được nâng lên toàn diện hơn.

Tuy nhiên, việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ còn nhiều bất cập, chưa thực sự đúng với tư tưởng của Người. Đó là tình trạng đào tạo tràn lan; lý luận suông, chưa gắn với công việc thực tế của cán bộ, chưa gắn với quy hoạch và bố trí, sử dụng; việc tự đào tạo, rèn luyện chưa được chú trọng đúng mức. Trong công tác đào tạo, có lúc chưa coi trọng đào tạo, bồi dưỡng đạo đức để làm người cán bộ tốt. Tình trạng tiêu cực, “chạy bằng cấp” là vấn đề nhức nhối trong công tác đào tạo hiện nay.

*Thứ tư, vận dụng và phát triển sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh về bố trí, cất nhắc và sử dụng cán bộ*

Theo tư tưởng Hồ Chí Minh, bố trí, cất nhắc và sử dụng cán bộ là công việc rất hệ trọng vì nó quyết định đến chất lượng lãnh đạo, quản lý của cả hệ thống chính trị. Theo Người, muốn cất nhắc, bố trí, sử dụng đúng cán bộ thì phải hiểu biết cán bộ, không tùy tiện cất nhắc khi chưa hiểu cán bộ. Khi bố trí, cất nhắc, sử dụng cán bộ phải phù hợp với năng lực, sở trường, sở đoản của cán bộ. “Phải biết tùy tài mà dùng người”; “Phải dùng người đúng chỗ, đúng việc” và “chớ dùng thợ mộc làm nghề thợ rèn”. Người cũng chỉ ra rằng: “Cất nhắc cán bộ, không nên làm như ‘giã gạo’... Một cán bộ bị nhắc lên thả xuống ba lần như thế là hỏng cả đời”<sup>(21)</sup>.

Trong cất nhắc, bổ nhiệm cán bộ, Chủ tịch Hồ Chí Minh rất quan tâm đến việc tham khảo ý kiến của nhân dân trước khi bổ nhiệm. Người phê phán gay gắt tình trạng thân quen, “cánh hầu”, cục bộ địa phương, chủ quan, tùy tiện, “ham dùng người bà con, anh em quen biết, bầu bạn,... Ham dùng những kẻ khéo nịnh hót... Ham dùng những người tính tình hợp với mình...”. Và để khắc phục những hiện tượng đó, theo Người, “để cho dân chúng phê bình cán bộ, dựa theo ý kiến họ mà cất nhắc cán bộ, nhất định không xảy ra việc thiên tư, thiên vị, nhất định hợp lý và công bằng”<sup>(22)</sup>.

Trong quá trình đổi mới công tác cán bộ, Đảng đã có nhiều vận dụng và phát triển sáng tạo tư tưởng của Hồ Chí Minh về bổ nhiệm, cất nhắc và sử dụng cán bộ, đó là xây dựng hệ thống các quy định, quy trình chặt chẽ về tiêu chuẩn bổ nhiệm, bổ nhiệm lại cán bộ; quy

định đánh giá cán bộ trước khi bổ nhiệm; quy định kiểm soát quyền lực trong công tác cán bộ, quy định lấy ý kiến của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân và của cư dân nơi cư trú đối với cán bộ trước khi bổ nhiệm... Những vận dụng và phát triển sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh trong đổi mới công tác cán bộ trên đã mang lại nhiều kết quả tích cực.

Tuy nhiên, quá trình vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong bổ nhiệm cán bộ còn nhiều hạn chế, khuyết điểm. Tình trạng tiêu cực, lợi dụng chức quyền, vi phạm nguyên tắc tập trung dân chủ trong bổ nhiệm, cất nhắc cán bộ gây bức xúc trong nhân dân, làm mất uy tín của tổ chức đảng. Không ít trường hợp bổ nhiệm cán bộ không đúng quy trình, để lọt những “kẻ cơ hội”, thoái hóa, biến chất vào trong bộ máy chính quyền. Tình trạng sử dụng không đúng chuyên môn được đào tạo, bố trí cán bộ một cách tùy tiện, làm xáo trộn bộ máy lãnh đạo... là những hiện tượng vẫn xuất hiện trong công tác bổ nhiệm, bố trí, sử dụng cán bộ thời gian qua. Tất cả điều đó chưa đúng với cách sử dụng người của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

*Thứ năm, vận dụng và phát triển sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh trong đánh giá cán bộ*

Theo Hồ Chí Minh, đánh giá cán bộ cần thực hành các điểm chính, như: đánh giá cán bộ phải lấy lòng đại lượng khoan dung, lòng yêu thương con người mà đánh giá; phải chân thành, thẳng thắn, chỉ rõ những ưu điểm để cán bộ phát huy, chỉ rõ những hạn chế, khuyết điểm để họ sửa chữa; “Chớ bới lông tìm vết”. Đánh giá cán bộ phải toàn diện, cả quá trình. Theo Người: “Xem xét cán bộ không chỉ xem ngoài

mặt mà còn phải xem tính chất của họ. Không chỉ xem một việc, một lúc mà phải xem toàn cả lịch sử, xem toàn cả công việc của họ”<sup>(23)</sup>; phải thường xuyên, kịp thời, không để cán bộ mắc khuyết điểm rồi mới đánh giá, mới đưa ra kiểm điểm.

Người nói: “Nếu để sai lầm và khuyết điểm trở nên to tát rồi mới đem ra chỉnh một lần, thế là “đập” cán bộ. Cán bộ bị “đập” mất cả lòng tin, người hăng hái cũng hóa thành nản chí, từ nản chí đi đến vô dụng”<sup>(24)</sup>. Đặc biệt, Người luôn nhấn mạnh, đánh giá cán bộ phải căn cứ vào hiệu quả, thực chất công việc. Theo Người: “Ai cứ cắm đầu làm việc, không ham khoe khoang, ăn nói ngay thẳng, không che dấu khuyết điểm của mình, không ham việc dễ, tránh việc khó, bao giờ cũng kiên quyết làm theo mệnh lệnh của Đảng, vô luận hoàn cảnh thế nào, lòng họ cũng không thay đổi, những người như thế, dù công tác kém một chút cũng là cán bộ tốt”<sup>(25)</sup>.

Và để đánh giá đúng cán bộ, cách tốt nhất là dựa vào dân để đánh giá vì dân chúng là “tai mắt” của Đảng. V.I. Lênin đã chỉ ra rằng: “đối với việc đánh giá người và gạt bỏ những kẻ “chui vào đảng” bọn làm quan, bọn đã bị “quan liêu hóa” thì những lời chỉ dẫn của quần chúng vô sản ngoài Đảng và trong nhiều trường hợp thì cả những lời chỉ dẫn của quần chúng nông dân ngoài Đảng nữa là rất quý báu”<sup>(26)</sup>. Dựa vào những quan điểm, tư tưởng đó, Đảng đã có những vận dụng, đổi mới trong công tác đánh giá cán bộ như: xây dựng quy trình đánh giá; xác định cụ thể tiêu chí, tiêu chuẩn để đánh giá; đổi mới cách thức đánh giá, mở rộng đối tượng tham gia đánh giá, trong đó lấy phiếu tín nhiệm là một hình thức dựa vào dân để đánh giá...

Tuy nhiên, công tác đánh giá cán bộ hiện nay vẫn là khâu yếu trong công tác cán bộ, mà biểu hiện chủ yếu là trong đánh giá còn hình thức, chưa phản ánh đúng thực chất chất lượng cán bộ; chưa gắn với chức danh, chức trách, với kết quả công việc; nhiều lúc còn cảm tính, nể nang, ngại va chạm, bao che, chưa thật lòng thương yêu lẫn nhau... Có những cán bộ, kể cả cán bộ cấp cao khi bổ nhiệm được đánh giá là có bản lĩnh chính trị vững vàng, có đạo đức cách mạng trong sáng, luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ... nhưng mới bổ nhiệm chưa được bao lâu thì bị kỷ luật, thậm chí bị truy tố trước pháp luật.

*Thứ sáu, vận dụng và phát triển sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh về chính sách đối với cán bộ*

Chính sách dành cho cán bộ luôn được Hồ Chí Minh rất quan tâm. Theo Người: “Cách đối với cán bộ là một điều trọng yếu trong sự tổ chức công việc. Cách đối với cán bộ có khéo, có đúng thì mới thực hiện được nguyên tắc: “Vấn đề cán bộ quyết định mọi việc”<sup>(27)</sup>. Khi thực hiện chính sách cán bộ, phải bảo đảm phương châm linh hoạt, tùy từng người, từng hoàn cảnh và từng điều kiện nhưng phải giữ vững nguyên tắc đảng, không tùy tiện, cậy thế, cậy quyền, ban ơn, làm phúc, cục bộ địa phương, thân quen, bà con, dòng họ, gia đình... để kẻ hơn, người thiệt. Phải lấy lòng đại lượng khoan dung, lấy tình thương yêu con người mà đối đãi, cư xử với cán bộ. Phải công minh, công khai, minh bạch, công bằng, khách quan. Phải thường xuyên quan tâm chăm lo cả đời sống vật chất và tinh thần cho cán bộ...

Phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh, trong quá trình đổi mới công

tác cán bộ, Đảng đã ban hành nhiều quy định trong việc chăm lo chính sách đối với cán bộ, như: thực hiện chính sách ưu tiên đối với cán bộ vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn; thực hiện chính sách thu hút cán bộ trẻ, tài năng; chính sách tạo nguồn cán bộ; chính sách người có công; chính sách khen thưởng, kỷ luật; chính sách bảo vệ cán bộ... Tuy nhiên, quá trình đổi mới chính sách cán bộ hiện nay vẫn còn nhiều bất cập. Hệ thống chính sách cán bộ thiếu đồng bộ, có nhiều chính sách còn lạc hậu; chính sách thu hút nhân tài kém hiệu quả; chính sách thi đua, khen thưởng chưa thực sự là động lực để cán bộ hăng say làm việc, phấn đấu vươn lên

### **3. Kết luận**

Tư tưởng Hồ Chí Minh về cán bộ và công tác cán bộ là một nội dung trọng tâm của công tác xây dựng Đảng, quyết định đến vai trò lãnh đạo của Đảng và sự thành công của cách mạng. Trong công cuộc đổi mới đất nước, Đảng đã nghiên cứu, vận dụng và phát triển sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh về cán bộ và công tác cán bộ lên một tầm cao mới, cụ thể hơn, hoàn thiện hơn, sát với thực tiễn của đất nước trong thời kỳ đổi mới. Tuy nhiên, trong quá trình vận dụng và phát triển những tư tưởng, quan điểm của Người về cán bộ và công tác cán bộ, bên cạnh những thành công còn một số vấn đề cần được nghiên cứu, luận giải để vận dụng tốt hơn nữa trong công tác xây dựng đội ngũ cán bộ hiện nay, để đội ngũ cán bộ thực sự là lực lượng tiên phong, là chỗ dựa tin cậy của Đảng và nhân dân trong kỷ nguyên phát triển mới của đất nước□

---

(1), (3), (4), (9), (10), (12), (13), (14), (21), (22), (23), (24), (25), (27)  
Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.5, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.309, 280, 324, 315, 315, 636, 336, 313, 322, 336, 318, 322, 318, 324.

(2), (5) ĐCSVN: *Văn kiện Đảng toàn tập*, t.47, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr.814, 815.

(6) ĐCSVN: *Văn kiện Đảng toàn tập*, t.56, Sđd, tr.332.

(7) ĐCSVN: *Văn kiện Đảng toàn tập*, t.69, Sđd, tr.291.

(8) Ban Chấp hành Trung ương: *Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 19-5-2018 Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ.*

(11) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.9, Sđd, tr.224.

(15), (16) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.6, Sđd, tr.208, 361.

(17) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.8, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr.496.

(18) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.5, Sđd, tr.309.

(19) ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, t.II, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, tr.230.

(20) Hội đồng Lý luận Trung ương: *Những điểm mới trong các văn kiện Đại hội XIII của Đảng*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, tr.235.

(26) V.I. Lênin: *Toàn tập*, t.44, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, tr.152.

**Nguồn: Tạp chí Lý luận chính trị.- 2025.- Số 574.- Tr.51-58.**

# CÁC YẾU TỐ CẤU THÀNH THỂ CHẾ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM LÃNH ĐẠO, CẦM QUYỀN(\*)

PGS, TS. PHẠM TẮT THẮNG  
Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

Ngày nhận bài: 10/12/2025 Ngày thẩm định: 11/12/2025 Ngày duyệt đăng: 24/12/2025

**Tóm tắt:** Thể chế lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam là cơ chế xác định cách thức vận hành của các tổ chức trong hệ thống chính trị, bảo đảm cho Đảng giữ vững vai trò là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội; tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý xã hội của Nhà nước và phát huy vai trò làm chủ của nhân dân. Trong bối cảnh phát triển nhanh và bền vững, yêu cầu hoàn thiện thể chế Đảng lãnh đạo, cầm quyền trở thành vấn đề có ý nghĩa quyết định đối với năng lực lãnh đạo, vị thế, uy tín của Đảng trong giai đoạn mới. Xuất phát từ yêu cầu đó, bài viết tập trung phân tích các yếu tố cơ bản cấu thành thể chế Đảng lãnh đạo, cầm quyền trong điều kiện hiện nay, từ đó nhận diện những vấn đề đặt ra đối với quá trình hoàn thiện thể chế Đảng lãnh đạo, cầm quyền, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong giai đoạn mới.

*Từ khóa: Đảng lãnh đạo, cầm quyền; hệ thống chính trị; thể chế; yếu tố cấu thành*

**1** Trong bối cảnh đổi mới toàn diện, đồng bộ, hội nhập quốc tế sâu rộng, chuyển đổi mô hình tăng trưởng, phát triển kinh tế số và xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ

nghĩa, vị trí, vai trò lãnh đạo của Đảng quyết định sự phát triển nhanh và bền vững đất nước. Thực tiễn cho thấy, sự phát triển bền vững của quốc gia và hiệu lực vận hành của hệ thống chính trị phụ thuộc trực tiếp vào mức độ hoàn thiện của thể chế Đảng lãnh đạo, cầm quyền. Đây là nền tảng chính trị, pháp lý bảo đảm vai trò lãnh đạo của Đảng, là yếu tố quyết định tính chính đáng, uy tín và hiệu quả cầm quyền của Đảng trong điều kiện mới. Trong tiến trình lãnh đạo cách mạng, Đảng luôn chú trọng xây dựng và hoàn thiện thể chế nhằm bảo đảm sự thống nhất giữa cương lĩnh, đường lối với cơ chế vận hành của hệ thống chính trị.

Tuy nhiên, trước những biến động nhanh chóng của đời sống xã hội, yêu cầu mới trong quản trị quốc gia và sự gia tăng những thách thức đối với năng lực cầm quyền, thể chế Đảng lãnh đạo, cầm quyền bộc lộ nhiều vấn đề đòi hỏi phải được nghiên cứu thấu đáo. Trong bối cảnh đó, việc nhận diện đầy đủ những yếu tố cấu thành thể chế Đảng lãnh đạo, cầm quyền không chỉ có ý nghĩa về mặt lý luận, mà còn là cơ sở quan trọng để đề xuất các giải pháp phù hợp với yêu cầu phát triển đất nước hiện nay. Trên cơ sở đó, bài viết tiếp cận thể chế Đảng lãnh đạo, cầm quyền như một chỉnh thể cấu trúc gồm các yếu tố có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, qua đó góp phần làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn cho việc tiếp tục hoàn thiện thể chế Đảng lãnh đạo, cầm quyền trong điều kiện mới.

**2.** Từ những yêu cầu đặt ra đối với việc tiếp tục nâng cao năng lực cầm quyền và sức chiến đấu của Đảng trong giai đoạn mới, việc làm rõ những phương diện cơ bản quy định cấu trúc và cơ chế vận hành của thể chế Đảng lãnh đạo, cầm quyền trở thành nhiệm vụ có ý

nghĩa trọng tâm. Đây là cơ sở để nhận diện đầy đủ nền tảng chính trị, pháp lý của Đảng, các yếu tố bảo đảm tính chính đáng và hiệu lực lãnh đạo, cũng như những điều kiện cần thiết để duy trì sự gắn bó giữa Đảng với nhân dân và hệ thống chính trị.

*Thứ nhất, cơ sở chính trị, pháp lý của Đảng lãnh đạo, cầm quyền*

Cơ sở chính trị, pháp lý là yếu tố nền tảng khẳng định tính chính đáng của một đảng lãnh đạo, cầm quyền đối với chế độ xã hội, đồng thời phản ánh khả năng của đảng đó trong việc quản lý, tổ chức và phát triển đất nước. Cơ sở này thể hiện ở việc đảng cầm quyền có thực sự đại diện cho lợi ích của nhân dân, có năng lực hoạch định và tổ chức thực hiện các quyết sách đúng đắn, hiệu quả, cũng như duy trì sự ổn định và phát triển của xã hội. Tính chính đáng của Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo Nhà nước và xã hội được lịch sử cách mạng Việt Nam chứng minh. Từ thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945, sự ra đời của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (nay là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam), đến lãnh đạo nhân dân kháng chiến giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, tiến hành công cuộc đổi mới, xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc nền độc lập của Tổ quốc.

Về phương diện thể chế, *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* (bổ sung, phát triển năm 2011) khẳng định: “Đảng Cộng sản Việt Nam là Đảng cầm quyền, lãnh đạo Nhà nước và xã hội”<sup>(1)</sup>. Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam quy định: “Đảng Cộng sản Việt Nam là Đảng cầm quyền... Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị, đồng thời là một bộ phận của hệ thống ấy”<sup>(2)</sup>. Các bản

Hiến pháp của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1980, năm 1992 và năm 2013 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) đều ghi nhận Đảng Cộng sản Việt Nam... là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội. Mặt khác, Hiến pháp cũng quy định Đảng hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật.

Đảng Cộng sản Việt Nam luôn được nhân dân tin tưởng, thừa nhận là đảng duy nhất lãnh đạo Nhà nước và xã hội. Quyền lực nhà nước là quyền lực công, là công cụ để quản lý, dẫn dắt và phục vụ xã hội, bảo đảm vai trò cầm quyền của Đảng. Vì vậy, không chỉ chính đảng trong giành chính quyền, Đảng duy trì tính chính đảng trong việc cầm quyền, bởi nó chính là cơ sở, nền tảng để người dân tiếp tục đặt niềm tin vào Đảng, đi theo Đảng, tự nguyện phục tùng sự lãnh đạo của Đảng để Đảng đạt được hiệu lực và hiệu quả trong cầm quyền. Do một đảng duy nhất cầm quyền, nên trong mỗi giai đoạn cầm quyền, tính chính đảng cao hay thấp sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến uy tín của Đảng đối với nhân dân, ảnh hưởng trực tiếp đến sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và mục tiêu mà chúng ta đang hướng đến: dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Vấn đề trung tâm của thể chế nói chung và thể chế chính trị nói riêng là phải tạo được động lực phát triển trong mỗi con người, tổ chức, cộng đồng, kết nối thành động lực phát triển của cả dân tộc. Xét một cách tổng quát, động lực đó phải được tạo lập đồng bộ cả về mặt lợi ích kinh tế, lợi ích tinh thần - giá trị xã hội, giá trị dân chủ và pháp quyền, giá trị đạo đức, giá trị sáng tạo của các chủ thể trong xã hội. Điều đó xác định rõ vị thế lãnh đạo, cầm quyền của Đảng trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, Nhà nước thể

ché hóa đường lối của Đảng thành pháp luật, khi đó việc tuân theo pháp luật của cả xã hội (bao gồm cả Đảng) chính là tuân theo sự lãnh đạo của Đảng. Đây là những khẳng định rất quan trọng bảo đảm tính hợp pháp trong cầm quyền của Đảng. Trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, tính chính đáng của Đảng cầm quyền không tách rời yêu cầu kiểm soát quyền lực, thượng tôn Hiến pháp và pháp luật, cũng như hiệu quả quản trị quốc gia.

Thể chế chính trị phải hướng tới tạo lập các giá trị đặc trưng cơ bản, đồng thời tương tác với các thể chế khác để tạo động lực tổng hợp cho sự phát triển. Thể chế chính trị cần xây dựng và thực thi các giá trị chủ yếu sau: giá trị quyền lực chính trị chân chính, thúc đẩy phát triển, đặt lợi ích quốc gia - dân tộc, lợi ích nhân dân lên hàng đầu, chống tha hóa quyền lực, tham nhũng; giá trị pháp quyền và dân chủ; giá trị quyền con người và quyền công dân; giá trị lý tưởng, giá trị dân tộc - chân hưng dân tộc.

### *Thứ hai, hệ tư tưởng tiến bộ, khoa học và cách mạng*

Hệ tư tưởng là trụ cột lý luận của thể chế Đảng lãnh đạo, cầm quyền. Đảng Cộng sản Việt Nam lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động, được khẳng định nhất quán trong Cương lĩnh xây dựng đất nước và các văn kiện của Đảng qua các thời kỳ và Điều 4 Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn nắm vững bản chất khoa học và cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lênin, vận dụng vào thực tiễn đất nước. Chủ tịch Hồ Chí

Minh luôn khẳng định chủ nghĩa Mác - Lênin như “cầm nang thần kỳ”, “mặt trời chói lọi” soi sáng con đường cách mạng nước ta. Quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng luôn “nắm vững, vận dụng sáng tạo, góp phần phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh”.

Chủ nghĩa Mác - Lênin vừa là một hệ thống lý luận khoa học, vừa là kim chỉ nam hành động, định hướng cho cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân và nhân dân lao động nhằm giải phóng xã hội khỏi áp bức, bất công, hướng tới một xã hội công bằng, văn minh, có tính cách mạng và khoa học. Tư tưởng Hồ Chí Minh là hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, là kết quả của sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của nước ta, kế thừa và phát triển các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu văn hóa nhân loại. Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh với bản chất cách mạng và khoa học là ngọn cờ tư tưởng của Đảng hiệu triệu cả nước trong cách mạng giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ đất nước trên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Bài học đầu tiên mà Đại hội lần thứ XIII của Đảng xác định là: “Kiên định, vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền và sức chiến đấu của Đảng... thực hiện nghiêm các nguyên tắc xây dựng Đảng, thường xuyên đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng... kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ; đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí”<sup>(3)</sup>. Đồng thời, trong nhiệm vụ xây dựng Đảng về chính trị, Đảng xác định, kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng

Hồ Chí Minh, không ngừng vận dụng và phát triển sáng tạo phù hợp với thực tiễn Việt Nam trong từng giai đoạn. Kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Kiên định đường lối đổi mới vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Kiên định các nguyên tắc xây dựng Đảng.

Ngay từ rất sớm, trong hành trình tìm đường cứu nước, từ khi tiếp thu chủ nghĩa Mác - Lênin, năm 1924, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã rất đúng khi cho rằng: “Dù sao cũng không thể cấm bỏ sung “cơ sở lịch sử” của chủ nghĩa Mác bằng cách đưa thêm vào đó những tư liệu mà Mác ở thời kỳ mình không thể có được. Mác đã xây dựng học thức của mình trên một triết lý nhất định của lịch sử, nhưng lịch sử nào? Lịch sử châu Âu. Mà châu Âu là gì? Đó chưa phải là toàn thể nhân loại... Xem xét lại chủ nghĩa Mác về cơ sở lịch sử của nó, củng cố nó bằng dân tộc học phương Đông. Đó chính là nhiệm vụ mà các xôviết đảm nhiệm”<sup>(4)</sup>.

Hơn 95 năm qua, Đảng đã lãnh đạo cách mạng Việt Nam giành được những thắng lợi to lớn, có ý nghĩa lịch sử trong cuộc đấu tranh giành độc lập và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Gần 40 năm Đảng khởi xướng và lãnh đạo công cuộc đổi mới toàn diện đất nước: “Chúng ta đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử, phát triển mạnh mẽ, toàn diện hơn so với những năm trước đổi mới. Với tất cả sự khiêm tốn, chúng ta vẫn có thể nói rằng: *Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay*”<sup>(5)</sup> như cố Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng khẳng định. Đó là minh chứng rõ nhất về sự phát triển lý luận về chủ nghĩa xã hội khoa học trong điều kiện mới. Điều đó chứng tỏ lý luận về đường lối đổi mới của Đảng là

sự bổ sung vào nền tảng tư tưởng của Đảng, đang được tập trung nghiên cứu, khẳng định và có thể trở thành một bộ phận quan trọng trong nền tảng tư tưởng của Đảng, khẳng định những giá trị trường tồn của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh - hệ tư tưởng khoa học, cách mạng của Đảng đã, đang và sẽ tiếp tục soi sáng con đường cách mạng Việt Nam.

*Thứ ba, tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả*

Để thực hiện sứ mệnh của tổ chức phải có bộ máy tinh, gọn, mạnh. Cơ cấu tổ chức bộ máy, quy định mối quan hệ giữa các bộ phận trong bộ máy và vấn đề nhân sự là những yếu tố quan trọng, năng động nhất tác động trực tiếp đến hiệu lực, hiệu quả hoạt động của tổ chức và quyết định sự tồn tại của tổ chức.

Đổi mới để tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; trách nhiệm giải trình cao, đội ngũ cán bộ, công chức chuyên nghiệp, liêm chính, kỷ cương, dân thân, sáng tạo,... luôn là vấn đề khó khăn, khó đổi mới vì lợi ích chi phối từ nhiều phía. Đổi mới tổ chức tác động đến tư tưởng, tâm lý của cán bộ, đảng viên, tức là sự đấu tranh tư tưởng giữa đổi mới và bảo thủ, giữa trách nhiệm lâu dài với Đảng, đất nước với tâm lý theo “tư duy nhiệm kỳ”, giữa động cơ vì sự trong sạch, vững mạnh của Đảng với động cơ lợi dụng kẽ hở của thể chế hiện hành để mưu cầu lợi ích cục bộ, lợi ích cá nhân.

Do đó, nhận thức đúng sự cần thiết cấp bách và ý nghĩa của việc hoàn thiện thể chế, từ đó nêu cao trách nhiệm, quyết tâm của các cơ quan, cán bộ lãnh đạo của Đảng là điều kiện tiên quyết, cần nhận thức

rõ công tác hoàn thiện thể chế là “đột phá của đột phá” trong xây dựng, chỉnh đốn Đảng; là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên, xuyên suốt của quá trình xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, để Đảng thật sự xứng đáng với vai trò Đảng lãnh đạo, cầm quyền. Đầu tư cho hoàn thiện thể chế là đầu tư cho phát triển, được ưu tiên trước hết. Chất lượng của các thể chế về công tác xây dựng Đảng được hoàn thiện phải thể hiện được sự trung thành và vận dụng, phát triển sáng tạo học thuyết Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng; bám sát thực tiễn đất nước và thực tiễn xây dựng, chỉnh đốn Đảng; tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm của các đảng cầm quyền trên thế giới; bảo đảm đúng yêu cầu, định hướng đối với công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị.

Thể chế mới phải kế thừa những hợp lý trong thể chế đang vận hành, đồng thời có những đổi mới, điều chỉnh phù hợp với tình hình mới; bảo đảm tính đồng bộ giữa các bộ phận cấu thành của thể chế; giữa thể chế trên các mặt của công tác xây dựng Đảng; giữa thể chế về công tác xây dựng Đảng với thể chế xây dựng Nhà nước, thể chế chính trị, thể chế kinh tế chung của xã hội; gắn kết giữa “xây” và “chống”. Kết quả này tùy thuộc vào sự chủ động, tích cực, quyết tâm chính trị cao của các cấp ủy; tập trung giải quyết các vấn đề lý luận và thực tiễn quan trọng, cấp bách, đồng thời phải có bước đi vững chắc, vừa làm vừa tổng kết, rút kinh nghiệm.

Đối với công việc đặc biệt hệ trọng này, cần bảo đảm tăng cường sự lãnh đạo toàn diện, trực tiếp của Đảng trong công tác xây dựng thể chế; các cấp ủy đảng phải lãnh đạo toàn diện, trực tiếp việc thể chế hóa các chủ trương mới của Đảng về xây dựng Đảng thành các nghị

quyết, chỉ thị, quy chế, quy định cụ thể và tăng cường kiểm tra, giám sát công việc này. Mỗi cán bộ, đảng viên phải tích cực tham gia vào quá trình hoàn thiện thể chế. Người đứng đầu cấp ủy phải trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo công tác xây dựng thể chế, chịu trách nhiệm chính về chất lượng nghị quyết, chỉ thị, quy chế, quy định thuộc cấp mình ban hành; cơ quan tham mưu, giúp việc chịu trách nhiệm về các đề án được giao nghiên cứu, soạn thảo; cấp ủy có biện pháp xử lý đối với tổ chức, cá nhân không thực hiện đầy đủ trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo công tác xây dựng thể chế.

*Thứ tư, nội dung, phương thức lãnh đạo, cầm quyền*

Thực chất của đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo, cầm quyền là hoàn thiện thể chế về mối quan hệ giữa các bộ phận trong hệ thống chính trị: Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội.

Với vị thế lãnh đạo, cầm quyền, các văn bản của Đảng có tầm quan trọng đặc biệt, là căn cứ chính trị để cả hệ thống chính trị vận hành đúng hướng. Do đó, các văn bản của Đảng ban hành phải có căn cứ lý luận và thực tiễn vận hành của cả hệ thống chính trị, vừa phải giữ đúng nguyên tắc, vừa phải bảo đảm tính cụ thể, dễ hiểu, dễ nhớ, dễ thực hiện, dễ kiểm tra, giám sát. Để có được các nghị quyết, chỉ thị, kết luận, quy chế, quy định đúng đắn, kịp thời đòi hỏi các cơ quan có thẩm quyền ban hành và các cơ quan đề xuất phải có đủ trình độ, năng lực cần thiết. Nắm vững các nguyên lý, quan điểm về Xây dựng Đảng, các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng, thực tiễn công tác xây dựng Đảng, thực tiễn hoạt động của cả hệ thống chính trị và thực tiễn đất nước là điều kiện thiết yếu để nghiên cứu, bổ sung, hoàn thiện thể

ché. Để có được các quyết định đúng đắn trong công tác xây dựng Đảng, các cơ quan lãnh đạo của Đảng phải có đủ trình độ, năng lực lãnh đạo; nắm vững nghiệp vụ công tác đảng; bảo đảm dân chủ nội bộ; năng lực thuyết phục, quyết đoán khi có các ý kiến khác nhau. Việc ban hành mới hoặc sửa đổi, bổ sung quy chế, quy định phải có sự tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận nghiêm túc, trên cơ sở bám sát thực tiễn, sâu sát cơ sở và nắm bắt diễn biến tình hình tư tưởng của cán bộ, đảng viên cũng như dư luận xã hội. Trong công việc này, các cơ quan tham mưu, giúp việc cấp ủy, nhất là cấp Trung ương, các ban chỉ đạo xây dựng đề án có vai trò đặc biệt quan trọng. Vì vậy, trình độ nhận thức lý luận chính trị, mức độ tinh thông nghiệp vụ và bề dày kinh nghiệm công tác đảng của đội ngũ này ảnh hưởng lớn đến tiến độ, nhất là chất lượng các nghị quyết, chỉ thị, kết luận, quy chế, quy định về công tác xây dựng Đảng mà cấp ủy ban hành.

Quy trình thực hiện việc hoàn thiện thể chế ảnh hưởng trực tiếp đến tiến độ, chất lượng hoàn thiện thể chế. Quy trình xây dựng, ban hành văn bản thuộc thể chế về công tác xây dựng Đảng nên phải bảo đảm thật sự dân chủ, khoa học, chuyên nghiệp, kịp thời, thiết thực, khả thi, hiệu quả. Các hoạt động khảo sát thực tế, tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận, hội thảo khoa học, lấy ý kiến các đối tượng liên quan, tham khảo kinh nghiệm nước ngoài, đánh giá tác động phải được thực hiện kỹ lưỡng, thực chất và khoa học. Phân biệt rõ và hợp lý giữa các loại hình văn bản; nghị quyết, chỉ thị, kết luận, thông báo, quy chế, quy định, quyết định, hướng dẫn; giữa văn bản có tính chất “khung”, “mẫu” để cấp dưới vận dụng, tự quyết định và văn bản áp dụng trực tiếp. Cần nhắc phân công hợp lý việc chủ trì tổ chức nghiên

cứu, soạn thảo văn bản giữa cơ quan tham mưu, giúp việc cấp ủy và ban chỉ đạo do cấp ủy thành lập. Thực hiện nghiêm túc cơ chế tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của các đối tượng chịu sự tác động. Đối với những vấn đề mới, khó, có ý kiến khác nhau có thể chỉ dự thảo, tiến hành làm thí điểm, sau đó tiến hành tổng kết, kết luận trở thành quyết định chính thức.

Thể chế do những con người cụ thể xây dựng và hoàn thiện, nên không tránh khỏi sự tác động của nhân tố chủ quan tiêu cực. Đơn cử pháp luật - thành tố quan trọng nhất của thể chế nhà nước và thường được xây dựng, thảo luận, thông qua các quy trình rất nghiêm ngặt, chặt chẽ, nhưng vẫn có thể có sự chi phối của một số cá nhân, của “nhóm lợi ích” vì động cơ ích kỷ, vụ lợi. Vì vậy, Đảng phải thực hiện nghiêm kỷ cương, kỷ luật, các quy định về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, “lợi ích nhóm” trong xây dựng và thi hành pháp luật. Mới đây, Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị “về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới” nêu rõ: “Tăng cường kiểm soát quyền lực; phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, lợi ích nhóm, lợi ích cục bộ; phòng ngừa, ngăn chặn mọi biểu hiện trục lợi, hướng lái chính sách”. Đối với việc hoàn thiện thể chế về công tác xây dựng Đảng có thể không có những hiện tượng “lợi ích nhóm” thao túng quy định, nhưng cũng cần chú ý tránh những biểu hiện duy ý chí, áp đặt ý kiến chủ quan của một số lãnh đạo mà không cân nhắc các điều kiện thực tế khi đề ra một số chủ trương, quy chế, quy định. Đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo, cầm quyền vì vậy không chỉ là yêu cầu tổ chức - kỹ thuật, mà là sự

điều chỉnh mang tính thể chế nhằm thích ứng với những biến đổi sâu sắc của môi trường phát triển và quản trị quốc gia hiện đại.

*Thứ năm, năng lực, đạo đức, uy tín của Đảng lãnh đạo, cầm quyền*

Đời sống chính trị, tư tưởng, tâm trạng và đạo đức xã hội tác động trực tiếp đến hoạt động của Đảng, trong đó có việc hoàn thiện thể chế về xây dựng Đảng. Tuyệt đại đa số nhân dân tin tưởng vào Đảng; mong muốn Đảng trong sạch, vững mạnh, chống tiêu cực trong Đảng hiệu quả hơn; ủng hộ các chủ trương mới của Đảng trong công tác xây dựng Đảng, nhất là công tác tổ chức, cán bộ; đóng góp ý kiến thiết thực để xây dựng Đảng;... Đây là những điều kiện thuận lợi để Đảng hoàn thiện thể chế về công tác xây dựng Đảng. Nhân dân phát giác, phản ánh với Đảng những hiện tượng tiêu cực, điểm chưa thật hợp lý trong công tác xây dựng Đảng là nhân dân còn quan tâm tới Đảng, còn tin tưởng vào Đảng, còn mong muốn Đảng ngày một trong sạch, vững mạnh hơn.

Năng lực lãnh đạo của Đảng lãnh đạo, cầm quyền là đề ra và tổ chức thực hiện thành công những hoạt động mang tính đột phá, bứt phá, tăng tốc phát triển để bước vào kỷ nguyên phát triển mới, phấn đấu đạt được các mục tiêu đã đề ra vào năm 2030 - kỷ niệm 100 năm ngày thành lập Đảng và vào năm 2045 - kỷ niệm 100 năm ngày thành lập nước. Đây là quãng thời gian đất nước ta lập nên những thành tựu mang tính lịch sử. Sự phát triển nhanh, bao trùm, toàn diện, vững chắc đất nước thúc đẩy và tạo sức ép lớn đối với chất lượng nội bộ và hiệu lực, hiệu quả lãnh đạo, cầm quyền của Đảng. Trước những thay đổi lớn về đổi mới trong tổ chức của hệ thống chính trị, rõ ràng thể chế về công tác xây dựng Đảng phải có nhiều thay đổi, trong đó có những

thay đổi cơ bản. Trước mắt, có thể chấp nhận tình trạng vừa đổi mới tổ chức, vừa xác lập các mối quan hệ chủ yếu giữa các tổ chức, “vừa chạy, vừa xếp hàng”, nhưng sau khi ổn định tổ chức của cả hệ thống chính trị nhất thiết phải hoàn thiện thể chế để các tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên có căn cứ thực hiện và tạo lập sự thống nhất chung trong hoạt động của toàn Đảng.

Điểm nổi bật của nhiệm vụ chính trị hiện nay là tập trung thực hiện cuộc cách mạng chuyển đổi số quốc gia. Đây cũng là một điều kiện rất thuận lợi đối với việc hoàn thiện thể chế về công tác xây dựng Đảng. Tăng cường chuyển đổi số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn trong xây dựng, hoàn thiện thể chế về công tác xây dựng Đảng. Thực hiện tốt Đề án Chuyển đổi số trong các cơ quan đảng (ban hành kèm theo Quyết định số 204-QĐ/TW ngày 29/11/2024 của Ban Bí thư Trung ương Đảng “về phê duyệt Đề án Chuyển đổi số trong các cơ quan đảng, nhằm nâng cao nhận thức cho cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp và cán bộ, đảng viên, công chức các cơ quan đảng tỉnh”) là cách thức tận dụng kết quả chuyển đổi số trong các ngành, các lĩnh vực, cơ quan, tổ chức trong toàn xã hội để nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các tổ chức đảng gắn với cải cách hành chính trong Đảng, đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng trong thời kỳ mới.

Đạo đức, uy tín của Đảng cầm quyền phụ thuộc chủ yếu vào công tác phòng, chống suy thoái trong Đảng và hệ thống chính trị. Chỉ tính 03 nhiệm kỳ liên tiếp gần đây, nhiệm kỳ nào cũng dành thời lượng đáng kể cho công tác này. Theo đó, 03 nhiệm vụ cấp bách trong xây dựng Đảng được xác định: (1) Kiên quyết đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của

một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên, trước hết là cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp để nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng, củng cố niềm tin của đảng viên và của nhân dân đối với Đảng; (2) Xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, nhất là cấp Trung ương, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế; (3) Xác định rõ thẩm quyền, trách nhiệm người đứng đầu cấp ủy, chính quyền trong mối quan hệ với tập thể cấp ủy, cơ quan, đơn vị; tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng.

*Thứ sáu, sự thừa nhận, ủng hộ của nhân dân đối với việc lãnh đạo, cầm quyền của Đảng*

Sự thừa nhận, suy tôn của nhân dân đối với việc lãnh đạo, cầm quyền của Đảng là kết quả cuối cùng, là thước đo chủ yếu để đánh giá năng lực lãnh đạo, cầm quyền của Đảng. Trong thể chế phát triển có những chế định mang tính nguyên tắc chi phối chung, lâu dài; có những chế định mang tính thời đoạn, thích ứng với những điều kiện, lĩnh vực cụ thể. Tuy nhiên, nhìn chung, thể chế chính trị phải quy tụ được nhân tâm của nhân dân, gắn kết được các lợi ích cá nhân với lợi ích xã hội, lợi ích dân tộc, tạo được niềm tin và ý chí chấn hưng quốc gia, dân tộc - động lực cốt lõi của thể chế phát triển nhanh, bền vững.

Trong bối cảnh quốc tế và khu vực diễn biến phức tạp, nhiều biến động khó lường, đòi hỏi phải chủ động, điều chỉnh kịp thời chiến lược và cơ chế, chính sách hợp tác và hội nhập quốc tế, vừa có tầm nhìn dài hạn, vừa ứng phó có hiệu quả, giảm tác động tiêu cực đối với sự phát triển của đất nước; có những đối sách để bảo vệ lợi ích quốc gia - dân tộc. Chủ động tham gia kiến tạo môi trường hòa bình, ổn định, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển và bảo vệ độc lập, chủ

quyền và toàn vẹn lãnh thổ đất nước; đẩy mạnh tham gia vào các quan hệ đa phương và song phương; tham gia vào các chuỗi sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu. Hoàn thiện cơ chế, chính sách và các giải pháp để thực hiện hiệu quả các hiệp định và cam kết quốc tế mà Việt Nam tham gia.

3. *Tóm lại*, thể chế Đảng lãnh đạo, cầm quyền là tổng thể các nguyên tắc, cơ chế và phương thức bảo đảm Đảng thực hiện vai trò lãnh đạo Nhà nước và xã hội một cách chính đáng, hiệu lực và hiệu quả. Việc nhận diện đầy đủ các yếu tố cấu thành thể chế Đảng lãnh đạo, cầm quyền có ý nghĩa quan trọng cả về phương diện lý luận và thực tiễn, góp phần làm rõ cơ sở chính trị, pháp lý, nền tảng tư tưởng, tổ chức bộ máy, phương thức lãnh đạo, năng lực, đạo đức, uy tín của Đảng cũng như sự thừa nhận của nhân dân trong điều kiện mới□

---

(\*) Bài viết trong khuôn khổ Đề tài khoa học cấp Nhà nước: “Nghiên cứu, hoàn thiện thể chế Đảng lãnh đạo, cầm quyền nhằm tạo động lực phát triển nhanh và bền vững đất nước trong điều kiện mới”, Mã số KX.05.03/21-30

(1) Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.88

(2) Đảng Cộng sản Việt Nam, *Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, tr.5-6

(3) và (5) Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t.I, tr.95-96 và 25

(4) Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.1, tr.509-510

**Nguồn: Tạp chí Khoa học chính trị.- 2025.- Số 10.- Tr.56-62.**

**TINH GỌN BỘ MÁY CỦA HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ:  
TỪ CHỈ DẪN CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH  
ĐẾN ĐỊNH HƯỚNG CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM HIỆN NAY**

**TS. TRẦN THỊ KIM NINH**  
Học viện Chính trị khu vực II,  
Học viện Chính trị quốc gia  
Hồ Chí Minh

**TS. VĂN THỊ THANH MAI**  
Phó Tổng Biên tập  
Tạp chí Tuyên giáo

Ngày nhận bài: 22/3/2025; Ngày thẩm định: 29/3/2025; Ngày duyệt đăng: 20/5/2025

**Tóm tắt:** Sau khi Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời năm 1945, những chỉ dẫn của Chủ tịch Hồ Chí Minh về bộ máy nhà nước, về các yếu tố như tính hiệu quả, tinh gọn, phục vụ nhân dân, vẫn còn nguyên giá trị. Những chỉ dẫn này cần được vận dụng sáng tạo trong cuộc cách mạng tinh gọn bộ máy của hệ thống chính trị Việt Nam hiện nay.

**Từ khóa:** *Chủ tịch Hồ Chí Minh; Đảng Cộng sản Việt Nam; hệ thống chính trị; tinh gọn bộ máy*

**1. Đặt vấn đề**  
Chủ tịch Hồ Chí Minh là người sáng lập nhà nước kiểu mới - nhà nước của dân, do dân, vì dân, nơi quyền lợi và quyền làm chủ của nhân dân được tôn vinh hàng đầu. Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng chính là người khởi xướng và đặt nền tảng cho công cuộc cải cách, tinh giản bộ máy công quyền. Người chỉ rõ, cán bộ nhà nước là “công bộc”, là “đầy tớ” của nhân dân, do đó phải tận tâm, tận

lực phục vụ nhân dân. Một bộ máy công kênh, nhiều thủ tục phiền hà sẽ là gánh nặng cho dân và làm suy yếu mối liên hệ giữa nhà nước với nhân dân. Chính vì vậy, việc sắp xếp tổ chức phải khoa học, chức năng nhiệm vụ của từng cơ quan, từng cá nhân phải rõ ràng, tránh chồng chéo. Mục tiêu cao nhất của việc tinh gọn này là để bộ máy đó có thể phục vụ nhân dân một cách thiết thực và hiệu quả nhất, tránh được nạn quan liêu, tham nhũng, sách nhiễu nhân dân.

Quyết định tinh giản biên chế và sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị theo Kết luận số 121-KL/TW ngày 24/01/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII “về tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII “Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”” và Kết luận số 126-KL/TW ngày 14/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư “về một số nội dung, nhiệm vụ tiếp tục sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị năm 2025” thật sự là một cuộc cách mạng để “phá cái cũ đổi ra cái mới”<sup>(1)</sup> theo tư tưởng Hồ Chí Minh. Trên tinh thần “cần chỉnh đốn và kiện toàn bộ máy từ trên xuống dưới làm cho nó gọn gàng, hợp lý, ít tốn người tốn của mà làm được nhiều việc ích lợi cho nhân dân”<sup>(2)</sup>, cuộc cách mạng tinh giản biên chế và sắp xếp tổ chức bộ máy này đã, đang, tiếp tục được Tổng Bí thư Tô Lâm cùng toàn Đảng, toàn dân, toàn quân thực hiện chính là sự phá bỏ bộ máy cũ công kênh, kém hiệu quả để thay bằng một cơ cấu tổ chức mới tinh, gọn, nhẹ, hợp lý, hiệu quả để bước vào kỷ nguyên phát triển mới - kỷ nguyên xây dựng nước đất nước Việt Nam phát triển giàu mạnh, thịnh vượng.

## **2. Tinh gọn bộ máy để “làm cho bộ máy ấy chạy nhanh hơn, đều hơn, để đi mau đến thắng lợi hoàn toàn”<sup>(3)</sup>**

Từ khi Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời, những vấn đề liên quan đến tổ chức bộ máy và biên chế tại các cơ quan công quyền đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh đề cập trong nhiều bài viết, bài nói, như: *Cách tổ chức các Ủy ban nhân dân* (ngày 11/9/1945), *Thư gửi các đồng chí tỉnh nhà* (ngày 17/9/1945), *Chính phủ là công bộc của dân* (ngày 19/9/1945), *Thiếu óc tổ chức - một khuyết điểm lớn trong các Ủy ban nhân dân* (ngày 04/10/1945), *Tinh thần tự động trong các Ủy ban nhân dân* (ngày 05/10/1945), *Sao cho được lòng dân* (ngày 12/10/1945), *Thư gửi Ủy ban nhân dân các kỳ, tỉnh, huyện và làng* (ngày 17/10/1945), *Thư gửi các đồng chí Bắc Bộ* (ngày 01/3/1947), *Gửi Bộ Nội vụ* (ngày 10/3/1947), *Thư gửi các đồng chí Trung Bộ* (năm 1947), *Bài nói chuyện trong buổi bế mạc hội nghị cán bộ của Đảng lần thứ sáu* (ngày 18/01/1949), *Thư gửi Hội nghị kháng chiến hành chính* (tháng 4/1949), *Bài nói tại Hội nghị cung cấp toàn quân lần thứ nhất* (ngày 25/6/1952), *Bài nói chuyện tại lớp chỉnh huấn các cơ quan khu I* (ngày 25/8/1953), *Lời khai mạc Hội nghị lần thứ bảy mở rộng của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam khóa II* (ngày 03/3/1955), *Bài nói tại hội nghị truyền đạt Nghị quyết của Bộ Chính trị và Nghị quyết của Hội đồng Chính phủ về kế hoạch Nhà nước năm 1962* (ngày 11/01/1962),... Trong đó, Người quan tâm cách thức tổ chức bộ máy gọn nhẹ, rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ; mọi người trong bộ máy đó đều được phân công công việc cụ thể, hợp lý, đúng người đúng việc, tránh tình trạng chỗ thiếu, chỗ thừa,... bảo đảm các bộ phận trong guồng máy hoạt động đồng bộ,

hiệu quả để phụng sự nhân dân được tốt nhất. Từ rất sớm, Sắc lệnh số 77-SL ngày 21/12/1945 “về việc tổ chức chính quyền nhân dân Chính phủ lâm thời” do Chủ tịch Hồ Chí Minh ký đã quy định rõ tại Điều 3: “Ở mỗi thành phố sẽ đặt ba thứ cơ quan: Hội đồng nhân dân thành phố, Ủy ban hành chính thành phố và Ủy ban hành chính khu phố”. Theo đó, “Ủy ban có từ 5 đến 7 người phải cử ra: 1) Một Chủ tịch, đứng đầu Ủy ban... 2) Một Phó Chủ tịch, giúp đỡ và thay Chủ tịch khi anh này bận hay đi vắng. 3) Một Thư ký giữ sổ sách, làm biên bản trong các cuộc hội họp. 4) Một Ủy viên phụ trách chính trị... 5) Một Ủy viên phụ trách kinh tế tài chính... 6) Một Ủy viên phụ trách quân sự... 7) Một Ủy viên phụ trách xã hội... Chủ tịch, Phó Chủ tịch và Thư ký có thể kiêm phụ trách hoặc kinh tế, tài chính, hoặc tuyên truyền huấn luyện, hoặc quân sự, hoặc xã hội”<sup>(4)</sup>. Sự cần thiết tinh gọn các bộ, các cơ quan ngang bộ trong Chính phủ đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định rõ khi trả lời phỏng vấn của các nhà báo hỏi về việc sao Chính phủ từ 13 bộ “bây giờ lại chỉ có 10 bộ” ngày 26/12/1945 là: “Vì nước mình nhỏ nên không cần nhiều bộ”<sup>(5)</sup>.

Trong những năm sau đó, từ thực trạng tổ chức và hoạt động của bộ máy chính quyền cách mạng non trẻ (vốn công việc thì nhiều mà kinh nghiệm còn thiếu), Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm đến vấn đề tổ chức bộ máy một cách khoa học, gọn nhẹ, nhưng bảo đảm hoạt động hiệu quả để giải quyết khối lượng lớn công việc liên quan đến tình hình chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại,... của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Đồng thời, trên tinh thần trọng dụng, yêu thương con người “dụng nhân như dụng mộc”/“tài to ta dùng làm việc to, tài nhỏ ta cắt làm việc nhỏ, ai có

năng lực về việc gì ta đặt ngay vào việc ấy”, Chủ tịch Hồ Chí Minh yêu cầu những người làm công tác cán bộ phải nhận thức rõ rằng: “Chúng ta tất cả mọi người, bất kỳ ở một chức vụ nào, cao hay thấp, to hay nhỏ, tất cả mọi người làm thành một bộ máy. Thiếu một người nào hay có một người không làm tròn nhiệm vụ là hỏng cả”<sup>(6)</sup>, để xem xét “công việc có việc khó việc dễ, việc nặng việc nhẹ” nhằm “phân phối thể nào cho người đúng với việc, việc đúng với người, và ai cũng có công việc, cũng phấn khởi lao động”<sup>(7)</sup>. Làm tốt công việc này sẽ khắc phục được tình trạng “chia công việc không khéo thành ra tư biện: nhiều việc quá thì sao làm được đến nơi đến chốn, vì thì giờ và sức lực người ta chỉ có chừng. Có kế hoạch làm việc nhưng sắp đặt công việc không khéo, phân công không sáng suốt thì việc cũng đến hỏng”<sup>(8)</sup> - gây lãng phí sức người và thiệt hại về kinh tế...

Thực tế, Chủ tịch Hồ Chí Minh không chỉ quan tâm vấn đề tổ chức bộ máy, mà còn nhấn mạnh việc đổi mới, chỉnh đốn tổ chức, nâng cao chất lượng hoạt động của bộ máy và coi đó là nhiệm vụ thường xuyên phải làm. Trước hết, “*Tổ chức* của Đảng cần phải kiện toàn hơn. *Lề lối làm việc* cần phải tiến bộ hơn”<sup>(9)</sup>. Tiếp đó là “2. Chấn chỉnh bộ máy chính quyền từ dưới lên trên, bắt đầu từ xã; dưới làm lên trên, trên làm xuống dưới, tự nhiên mọi việc sẽ thành... 4. Chỉnh đốn các đoàn thể quần chúng. Ta thắng lợi là nhờ dân mà hiện giờ nhiều đoàn thể dân chúng còn rất kém. 5. Muốn làm được những việc trên, trước hết phải chỉnh đốn nội bộ Đảng. Phải nêu ra những việc chính, nắm lấy đó mà làm”<sup>(10)</sup>..., để Đảng, hệ thống chính trị vững mạnh hơn, ngăn chặn được nguy cơ gây ra những căn bệnh cá nhân chủ nghĩa trong tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ. Cụ thể, Người yêu cầu “các

cơ quan đều phải tiết kiệm. Riêng cơ quan cung cấp tổ chức còn kèn càng, thừa người, phải sắp xếp cho gọn gàng, hợp lý, mọi người đều có công việc thiết thực, những người thừa phải đưa đi chỗ thiếu, những người ở lại phải thi đua nâng cao năng suất của mình. Thế là tinh giản, tinh là năng suất lên cao, làm cho mau cho tốt, giản là vừa phải, không kèn càng, tránh hình thức”<sup>(11)</sup> để “tổ chức phải gọn gàng. Nhiệm vụ của mỗi bộ phận, mỗi người phải quy định rõ ràng. Các cấp và các cán bộ lãnh đạo phải giúp đỡ và đôn đốc thường xuyên, phải kiểm tra chặt chẽ”<sup>(12)</sup>, làm cho bộ máy dù gọn nhẹ nhưng vẫn bảo đảm hoạt động hiệu quả. Đặc biệt, trong những năm miền Bắc thực hiện kế hoạch 05 năm lần thứ nhất, từ việc nhận thức rõ vấn đề “về biên chế - Từ các bộ, các ngành và các địa phương, bộ máy đều quá công kèn càng và càng ngày càng phình ra. Vì vậy mà sinh ra quan liêu, lãng phí”<sup>(13)</sup>, Chủ tịch Hồ Chí Minh yêu cầu “từ nay, chúng ta phải có một chuyển biến thật mạnh. Từ trên đến dưới, từ Trung ương đến địa phương đều phải chuyển mạnh... Các bộ, các tỉnh, các ngành, các nghề đều phải nâng cao tinh thần trách nhiệm, phải có biện pháp cụ thể, thiết thực, toàn diện và kịp thời”<sup>(14)</sup> để hoàn thành và hoàn thành thắng lợi kế hoạch nhà nước hằng năm nói riêng, công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc để miền Bắc trở thành hậu phương lớn xã hội chủ nghĩa của tiền tuyến lớn miền Nam nói chung...

Vì thế, tinh gọn bộ máy đi đôi với tinh giản biên chế trong cả hệ thống chính trị theo tư tưởng Hồ Chí Minh chính là chỉnh đốn, kiện toàn, tinh gọn tổ chức và sắp xếp nhân sự hợp lý để nâng cao tính thống nhất, bảo đảm các cơ quan, các vị trí nhân sự đều hoạt động tiết kiệm, hiệu quả, tránh lãng phí, quan liêu, cửa quyền trên tinh thần kể

thừa giá trị cốt lõi và đổi mới, phát triển (sắp xếp theo hướng đa ngành, đa lĩnh vực; cắt giảm đầu mối trung gian không cần thiết; đẩy mạnh phân công, phân quyền) chứ không phải là “đập đi để xây mới”; càng không phải chỉ đơn giản là “chuyển người” từ chỗ này sang chỗ khác, gây tổn kém, phức tạp,...

### **3. Định hướng của Đảng Cộng sản Việt Nam về tinh gọn bộ máy để tạo đà tăng tốc, bứt phá trong kỷ nguyên phát triển mới**

Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam, nên “không có cái lợi ích nào của Đảng mà không phải là lợi ích của nhân dân, hay ngược lại không có lợi ích nào của nhân dân mà không phải là lợi ích của Đảng, vì Đảng phải phục vụ quyền lợi của nhân dân”<sup>(15)</sup>. Vì thế, từ yêu cầu cấp thiết của thực tiễn, việc tinh gọn tổ chức bộ máy trong cả hệ thống chính trị theo Nghị quyết số 18-NQ/TW được triển khai trong 07 năm qua đã mang lại một số kết quả quan trọng. Việc đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy đã bước đầu tạo chuyển biến tích cực, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị. Tuy nhiên, vì nhiều nguyên nhân (khách quan và chủ quan), “việc sắp xếp tổ chức bộ máy chưa đồng bộ, chưa tổng thể, chưa gắn tinh giản biên chế với cơ cấu lại,... Chính vì vậy, cho đến nay, tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị vẫn còn chồng chéo, nhiều tầng nấc, nhiều đầu mối; hiệu lực, hiệu quả hoạt động chưa đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ” như Tổng Bí thư Tô Lâm đã nhấn mạnh (trong bài viết “Tinh - Gọn - Mạnh - Hiệu năng - Hiệu lực - Hiệu quả” ngày 05/11/2024). Thực tế cho thấy, qua gần 40 năm đổi mới và hội nhập

quốc tế sâu rộng, dù “đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay”<sup>(16)</sup> nhưng hệ lụy từ sự công kênh, nhiều tầng nấc, nhiều đầu mối, chồng chéo không chỉ gây lãng phí thời gian, tiền bạc, công sức của Nhà nước và nhân dân, mà còn trở thành gánh nặng (về ngân sách) và kìm hãm sự phát triển của đất nước. Các thủ tục hành chính với nhiều tầng nấc trung gian vừa cản trở, vừa là “điểm nghẽn” không chỉ làm nản lòng các nhà đầu tư trong nước và quốc tế, mà còn làm lỡ cơ hội phát triển, tăng tốc, bứt phá của đất nước,...

Đặc biệt, sự chồng chéo, lẫn lộn vì phân định không rõ chức năng, nhiệm vụ của các tổ chức, cá nhân không chỉ cản trở, mà còn dẫn đến tình trạng vô hiệu hóa lẫn nhau của các cơ quan, đơn vị. Ngân sách nhà nước chủ yếu dùng để phục vụ quá trình hoạt động của một bộ máy công kênh, nên không còn nhiều để dành cho đầu tư và phát triển. Vì thế, để đáp ứng yêu cầu của tình hình và nhiệm vụ cách mạng trong kỷ nguyên mới - kỷ nguyên xây dựng đất nước Việt Nam phát triển giàu mạnh, thịnh vượng dưới sự lãnh đạo của Đảng, Tổng Bí thư Tô Lâm, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân đã vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh về tinh giản biên chế và sắp xếp tổ chức bộ máy: “Các cơ quan chính quyền và đoàn thể, các cơ quan kinh tế và các Ủy ban, cần phải *nâng cao năng suất, giảm bớt số người* (tinh giản)... Vô luận thế nào cũng phải tìm đủ cách để biên chế các cơ quan lại”<sup>(17)</sup> để tiếp tục thực hiện quyết liệt Kết luận số 121-KL/TW. Trên tinh thần “chỉ bàn làm, không bàn lùi”, vì “đây là nhiệm vụ đặc biệt quan trọng, là cuộc cách mạng về tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị. Đây không chỉ là vấn đề về quy mô hay số lượng, mà sâu xa hơn là

phải tạo sự thay đổi về chất trong hoạt động của hệ thống chính trị. Các đồng chí cán bộ lãnh đạo, người đứng đầu cấp ủy, cơ quan gương mẫu, chủ động, quyết liệt trong thực hiện nhiệm vụ được giao theo tinh thần “vừa chạy vừa xếp hàng”; “Trung ương làm gương, địa phương hưởng ứng”. Từng cấp, từng ngành bám sát kế hoạch đề tổng kết và đề xuất mô hình cơ quan, đơn vị mình bảo đảm đúng tiến độ” và không tổ chức họp nhiều lần, không làm thí điểm như Tổng Bí thư Tô Lâm đã khẳng định<sup>(18)</sup>, việc “gắn tinh gọn tổ chức bộ máy với cơ cấu lại đội ngũ cán bộ đủ phẩm chất, năng lực ngang tầm nhiệm vụ, biên chế hợp lý, chuẩn hóa chức danh” đã được các cấp ủy, tổ chức đảng, người đứng đầu các cơ quan, địa phương, đơn vị trong cả hệ thống chính trị quán triệt sâu sắc và triển khai nghiêm túc.

Thực hiện theo yêu cầu và sự chỉ đạo của Tổng Bí thư Tô Lâm: “Yêu cầu chung là bộ máy mới phải tốt hơn bộ máy cũ và đi vào hoạt động ngay; không để ngắt quãng công việc, không để khoảng trống về thời gian, không để bỏ trống địa bàn, lĩnh vực; không để ảnh hưởng đến các hoạt động bình thường của xã hội, của người dân”<sup>(19)</sup>, thời gian qua, việc tinh giản biên chế, sắp xếp tổ chức bộ máy từ Trung ương đến địa phương nhằm bớt gánh nặng dùng ngân sách nhà nước “nuôi” hệ thống chính trị, đồng thời nâng cao hiệu lực, hiệu quả để “làm được nhiều việc ích lợi cho nhân dân”<sup>(20)</sup> đã được triển khai quyết liệt, nhanh chóng và đồng bộ. Cuộc cách mạng này được tuyên truyền rộng rãi trên tất cả các phương tiện báo chí truyền thông; được cấp ủy, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý, người đứng đầu mỗi địa phương, cơ quan, đơn vị thấu triệt và làm công tác tư tưởng kịp thời, nắm rõ tâm tư, nguyện vọng của cán bộ, đảng viên, công chức, viên

chức, người lao động để tuyên truyền, giải thích, động viên... đã giúp mỗi người nhận thức đúng về tính chất to lớn, quan trọng, đúng đắn, cần thiết, lâu dài, có ý nghĩa chiến lược và nhân văn của việc tinh gọn bộ máy của hệ thống chính trị và sẵn sàng đón nhận quyết định mới, cương vị mới, việc làm mới phù hợp trình độ, năng lực của mỗi người.

Về bản chất, tinh gọn bộ máy là “một cuộc sửa chữa, lau chùi, thêm dầu mỡ, thau nước cho bộ máy”<sup>(21)</sup> như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định, mà ở đây là những gì tốt, phù hợp thì giữ lại và phát huy; bộ phận nào chồng chéo, không phù hợp, lãng phí thì sắp xếp lại và nâng cao chất lượng; bộ phận nào không hiệu quả thì giải thể; chỉ thành lập mới các cơ quan, đơn vị khi thật sự cần thiết và gắn sắp xếp bộ máy với tinh giản biên chế... Trong quá trình tiến hành sắp xếp, bố trí lại cơ quan, đơn vị, nguồn nhân lực: một mặt, phải chí công vô tư đi liền với kiên quyết phòng, đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, tư duy lợi ích nhóm, cánh hẩu,... (bởi đó là trở lực, là điểm nghẽn vì liên quan đến lợi ích của nhiều cơ quan, đơn vị và cá nhân) để tạo nên một bộ máy gọn, nhẹ, hiệu năng, hiệu lực và sự phát triển cho mỗi cá nhân, đơn vị phù hợp với điều kiện thực tế của đất nước; mặt khác, phải chú ý trình độ, năng lực công tác, sở trường, phẩm chất của cán bộ, công chức, viên chức trên tinh thần “từ việc chọn người, giữ cán bộ năng lực”, không để “chảy máu chất xám để tránh tình trạng sắp xếp không phù hợp, tinh giản cực đoan để người yếu chuyên môn thì ở lại, người giỏi chuyên môn thì phải nghỉ hoặc chuyển đi...; nhất là “khi cần điều động một người cán bộ cao cấp, thì phải nói rõ lý lịch, năng lực, ưu điểm và khuyết điểm của cán bộ ấy; và vì sao cần phải điều động”<sup>(22)</sup> để bảo đảm khách quan, minh bạch, tâm phục, khẩu

phục và sự đoàn kết, thống nhất nội bộ. Thực tế, việc triển khai quyết liệt từ Trung ương đến địa phương gắn với phát huy vai nêu gương của người đứng đầu (nêu cao tinh thần chí công vô tư, đặt lợi ích chung lên trên lợi ích riêng) trong thực thi công vụ đã góp phần làm cho việc tinh giản biên chế, sắp xếp tổ chức bộ máy không chỉ nhận được sự đồng tình, ủng hộ của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, mà còn được quyết liệt, gấp rút triển khai đồng bộ, nhanh gọn, dân chủ, công khai, khoa học, hiệu quả.

Thực tế, việc sắp xếp lại các cơ quan của Đảng (hợp nhất Ban Tuyên giáo Trung ương và Ban Dân vận Trung ương; đổi tên Ban Kinh tế Trung ương thành Ban Chính sách, chiến lược Trung ương,...); Chính phủ (tổ chức bộ máy Chính phủ được tinh gọn còn 14 bộ, 03 cơ quan ngang bộ (giảm 05 bộ, ngành) và 05 cơ quan thuộc Chính phủ (giảm 03 cơ quan),...); Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (giảm từ 16 đầu mỗi ban, đơn vị (cấp vụ) xuống còn 08 đầu mỗi ban đơn vị...) và việc tiếp tục sắp xếp bỏ cấp hành chính trung gian (cấp huyện) và định hướng sáp nhập một số đơn vị hành chính cấp tỉnh... theo Kết luận số 126-KL/TW cho thấy mục tiêu tinh gọn bộ máy đã bước đầu đạt được và chắc chắn sự “tinh gọn” này sẽ còn tiếp tục triển khai để bộ máy ngày càng gọn hơn. Dù quá trình triển khai cuộc cách mạng này cũng không tránh khỏi những khó khăn, thậm chí có cả những lực cản, nhưng Tổng Bí thư Tô Lâm đã chỉ đạo “đây là vấn đề rất cấp bách, bắt buộc phải làm, càng làm sớm càng có lợi cho dân, cho nước vì đã nhiều Đại hội của Đảng từ các nhiệm kỳ trước từng đặt ra vấn đề này, đặc biệt là từ Đại hội 12 đến nay. Điều đó cho thấy Đảng đã nhìn ra và thấy cần phải thực hiện

nhưng quá trình triển khai chưa đạt mục tiêu đề ra. Đây thực sự là vấn đề khó, thậm chí rất khó vì khi tiến hành tinh gọn bộ máy sẽ liên quan đến tâm tư, tình cảm, nguyện vọng và đụng chạm tới lợi ích của một số cá nhân, tổ chức”<sup>(23)</sup>. Cho nên, đã đến lúc chúng ta “phải tiến hành vì muốn có một cơ thể khỏe mạnh, đôi khi chúng ta phải “uống thuốc đắng”, phải chịu đau để “phẫu thuật khối u” thì mới khỏe được”.

Bởi vì, tinh gọn tổ chức không chỉ tạo nên một bộ máy mới (diện mạo mới), với chức năng, nhiệm vụ không chồng chéo, bảo đảm hoạt động hiệu quả, mà còn góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của hệ thống chính trị có chất lượng cao hơn về năng lực và tinh thần dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm (“lãnh đạo yếu kém, thiếu trách nhiệm sẽ bị thay thế ngay, không để đất nước lỡ cơ hội phát triển” như Tổng Bí thư Tô Lâm đã nhấn mạnh tại *Hội nghị toàn quốc về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia tại Hà Nội*, ngày 13/01/2025) để hoàn thành trọng trách được giao, đáp ứng yêu cầu của thực tiễn. Ngày 28/3/2025, Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã ban hành Kết luận số 137-KL/TW “về Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp”. Theo đó, về số lượng đơn vị hành chính cấp tỉnh sau sắp xếp (còn 34 đơn vị hành chính cấp tỉnh gồm 28 tỉnh và 06 thành phố trực thuộc Trung ương). Kết thúc hoạt động của đơn vị hành chính cấp huyện hiện nay, kể từ ngày 01/7/2025 sau khi Hiến pháp năm 2013 (sửa đổi) có hiệu lực thi hành và theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025. Về sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính cấp xã, bảo đảm cả nước giảm khoảng 50% số lượng đơn vị

hành chính cấp xã hiện nay.

Cuộc cách mạng tinh gọn, sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp, nhằm mang lại lợi ích kép: người dân hưởng lợi nhờ thủ tục hành chính tinh gọn, tiết kiệm thời gian, chi phí và tiếp cận dịch vụ công chất lượng hơn. Về kinh tế - xã hội, mô hình này giúp tinh gọn bộ máy, tiết kiệm ngân sách, nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước, đồng thời tạo không gian phát triển lớn hơn, thu hút đầu tư hiệu quả và thúc đẩy liên kết vùng, nâng cao năng lực cạnh tranh tổng thể.

Từ sự thật không thể phủ nhận đó, có thể thấy rằng, tinh gọn bộ máy không phải là sự cắt giảm một cách cơ học, đơn giản, mà là loại bỏ những vị trí không cần thiết, nhằm khắc phục triệt để tình trạng chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ, chia cắt về địa bàn, lĩnh vực; không phải là “phân chia quyền lực”, không phải “triệt hạ lẫn nhau để tranh giành vị trí, ghế” như các phần tử bất mãn, cơ hội, phản động xuyên tạc, mà là sắp xếp lại để tập trung cho những lĩnh vực then chốt, cho những nhân sự đảm bảo được yêu cầu về năng lực và phẩm chất đạo đức, xứng đáng, phù hợp để hoàn thành tốt nhiệm vụ. Vì thế, có thể khẳng định rằng, khi toàn Đảng, toàn dân, toàn quân đã đồng tâm, đồng chí, đồng ý, đồng lòng thì chắc chắn cuộc cách mạng này sẽ thành công như mong đợi và đất nước sẽ vươn mình trong kỷ nguyên phát triển mới.

#### **4. Kết luận**

Tư tưởng Hồ Chí Minh là ánh sáng soi đường, là mạch nguồn sức mạnh nội sinh, định hướng Đảng kiên trì mục tiêu tinh gọn bộ máy chính trị. Giá trị cốt lõi nằm ở tầm nhìn sâu rộng về một nhà

nước thật sự của dân, do dân, vì dân, đòi hỏi sự tinh khiết, hiệu lực và tiết kiệm trong từng khâu vận hành. Người thấu suốt rằng, bộ máy công kênh, chông chéo không chỉ làm suy yếu năng lực quản trị quốc gia, mà còn xói mòn niềm tin của nhân dân. Bởi vậy, tinh gọn bộ máy theo tư tưởng Hồ Chí Minh không đơn thuần là phép cộng trừ cơ học về nhân sự, mà là cuộc cách mạng về chất, hướng đến xây dựng một hệ thống chính trị thực sự vì lợi ích tối cao của quốc gia, của nhân dân, nơi mỗi cán bộ, mỗi tổ chức đều là những “công bộc” tận tâm, hiệu quả, góp phần kiến tạo một Việt Nam hùng cường và thịnh vượng□

---

(1) Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, t.2, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.284

(2), (6), (12), (20) Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Sđd, t.8, tr.155, 219, 132 và 155  
(3), (10), (15), (21) và (22) Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Sđd, t.6, tr.64, 15, 370, 64 và 417

(4), (5) và (8) Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.12-13, 146 và 42

(7), (13) và (14) Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Sđd, t.13, tr.123, 314 và 315

(9) Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Sđd, t.9, tr.361

(11) và (17) Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Sđd, t.7, tr.432 và 367

(16) Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, t.I, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, tr.104

(18), (19) và (23) *Phát biểu của Tổng Bí thư Tô Lâm tại Hội nghị toàn quốc quán triệt, triển khai tổng kết việc thực hiện Nghị quyết số 18*, <https://nghean.dcs.vn/vi-vn>, ngày 02/12/2024

**Nguồn: Tạp chí Khoa học chính trị.- 2025.- Số 04.- Tr.8-13.**

# VAI TRÒ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM TRONG THỰC THI CÁC CÔNG ƯỚC QUỐC TẾ VỀ QUYỀN CON NGƯỜI

TS. NGUYỄN QUỲNH ANH  
Trường Đại học An ninh nhân dân

Ngày tiếp nhận: 18/7/2025 Ngày bình duyệt: 28/7/2025 Ngày duyệt đăng: 25/10/2025

**Tóm tắt:** Trong tiến trình hội nhập quốc tế, việc thực thi các cam kết về quyền con người trở thành yêu cầu tất yếu đối với mỗi quốc gia. Ở Việt Nam, quá trình này được triển khai dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, thể hiện qua định hướng chiến lược, hoàn thiện thể chế, luật pháp và tổ chức thực hiện. Trên cơ sở làm rõ thành tựu đạt được cũng như những vấn đề đặt ra trong quá trình thực thi các công ước quốc tế mà Việt Nam tham gia, bài viết đề xuất giải pháp nhằm nâng cao việc thực hiện các công ước này trong thời gian tới.

*Từ khóa: Quyền con người, công ước quốc tế, Đảng Cộng sản Việt Nam, thể chế pháp lý, hội nhập quốc tế*

**Q**uynen con người là giá trị phổ quát và tiêu chí quan trọng phản ánh mức độ phát triển của mỗi quốc gia. Trong bối cảnh toàn cầu hóa, việc tham gia và thực thi các công ước quốc tế về quyền con người không chỉ thể hiện cam kết chính trị mà còn phản ánh năng lực thể chế và mức độ hội nhập của quốc gia đó với cộng đồng quốc tế. Ở Việt Nam, quyền con người được xác định

là nền tảng trong chiến lược phát triển bền vững. Hiện nay, Việt Nam đã tham gia phần lớn các công ước quốc tế về quyền con người và tích cực nội luật hóa các cam kết này vào hệ thống pháp luật quốc gia. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, việc thực hiện các cam kết quốc tế được triển khai đồng bộ, phù hợp với điều kiện chính trị, pháp lý, văn hóa - xã hội của đất nước, bảo đảm sự hài hòa giữa chuẩn mực quốc tế và đặc thù dân tộc, qua đó không ngừng nâng cao hiệu quả bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của con người Việt Nam.

### **1. Quan niệm về quyền con người và các công ước quốc tế về quyền con người mà Việt Nam tham gia**

Quyền con người là một khái niệm mang tính lịch sử - xã hội, được hình thành và phát triển cùng với tiến trình phát triển tư tưởng nhân loại. Trong dòng chảy đó, tư tưởng chính trị - pháp lý phương Tây, đặc biệt từ thời kỳ Khai sáng, đã đặt nền tảng cho quan niệm hiện đại về quyền con người. Các triết gia như John Locke, Jean-Jacques Rousseau, Montesquieu... đã đưa ra các luận thuyết về quyền tự nhiên, thừa nhận những quyền vốn có, không thể chuyển nhượng, chia cắt của con người. Những tư tưởng này được thể chế hóa trong các văn kiện như *Tuyên ngôn Độc lập của Hoa Kỳ* (1776), *Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền của Pháp* (1789) và đặc biệt là *Tuyên ngôn Thế giới về quyền con người* (1948).

Tuy nhiên, ở khía cạnh khác, các nhà kinh điển chủ nghĩa Mác - Lênin cho rằng quyền con người không thể tách rời điều kiện lịch sử - xã hội cụ thể. C. Mác khẳng định: “Bản chất con người là tổng hòa các quan hệ xã hội”<sup>(1)</sup>. Điều này cho thấy vấn đề con người, trong đó

có quyền con người không chỉ là khái niệm trừu tượng mà phải được hiện thực hóa thông qua việc xóa bỏ bất công giai cấp và cải tạo các thiết chế xã hội. Kế thừa tinh thần nhân văn phương Tây, truyền thống yêu nước và chủ nghĩa Mác - Lênin, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã sớm khẳng định vai trò và giá trị của quyền con người. Trong bản *Yêu sách của nhân dân An Nam* (1919), Người đã đề cập đến các quyền cơ bản mà người Việt Nam đương nhiên được thụ hưởng. Trong *Tuyên ngôn Độc lập* (1945), Hồ Chí Minh dẫn lại tư tưởng từ các bản tuyên ngôn của Mỹ và Pháp, đồng thời khẳng định: “Tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng, dân tộc nào cũng có quyền sung sướng, quyền tự do”<sup>(2)</sup>. Theo Người, quyền con người không tách rời quyền dân tộc, đấu tranh cho nhân quyền là đấu tranh cho quyền sống, quyền được mưu cầu hạnh phúc của cả dân tộc, nhân dân, bởi “Nếu nước được độc lập mà nhân dân không được tự do thì độc lập ấy không có nghĩa lý gì”<sup>(3)</sup>.

Trên thế giới có nhiều khái niệm về quyền con người, hiện nay khái niệm được sử dụng phổ biến, đó là: quyền con người là những quyền cơ bản, vốn có từ khi sinh ra, không phân biệt đối xử, được pháp luật quốc gia và quốc tế bảo vệ, nhằm đảm bảo phẩm giá và sự phát triển toàn diện của con người. Đặc trưng của quyền con người gồm: tính phổ biến và tính đặc thù, tính không thể phân chia, tính không thể chuyển nhượng, tính liên hệ và phụ thuộc lẫn nhau.

Đảng Cộng sản Việt Nam khẳng định quyền con người là giá trị phổ quát của nhân loại, song việc tiếp cận, áp dụng phải phù hợp với điều kiện lịch sử, chính trị, văn hóa của từng quốc gia. Thực tế, Việt

Nam đã thể hiện rõ tinh thần trách nhiệm quốc tế thông qua việc chủ động tham gia các điều ước quốc tế về quyền con người. Tính đến nay, Việt Nam là thành viên của hầu hết các công ước cơ bản do Liên hợp quốc khởi xướng, tiêu biểu như: (1) Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị (ICCPR); (2) Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa (ICESCR); (3) Công ước xóa bỏ phân biệt đối xử với phụ nữ (CEDAW); (4) Công ước xóa bỏ phân biệt chủng tộc (ICERD); (5) Công ước về quyền trẻ em (CRC); (6) Công ước về quyền của người khuyết tật (CRPD); (7) Công ước chống tra tấn (CAT). Việt Nam cũng gia nhập một số nghị định thư bổ sung và công ước thuộc Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO) có liên quan mật thiết đến quyền con người trong lĩnh vực lao động, việc làm và an sinh xã hội.

Việt Nam tham gia các công ước quốc tế về quyền con người không chỉ biểu hiện thiện chí chính trị, mà còn là cam kết về nghĩa vụ pháp lý quốc tế, bao gồm: xây dựng hệ thống pháp luật nội địa phù hợp với các chuẩn mực quốc tế; báo cáo định kỳ trước các cơ quan giám sát chuyên trách; thực hiện các cơ chế rà soát định kỳ phổ quát; xây dựng kế hoạch hành động quốc gia; tổ chức các cuộc đối thoại nhân quyền song phương, đa phương với nhiều đối tác quốc tế.

## **2. Vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam trong việc nội luật hóa và thực thi các công ước quốc tế về quyền con người**

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, việc thực thi các công ước về quyền con người đạt nhiều kết quả quan trọng:

*Thứ nhất*, quan điểm, chủ trương của Đảng về quyền con người tiếp tục được khẳng định và từng bước hoàn thiện. Đảng ta đã xác định rõ quyền con người là bộ phận không thể tách rời trong mục tiêu giành độc lập dân tộc và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Quan điểm này được thể hiện xuyên suốt trong quá trình phát triển tư duy lý luận và hoạch định đường lối của Đảng.

Trong Văn kiện Đại hội lần thứ VI, Đảng ta đã đặt con người vào vị trí trung tâm, gắn việc tôn trọng, bảo vệ quyền con người với tiến trình phát triển kinh tế - xã hội. Đảng khẳng định: “Cùng với việc chăm lo đời sống nhân dân, các cơ quan nhà nước phải tôn trọng và đảm bảo những quyền công dân mà Hiến pháp đã quy định”<sup>(4)</sup>. Để phù hợp với đường lối mà Đảng đưa ra, đồng thời đáp ứng yêu cầu của thực tiễn, dưới sự lãnh đạo của Đảng, Nhà nước ta đã ban hành bản Hiến pháp mới thay thế cho Hiến pháp 1980 và được Quốc hội thông qua ngày 15/4/1992 và được sửa đổi, bổ sung vào năm 2001 (sau đây viết chung là Hiến pháp 1992).

Từ Đại hội lần thứ VII, quyền con người được chính thức ghi nhận trong Cương lĩnh xây dựng đất nước, thể hiện bước chuyển từ nhận thức mang tính nguyên lý sang hành động chính sách cụ thể. Ngay sau đó, Ban Bí thư (khóa VII) đã ban hành Chỉ thị 12/CT-TW về *Vấn đề quyền con người và quan điểm, chủ trương của Đảng ta*, trong đó nêu rõ: “Quyền con người là thành quả của cuộc đấu tranh lâu dài qua các thời đại của nhân dân lao động và các dân tộc bị áp bức trên thế giới, và cũng là thành quả của cuộc đấu tranh của loài người làm chủ thiên nhiên; qua đó quyền con người trở thành giá trị

chung của nhân loại”<sup>(5)</sup>. Chỉ thị cũng đòi hỏi bảo đảm quyền con người là trách nhiệm chung mà tất cả các ngành, các cấp, các địa phương, cơ sở phải tích cực và chủ động thực hiện.

Có thể nói, vấn đề quyền con người đã được Đảng ta quan tâm, yêu cầu tôn trọng và thể hiện xuyên suốt. Khi sự nghiệp đổi mới của đất nước trải qua 1/4 thế kỷ, tại Đại hội lần thứ XI, Đảng đã bổ sung nhiều vấn đề mới trong lý luận về con người và quyền con người. Đại hội khẳng định: “Con người là trung tâm của chiến lược phát triển. Tôn trọng và bảo vệ quyền con người, gắn quyền con người với quyền và lợi ích dân tộc, đất nước và quyền làm chủ của nhân dân”<sup>(6)</sup>. Đại hội lần thứ XIII, Đảng ta tiếp tục nhấn mạnh: “tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền công dân; hoàn thiện cơ chế bảo vệ Hiến pháp”<sup>(7)</sup>.

Để hiện thực hóa các cam kết quốc tế về quyền con người, Đảng ta đã ban hành nhiều nghị quyết quan trọng nhằm định hướng hoàn thiện hệ thống pháp luật. Nổi bật là Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới, trong đó nhấn mạnh yêu cầu thể chế hóa đầy đủ các quyền con người, quyền công dân theo Hiến pháp và điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. Nghị quyết nêu rõ việc cần phải: “Tiếp tục thể chế hóa, cụ thể hóa kịp thời, đầy đủ quan điểm, chủ trương của Đảng và quy định của Hiến pháp về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân; nội luật hóa các điều ước quốc tế về quyền con người mà Việt Nam đã tham gia; xác định rõ

trách nhiệm của cơ quan nhà nước trong việc tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền công dân”<sup>(8)</sup>. Trước đó, Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 và Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới đã đặt nền móng cho việc bảo đảm quyền con người bằng pháp luật. Các văn kiện này đều khẳng định con người là trung tâm của quá trình phát triển bền vững, là chủ thể và mục tiêu của công cuộc xây dựng Nhà nước pháp quyền, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

*Thứ hai*, hệ thống pháp luật từng bước tiệm cận các chuẩn mực quốc tế. Hiến pháp và nhiều đạo luật quan trọng đã được sửa đổi hoặc ban hành, lồng ghép các nội dung công ước quốc tế về quyền con người mà Việt Nam đã gia nhập. Các quy định về bảo vệ quyền con người được thể hiện rõ ràng, cụ thể, có tính khả thi cao; một số quy định về tự do ngôn luận, bảo vệ nạn nhân bị tra tấn đã điều chỉnh phù hợp hơn với ICCPR, CRC, CRPD, CEDAW, CAT...

Cột mốc quan trọng trong tiến trình nội luật hóa các cam kết quốc tế là việc thông qua Hiến pháp năm 2013 (sửa đổi, bổ sung năm 2025). Lần đầu tiên trong lịch sử lập hiến, quyền con người được quy định thành một chương riêng (Chương II) gồm 36 Điều (từ Điều 14 đến Điều 49), thể hiện đầy đủ, có hệ thống và mang tính ràng buộc pháp lý cao. Sau Hiến pháp, hàng loạt văn bản pháp luật được ban hành, sửa đổi nhằm cụ thể hóa các điều ước quốc tế về quyền con người mà Việt Nam đã gia nhập, như: Bộ luật Hình sự (2015, sửa đổi 2017, 2025), Bộ luật Dân sự (2015), Luật Trẻ em (2016), Luật Người

khuyết tật (2010), Luật Bình đẳng giới (2006), Luật Tín ngưỡng, tôn giáo (2016)... Trong đó, nội dung các công ước như ICCPR, CRC, CRPD, CEDAW, CAT được lồng ghép một cách hệ thống, phù hợp với điều kiện thực tế.

Từ tư duy chiến lược đến hành động cụ thể, Đảng ta đã giữ vai trò trung tâm trong việc dẫn dắt, định hướng quá trình nội luật hóa các điều ước quốc tế về quyền con người. Sự lãnh đạo nhất quán, khoa học và nhân văn của Đảng là nền tảng vững chắc để Việt Nam vừa khẳng định chủ quyền lập pháp quốc gia, vừa thực hiện nghiêm túc các nghĩa vụ quốc tế, vì lợi ích của nhân dân và vì hình ảnh một quốc gia có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế.

*Thứ ba*, chỉ số phát triển con người (HDI) được cải thiện rõ rệt, “tăng 14 bậc, đạt 0,766 điểm, thuộc nhóm nước phát triển con người cao. Chỉ số xếp hạng hạnh phúc tăng 33 bậc so với đầu nhiệm kỳ, xếp thứ 46/143 quốc gia”<sup>(9)</sup>. Tỷ lệ nghèo đa chiều giảm mạnh, chỉ số bất bình đẳng giới (GII) giảm, phản ánh nỗ lực cải thiện vị thế phụ nữ và trẻ em gái. Việt Nam được cộng đồng quốc tế ghi nhận là quốc gia có nhiều tiến bộ trong bảo đảm quyền phát triển.

*Thứ tư*, quyền của các nhóm yếu thế được quan tâm sâu sắc. Trẻ em được bảo vệ tốt hơn. Các chính sách cho người khuyết tật, phụ nữ, người nghèo, dân tộc thiểu số được cụ thể hóa thành chương trình hành động quốc gia. Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới (2021 - 2030) đề ra mục tiêu tăng tỷ lệ nữ tham gia lãnh đạo các cơ quan nhà nước, thể hiện sự quyết tâm thu hẹp khoảng cách giới.

Bên cạnh đó, Đảng chỉ đạo Chính phủ xây dựng các kế hoạch

hành động quốc gia nhằm triển khai thực thi các cam kết quốc tế một cách cụ thể và đồng bộ. Tiêu biểu như: Kế hoạch thực hiện Công ước chống tra tấn (CAT) (Quyết định số 364/QĐ-TTg ngày 27/3/2015), Chương trình quốc gia về quyền trẻ em (2021 - 2030), Chương trình quốc gia về bình đẳng giới (2021 - 2025). Việc triển khai các kế hoạch này luôn đặt dưới sự giám sát, chỉ đạo của các cơ quan Đảng và sự phối hợp chặt chẽ giữa các bộ, ngành, địa phương.

*Thứ năm*, vị thế quốc tế của Việt Nam được nâng cao rõ rệt. Hai lần đảm nhiệm vai trò thành viên Hội đồng Nhân quyền Liên hợp quốc (2014 - 2016, 2023 - 2025) cho thấy sự tín nhiệm quốc tế và năng lực hội nhập. Việt Nam cũng chủ động đề xuất sáng kiến về nhân quyền gắn với ứng phó COVID-19, phát triển bền vững, tiếp cận công bằng dịch vụ y tế, giáo dục... tạo được hình ảnh quốc gia có trách nhiệm.

Cùng với nội luật hóa, Đảng ta giữ vai trò trung tâm trong chỉ đạo việc thực thi hiệu quả các cam kết quốc tế về quyền con người. Trên lĩnh vực đối ngoại, Đảng ta khẳng định quyền con người là một nội dung quan trọng trong hội nhập quốc tế. Việc Việt Nam được bầu làm thành viên Hội đồng Nhân quyền Liên hợp quốc ba nhiệm kỳ (2014 - 2016, 2023 - 2025 và 2026 - 2028) là minh chứng rõ nét cho đường lối đối ngoại nhân văn, chủ động và trách nhiệm. Đảng cũng lãnh đạo toàn diện công tác báo cáo định kỳ trước các cơ quan giám sát nhân quyền của Liên hợp quốc, như các Ủy ban về ICCPR, CRC, CEDAW, CRPD, CAT... Việc hoàn thành đúng hạn các báo cáo, tiếp thu khuyến nghị mang tính xây dựng thể hiện tinh thần trách nhiệm và thiện chí của Việt Nam với cộng đồng quốc tế. Dưới sự chỉ đạo

của Đảng, Việt Nam đã tham gia bốn chu kỳ rà soát định kỳ phổ quát (UPR) tại Hội đồng Nhân quyền Liên hợp quốc (2009, 2014, 2019, 2024). Trong các chu kỳ này, Việt Nam chấp thuận trên 80% số khuyến nghị, cho thấy cam kết mạnh mẽ trong thúc đẩy và bảo vệ quyền con người. Đảng cũng chỉ đạo đối thoại nhân quyền song phương với các đối tác như EU, Hoa Kỳ, Australia, giúp tăng cường minh bạch, củng cố niềm tin và tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm quốc tế.

Bên cạnh thành tựu, quá trình triển khai cũng tồn tại một số hạn chế. Một số địa phương còn thiếu nguồn lực, cán bộ chuyên trách về công tác quyền con người còn mỏng, thiếu chuyên môn. Công tác phổ biến giáo dục quyền con người chưa sâu rộng, dẫn tới nhận thức còn phiến diện trong một bộ phận cán bộ và người dân. Ngoài ra, sự khác biệt về quan điểm, tiêu chuẩn giữa Việt Nam và một số nước phát triển vẫn tạo nên áp lực không nhỏ trong đối thoại quốc tế, đôi khi bị lợi dụng để gây sức ép chính trị. Nguyên nhân của các hạn chế chủ yếu là do hệ thống pháp luật chưa đồng bộ, nguồn lực đầu tư hạn chế, công tác phối hợp liên ngành còn bất cập và ảnh hưởng từ truyền thông xuyên biên giới thiếu kiểm soát.

Như vậy, vai trò lãnh đạo của Đảng trong việc nội luật hóa và thực thi các cam kết quốc tế về quyền con người là toàn diện, nhất quán và hiệu quả. Những thành tựu đạt được không chỉ góp phần bảo vệ quyền lợi chính đáng của người dân, mà còn khẳng định vị thế, uy tín và trách nhiệm của Việt Nam trong hệ thống nhân quyền toàn cầu. Trong thời gian tới, tiếp tục phát huy vai trò của Đảng là nhân tố quyết

định để bảo đảm quyền con người theo hướng toàn diện, hiện đại, phù hợp với điều kiện Việt Nam và xu thế quốc tế.

### **3. Một số giải pháp nâng cao hiệu quả thực thi các công ước quốc tế về quyền con người dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam**

*Thứ nhất*, tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật và thể chế thực thi quyền con người phù hợp với chuẩn mực quốc tế. Đảng tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo Quốc hội, Chính phủ và các cơ quan chức năng trong việc rà soát, sửa đổi và hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật nhằm nội luật hóa đầy đủ các cam kết quốc tế đã tham gia. Đặc biệt, cần luật hóa đầy đủ hơn các quyền dân sự và chính trị - các lĩnh vực vốn chưa được thể hiện toàn diện trong hệ thống pháp luật hiện hành. Việc củng cố cơ chế bảo vệ quyền con người, bao gồm cả thiết lập một thiết chế giám sát nhân quyền độc lập cấp quốc gia (như Ủy ban nhân quyền quốc gia), theo khuyến nghị từ nhiều tổ chức quốc tế, là một hướng đi cần được cân nhắc nghiêm túc trong dài hạn. Đồng thời, các thiết chế bảo vệ pháp luật như Tòa án, Viện kiểm sát, Thanh tra, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cũng cần được tăng cường chức năng phản biện, bảo vệ quyền của người dân.

*Thứ hai*, nâng cao chất lượng giáo dục, truyền thông và nhận thức xã hội về quyền con người. Đảng cần chỉ đạo đẩy mạnh công tác phổ biến, giáo dục về quyền con người theo hướng hệ thống, chặt chẽ và phù hợp với từng nhóm đối tượng. Trước hết, cần tích hợp nội dung quyền con người vào chương trình giáo dục phổ thông; công tác đào tạo cán bộ tại các Học viện Chính trị, các Trường Đại học Luật,

Báo chí, Quốc phòng - an ninh. Bên cạnh đó, hệ thống truyền thông đại chúng cần được định hướng cung cấp thông tin chính xác, khách quan, góp phần xây dựng môi trường xã hội tôn trọng và bảo vệ quyền con người. Đồng thời, phát huy vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp và các cơ quan truyền thông trong việc lan tỏa các giá trị nhân quyền phù hợp với văn hóa và pháp luật Việt Nam.

*Thứ ba*, phát triển đội ngũ cán bộ làm công tác đảm bảo nhân quyền chất lượng cao. Hiệu quả thực thi các công ước quốc tế phụ thuộc trực tiếp vào đội ngũ cán bộ - những người cụ thể hóa các nguyên tắc nhân quyền trong thực tiễn quản lý và phục vụ nhân dân. Vì vậy, cần có chính sách quy hoạch, đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ cán bộ chuyên trách về nhân quyền, có kiến thức pháp lý vững, hiểu biết sâu về các công ước quốc tế, có kỹ năng làm việc trong môi trường đa phương và trình độ ngoại ngữ tốt. Cần thiết lập các chương trình tập huấn định kỳ, có nội dung cập nhật, gắn với các tình huống cụ thể nhằm nâng cao năng lực vận dụng pháp luật nhân quyền trong thực tiễn, đặc biệt tại các địa phương.

*Thứ tư*, tăng cường cơ chế giám sát xã hội và đối thoại chính sách trong lĩnh vực quyền con người. Quốc hội, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội cần tiếp tục phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội một cách hiệu quả. Đồng thời, cần phát triển cơ chế đối thoại định kỳ giữa chính quyền với người dân, cộng đồng dân cư, đặc biệt trong các lĩnh vực nhạy cảm như đất đai, môi trường, thông tin và tố tụng tư pháp. Xây dựng văn hóa đối thoại dân chủ sẽ tạo điều kiện để người dân tham gia vào quá trình hoạch định,

thực hiện và giám sát chính sách - yếu tố quan trọng để thực thi đầy đủ các cam kết nhân quyền quốc tế.

*Thứ năm*, đẩy mạnh hội nhập quốc tế và tăng cường đấu tranh bảo vệ quan điểm nhân quyền phù hợp với điều kiện Việt Nam. Đảng cần tiếp tục lãnh đạo thúc đẩy công tác ngoại giao nhân quyền theo hướng chủ động, tích cực, tận dụng tối đa sự hỗ trợ về kỹ thuật, tài chính và kinh nghiệm từ các tổ chức quốc tế; đồng thời giữ vững lập trường về quyền con người dựa trên bản sắc, giá trị văn hóa - lịch sử và trình độ phát triển của đất nước. Cần duy trì thường xuyên các cơ chế đối thoại nhân quyền song phương, thực hiện hiệu quả các chu kỳ UPR và chủ động đẩy mạnh truyền thông đối ngoại nhằm kịp thời phản bác những thông tin sai lệch, phiến diện về tình hình nhân quyền tại Việt Nam. Bên cạnh đó, cần tăng cường sự hiện diện và tiếng nói của Việt Nam tại các diễn đàn quốc tế về quyền con người, qua đó khẳng định hình ảnh một quốc gia có trách nhiệm, coi trọng và vì con người.

Việc thực thi các công ước quốc tế về quyền con người là yêu cầu tất yếu trong tiến trình hội nhập và phát triển bền vững của Việt Nam. Đảng Cộng sản Việt Nam đã thể hiện sự chủ động, nhất quán trong hoạch định chủ trương và chỉ đạo triển khai các cam kết quốc tế, từng bước cụ thể hóa quyền con người trong thể chế, pháp luật và chính sách quốc gia. Những thành tựu đã đạt được không chỉ góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống nhân dân mà còn khẳng định uy tín, vị thế quốc tế của Việt Nam. Tuy nhiên, quá trình thực thi vẫn đối diện với nhiều thách thức cả khách quan lẫn chủ quan. Vì vậy, cần tiếp tục

phát huy vai trò lãnh đạo toàn diện của Đảng, kết hợp đồng bộ giữa cải cách thể chế, nâng cao nhận thức và năng lực thực thi, gắn quyền con người với phát triển bền vững và bảo vệ lợi ích quốc gia - dân tộc, qua đó củng cố vững chắc nền tảng nhân quyền của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam□

---

(1) C. Mác - Ph. Ăngghen (1995): *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.3, tr.11.

(2), (3) Hồ Chí Minh (2011): *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, 2011, t.4, tr.1, 502.

(4) Đảng Cộng sản Việt Nam (1987): *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Nxb. Sự thật, tr.112.

(5) Ban Chỉ đạo Nhân quyền của Chính phủ, Văn phòng Thường trực (2012): *Tài liệu tổng kết Chỉ thị 12 của Ban Bí thư Trung ương Đảng, “Vấn đề quyền con người và quan điểm, chủ trương của Đảng ta”*, Nxb. Chính trị - Hành chính, Hà Nội, tr.12 - 13.

(6) Đảng Cộng sản Việt Nam (2011): *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr.16.

(7) Đảng Cộng sản Việt Nam (2021): *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, t.I, tr.175 - 176.

(8) Đảng Cộng sản Việt Nam (2022): *Nghị quyết số 27-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới*, ngày 09/11/2022.

(9) Đảng Cộng sản Việt Nam (2025): *Dự thảo Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng (Tài liệu xin ý kiến nhân dân)*, Hà Nội, ngày 14/10/2025, tr.4.

**Nguồn: Tạp chí Thông tin Khoa học chính trị .- 2025.- Số 05 (47).- Tr.1-7.**

# NHỮNG BIỂU HIỆN THAM NHỮNG - TỪ QUAN ĐIỂM CỦA HỒ CHÍ MINH ĐẾN QUAN ĐIỂM CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

TS. HOÀNG VĂN TÚ

TRẦN VĂN TÀI

Học viện Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh

Ngày nhận bài: 22/10/2024 Ngày thẩm định: 27/10/2024 Ngày duyệt đăng: 20/12/2024

**Tóm tắt:** Tham nhũng là giặc “nội xâm”, là nguy cơ đe dọa sự tồn vong của Đảng và chế độ xã hội chủ nghĩa. Ngay từ những năm đầu sau khi Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa được thành lập. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định tầm quan trọng của công cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng đối với sự phát triển chung của đất nước. Người đã có nhiều trước tác phân tích và chỉ rõ những biểu hiện của tham nhũng trong đội ngũ cán bộ, đảng viên. Đây là kim chỉ nam, tài sản tinh thần to lớn của Đảng và Nhà nước ta. Bài viết tập trung làm rõ những biểu hiện của tham nhũng theo quan điểm của Hồ Chí Minh và sự vận dụng, phát triển sáng tạo của Đảng Cộng sản Việt Nam trong việc nhận diện biểu hiện tham nhũng hiện nay.

*Từ khóa: Hồ Chí Minh; Đảng Cộng sản Việt Nam; tham nhũng; biểu hiện*

**1.** Đặt vấn đề

Đấu tranh phòng, chống tham nhũng là cuộc chiến lâu dài, mang tính chiến lược của bất kỳ một nhà nước, quốc gia

nào. Khi nhắc đến tham nhũng, V.I Lênin đã khẳng định: “Tham nhũng là những hành vi lợi dụng chức quyền, vị trí công tác để tư lợi cá nhân, làm suy giảm quyền lực tổ chức”<sup>(1)</sup>. Từ cách tiếp cận của V.I.Lênin cho thấy, tham nhũng là hành vi của đội ngũ thực thi công quyền sử dụng quyền lực được ủy quyền với mục đích cuối cùng là tư lợi, phục vụ lợi ích cá nhân, từ đó, ảnh hưởng đến quyền lực công của tổ chức và suy giảm niềm tin của nhân dân.

Kế thừa và phát triển quan điểm của V.I.Lênin, Chủ tịch Hồ Chí Minh, khi đề cập đến nội hàm của khái niệm tham nhũng, đã khẳng định: “Đứng về phía *cán bộ* mà nói, tham ô là: ăn cắp của công làm của tư, đục khoét của nhân dân... Đứng về phía *nhân dân* mà nói, tham ô là: ăn cắp của công, khai gian, lậu thuế”<sup>(2)</sup>. Bản chất của tham nhũng là xấu, “là “trộm cướp”, lấy của công làm của tư. Người chỉ rõ “gian lận tham lam, không tôn trọng của công, không thương tiếc tiền gạo do mồ hôi nước mắt của đồng bào làm ra, xương máu của chiến sĩ làm ra”<sup>(3)</sup>.

Những chỉ dẫn của Hồ Chí Minh về các biểu hiện tham nhũng là cơ sở để Đảng vận dụng, nhận diện những biểu hiện của tham nhũng trong tình hình mới, từ đó, có ý nghĩa trong cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng hiện nay. Trước bối cảnh của thế giới, khu vực và Việt Nam có nhiều thay đổi, điều kiện kinh tế - xã hội cũng khác biệt so với những giai đoạn lịch sử trước đây, đặt ra yêu cầu Đảng Cộng sản Việt Nam phải nghiên cứu, vận dụng và phát triển sáng tạo quan điểm của Hồ Chí Minh để nhận diện rõ những biểu hiện của tham nhũng trong cuộc chiến phòng, chống tham nhũng đang được thực hiện quyết liệt hiện nay.

## 2. Biểu hiện của tham nhũng theo quan điểm của Hồ Chí Minh

Trong quá trình hoạt động cách mạng, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nghiên cứu và chỉ rõ những biểu hiện, hành vi tham nhũng, tiêu cực trong đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là sau khi đất nước giành được chính quyền và xây dựng Nhà nước dân chủ. Theo Hồ Chí Minh, những hành vi tham nhũng được biểu hiện cụ thể như sau:

*Một là, hành vi tham nhũng thời gian:* Tham nhũng thời gian là một trong những biểu hiện cụ thể nhất của hành vi tham nhũng trong đội ngũ thực thi công quyền. Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thẳng thắn phê phán đội ngũ cán bộ, đảng viên: “việc gì có thể làm trong một ngày một buổi, cũng kéo dài đến mấy ngày”<sup>(4)</sup>. Đó là biểu hiện của việc lợi dụng chức vụ, quyền hạn, cố tình kéo dài thời gian mà không giải quyết công việc dẫn đến hiệu quả công việc kém, ảnh hưởng xấu đến lợi ích chung và mang lại lợi ích riêng cho bản thân. Từ đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh yêu cầu: “Trong mọi công việc, phải tính toán cân nhắc cẩn thận. “Thì giờ là vàng bạc”. Phải kiên quyết chống thói hội họp lu bù, mất thì giờ, hại sức khỏe mà không kết quả thiết thực”<sup>(5)</sup>. Theo Hồ Chí Minh, biểu hiện điển hình nhất của việc tham nhũng thời gian là cán bộ, đảng viên phung phí thời gian công vụ vào những việc làm không hữu ích, không biết quý trọng thời gian của nhân dân, tư duy làm việc chậm chạp, thiếu năng động và thiếu nỗ lực trong quá trình thực hiện công việc, gây ra tâm thế lơ là, nhàn hạ trong giải quyết công việc, dẫn đến hiệu quả công việc không cao hoặc thời gian giải quyết công việc kéo dài, gây lãng phí nguồn lực của nhân dân.

*Hai là, hành vi tham nhũng tiền bạc, tài sản:* Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “tiêu ít mà khai nhiều, lợi dụng của chung của Chính phủ để làm quỹ riêng cho địa phương mình, đơn vị mình...”<sup>(6)</sup>. Đây chính là biểu hiện điển hình của tham nhũng tiền bạc, tài sản. Tham nhũng tiền bạc, tài sản là việc cán bộ, đảng viên lợi dụng chức vụ, quyền hạn để biến của công thành của tư, sử dụng tài sản công phục vụ mục đích cá nhân, cắt xén chi tiêu của cơ quan để làm lợi cho bản thân, sử dụng quyền lực cá nhân để sửa chữa, thay đổi hóa đơn, biên nhận nhằm xâm phạm đến tài sản công của Nhà nước.

Từ quan điểm của Hồ Chí Minh có thể thấy, hành vi tham nhũng tài sản công được biểu hiện rất đa dạng, điển hình nhất là thu chi ít nhưng lại khai nhiều nhằm trục lợi, hay việc lợi dụng chính sách đúng đắn của Chính phủ nhằm đem lợi ích vật chất cho bản thân hay một nhóm, một số người có chức, có quyền tại cơ quan, đơn vị. Hành vi tham nhũng tiền bạc, tài sản trước hết ảnh hưởng đến việc quản lý tài sản công của Nhà nước, sâu xa và tai hại hơn là làm suy giảm niềm tin của nhân dân đối với việc quản lý của Nhà nước, bởi đó là tài sản của quốc gia, của dân tộc, của nhân dân đóng góp.

Ngoài ra, Người còn chỉ rõ, việc tham nhũng tài sản còn được biểu hiện thông qua hành vi cán bộ, đảng viên “*Đục khoét của nhân dân*”<sup>(7)</sup>. Đó là việc cán bộ, đảng viên tìm mọi cách vòi vĩnh, gây khó khăn, buộc nhân dân phải chi thêm tiền bạc, tài sản ngoài quy định thì mới được việc, chủ động nhận lấy tài sản “đút lót” hay gợi ý nhân dân “đút lót” mới giải quyết công việc.

*Ba là, hành vi tham nhũng quyền lực:* Sinh thời, Chủ tịch Hồ

Chí Minh đã nhiều lần nhấn mạnh, một trong những hành vi tham nhũng tai hại nhất, làm ảnh hưởng và lung lay niềm tin của nhân dân nhất chính là tham nhũng quyền lực. Theo Hồ Chí Minh, “*kéo bè kéo cánh* lại là một bệnh rất nguy hiểm nữa. Từ bè phái mà đi đến chia rẽ”<sup>(8)</sup>. Biểu hiện trực tiếp nhất của hành vi tham nhũng quyền lực là sử dụng quyền lực công để thực hiện các hành vi trái quy định trong công tác cán bộ, đưa người thân quen vào làm trong cơ quan. Hồ Chí Minh khẳng định, phải thẳng thắn phê bình những người “còn giữ thói một người làm quan cả họ được nhờ”, đem bà con, bạn hữu đặt vào chức này việc kia, làm được hay không mặc kệ. Hồng việc, đoàn thể chịu, cốt cho bà con, bạn hữu có địa vị là được”<sup>(9)</sup>. Tham nhũng quyền lực ảnh hưởng rất lớn đến tổ chức và hiệu quả hoạt động của Đảng và lỗ mất cơ hội trọng dụng nhân tài trong Đảng, tác động tiêu cực đến tính đoàn kết, thống nhất trong nội bộ tổ chức Đảng, ảnh hưởng đến uy tín của Đảng và niềm tin của nhân dân.

Bằng nhãn quan chính trị nhạy bén và kinh nghiệm hoạt động thực tiễn phong phú, Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ nguyên nhân cốt yếu dẫn đến tham nhũng trong một bộ phận cán bộ, đảng viên là “do lòng tự tư tự lợi, ích kỷ hại nhân mà ra. Nó do chế độ “người bóc lột người” mà ra”<sup>(10)</sup>. Đây chính là sự suy thoái về tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống, thiếu tu dưỡng, sa vào chủ nghĩa cá nhân, làm việc gì, bất kể công hay tư đều tìm cách đem lại lợi ích cho mình, chưa thực hành cần, kiệm, liêm chính, chuộng lối sống xa hoa, ích kỷ. Suy thoái về đạo đức chính là nguyên nhân cốt yếu nhất, tác động và điều chỉnh hành vi của con người theo hướng tư lợi cá nhân mà bỏ qua những tác động to lớn đối với đất nước, xã hội, nghiêm trọng hơn là niềm tin của

nhân dân đối với Đảng, Nhà nước.

### **3. Quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về những biểu hiện của tham nhũng**

Hiện nay, tham nhũng xảy ra ở tất cả các quốc gia không phân biệt chế độ chính trị, trình độ phát triển kinh tế với những biểu hiện, biến tướng khác nhau, ảnh hưởng đến hiệu quả quản trị xã hội của nhà nước. Thực tiễn cho thấy, hiện nay hành vi tham nhũng đã và đang có những biểu hiện mới, ngày càng tinh vi, phức tạp, đòi hỏi phải nghiên cứu, tổng kết thực tiễn để ban hành các quy định mới, bảo đảm hạn chế thấp nhất tham nhũng, tiêu cực xảy ra trong khu vực công. Trên cơ sở vận dụng và phát triển sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh gắn với thực tiễn đất nước, Đảng đã sớm chỉ rõ *những biểu hiện mới của hành vi tham nhũng*:

*Thứ nhất*, hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn được phân công để che đậy khuyết điểm, sai phạm của người khác vì lợi ích cá nhân. Đứng trước những thay đổi nhanh chóng của tình hình thực tiễn, Nghị quyết số 04-NQ/TW ngày 30/10/2016 Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về “tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá” trong nội bộ” khẳng định, một trong những biểu hiện của suy thoái về đạo đức, lối sống là “tham ô, tham nhũng, lợi dụng chức vụ, quyền hạn cấu kết với doanh nghiệp, với đối tượng khác để trục lợi. Lợi dụng, lạm dụng chức vụ, quyền hạn được giao để dung túng, bao che, tiếp tay cho tham nhũng, tiêu cực”<sup>(11)</sup>.

Đây là biểu hiện mới của hành vi tham nhũng, người có chức vụ quyền hạn được tổ chức phân công đã sử dụng quyền lực để tác động, bao che cho hành vi sai phạm của các cá nhân, tổ chức khác vì lợi ích vật chất hay những lợi ích khác. Nguyên nhân là vì cơ chế kiểm soát quyền lực chưa được hoàn thiện, vẫn còn lỗ hổng dẫn đến người có chức vụ lợi dụng để bao che, giấu diếm sai phạm. Điển hình, sai phạm liên quan đến tập đoàn Vạn Thành Phát, không ít cán bộ của Thanh tra Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước đã sử dụng quyền lực được giao che đậy những sai phạm của Ngân hàng SCB nhằm trục lợi cá nhân. Điều này đã tác động tiêu cực đến tình hình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, sâu xa hơn là làm suy giảm niềm tin của nhân dân đối với vai trò lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước.

*Thứ hai*, cán bộ sợ sai, không dám đương đầu với khó khăn, thử thách, có tư tưởng né tránh thực hiện các vấn đề mới. Đảng và Nhà nước thẳng thắn đánh giá biểu hiện này ngày càng có chiều hướng phức tạp. Nghị quyết số 04-NQ/TW chỉ rõ một bộ phận cán bộ, đảng viên: “né tránh trách nhiệm, thiếu trách nhiệm, trung bình chủ nghĩa, làm việc qua loa, đại khái, kém hiệu quả; không còn ý thức hết lòng vì nước, vì dân, không làm tròn chức trách, nhiệm vụ được giao”<sup>(12)</sup>; thậm chí có tư tưởng né tránh những vấn đề mới phát sinh từ thực tiễn địa phương, ngại tiếp xúc và xử lý vấn đề mới, để các vấn đề mới tiếp tục tái diễn, gây ảnh hưởng xấu đến địa phương, đơn vị nhưng không thực hiện tham mưu xử lý. Từ đó, gây lãng phí tài lực, vật lực và nhân lực của Nhà nước, suy giảm niềm tin của nhân dân đối với tổ chức đảng và chính quyền tại địa phương. Từ thực trạng đó, Bộ Chính trị đã ban hành Kết luận số 14-KL/TW ngày 22/9/2021 về “chủ trương

khuyến khích và bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo vì lợi ích chung”. Cụ thể hóa quan điểm của Đảng, Chính phủ ban hành Nghị định số 73/2023/NĐ-CP ngày 29/9/2023 “quy định về khuyến khích, bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung”.

*Thứ ba*, tham nhũng vặt trên các lĩnh vực. Đây là hành vi của đội ngũ cán bộ, công chức trong quá trình thực thi nhiệm vụ đã gây phiền hà cho người dân và doanh nghiệp trong giải quyết công việc, cung cấp dịch vụ công hay thực hiện các thủ tục hành chính. Hành vi này xuất hiện ngày càng tinh vi dưới nhiều hình thức khác nhau, ảnh hưởng nghiêm trọng đến niềm tin của người dân đối với tổ chức đảng và chính quyền tại địa phương, vấn đề tham nhũng vặt đã được Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực nhận định là tình trạng vôi vĩnh, những nhiễu, gợi ý, lót tay, gây phiền hà cho người dân và doanh nghiệp trong giải quyết công việc, mặc dù, giá trị không lớn nhưng là một trong những nguyên nhân chính làm suy giảm niềm tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước.

Chỉ số thành phần “cảm nhận của người dân về tham nhũng trong khu vực công” thuộc chương trình nghiên cứu của Chỉ số Hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI) năm 2023 đã chỉ rõ, thực tế vẫn còn trường hợp người dân phải đưa tiền lót tay trong quá trình thực hiện một số dịch vụ công tại các cơ quan hành chính nhà nước ở cơ sở. Đây là minh chứng cho thấy đã và đang tồn tại thực trạng tham nhũng vặt trong khu vực công tại nước ta”<sup>(13)</sup>.

Thời gian qua, vận dụng quan điểm của Hồ Chí Minh về những

biểu hiện của tham nhũng, Đảng đã nghiên cứu và thực hiện nhất quán nhiều *giải pháp phòng, chống tham nhũng, tiêu cực* trong đội ngũ cán bộ, đảng viên phù hợp với bối cảnh phát triển mới:

*Một là*, Đảng không ngừng hoàn thiện hệ thống quy định về kiểm soát quyền lực của người có chức vụ, quyền hạn trong thi hành công vụ... Đặc biệt, Bộ Chính trị ban hành nhiều văn bản: Quy định số 114-QĐ/TW ngày 11/7/2023 về “kiểm soát quyền lực và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác cán bộ”; Quy định số 131 - QĐ/TW ngày 27/10/2023 về “kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng và trong hoạt động thanh tra, kiểm toán”; Quy định số 132-QĐ/TW ngày 27/10/2023 về “kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án”; Quy định số 178-QĐ/TW ngày 27/6/2024 về “kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác xây dựng pháp luật”; Quy định số 189-QĐ/TW ngày 08/10/2024 về “kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong quản lý, sử dụng tài chính, tài sản công”. Đảng đã quy định cụ thể các hành vi được xác định là lợi dụng chức vụ, quyền hạn để thực hiện hành vi tiêu cực trong các mặt công tác của cán bộ, công chức.

Cụ thể hóa quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng đã có sự phát triển sáng tạo trong việc xác định trách nhiệm cụ thể của cấp ủy, tổ chức đảng, người đứng đầu và cán bộ tham mưu, nhân sự trong thực hiện kiểm soát quyền lực và đấu tranh phòng, chống tham nhũng trong công tác cán bộ, kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng, thanh tra, kiểm

toán, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án, xây dựng pháp luật, quản lý tài chính, tài sản công. Đây là quy định rất mới, thể hiện sự kế thừa quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh khi quy định rõ vai trò và trách nhiệm của từng tổ chức, cá nhân để dễ dàng phân định, xử lý các vấn đề phát sinh.

*Hai là*, Đảng đã nhận thức đúng đắn và điều chỉnh trong phát huy, khuyến khích, bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung. Để phát huy tiềm năng của đội ngũ cán bộ, đảng viên trong thực hiện các nhiệm vụ chính trị mới, đồng thời khắc phục tình trạng cán bộ sợ khó, ngại khó, không dám đương đầu với khó khăn, thử thách, Đảng và Nhà nước đã ban hành các quy định về khuyến khích cán bộ năng động, sáng tạo. Đây là cơ chế để ghi nhận và bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám đương đầu với khó khăn, thử thách mới mà thực tiễn đặt ra.

*Ba là*, Đảng đã ban hành Quy định số 144-QĐ/TW ngày 09/5/2024 về “chuẩn mực đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên trong giai đoạn mới”, trong đó, quy định cụ thể các nội dung chuẩn mực đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên. Đặc biệt là bổ sung nhiều nội dung, quy định gắn với điều kiện thực tiễn của dân tộc, đất nước, như Điều 2 quy định về “Bản lĩnh, đổi mới, sáng tạo, hội nhập” phù hợp với điều kiện hội nhập quốc tế sâu rộng trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội.

### **Kết luận**

Quan điểm của Hồ Chí Minh về phòng, chống tham nhũng đã để lại giá trị lý luận và thực tiễn sâu sắc đối với cách mạng Việt Nam. Kế

thừa và phát triển quan điểm của Hồ Chí Minh về phòng, chống tham nhũng và những biểu hiện của tham nhũng, Đảng và Nhà nước ta đã và đang vận dụng sáng tạo trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, đặc biệt là trong công cuộc nhận diện, đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực của một bộ phận cán bộ, đảng viên trong bối cảnh cả nước tập trung thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng, chuẩn bị điều kiện cho Đại hội lần thứ XIV - đại hội đánh dấu bước sang kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc□

---

(1) Nguyễn Quốc Toàn, *Sự kế thừa lý luận của V.I.Lênin và những tư duy mới trong quan điểm về phòng, chống tham nhũng của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng*, <https://www.tapchiconsan.org.vn>, ngày 29/10/2024

(2), (3), (4), (6), (7) và (10) Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, t.7, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.355-356, 296-297, 356, 355, 356 và 361

(5) Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, t.13, Sđd, tr.70

(8) và (9) Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, t.5, Sđd, tr.297 và 90-91

(11) và (12) Nghị quyết số 04/NQ-TW ngày 30/10/2016 Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII “về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá” trong nội bộ”

(13) CECODES, RTA & UNDP, *Chỉ số Hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh ở Việt Nam (PAPI): Đo lường từ kinh nghiệm thực tiễn của người dân, năm 2023. Báo cáo nghiên cứu chính sách chung của Trung tâm Nghiên cứu phát triển và Hỗ trợ cộng đồng (CECODES), Công ty Phân tích Thời gian thực (RTA) và Chương trình Phát triển Liên hợp quốc (UNDP), Hà Nội, Việt Nam*

**Nguồn: Tạp chí Khoa học chính trị.- 2024.- Số 10.- Tr.44-48.**

---